

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

SỐ 80 - XUÂN HẠ 2018

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
ĐỖ BÌNH. ĐIỂM CHÂU.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỐI.
PHAN KHÂM. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
VŨ NAM. ĐẶNG NGUYÊN.
NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN SƠN. HỒ CÔNG TÂM.
NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THUY. BÙI THANH TIÊN.
PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: California
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
ĐIỂM CHÂU: Spring Valley, CA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

BIÊN KHẢO	Trang	Phan Khâm.	156
TRẦN BÍCH SAN – Vai Trò Lịch Sử		TIỂU THU: Chỉ là phù du thôi	160
Của Đông Dương Và ...	09	NGUYỄN LÂN: Nhớ bà quá! ...	169
NGUYỄN VĂN NHIỆM –	21	NGUYỄN ĐỨC NAM: Tôi đi lính	175
Văn hóa Việt những bước thăng trầm		PHONG THU: Lời tạ tội	182
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH	35	Ý ANH: Con đường Cỏ Thơm	186
Sài Gòn cảnh cũ đường xưa		VŨ NAM: Một bông hồng cho chị	
NGUYỄN VĂN THÀNH: Vụ án	45	Nguyễn Thị Ngọc Dung	189
Pinochet làm rung chuyển...		DIỄM TRẦN: Thêm một lần từ giả	192
NGUYỄN THÙY: Có nên gọi Đoàn	57	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	203
Trường Tân Thanh là Truyện Kiều không?		Thư viết cho người tình	
PHẠM THỊ NHUNG: Thiên nhiên	73		
trong truyện Kiều của Nguyễn Du		GIẢ TỪ CHỦ NHIỆM NTND	
PHẠM TRỌNG LỆ: The meaning	76	Nguyễn Kinh Bắc, Uyên Phương Minh	
of Tết in Việt Nam		Nguyệt, Nguyễn Thùy, Cao Nguyên, Tuệ	
HẢI BĂNG HDB: Vài nét đan thanh	90	Nga, Tú Nhật, Diễm Châu, Đỗ Thị Minh	
Về Vĩnh Long & Phan Thanh Giản...		Giang, Hồng Thủy	
PHẠM VĂN TUẤN: Kazuo Ishiguro	103		
		THƠ	
VĂN		TRƯƠNG ANH THỤY: Câu đối Tết	20
NGUYỄN T. N. DUNG: Tiễn cựu		TUỆ NGA: Trăng khuya trên ngọn...	32
Nghinh tân:	05	LÝ HIẾU: Ta trao cho em	44
TRẦN BÍCH SAN: Bâng khuâng	08	TRƯƠNG ANH THỤY:	67
KIM VŨ: Từ triết tới Phật pháp	68	Tiễn Chủ nhiệm Ngọc Dung	
TRƯƠNG ANH THỤY:	85	TÂM MINH: Trọn vẹn niềm mơ	67
Viết để làm gì? Tại sao viết?		LÝ HIẾU: Tiễn Chủ nhiệm ...	67
NGÔ TĂNG GIAO: Xuân năm Tuất	108	PHAN KHÂM: 80 số Cỏ Thơm	67
DIỄM CHÂU Cát Đơn Sa: Đẹp đôi	114	NGUYỄN KINH BẮC: Tiễn biệt	72
Ý NGUYÊN: Nụ cười xuân	121	NGUYỄN VÔ CÙNG: Từ giả người	
PHẠM BÁ: Xê Sài Gòn năm 2017	122	giữ vườn Cỏ Thơm	72
NGUYỄN LÂN: Dẫn... Bên kia...	128	BÙI THANH TIÊN: Không có em ...	72
TẠ QUANG KHÔI: Báo oán	132	H. CH: Bài thơ cuối cùng	102
VŨ NAM: Tình quê trên đất khách	135	KIM VŨ: Trước sau	107
TÔN NỮ MẶC GIAO:	140	NGUYỄN MÂY THU:	113
Năm Tuất nói chuyện chó		Màu hoa trong nắng	
PHẠM HỮU BÌNH: Chàng lực sĩ...	148	NGUYỄN PHÚ LONG: Về một...	131
PHẠM TRỌNG LỆ: 101 bài lục bát của			

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	131
Hình ảnh lưu giữ	
BÙI THANH TIÊN: Nụ xuân chưa nở	133
THÁI HÙNG: Xuân tình	139
ĐỖ THỊ MINH GIANG:	
Mùa xuân bơ vơ	139
HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT:	
Tĩnh tâm xóm vắng ngõ gần	147
HOÀNG SONG LIÊM: Đón xuân	150

GIAO ĐIỂM

LỆ MAI: Đòi chan hòa những tin yêu	56
THANH THANH: Life is bathed in trust and love	56

TRANH HÌNH

THANH TRÍ: Xuân	01
THANH TRÍ: Chùa Hương	212

GIỚI THIỆU

WASHINGTON MUSIC	120
BÊN KIA BỜ NHỚ-Phạm Bá	130
BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	174
TỰ NHIÊN - Thơ Ý Anh	189
NHỚ MẸ ÂM THÂM - Tạp ghi:	
Lê Tổng Mộng Hoa	209
CHUYỆN PHIỀM PHÁP LUẬT	209
Ngô Tăng Giao	
SOVEREIGN REALTY, INC.	209

TIỀN CỰU NGHINH TÂN CHỦ NHIỆM

Thưa quý mạnh thường quân, quý độc giả,
và quý văn thi họa nhạc sĩ của Tạp Chí Cỏ Thơm,

Biết nói gì, khi đây là lá thư Nguyễn Thị Ngọc Dung từ giã chức chủ nhiệm sau 23 năm gắn bó với Tạp Chí Cỏ Thơm và 20 năm điều hành.

Trước hết, chúng tôi xin muôn vàn cảm tạ quý vị ủng hộ Cỏ Thơm, cả về phương diện tài chính, lẫn tinh thần và đóng góp văn chương chữ nghĩa để Cỏ Thơm tồn tại và vững mạnh đến ngày nay.

Việc chăm sóc vườn hoa Cỏ Thơm bấy lâu nay là một đam mê, là tình yêu văn học, thích học hỏi của chúng tôi. Ngọc Dung muôn phục vụ văn chương hải ngoại, muốn văn chương Việt Nam hải ngoại tồn tại, muốn thưởng lãm các áng văn chương của các bậc lão thành, muốn giới thiệu các cây viết tài hoa trẻ tuổi.

Nhưng sức người cũng có hạn, không trẻ mãi, không khỏe mãi và phải chấp nhận luật thời gian. Tuy không hoàn toàn mỗi một việc chăm sóc vườn hoa Cỏ Thơm, nhưng cũng như những những nhân viên công tư sở, phải đến lúc nghỉ ngơi, hưởng nhân tuổi hoàng hôn. Ngoài ra, Ngọc Dung còn nhiều dự định muôn hoàn thành mà từ nhiều năm chưa làm được vì miệt mài với vườn hoa Cỏ Thơm.

Sau khi quyết định về hưu, chúng tôi đã tham khảo với Ban Trị Sự. Nhạc sĩ Phan Anh Dũng đã nhận lời thay thế Nguyễn Thị Ngọc Dung và giữ chức chủ nhiệm Tạp chí Cỏ Thơm từ số 81. Cũng kể từ số báo tới, Nhà thơ Phan Khâm vẫn là Phó Chủ nhiệm, Biên Khảo Gia Trần Bích San vẫn là Chủ bút, Tổng thư ký vẫn Nhà thơ Ý Anh Đỗ Trảng Mỹ Hạnh.

Nguyễn Thị Ngọc Dung vẫn lưu lại Ban biên tập Tạp chí Cỏ Thơm, Nguyệt san Cỏ Thơm Online và gửi đến quý vị "Thư Viết Cho Người Tình" dài dài...

Hậu sinh khả úy. Nhưng chúng tôi hoàn toàn tin tưởng đã chọn mặt gửi vàng và chọn đúng người. Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng có thừa khả năng để đảm nhiệm chức vụ nặng nề này. Anh gia nhập Cỏ Thơm với tình yêu văn học nhiệt thành từ 13 năm nay và là Chủ biên Cỏ Thơm Website từ năm 2004. Xin quý vị đọc tiểu sử NS Phan Anh Dũng trên trang 7.

Vậy, kể từ số báo sau, 81, email của Tạp Chí Cỏ Thơm sẽ là:

dathphan1@gmail.com

Ngân phiếu mua báo và ủng hộ Cỏ Thơm xin đề:

Cothom Foundation

9020 Cardiff Road

Richmond, VA 23236 – USA

Tạp chí Cỏ Thơm sẽ trở lại phát hành ba tháng một số. Như vậy Cơ Sở Cỏ Thơm sẽ vừa có Tam cá nguyệt san in, vừa có nguyệt san Online và Website.

Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ Tạp Chí Văn học Nghệ thuật Cỏ Thơm đã trường tồn 23 năm thì dưới sự điều khiển của Tân Chủ nhiệm Phan Anh Dũng Cỏ Thơm sẽ tiếp tục phục vụ độc giả lâu dài hơn thế nữa.

Ngọc Dung rất cảm động đã nhận được những lời từ giã rất ưu ái của Biên khảo gia Trần Bích San, quý Nhà văn và Nhà thơ: Phan Khâm, Ý Anh, Trương Anh Thụy, Tuệ Nga, Ngô Tăng Giao, Lý Hiểu, Nguyễn Kinh Bắc, Nguyễn Vô Cùng, Phong Thu, Hồng Thủy, Tôn Nữ Mặc Giao, Diễm Trân, Uyên Phương Minh Nguyệt, Đỗ Thị Minh Giang, Nguyễn Lân, Vũ Nam, Phạm Hữu Bính. Chúc quý anh chị sẽ tiếp tục sáng tác văn thơ dồi dào, lai láng cống hiến độc giả.

Trước khi chấm dứt lá thư từ này, chúng tôi xin có lời chúc mừng Nhà văn Phạm Bá sẽ cho ra mắt tập hồi ức "Bên Kia Bờ Nhớ" vào dịp sinh nhật thứ 23 của Cỏ Thơm tại Nhà Hàng Harvest Moon 12 giờ trưa 3/18/2018. Chúng tôi rất hân hạnh là Nhà xuất bản của "Bên Kia Bờ Nhớ". Xin giới thiệu cùng quý vị và chúc Tác giả Phạm Bá thành công rực rỡ như phu nhân Nhà văn Ý Nguyên với " Một Vùng Ký Ức" ra mắt vào mùa Xuân 2017.

Sẽ cùng hội ngộ quý vị độc giả và văn thi hữu trong nhiều số báo sau. Chúc quý vị Năm Mới Mậu Tuất nhiều sức khỏe, hạnh phúc như ý nguyện.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

+++++



Tân Chủ Nhiệm Cơ Sở Cỏ Thơm

PHAN ANH DŨNG

- Phó Chủ Nhiệm đặc trách Ngoại Vụ, trong Ban Biên Tập của Cơ Sở Cỏ Thơm
- Chủ biên website Cỏ Thơm: <http://cothommagazine.com>
- Sinh quán: Sài Gòn, Việt Nam.
- Cựu học sinh Trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký, Sài Gòn
- Tốt nghiệp Kỹ Sư Điện Tử tại Đại Học State University of New York at Buffalo.
- Làm việc trên 30 năm cho Công ty Philip Morris USA.
- Đã tham dự nhiều hoạt động thiện nguyện có tính cách văn hóa và từ thiện từ lúc còn sinh viên.
- Trong ban tổ chức một số chương trình về âm nhạc trong vùng Hoa Thịnh Đốn như: buổi hòa nhạc Ode To Freedom với Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa và ban nhạc giao hưởng Kiev Symphony Orchestra; buổi nhạc thánh phòng mùa Thu với nhạc sĩ Thanh Trang và Ngô Thụy Miên; buổi chiều nhạc “Vũ Đức Nghiêm, nửa thế kỷ viết ca khúc”; và gần đây nhất: giới thiệu dòng nhạc của nhạc sĩ Trần Chí Phúc tại buổi họp mặt sinh nhật lần thứ 19 của Cỏ Thơm ...
- Sở thích: sáng tác nhạc, thơ, văn, biên khảo và tiếp xúc các nghệ sĩ Việt Nam bốn phương.
- Hiện cư ngụ tại Richmond, Virginia USA
- Email: dathphan1@gmail.com

BÂNG KHUÂNG

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài
Huy Cận

Khấp như thiếu nữ vu quy nhật. Thi nhân cảm thông giọt nước mắt cô gái ngày lên xe hoa về nhà chồng nhưng nào có ai nghĩ tới tâm trạng vương vấn của các người thân cô dâu còn ở lại? Sau Cỏ Thơm số 80, nhà văn nữ Nguyễn Thị Ngọc Dung sẽ rời bỏ công việc lèo lái con thuyền văn học Hoa Thịnh Đốn. Có thể là ngày vui với tác giả *Phượng vẫn nở bên trời Hà Nội*, nhưng những ai kia chắc gì tránh khỏi cho tâm hồn một nỗi bâng khuâng? Không phải biệt ly, chẳng hẳn chia tay tạm biệt, chừng như thoáng trong hoan ca đâu đó có xen lẫn một tiếng tơ chùng...

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều không thấm không vàng vọt
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?

Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la
Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn

Đi rồi khuất ngựa sau non
Nhỏ thưa tràng đạc tiếng còn tịch liêu
Trơ vơ buồn lọt quán chiều
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người...
(Huy Cận, Thâm Tâm)

Phải chăng mỗi sầu thiên cổ của nhà thơ có chứa cả nỗi buồn ngùi bâng khuâng nhân thế?

TRẦN BÍCH SAN



VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA ĐÔNG DƯƠNG VÀ NAM PHONG TẬP CHÍ TRONG VĂN HỌC CẬN ĐẠI

TRẦN BÍCH SAN

BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI

Năm 1897 Hùm Thiêng Yên Thế Hoàng Hoa Thám hạ khí giới ở Nhã Nam, cùng năm, anh hùng Nguyễn Thiện Thuật bỏ Bãi Sậy lưu vong sang Tàu. Các cuộc chống Pháp bằng vũ lực không còn nữa. Sang đầu thế kỷ thứ 20, nền đô hộ của người Pháp ở Việt Nam đã thành cơ sở vững vàng. Sĩ phu trong nước ý thức rằng muốn giành lại được đất nước thì trước tiên phải đổi mới để theo kịp người mà việc nâng cao dân trí là điều cấp thiết.

Phong trào Duy Tân do các nhà Nho yêu nước khởi động vào năm 1905, Đông Kinh Nghĩa Thục được mở ra ở Hà Nội với sự coi sóc của Lương Văn Can, Phan Chu Trinh, Nguyễn Quyền nhằm truyền bá tân học, cải cách phong hóa. Phong trào phát triển mạnh mẽ, đến năm 1907 lên cao điểm, rầm rộ từ Bắc chí Nam khiến Pháp lo sợ có biến loạn nên năm 1908 rút giấy phép của trường, bắt hết các nhà lãnh đạo, đày một số đi Côn Đảo.

Tuy cơn gió duy tân ngán ngủi nhưng đã giúp xã hội ta thức tỉnh và tạo được ảnh hưởng tới tư duy của chính quyền bảo hộ về nhu cầu và đường lối cung cấp giáo dục cho dân bản xứ. Phong trào, một mặt cảnh tỉnh những nhà Nho còn đang mải mê với giấc mộng khoa cử, mặt khác phần chấn khuyến khích các thanh thiếu niên đi theo con đường tân học.

Phong trào Duy Tân tuy do các nhà cựu học khởi xướng nhưng số người tham gia phần lớn lại là thanh niên của lớp đầu theo tân học. Khi người Pháp đến Bắc Kỳ, ngay năm 1886 đã mở Trường Thông Ngôn

(Collège des Interprètes) ở Hà Nội. Những người tốt nghiệp sau đó thường tự học thêm, năm 1892 họ lập ra Hội Trí Tri (Société d'Enseignement Mutuel) để giúp nhau trau dồi kiến thức. Họ là những thanh niên tiếp cận với văn hóa Tây Phương, vài người trong họ sang Pháp thấy tận mắt xã hội văn minh tiến bộ, do đó ý thức được sự cấp thiết trong việc canh tân xứ sở.

Đứng đầu nhóm này là Nguyễn Văn Vĩnh [01] cùng một số bạn hữu xuất thân Tây học như Phạm Văn Hữu, Trần Văn Khánh, Bùi Xuân Phái, Bùi Đình Tá, Đỗ Thận, Trần Văn Thông, Phạm Xuân Thuyết, Nguyễn Văn Tố, Phạm Duy Tốn. Trong Đông Kinh Nghĩa Thục Nguyễn Văn Vĩnh là trưởng ban giảng huấn Pháp văn, nhiều người trong số trên là giảng viên của trường, họ là tác giả một số sách giáo khoa viết bằng Chữ Quốc Ngữ về toán pháp, cách trí, địa lý, sử ký. Bắt đầu từ khoa Canh Tuất 1910 dưới triều vua Duy Tân đổi lệ thi có thêm luận văn Chữ Quốc Ngữ, cách trí, địa dư, sử Thái Tây, thời sự và thi tình nguyện chữ Pháp. Đa số các sĩ tử Nho học trong thời gian này dùng sách giáo khoa của nhóm Tây học trong Đông Kinh Nghĩa Thục để học tập sửa soạn đi thi. Khi trường bị đóng cửa, việc canh tân không còn do các nhà Nho lãnh đạo nhưng vẫn được



nhóm tân học này tiếp tục.

Nguyễn Văn Vĩnh ý thức việc nâng cao dân trí cần được phổ biến rộng rãi. Cuối năm 1906 ông được cử đi Pháp dự hội chợ đầu xảo (Foire d'Exposition) ở Marseille. Trong thời gian này ông may mắn có cơ hội tiếp cận với nghề báo và công việc nhà in. Nhận thấy đây là một nghề mới ở nước ta và báo chí là phương tiện giáo dục quần chúng không những có tính cách rộng rãi mà còn rất hữu hiệu. Vì thế, trong thời gian ở Pháp ông tìm hiểu, học hỏi về báo chí và ấn loát. Về nước vào tháng 02, 1907 ông từ chức thông ngôn ở tòa Đốc Lý Hà Nội và chuyển ra làm báo. Sau kinh nghiệm làm tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* với Đỗ Thận và 2 tờ *Notre Journal*, *Notre Revue* bằng tiếng Pháp, năm 1913 ông được Schneider, một người Pháp, giao cho làm *Đông Dương Tạp Chí*.



Từ phải sang trái: Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tố, Phạm Duy Tồn, Phạm Quỳnh và doanh nhân Bùi Duy Thành - Ảnh tư liệu

Năm 1915 là khoa thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ. Thi cử bị bãi bỏ tạo nên một khoảng trống to lớn trong giới Nho học. Con đường tiến thân, môi trường thi thố tài năng, phương tiện phục vụ lý tưởng của Nho gia, tất cả biến mất một cách phũ phàng trong một sớm một chiều. Họ hoang mang, thất vọng trước tương lai vô định. Trong tình trạng vô vọng bi thảm đó, *Nam Phong Tạp Chí* ra đời năm 1917 đưa ra chủ trương dung hòa Đông Tây, bảo tồn cổ học, giữ gìn quốc hồn quốc túy đã mặc nhiên trao cho Nho gia sứ mệnh bàn giao tinh hoa Hán học cho lớp người tân học. *Nam Phong* như một cứu cánh giúp lấp khoảng trống, tạo chỗ đứng cho các nhà cựu học đang bơ vơ

lạc lõng trước cuộc đổi đời lớn lao. Sự quy tụ đông đảo các nhà Nho mạt vận như Dương Bá Trạc, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Hữu Tiến dưới ngọn cờ Nam Phong cũng là điều dễ hiểu. Ngược lại, về phía *Nam Phong* sự cộng tác của các nhà cựu học rất cần thiết cho chủ trương hồi cựu. Chủ nhiệm kiêm chủ bút là Phạm Quỳnh [02], Nguyễn Bá Trạc [03] chủ bút phần Hán văn. Những năm đầu phần chữ Hán nặng hơn phần chữ Việt vì trong thời gian này người biết chữ Hán vẫn là đa số, thành phần trí thức gồm các nhà khoa bảng, Nho sĩ, thầy đồ, thầy khóa còn đông đảo, các quan văn võ, thư lại trong chính quyền Nam triều đều là những người xuất thân Nho học.

Dưới ảnh hưởng và áp lực của phong trào duy tân, năm 1918 Toàn Quyền Albert Sarraut ban hành học quy đưa đến việc thành lập các trường trung học và cao đẳng bản xứ, đồng thời thay thế trường Sĩ Hoạn bằng trường Pháp Chính khiến cho nền giáo dục Tây học lên mạnh. *Nam Phong* với tôn chỉ "*làm văn hóa, không làm chính trị*", chủ trương Pháp Việt đề huề, dung hòa Âu-Á, tất cả đều có lợi cho việc cai trị của chính quyền bảo hộ.

Nhờ những lý do nêu trên *Nam Phong* được cả chính quyền bảo hộ lẫn Nam Triều nâng đỡ, phổ biến khắp nước. *Nam Phong* được mọi người hoan hỷ đón nhận là nhờ đáp ứng đúng chính sách của người Pháp và thích hợp với nhu cầu một xã hội còn nặng tình với Hán học.

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

Khởi đầu năm 1907 Nguyễn Văn Vĩnh đổi tờ báo chữ Hán *Đại Nam Đông Văn* ra *Đăng Cổ Tùng Báo* và làm chủ bút. Đây là tờ báo bằng Chữ Quốc Ngữ đầu tiên ở Bắc Kỳ. Từ 1908 đến 1909 ông cho ra tờ *Notre Journal*. 1910 làm tờ *Notre Revue*, cùng năm vào Nam làm chủ bút *Lục Tinh Tân Văn* ở Sài Gòn. 1913 trở về Hà Nội chủ trương *Đông Dương Tạp Chí*. Năm 1915 coi thêm tờ *Trung Bắc Tân Văn*.

Đông Dương ra hàng tuần, số đầu phát hành vào ngày thứ Năm 15/05/1913. Chủ trương tuyên truyền cho chính sách của Pháp quá rõ ràng ở ngay mấy trang đầu với “Lời Cẩn Cáo” của tờ báo. Trong mấy tuần đầu các bài đã kích nhà Nho đi quá đà, đề cao chính quyền bảo hộ lộ liễu và vụng về. Nhưng sau vài số báo nghiêng về văn chương luận thuyết, nội dung phong phú hơn. Trong thời gian đầu hầu hết bài vở đều do Nguyễn Văn Vĩnh đảm trách. Các bài viết từ quan điểm, xã thuyết đến phương châm, tạp luận, trích dịch tư tưởng Pháp do một mình ông lo liệu. Ông đặt ra mục *Xét Tật Minh* luận bàn về cái xấu, cái dở, cái sai, sự lạc hậu của người mình với mục đích kêu gọi mọi người ý thức để sửa đổi ngộ hầu cùng tiến bước trên đường văn minh. Ông lại đặt ra mục *Nhời Đàn Bà* dưới bút hiệu Đào Thị Loan chuyên bàn về các thói hư, tật xấu của phụ nữ. Từ số 13 ông dịch tiểu thuyết *Gil Blas de Santillane*. Từ số 15 ông dịch thơ ngụ ngôn của *La Fontaine*. Từ số 18 ông dịch *Truyện Kiều* ra Pháp văn. Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Văn Vĩnh có thể nói đã khởi lên trong những năm đầu của tờ *Đông Dương Tạp Chí*.

Mấy tuần lễ sau dần dà có thêm một số cây bút cộng tác. Trước tiên phải kể đến Trần Trọng Kim tham gia từ tuần lễ thứ 3 với bài viết về *Sự Phạm Khoa*. Từ số 42 họ Trần chịu trách nhiệm hẳn một mục riêng với tên *Tân Học Văn Tập*, mỗi kỳ đăng một số bài mẫu về luận quốc văn, cách trí, sử địa, toán pháp nhằm trợ giúp các giáo viên bậc Tiểu Học. Mục này sau trở thành một phần trọng của tờ báo khi có tăng thêm phần sự phạm do các nhà giáo trong Hội Trí Tri phụ trách.

Thứ đến là Phạm Quỳnh tham gia từ tuần lễ thứ 5 với đề tài *Học Cũ Học Mới*, số 8 bàn

về phương cách hòa hợp học thuật Đông Tây, tuy nhiên ông không viết thường xuyên, chỉ lâu lâu mới có một bài.

Ngoài ra còn có Nguyễn Đỗ Mục cộng tác từ số 20 bằng loạt bài *Gỗ Đầu Tré*, Nguyễn Văn Tố chuyên dịch những bài có tính chất tư tưởng, học thuật lấy từ văn học Pháp, Phạm Duy Tồn với các bài bút ký, truyện ngắn đầu tiên viết theo lối Tây Phương. Riêng Phan Kế Bính hơn nửa năm sau mới tham gia với bài luận thuyết về *Văn Minh Là Gì?*. Tuy góp mặt chậm nhưng ông lại trở thành cây bút nòng cốt, đặc sắc và lâu dài trong ban biên tập của tờ báo về sau này. Từ số 14, báo có thêm phần phụ ở cuối dạy Chữ Quốc Ngữ cho người Pháp do một người Pháp tên là Saintonge biên soạn.

Từ tháng 01, 1915 *Đông Dương Tạp Chí* thay đổi từ hình thức tới nội dung. Báo in khổ nhỏ như sách và chuyên về văn chương và sự phạm. Phan Kế Bính lo về biên khảo và dịch thuật với các bài viết về *Việt Nam Phong Tục, Đại Nam Điển Lệ*.

Nguyễn Đỗ Mục dịch truyện *Tàu Tây Sương Ký, Song Phụng Kỳ Duyên, Đông Chu Liệt Quốc*. Nguyễn Khắc Hiếu giữ mục *Tân Đà Văn Tập* chuyên đăng các bài nghị luận của ông. *Đông Dương* loại mới có thêm các cây bút nho học như Nguyễn Hữu Tiên, Nguyễn Bá Trắc, Thân Trọng Huề. Tờ báo loại bỏ phần dạy tiếng Việt cho người Pháp nên từ đây thành cơ quan ngôn luận dành riêng độc giả người Việt. Nguyễn Văn Vĩnh chuyển sang dịch kịch và tiểu thuyết

của Pháp như *Trường Giả Học Làm Sang, Tế Lễ Mạc Phiêu Lưu Ký, Lỗ Bình Sơn Phiêu Lưu Ký, Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ, Những Kẻ Khốn Nạn, Người Biển Lận, Giả Đạo Đức, Truyện Cổ Tích Của Perrault*, v.v.

Cuối cùng, năm 1919 báo lại thay đổi chiều hướng một lần nữa chuyển thành tờ



học báo bậc tiểu học chỉ còn mục sư phạm do Trần Trọng Kim phụ trách bài vở. Từ đây, *Đông Dương Tạp Chí* nhường diễn đàn cổ xúy thức giả cho tờ *Nam Phong* đã hoạt động được 2 năm với chủ trương dung hòa và bảo tồn cổ học của Phạm Quỳnh.

MỤC TIÊU

Chủ nhiệm *Đông Dương Tạp Chí* là Schneider, một người Pháp thân cận với Toàn Quyền Lanessan, tất nhiên mục tiêu chính trị của tờ báo phải có lợi cho chính quyền bảo hộ. Báo được dùng để tuyên truyền cho công cuộc cải trị bằng cách đăng các bài viết về việc làm của nhà nước có ích lợi cho dân bản xứ, đồng thời thuyết phục, khuyến dụ người dân không nên tham gia vào việc chống đối, làm loạn.

Ngoài việc nhiệm vụ tuyên truyền cho chính quyền bảo hộ, Nguyễn Văn Vĩnh dùng tờ báo thực hiện chủ đích của mình vào 2 điểm chính sau đây:

1. *Hô hào việc dùng Quốc Ngữ*: đề cao sự quan trọng và giải thích lợi ích việc dùng Chữ Quốc Ngữ. So sánh sự dễ hiểu, dễ học, dễ viết của chữ Việt với chữ Nho. Khuyến khích mọi người tập viết văn quốc ngữ.

2. *Truyền bá học thuật Tây Phương*: phổ biến học thuật Tây Phương dưới dạng bình dân dễ hiểu, người đọc không cần phải đến trường ốc cũng có một số kiến thức, hiểu biết căn bản. Việc giáo dục này có tính cách phổ thông và bách khoa nên các bài viết đề cập và giảng giải về đủ các vấn đề từ việc nuôi con đến tu bổ đê điều, từ lối buôn bán của Pháp đến khoa tâm lý học.

THÀNH QUẢ

Đông Dương thành công trong việc thổi cơn gió duy tân vào xã hội Việt Nam tri trẻ

thời đó. Những lời hô hào trên báo có tác động mạnh mẽ đến xã hội cổ truyền, lay động và hồi thúc thay đổi theo văn minh Tây phương.

Đông Dương tranh đấu và thắng thế trong việc truyền bá Chữ Quốc Ngữ. Trước năm 1913 ở ngoài Bắc Chữ Quốc Ngữ chỉ ở giai đoạn học viết, học đọc. Kể từ khi tờ báo

ra đời mới chuyển sang giai đoạn dùng chữ Việt để viết văn. Kể từ đây văn Quốc Ngữ mới thực sự phổ cập.

Đông Dương là cơ quan ngôn luận đầu tiên thiên về văn hóa và là nơi đào tạo các nhà văn. Nhiều cây viết sau một thời gian viết cho *Đông Dương* đã trở thành những nhà văn tên tuổi như Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh, Phạm Duy Tồn, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Bá Trác, v.v.

Đông Dương góp công không nhỏ trong lãnh vực giáo dục. Các bài văn Quốc Ngữ đầu tiên do các nhà giáo trong

Hội Trí Tri biên soạn đăng tải trong mục *Sư Phạm* của báo được các thầy giáo dạy bậc Sơ Học khắp nước dùng làm mẫu mực dạy trẻ viết quốc văn.

NAM PHONG TẠP CHÍ

Nam Phong Tạp Chí không phải do Phạm Quỳnh sáng lập. Tiền thân của nó trước đó là một tờ báo viết bằng chữ Hán cho người Tàu đọc do chính quyền Pháp ở Đông Dương in ra để phổ biến bên Trung Hoa với mục đích tranh dành ảnh hưởng với nước Đức ở Đông Nam Á. Nguyên hời đó chính phủ Đức làm báo chữ Hán chuyên nói về chiến tranh và ca tụng nước Đức, in ra hàng chục ngàn số phát không cho dân chúng ở Hương Cảng bên Tàu. Toàn quyền Đông Dương Van Vollenhoven sợ rằng thế lực Đức ở Viễn Đông sẽ ngày một lớn mạnh nên tìm cách



phản tuyên truyền, đánh đổ những hình ảnh tốt đẹp về nước Đức. Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác được Louis Marty [04], lúc đó là phụ tá Trưởng Phòng Chính Trị phủ Toàn Quyền trao cho trách nhiệm làm một tờ báo bằng chữ Hán lấy tên là *Ấu Châu Chiến Sử* dùng tin tức từ Sở Điện Tín ARIP để chuyên viết về cuộc chiến tranh bên Âu Châu, vạch ra trước công luận Đức là nước hiếu chiến và công bố các tội ác chiến tranh dã man, tàn ác của Đức. Đến cuối năm 1916 nhân có sẵn bài vở chữ Hán của tờ *Ấu Châu Chiến Sử* Toàn Quyền Albert Sarraut ra nghị định ngày 30/12/16 chuyển thành cơ quan tuyên truyền tin tức trong xứ, mở thêm phần Việt ngữ, và đổi tên báo. Để giữ cho tờ báo về độc lập vô tư không bị chính quyền bảo hộ điều khiển chi phối, báo được in ở một nhà in tư nhân người Việt (nhà in Lê Văn Phúc, phố Hàng Gai, Hà Nội, do Lê Văn Phúc hội viên Khai Trí Tín Đức đứng tên và làm Giám Đốc). Việc sửa soạn bài vở, thành lập nhà in, mua máy in chữ Việt, v.v. cần thời gian chuẩn bị chu đáo nên tuy được giấy phép xuất bản từ tháng 12, 1916 nhưng phải mất 6 tháng mới cho ra đời *Nam Phong Tạp Chí* vào tháng 07, 1917.

NỘI DUNG

Về đường lối, Louis Marty đề ra nguyên tắc chỉ đạo căn bản là tôn trọng sự tự do lựa chọn các đề tài để duy trì tính cách độc lập và vô tư của tờ báo. Phải làm sao không có tính cách tuyên truyền, không cho độc giả thấy có sự chỉ huy của chính quyền, viết theo mệnh lệnh, chỉ thị, có như thế thì “*công cuộc tuyên truyền này mới tránh khỏi số phận của tất cả những lần thử trước đã thất bại vì sự thiên vị quá ngậy thơ và vụng về*” [05]. Trong tờ trình Toàn Quyền Albert Sarraut, Louis Marty quan niệm bùng bút hay tuyên truyền một chiều có hại hơn là cho tự do ăn nói, tạp chí được tự do, muốn viết gì thì viết, có thể nói cách nào cũng được, chẳng hạn như có thể nói đến tình tự quốc gia, lòng yêu nước, có thể đề cao quốc văn, cổ động cho Chữ Quốc Ngữ, đề tài nào cũng được, điều cốt yếu là phải

trình bày thế nào để “*kết luận của các bài viết tự nó thuyết phục được tâm trí độc giả theo chiều hướng thuận lợi cho ảnh hưởng vĩnh viễn của Pháp*”.

Nam Phong Tạp Chí ra hàng tháng như một quyển sách, dày 100 trang, mỗi trang chia làm 2 cột, phần chữ Việt ở phía trước, phần chữ Nho ở sau do Nguyễn Bá Trác phụ trách. Nội dung do ban biên tập loan báo trong số ra mắt nguyên văn như sau:

1. *Phản Luận Thuyết*: bàn về các vấn đề có liên hệ đến thời thế, nhất là những vấn đề liên hệ đến riêng dân ta để cho độc giả trong nước có một quan niệm minh chính về các vấn đề ấy.
2. *Phản Văn Học Bình Luận*: gồm những khoa văn chương lịch sử, đại để những môn tổng danh gọi là văn học. Bàn rộng những sách hay dù cũ dù mới, thấu thập những ý kiến tư tưởng mới hay danh tiếng.
3. *Phản Triết Học Bình Luận*: nghiên cứu các lý thuyết tư tưởng đời xưa đời nay, so sánh tư tưởng Âu Tây với Á Đông ta để giúp cho sự đề xướng một tư trào riêng cho nước ta. Tôn chỉ là giúp cho quốc dân về tri thức và đạo đức.
4. *Phản Khoa Học Bình Luận*: không chuyên luận về từng khoa một nhưng chỉ trình bày các vấn đề đại cương, những nguyên lý, lịch sử, tiến hành của khoa học.
5. *Phản Văn Uyển*: sưu tầm các thi ca cũ bằng chữ Hán chữ Nôm, đồng thời đăng tải những bài thơ mới đủ các loại Đường thi, phú, ca trù, văn tế, văn sách, lục bát trường thiên.
6. *Phản Tạp Trở*: gồm có những bài nho nhỏ, những câu chuyện vụn vặt không thuộc vào những loại trên, những bài giới thiệu sách mới, những bài danh ngôn trích lục các sách, những tin tức về học giới.
7. *Phản Thời Đàm*: bàn về thời sự các việc lớn trong cũng như ngoài nước, luôn luôn giữ một thái độ bình tĩnh mà thuật những việc đó, mưu toan lợi ích cho dân ta.
8. *Phản Tiểu Thuyết*: dịch những bộ tiểu thuyết hay ở Pháp văn ra, cần nhất là những cuốn có văn chương hay nghĩa lý

cao, cấu kết khéo, làm mẫu mực cho tiểu thuyết ta sau này.

CÁC GIAI ĐOẠN

Trong 17 năm từ khi ra đời vào tháng 07, 1917 đến lúc đình bản tháng 12, 1934 *Nam Phong* ra được 210 số, gồm 4 giai đoạn:

1. *Giai Đoạn I 1917-1922*: thời gian này Phạm Quỳnh hợp tác chặt chẽ với Nguyễn Bá Trác, bài vở nặng về dịch thuật, sao lục. Phần Hán văn dồi dào hơn Việt ngữ. Báo dần dần có giá trị với bài vở súc tích tạo được thanh thế khắp nước. Từ 1919 *Nam Phong* trở thành cơ quan của Hội Khai Trí Tiến Đức (Association pour la Formation Intellectuelle et Moral des Annamites) [06] thi hành mục đích khai hóa quốc dân của hội. Các cây bút tham gia có Nguyễn Mạnh Bông, Hoàng Tích Chu, Tân Đà, Nguyễn Bá Học, Thân Trọng Huề, Phan Khôi, Trần Mỹ, Trần Văn Ngoạn, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Bá Trác, Dương Bá Trạc, Hoàng Yên.
2. *Giai Đoạn II 1922-1925*: báo thêm phần chữ Pháp. Nguyễn Bá Trác từ chức vào Huế làm quan với Nam triều, Lê Dư thay thế phụ trách phần Hán văn. Tờ báo mạnh thêm nhờ Phạm Quỳnh tạo được ảnh hưởng cá nhân khi sang Pháp năm 1922 với tư cách đại diện hội Khai Trí Tiến Đức dự cuộc triển lãm ở Marseille đã lên thủ đô Paris diễn thuyết nhiều nơi, tạo được tiếng vang, đặc biệt là lần nói chuyện ở Hàn Lâm Viện Pháp (Académie Française). *Nam Phong* dựa vào Khai Trí Tiến Đức tổ chức các buổi diễn thuyết ở trụ sở hội, hàng tháng báo có một bài đại luận về các vấn đề đạo đức với mục đích cải tổ phong tục tập quán, giáo dục quần chúng. Các cây bút có Sở Cuồng Lê Dư, Trần Trọng Kim, Vũ Đình Long, Nguyễn Triệu Luật, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Tường Tam, Đoàn Tư Thuật, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Duy Tồn.
3. *Giai Đoạn III 1925-1932*: đây là giai đoạn hoạt động chính trị của tờ báo. Phạm

Quỳnh tách rời khỏi hội Khai Trí Tiến Đức, báo chấm dứt đăng kỷ yếu của hội. Các buổi diễn thuyết chuyển sang trụ sở hội Trí Trí, Phạm Quỳnh tỏ thái độ độc lập hơn đối với chính quyền. Các bài luận thuyết và khảo cứu chuyển theo hướng chính trị thời cuộc với lời lẽ mạnh dạn, nhất là trong phần Pháp văn. Phạm Quỳnh đưa ra chủ nghĩa quốc gia, thuyết lập hiến. Các cây bút hợp tác có Lê Dư, Trúc Hà, Đông Hồ, Nguyễn Thúc Khiêm, Nguyễn Văn Kiêm, Bùi Kỳ, Vũ Đình Long, Trương Phó, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Hữu Tiến, Mộng Tuyết.

4. *Giai Đoạn IV 1932-1934*: giai đoạn suy yếu, Phạm Quỳnh vào Huế làm Ngự Tiền Văn Phòng cho Hoàng Đế Bảo Đại, trao quyền chủ bút cho Nguyễn Trọng Thuật. Được vài số Lê Văn Phúc đứng ra canh tân mời nhiều nhà tân học cộng tác. Sau đó Nguyễn Tiến Lãng làm chủ bút, bỏ phần Hán văn, tăng phần Pháp văn, thêm tranh ảnh, trình bày lại cho hấp dẫn, ra một tháng 2 kỳ. Tuy nhiên tờ báo không theo kịp trào lưu thay đổi của thời đại, bài vở yếu kém, nonớt, mất độc giả đưa đến đình bản vào cuối năm 1934. Ban biên tập trong giai đoạn cuối có Nguyễn Tiến Lãng, Nguyễn Đôn Phục, Đỗ Đình Thạch, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Hữu Tiến.

MỤC ĐÍCH

Bìa trước số 1 ngay trên tên *Nam Phong Tạp Chí* là hàng chữ Pháp “*L'Information Francaise: La France devant le monde – Son rôle dans la guerre des nations*”, bìa sau vẽ hình con rồng đỏ nằm dưới góc phải ngửa lên phun lửa được giải thích là “*rồng Nam phun lửa diệt Đức tặc*”. Phối hợp với nội dung dồi dào tin tức và bình luận về chiến tranh mang nặng tính cách tuyên truyền, nhất là phần chữ Hán hăng hái tán tụng chính phủ bảo hộ và nước Pháp. Cả hình thức và nội dung hiển nhiên cho thấy *Nam Phong* là tờ báo do chính quyền bảo hộ lập ra với mục đích chính trị rõ

rệt cấp thời để phục vụ cho nước Pháp trong trận chiến với nước Đức ở Âu Châu lúc đó.

Ngoài mục đích cấp thời, mục tiêu dài hạn của *Nam Phong* giống như tờ *Đông Dương* là truyền bá cái hay cái đẹp của nước Pháp dưới chiêu bài khai hóa để người dân bản xứ tin tưởng vào mẫu quốc, tạo cơ sở tinh thần liên hệ bền vững cho công cuộc đô hộ lâu dài.

Điều hành tờ báo là 2 trí thức Việt, một thuộc tân học là Phạm Quỳnh, một thuộc cựu học là Nguyễn Bá Trác. Hai nhân vật chủ chốt của *Nam Phong* lúc đó đang là công chức của chính quyền Pháp, Phạm Quỳnh là nhân viên Trường Viễn Đông Bác Cổ, Nguyễn Bá Trác là nhân viên Phòng Báo Chí Phủ Toàn Quyền, tất nhiên bắt buộc cả 2 đều phải làm theo lệnh thượng cấp để phục vụ cho mục đích của chính quyền bảo hộ đã vạch ra. Tuy nhiên, với trình độ văn hóa cao họ có khả năng vừa hoàn tất nhiệm vụ giao phó, vừa có thể dùng điển đàn *Nam Phong* như một phương tiện để đạt được mục đích của từng người.

Nguyễn Bá Trác thuộc cựu học, bản chất là một nhà Nho ái quốc, sau khi xuất dương tìm đường cứu quốc thất bại, trong thời gian lưu lạc bốn ba nơi xứ người ông ý thức được sự bất lực của kẻ sĩ đối với đất nước trong

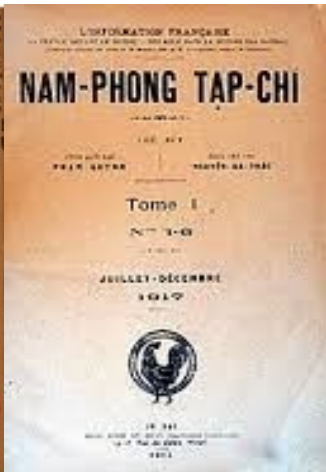
hoàn cảnh hiện tại. Nhận thấy việc lấy lại nền độc lập cho xứ sở là một công cuộc lâu dài không thể thực hiện được trong đoản kỳ, ông thay đổi quan niệm, chọn giải pháp hợp tác với Pháp. Trước chống Pháp, bất hợp tác với Nam triều, nay quay về làm việc cho chính quyền bảo hộ, việc viết những bài kêu gọi và khuyến khích các nhà Nho ra hợp tác trên *Cộng Thị Báo*, ca tụng Pháp mạnh mẽ trên *Nam Phong* được hiểu như hành động đổi tội lập công, lấy lòng tin của người Pháp để đạt chủ đích của ông. Có thể tóm tắt mục đích của Nguyễn Bá Trác:

1. Tiến thân.
2. Đem sở học đạo Nho đóng góp về phương diện văn học.
3. Thực hiện, tuy gượng ép, quan niệm nhập thể của Nho giáo. Làm quan với triều đình Huế mới có thể giúp người, giúp đời. Bất hợp tác thì lý tưởng Nho gia, bao nhiêu công lao học hành thì cứ đổ đi hết, trong khi “*trai trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thế bóng tà dương*”, cho dù bị mang tiếng đầu hàng nhưng “*chí ta ta biết, lòng ta hay, nam nhi sự nghiệp ở hồ thì, hà tất cùng sầu đối cỏ cây?*”.

Phạm Quỳnh khác Nguyễn Bá Trác, ông không phải là người xuất thân từ cái nôi Nho học mà là một trong những lớp đầu tân học do Pháp đào tạo. Không bị ràng buộc bởi nền giáo dục Nho học, không có nhu cầu “đổi tội”, ông chỉ cần làm đúng nhiệm vụ sao cho tờ báo không ra ngoài mục tiêu của người Pháp, việc ca tụng một cách lộ liễu chính quyền bảo hộ không là điều cần thiết. “Lập công” nếu có cũng chỉ trong vòng kín đáo miễn là vẫn giữ được tư cách, phẩm giá của một người trí thức. Ông được thấy cái hay của văn minh Tây phương lại có tấm lòng muốn làm lợi cho đất nước nên dùng đường lối ôn hòa qua phương tiện báo chí để đạt mục đích. Ông nói rõ chủ ý khi



Bìa sau Nam Phong



Bìa trước Nam Phong

nhận làm tờ Nam Phong như sau:

“Sở dĩ tôi nhận mở báo Nam Phong là vì chính phủ tự lòng cho phép chứ không phải tôi yêu cầu. Và tôi cũng muốn lợi dụng làm một cơ quan bồi bổ quốc văn cho thêm nhiều tiếng, cho đủ tài liệu để phiên dịch và truyền bá các tư tưởng Âu Tây...” (phỏng vấn của Đào Hùng, *Phụ Nữ Tân Văn*, 16/07/1931).

Hai mục đích trên Phạm Quỳnh đã nói rõ trong *Lời Nói Đầu* của *Nam Phong* số ra mắt. Không những thế, trong thời gian cộng tác với *Đông Dương Tạp Chí* trước đó, ông đã áp ủ ý định xây dựng trong buổi giao thời một nền học thuật mới thay thế cho Hán học đã suy tàn. Còn một mục đích nữa tuy không nói ra lúc đầu, nhưng dần dà về sau, qua nội dung hướng tới của các bài viết, cho thấy ông chủ trương xây dựng một chủ thuyết quốc gia ôn hòa.

Trong thời gian làm tờ *Nam Phong* Phạm Quỳnh có 3 mục đích rõ rệt:

1. Xây dựng nền văn học Chữ Quốc Ngữ.
2. Truyền bá tư tưởng Âu Tây, bảo tồn tinh hoa cổ học.
3. Xây dựng chủ thuyết quốc gia ôn hòa.

THÀNH QUẢ

Nội dung bài về *Nam Phong* có trình độ cao hơn *Đông Dương*. *Nam Phong* tập hợp được nhiều cây viết có khả năng, kiến văn rộng rãi, tạo được ảnh hưởng mạnh mẽ và lời cuốn giới thức giả theo con đường tư tưởng của tờ báo. Có thể nói *Nam Phong* là văn đàn của cả một thế hệ, nơi đào tạo ra nhà văn và tác phẩm. Ngay cả những lãnh tụ của giai đoạn sau như Hoàng Tích Chu, Nguyễn Tường Tam cũng bắt đầu việc viết ách từ *Nam Phong* mà ra. *Nam Phong* gánh vác công việc biên khảo, tờ báo



là một kho tài liệu về học thuật tư tưởng Đông Tây, chứa đựng những giá trị tinh hoa cổ học.

Văn chương lịch triều chỉ có văn vần, báo chí phải sử dụng văn xuôi. Những văn gia Chữ Quốc Ngữ tiên phong trong Nam như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của viết sách báo bằng văn nói. Đó chính là vì Trương Vĩnh Ký muốn tạo lời Việt tinh ròn cho nền văn học mới nên viết nô nã, thông tục như lời lẽ người ta nói chuyện. Ngược lại, những cây viết *Nam Phong* khác hẳn. Họ đem văn chương thi phú, truyện thơ, ca dao, truyện Kiều, điển tích, thuật biện ngẫu, văn tứ lục để làm văn xuôi. Vì thế văn *Nam Phong* còn mang nặng ảnh hưởng của thơ văn cổ, chủ về sự cân đối, đọc lên nghe du dương, êm ái. Sau một thời gian, khuynh hướng lối viết văn xuôi của *Nam Phong* thắng thế, được mọi người ưa chuộng trở thành hiện tượng “văn Nam Phong”, truyền vào Nam được dùng như khuôn mẫu quốc văn cho nhiều văn gia Nam Kỳ.

VAI TRÒ TẠP CHÍ ĐÔNG DƯƠNG VÀ NAM PHONG

Sau khi người Pháp chiếm được nước ta vì nhu cầu thông tin họ cho ra vài tờ kỹ yếu, công báo đăng tải công văn, chỉ dụ, bổ cáo, luật lệ của chính quyền. Cho đến đầu thế kỷ 20, báo chí còn rất xa lạ với người Việt. Ở trong Nam có tờ *Gia Định Báo* nhưng không có quốc văn chỉ có mục dạy người Việt học Chữ Quốc Ngữ. Ở Bắc Kỳ từ sau khi người Pháp đến (1885) chỉ có 2 tờ *Avenir du Tonkin* và *Courier d'Haiphong*. Đến 1890 có thêm tờ *Đại Nam Đông Văn* của Nam triều. Nhưng các tờ này thực chất chỉ là công báo của chính phủ viết bằng chữ Pháp và chữ Nho, không phải bằng chữ Việt. Từ 1913 *Đông Dương Tạp Chí* mới thực sự là tờ báo đúng nghĩa viết bằng Chữ Quốc Ngữ đầu tiên ở nước ta, mở đầu nền báo chí

của Việt Nam. Vào thời điểm đó sách viết bằng Chữ Quốc Ngữ còn rất hiếm hoi, tờ báo ngoài việc loan báo tin tức còn đóng vai truyền bá kiến thức phổ thông, chuyển từ tình trạng học đọc, học viết Chữ Quốc Ngữ sang việc viết văn chữ Việt.

Trong thời gian trước năm 1925 quốc văn chưa vững, độc giả chưa nhiều, thiếu vắng nhà xuất bản và sách Việt, văn học chỉ ở báo chí. Báo chí đóng vai của một quyển sách tập đọc, một lớp dạy quốc văn cho người đọc. Tác giả những bài viết về nghị luận, học thuật, tư tưởng giống như những ông thầy giảng giải, khai trí cho độc giả. Người theo Tây học có thể thấy trong *Đông Dương* và *Nam Phong* những tinh hoa của cổ học, Nho gia có thể thấy trong đó những tư tưởng mới của Tây phương là những điều cần biết và thấu thái.

Hai tờ *Đông Dương* và *Nam Phong* đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng quốc văn. Lịch sử văn học Chữ Quốc Ngữ trong giai đoạn này là lịch sử của 2 tạp chí này. *Đông Dương* và *Nam Phong Tạp Chí* chứa đựng và bao gồm tất cả các nhà văn và tác phẩm của họ, nói cách khác, nội dung văn học giai đoạn 1913-1925 nằm cả trong 2 tờ *Đông Dương* và *Nam Phong Tạp Chí*.

TRẦN BÍCH SAN

CHÚ THÍCH

[01] Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936): bút hiệu Tân Nam Tử, thuở nhỏ học chữ Nho, ngoài Pháp ngữ, sau này thông thạo thêm tiếng Anh và tiếng Tàu, sinh ngày 30/04/1882 tại làng Phượng Dực, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. 1896 tốt nghiệp thủ khoa Trường Thông Ngôn (Collège des Interprètes), bổ Thư Ký tòa sứ Lào Cay, rồi Kiến An, Hải Phòng, sau đổi về Hà Nội. 1906 dự đấu xảo ở Marseille, về nước tháng 02, 1907 từ chức ra làm báo, nhà



in. Ông là người tham gia sáng lập và giảng dạy ở Đông Kinh Nghĩa Thục. Khi Phan Chu Trinh bị bắt, ông lấy tư cách thành viên hội nhân quyền ký đơn xin ân xá. Thiếu tài chính và nợ nần chồng chất ông sang Lào đi tìm vàng, bị bệnh kiết lỵ từ trần ngày 01 tháng 05, 1936 tại Tchépone. Linh cữu được đưa về mai táng ở Hà Nội, hưởng dương 54 tuổi.

Tác phẩm: *Kim Vân Kiều* (dịch ra Pháp văn, 1923), những sách dịch từ Pháp ra Việt gồm có: *Tê Lê Mặc Phiêu Lưu Ký* (1927), *Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ* (1927), *Những Kẻ Khốn Nạn* (1928), *Thơ Ngự Ngôn La Fontaine* (1928), *Truyện Trẻ Con Của Perrault* (1928), *Miếng Da Lừa* (1928), *Người Bệnh Tưởng* (Kịch, 1928), *Người Biển Lặn* (Kịch, 1928), *Giả Đạo Đức* (Kịch, 1928), *Trường Giả Học Lâm Sang* (Kịch, 1928), *Quy Li Ve Du Ký* (1929), *Mai Nương Lê Cốt* (1932), *Truyện Các Danh Nhân La Mã Hy Lạp Đối Nhau* (1932), v.v.

[02] Phạm Quỳnh (1892-1945): hiệu Thượng Chi, Hồng Nhân, sinh ngày 17/12/1892 tại Hà Nội, nguyên quán làng Thượng Hồng, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương, có bằng Cao Đẳng Tiểu Học, tốt nghiệp Trường Thông Ngôn (Collège des Interprètes). 1908 bỏ về Trường Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Française d'Extrême-Orient) Hà Nội. Những năm làm việc tại đây ông học thêm chữ Nho. Thời gian này rất bổ ích cho việc đọc sách, giúp ông có kiến văn vững chắc và quảng bác. 1917 được Louis Marty, Trưởng Phòng Chính Trị phủ Toàn Quyền kiêm Trưởng Mật Thám Đông Dương, giao cho cùng Nguyễn Bá Trác làm tờ *Nam Phong Tạp Chí*. 1922 được cử sang Pháp với tư cách Tổng Thư Ký Hội Khai Trí Tiến Đức, đại diện đi dự hội chợ triển lãm ở Marseille. Ông ghé hội chợ rồi lên Paris ở 3 tháng đi diễn thuyết nhiều nơi, kể cả trước Ủy Ban Chính Trị và Luân Lý của Hàn Lâm Viện Pháp. Báo

chí và giới chính quyền thuộc địa bắt đầu chú ý đến ông, về nước nghỉ dưỡng trở thành nhân sĩ số 1 đất Bắc. 1925 giảng sư khoa văn chương và ngôn ngữ Hán-Việt tại Trường Cao Đẳng Hà Nội. 1929 được cử vào Đại Hội Nghị Kinh Tế Tài Chánh Đông Dương (cùng với Nguyễn Văn Vĩnh). 1930 khởi xướng thuyết lập hiến, chủ trương phải quy định rõ ràng bằng hiến pháp quyền của người dân, triều Nguyễn, chính quyền bảo hộ. Tháng 11, 1932 vào Huế làm Ngự Tiền Văn Phòng cho vua Bảo Đại, thăng Thượng Thư Bộ Học, rồi Thượng Thư Bộ Lại. Ông bị Việt Minh Cộng Sản giết ở Huế ngày 23/08/1945, hưởng dương 53 tuổi.

Tác phẩm: hầu hết tác phẩm về nghiên cứu và dịch thuật, đăng trên *Nam Phong*, sau được in lại trong bộ *Nam Phong Tùng Thư* và *Thượng Chi Văn Tập*. Ngoài những sách và bài viết bằng chữ Pháp, các tác phẩm chữ Việt gồm có: *Phật Giáo Đại Quan* (1924), *Văn Minh Luận* (1927), *Ba Tháng ở Paris* (1927), *Văn Học Nước Pháp* (1927), *Chính Trị Nước Pháp* (1928), *Lịch Sử Thế Giới* (1930), *Tài Liệu Bách Khoa Đại Từ Điển* (1943).

[03] Nguyễn Bá Trác (1881-1945): bút hiệu Tiêu Đầu, quê làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, thuở nhỏ học ở Quảng Nam, đậu cử nhân khoa thi Hương năm Bính Ngọ 1906 (Thành Thái thứ 18) nhưng không làm quan với chính quyền Nam triều. Ra Hà Nội gia nhập Đông Kinh Nghĩa Thực, học tiếng Pháp. 1908 Nghĩa Thực đóng cửa, bị bắt và đày đi Côn Đảo. Khi được thả trốn đi Thái Lan, sang Tàu, rồi đến Nhật theo phong trào Đông Du của Phan Bội Châu. Được ít lâu, chính phủ Nhật toa rập với Pháp giải tán, trục xuất sinh viên và các nhà ái quốc, ông lưu vong sang Tàu. 1914 trở về Hà Nội cộng tác với Pháp vào làm ở phòng báo chí Phủ Toàn Quyền với chức vụ chủ bút *Cộng Thị Báo* bằng chữ Hán nhằm thuyết phục các nhà Nho hợp tác với Pháp. 1917, chủ bút phần Hán văn của *Nam Phong Tạp Chí*, viết những bài tấn tụng Pháp dưới bút hiệu Tiêu Đầu. 1922 vào Huế làm Tá Lý bộ Học, ít lâu thăng Tuần Phủ Quảng Ngãi,

rồi Tổng Đốc Thanh Hóa, Bình Định. Tháng 08, 1945 bị Việt Minh Cộng Sản giết ở Bình Định (Quy Nhơn), hưởng thọ 64 tuổi.

Tác phẩm: *Bàn Về Học Thuật Nước Tàu* (Nam Phong, 1918), *Bàn Về Hán Học* (Hán văn, Nam Phong 1920), *Hương Giang Mộng* (Nam Phong, 1920), *Hạn Mạn Du Ký* (1921), *Cổ Học Viện Thư Tịch Thủ Sách* (1921), *Mấy Lời Chung Cáo Với Các Bạn Nhà Nho* (Nam Phong 1921), *Ngã An Nam Dân Tộc Nam Tiến Chi Lịch Sử* (Nam Phong, 1921), *Nguyễn Bá Học Tiên Sinh Chi Lược Sử Cập Kỳ Di Ngôn* (1921), *Lĩnh Nam Dật Sử Nghi Án* (Nam Phong, 1921), *Du Thanh Hòa Ký* (Nam Phong, 1921), *Hoàng Việt Giáp Tý Niên Biểu* (1925), *Hán Học Văn Học Khảo* và một số thơ văn đăng trên *Nam Phong Tạp Chí* (1917-1932),

Trong thời gian lưu lạc bên Tàu, gần gũi gian lao trên đường cứu quốc, bản thân khổ cực phải làm đủ mọi nghề tay chân tự kiếm sống, bị chính quyền các nước người xua đuổi, cảm khái trước hoàn cảnh bản thân và đất nước Nguyễn Bá Trác làm bài Hồ Trường nổi tiếng với lời thơ bi tráng kiêu bạc nói lên tâm trạng một sĩ phu thất cơ lỡ vận xa xứ khắc khoải nỗi buồn vong quốc. Bài thơ nằm trong thiên ký sự *Hạn Mạn Du Ký* (Nam Phong số 41 năm 1920, trang 400-401).

Hồ Trường

Trượng phu không hay xé gan bẻ cột (01) phù cương thường (02)

Hà tất tiêu dao bốn bể, luân lạc tha hương

Trời Nam nghìn dặm thăm,

mây nước một màu sương

Học không thành, danh chẳng lập,

trai trẻ bao lâu mà đầu bạc,

trăm năm thân thể bóng tà dương.

Võ tay mà hát, nghiêng đầu mà hỏi,

trời đất mang mang, ai là tri kỷ

lại đây cùng ta cạn một hồ trường (03)

Hồ trường! Hồ trường!

ta biết rót về đâu?

Rót về đông phương,

nước bể đông chảy xiết sinh cuồng lan (04)

Rót về tây phương,

*mưa Tây sơn từng trận chứa chan
Rớt về bắc phương,
ngọn bắc phong vì vụt, đá chạy cát dương
Rớt về nam phương,
trời nam mù mịt, có người quá chén, như điên
như cuồng
Nào ai tỉnh, nào ai say,
chí ta ta biết, lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ở hồ thi,
hà tất cùng sáu đối cỏ cây.*

(01) Xé gan, bẻ cột: xé gan là hành động của Tỹ Can, chú vua Trụ vì can gián nên bị Đắc Kỷ xin vua cho trái tim bầy hổ của ông để trị bệnh. Bẻ cột là hành động của Chu Văn dưới triều Hán Thành Đế. Chu Văn tâu vua xin giết Trương Vũ, vua nổi giận sai chém Chu Văn. Khi bị giải đi Chu Văn uất ức bắm tay vịn cây cột trong cung điện, nhân lúc ấy được Tân Khánh Kỳ giải cứu. Sau Thành Đế tha tội vì biết Chu Văn xin giết Trương Vũ là vì lòng trung. Xé gan, bẻ cột chỉ việc dùng lời ngay thẳng can gián vua.

(02) Cương thường: tam cương (vua tôi, cha con, chồng vợ) và ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) của đạo Nho.

(03) Hồ trường: bầu rượu, nậm rượu.

(04) Cuồng lan: sóng dữ.

[04] Louis Marty: một trí thức thông minh, tinh tế, bén nhạy, sắc sảo người Pháp, có tài tổ chức, nói rành và hiểu rõ văn hóa Việt, đọc và nói thông thạo tiếng Tàu, sáng lập tờ *Ấu Châu Chiến Sĩ*, *Nam Phong Tạp Chí* và Hội Khai Trí Tiến Đức. 1907 ngạch Tham Sự Hành Chánh, làm việc tại Phủ Thống Sứ Bắc Kỳ dưới quyền Morel, rồi Simoni. 1914 vào ngạch Quan Cai Trị hạng 5, phụ tá cho Bosc, Trưởng Phòng Chính Trị Phủ Toàn Quyền. Khi thế chiến thứ I bùng nổ được đặc phái qua Tòa Đại Sứ Pháp ở Bắc Kinh để giải quyết vấn đề tranh chấp biên giới Việt-Hoa. 1915 trở về Hà Nội được Toàn Quyền Van Vollenhoven thăng làm Trưởng Phòng Chính Trị. Louis Marty tổ chức một sở lấy tin để đối phó với những mưu toan tấn công từ biên

giới Việt-Hoa do Đức chủ xướng. Sở này sau trở thành Nha Giám Đốc An Ninh Đông Dương (Direction de la Sureté General) là cơ quan gián điệp của chính quyền Đông Pháp do Louis Marty cầm đầu, trở thành ông trùm mật vụ và là chuyên viên về những vấn đề chính trị bản xứ cho tất cả các chính phủ kế tiếp. 1934 Louis Marty bị René Robin đổi đi làm Khâm Sứ Ai Lao.

[06] Trích trong phúc trình của Louis Marty năm trong phần phụ đính của văn thư Toàn Quyền Đông Dương Albert Sarraut gửi Tổng Trưởng Thuộc Địa Pháp ngày 15/09/1917.

[05] Hội Khai Trí Tiến Đức (Association pour la Formation Intellectuelle et Moral des Annamites): một hiệp hội qui tụ các quan lại và trí thức theo chủ nghĩa Pháp-Việt đề huề, đứng đầu là Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu (con cụu Kinh Lược Sứ Hoàng Cao Khải). Hội do Louis Marty lập ra để phục vụ chính quyền Bảo Hộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Bộ Giáo Dục xuất bản, in lần thứ 2, Hà Nội, 1951.

- *Nam Phong Tạp Chí 1917-1934*, Archive Collection, Bộ DVD-Rom số 1-120, Viện Việt Học, California, 2009.

- Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử*, bộ mới, nxb Tổng Hợp, TP/HCM, 2006.

- Nguyễn Văn Trung, *Chủ Địch Nam Phong*, nxb Trí Đăng, Sài Gòn, 1972, Xuân Thu tái bản, Hoa Kỳ.

- Nguyễn Văn Trung, *Chữ Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc*, nxb Nam Sơn, Sài Gòn, 1974, Xuân Thu tái bản, Hoa Kỳ, 1989.

- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, tập III, nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1965.

- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, quyển I, nxb Tân Dân, Hà Nội, 1942, Thăng Long tái bản lần thứ 3, Sài Gòn, 1960.

Bà
cục
tác
đe
trúng
vàng
trên
thảm
cỏ
thìm
nấm
dưới
cánh

chó
gặm
gù
ôm
cùn
sắt
giữa
đồng
hoa
thảm
chạy
song
dưới

Thư
tặng
Tập
chí
Văn
học
Cố
Thôn



Trương
Anh
Thụy



Xuân
Mùa
Thuật
2018

Thư
học
Việt



VĂN HÓA VIỆT NHỮNG BƯỚC THĂNG TRẦM

Nguyễn Văn Nhiệm

Trước hết hãy tìm hiểu nghĩa những từ ngữ văn hóa, văn hiến, văn vật . Theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh:

„ Văn hóa là văn vật và giáo hóa- Dùng văn tự mà giáo hóa cho người.

Văn hiến là sách vở và nhân vật tốt trong một đời.

Văn vật là những sản vật của văn hóa như lễ, nhạc, chế độ.“

Người Việt thường nói, dân tộc ta có trên bốn ngàn năm văn hiến và Hà Nội (Thăng Long) ngàn năm văn vật. Như vậy văn hóa, văn hiến đã có từ lâu, còn văn vật chỉ có trên một ngàn năm nay kể từ khi vua Lý Thái Tổ lên ngôi, dời đô về Thăng Long. Những điều được truyền tụng nói trên thật là minh bạch vì trước đó là thời kỳ Bắc thuộc , mọi văn vật đều bị tiêu hủy, xóa sạch với chính sách đồng hóa của đế quốc phong kiến Tàu, văn vật chỉ mới được phục hồi, tái tạo kể từ lúc dân tộc lấy lại quyền tự chủ. Nhưng đến đầu thế kỷ XV nhà Minh lại xâm chiếm nước ta, Trương Phụ tịch thu các sách sử, đồ thư, truyện ký về Kim Lăng dâng lên Minh đế, khiến đất nước lại phen nữa mất rất nhiều sách quý mà nhân tài thời Lý Trần đã dày công biên soạn. Bởi vậy nhiều lúc việc phê bình, đánh giá những công trình nghiên cứu văn hóa truyền thống

dân tộc thiếu khích lệ do những người vẫn còn chịu ảnh hưởng di căn văn hóa nô dịch thời Bắc thuộc, hoặc những người theo Tây học duy lý, duy kiến. Trong chiều dài trên ngàn năm lịch sử, có mấy ai nghe thấy trống đồng bao giờ, nhưng đến cuối thế kỷ XIX, người ta tình cờ tìm thấy chiếc trống đồng nổi tiếng (Ngọc Lũ) do việc đào bãi cát bồi để đắp đê sông Hồng. Kể từ đó việc khai quật tìm kiếm trống đồng bắt đầu khai triển trên toàn vùng. Điều đó cho thấy việc nghiên cứu văn hóa truyền thống Việt còn chứa chan nhiều triển vọng, còn mở ngõ chớ chưa khép kín.

Trên tinh thần đó, sách Văn Hóa Việt-Những Bước Thăng Trầm được soạn thảo, sẽ lần lượt giới thiệu những chương, tiết mục như :

Chương 1: Tiếng nói và chữ viết.

Chương 2: Minh triết, Việt lý qua ca dao.

Chương 3: Huyền thoại, huyền sử.

Chương 4: Truyện cổ tích.

Chương 5: Di tích văn hóa, lịch sử.

Chương 6: Cổ vật trống đồng.

Chương 7: Tác giả, tác phẩm.

Chương 8: Khuynh hướng trong văn học Việt như:

Khuynh hướng triết lý: triết lý tự nhiên, triết lý nhân sinh, ý chí hùng tráng, ý chí quật khởi, độc lập tự chủ, chí làm trai...Tam

giáo đồng nguyên...

Khuynh hướng đạo đức.

Khuynh hướng nghệ thuật.

Khuynh hướng xã hội.

Hy vọng nội dung của những tiết mục này sẽ góp phần nhỏ vào việc củng cố niềm tin về huyền thoại bốn nghìn năm văn hiến.

Chương 1 : Tiếng nói và chữ viết

Không phải đất nước nào, dân tộc nào có độc lập, tự chủ cũng đều có tiếng nói, chữ viết riêng. Đất nước Việt Nam tuy đã hai lần bị đô hộ, nhưng dân tộc Việt vẫn duy trì được tiếng nói riêng và hiện nay lại may mắn có chữ viết thống nhất cho mình. Tiếng nói và chữ viết đều là phương tiện của con người để tiếp xúc, giao thiệp, trao đổi với nhau trong mọi sinh hoạt của đời sống vật chất, tinh cảm, tinh thần. Tuy nhiên chúng có sự khác biệt: Tiếng nói là âm thanh, làn sóng vô hình không thể nắm bắt, hễ người còn thì tiếng nói còn; trong khi chữ viết được ghi trên thanh trúc, giấy, bia đá, cho nên có thể bị hủy diệt. Do vậy chương này sẽ lần lượt trình bày hai tiết mục: tiếng nói và chữ viết.

Vì quá dài, Cỏ Thơm lần này chỉ giới thiệu phần tiếng nói hay đúng hơn là Tiếng Việt Mền Yêu.

Tiếng Việt Mền Yêu

Nghiên cứu tiếng nói dân tộc ở bình diện văn hóa truyền thống xuyên suốt tận nguồn không gì bằng ca dao, vì đó là thứ văn vật truyền khẩu, phi vật chất được bảo tồn trọn vẹn trước chính sách đồng hóa núp dưới chiêu bài khai hóa của đế quốc. Ca dao ghi lại tình trạng phong hóa bại hoại thời buổi lệ thuộc Tây Tàu như sau:

„ Góm thay thời buổi Tây Tàu,
Bỏ đường nhân nghĩa, ham cầu lợi danh.“

„ Từ ngày có Phú Lang Sa,
Văn minh thì ít, trắng hoa thì nhiều.“

Thời Pháp thuộc thì có kẻ đua đòi nói tiếng Tây:

„ Ví dầu tình bậu muốn thôi,
Bậu gieo tiếng dữ cho rời bậu ra.

Bậu ra bậu lấy quan ba,
Bậu ăn bánh mì, bậu nói tiếng Tây.“

Thời Bắc thuộc thì tiếng nói „ xí xô xí xào „ vang khắp thành thị, tư sản mại bản thao túng, nông dân bị coi rẻ:

„ Thành thị thì chỗ nào cũng xí xô xí xào
khách trú,

Em ăn cơm bậy phủ, dạo đũa khắp nơi.

Bán buôn một vốn, ba bốn tiền lời,

Chê anh dân ruộng, chán mớ cời quanh năm.“

Trong bối cảnh như vậy, người bình dân ở nông thôn dứt khoát không mặn mà với thứ tiếng nói „ xí xô xí xào „ xa lạ đó. Còn các nhà Nho ở thành thị, mặc dầu chạy theo văn hóa đế quốc cũng đã tìm cách tạo ra thứ ngôn ngữ gọi là Hán Việt, nghĩa là viết theo chữ Hán, mà đọc theo âm tiếng Việt cho dễ nghe.

Về phong tục, tập quán cũng có dị ứng trong quần chúng:

„ Thà rằng ăn cá giếc trôi,

Còn hơn lấy khách mọc đuôi trên đầu.“

Những gì giống nhau về phương diện văn hóa giữa dân bị trị và kẻ thống trị không phải là do công lao hay hậu quả của chánh sách đồng hóa, cũng không như lập luận cho rằng ta cái gì cũng bắt chước Tàu, nhưng thực ra văn hóa đó là văn hóa truyền thống nông nghiệp của đại tộc Việt đã bị Tàu gốc du mục chiếm đoạt.

Nói chung thì mặc dầu đất nước trải qua trên ngàn năm bị đô hộ, dân Việt vẫn duy trì được tiếng nói, phong tục tập quán riêng.

Điều này chứng tỏ phải có một nền tảng vững chắc nào đó theo như tương truyền về đất nước có trên bốn ngàn năm văn hiến, chứ không phải ngẫu nhiên như ý hai câu ca dao sau đây:

„*Cây có cội mới nảy ngành xanh ngọn,
Nước có nguồn mới biên rộng sông sâu.*“

Tiếng nói và con người trong cộng đồng dân tộc

Tâm tư, tình cảm của con người nằm sâu kín trong lòng, khi có điều kiện tác động thì phát ra thành tiếng nói. Phẩm chất của con người thế nào thì tiếng nói như thế đấy:

„*Người thanh tiếng nói cũng thanh,
Chuông thanh khê đánh bên thành cũng kêu.*“

Tiếng nói, lời nói có tác dụng kỳ diệu, một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại trong sự giao tiếp.

Trong quan hệ trai gái:

„*Anh thương sao thấy mặt thương liền,
Thương lời ăn tiếng nói, chứ không phải
thấy sợi dây chuyền anh thương.*“

„*Biển đông gió thổi bốn mùa,
Say mê lời nói thuốc bùa không hay.*“

„*Chuôn chuôn bay thấp,
Mưa ngập ruộng vườn.
Nghe lời nói lại càng thương,
Thương em anh muốn lập vườn cưới em.*“

Trong quan hệ quốc gia:

„*Một lời hưng thịnh quốc gia,
Một lời nói quấy nước nhà suy vong.*“

Lời nói quan trọng đến như vậy, cho nên phải thận trọng, cân nhắc trước khi nói:

„*Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*“

Lời nói chẳng những thanh tao, mà còn phải chân thật, nếu biết sai thì phải sám hối:

„*Một lời nói dối, sám hối bảy ngày.*“

Nhân tố giúp bảo tồn và phát huy tiếng nói dân tộc

Ngày nay tiếng Việt phổ biến trong khắp cả nước, từ sự giao tiếp hàng ngày trong xã hội, công việc hành chính, giáo dục cho đến văn học, nghệ thuật. Lời ca tiếng hát, văn thơ và nhất là kho tàng ca dao, kho tài liệu phong phú cho biết làm thế nào dân Việt có thể bảo tồn tiếng nói qua bao thử thách, thăng trầm của dòng sử mệnh dân tộc.

Tình yêu thương

Truyện Kiều có câu:

„*Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lẽ, song trong là tình.*“

Lý lẽ của con người được tranh biện ở bên ngoài, còn tình thì kín đáo ẩn bên trong. Lý lẽ thì có mâu thuẫn, phân biệt đúng, sai, tranh hơn tranh thua. Còn nói về tình, nếu là tình nghĩa yêu thương thì dễ khoan dung, hòa hợp.

Ca dao cũng có câu:

„*Năm canh thì ngủ lấy ba,
Hai canh lo lắng việc nhà làm ăn.*“

Đó là cách sắp xếp đời sống khôn ngoan, có tính cách minh triết của người xưa, dung hợp hài hòa cả đời sống hiện thực với đời sống tiềm thức, tâm linh theo tỉ lệ 2/3 để mưu cầu hạnh phúc.

Tình yêu thương là dạng năng lực tiềm tàng chuyển hóa, là thành phần quan trọng xác định tính thể con người. Tình cảm đó rất phong phú, đa dạng: tình yêu lứa đôi, gia tộc, dân tộc, con người nói chung, tình yêu mến quê hương, đất nước.

Bài ca dao „*Mười thương*“, sau đây cho biết suối nguồn tình cảm sung mãn, tràn đầy của giới trẻ ở khắp mọi miền đất nước:

„*Một thương tóc bỏ đuôi gà,*

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.

Ba thương má lúm đồng tiền,
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua.
Năm thương dài yếm đeo bùa,
Sáu thương nón thương quai tua dịu dàng.
Bảy thương ăn nói khôn ngoan,
Tám thương má phấn ngó càng thêm xinh.
Chín thương em ở một mình,
Mười thương con mắt đưa tình với ai.“

Thương người nghĩa:
„Đĩa nghiêng múc nước sao đầy,
Lòng thương người nghĩa, cha mẹ rầy
cũng thương.“

Thương người hào kiệt:
„Sông nguồn sóng cửa lao xao,
Thương người hào kiệt chí cao tài lành.“
Tình thương không phân biệt địa

phương:
„Rồng châu ngoài Huế, ngựa té Đông Nai,
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài.
Thương người quân tử lạc loài tới đây,
Tới đây thì ở lại đây,
Bao giờ bén rễ xanh cây sẽ về.“
Tình thương không có ranh giới chủng tộc:
„Bầu ơi, thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.“
Tình thương là tình thương phổ quát của con
người, là cội rễ đức nhân của người đạt nhân:
„Người không nhân như cây không rễ,
Nên thương người như thể thương thân.“

Theo tinh thần đạo Việt truyền thống,
tình yêu thương trong hôn nhân có liên hệ
đến yếu tố gia tộc:

„Em thương anh, thầy mẹ biết chưa?
Hay là tình đẹp ý ưa một mình.
- Em thương anh, thầy mẹ biết rồi,
Câu, cô, chú, bác một lời như em.“

Trong phạm vi gia đình, con cái thương
cha mẹ hết lòng, vì họ ý thức được công ơn
dưỡng dục lớn lao của các người:

„Có thương cha mẹ gấp mười,
Nuôi con mới biết công người nuôi ta.“
Không có tình thương nào sâu đậm bằng
tình thương con, cũng không có nỗi nhớ
nào bằng nỗi nhớ quê hương, xứ sở:
„Thương chi bằng nỗi thương con,
Nhớ chi bằng nhớ nước non quê nhà.“
Nỗi niềm „nhớ nước non quê nhà „, đó
là gốc rễ, cội nguồn của lòng yêu nước,
thương non:

„Đò em chở nặng tình thương,
Chở lòng yêu nước can trường qua sông.“

Tình yêu thương của con người bình dân
qua ca dao đậm đà, ý vị như thể chứng tỏ
tiếng Việt rất được yêu quý, trân trọng.

Chúng ta lắng nghe bản nhạc „*Tình Ca*
„ của nhạc sĩ Phạm Duy:

„Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời,
người ơi

Mẹ hiền ru những câu xa vời
À à ơi ! Tiếng ru muôn đời

Tiếng nước tôi ! Bốn ngàn năm ròng rã
buồn vui

Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi
Tiếng nước tôi ! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi
Thoắt nghìn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi...“

Quả thật vậy, tiếng Việt mến yêu đã trở
thành **tiếng lòng** của mọi người dân, cho dù
nổi trôi theo vận nước thăng trầm, nhưng
luôn được trân trọng để mãi mãi thanh tao.

Giáo dục

Tiếng Việt được bảo tồn và phát huy
khởi sắc là nhờ sức mạnh của tình yêu
thương bao la: thương con người, thương
non sông, đất nước, quê hương...cho nên
việc yêu mến tiếng nói của dân tộc cũng là
lẽ tự nhiên. Lòng yêu mến là động lực thúc
đẩy, còn sự trau chuốt của tiếng nói là nhờ
phương cách khéo léo dạy dỗ lâu dài.

Trong suốt chiều dài trên ngàn năm Bắc thuộc hầu như không nghe nói đến trường học, như là ở thôn quê. Về sau khi có độc lập tự chủ thì có những nhà Nho không ra làm quan, hay từ quan về quê mở trường dạy học cũng chỉ ở qui mô nhỏ, cho nên hình thức giáo dục gia đình là phổ biến hơn hết:

„ *Uốn cây từ thuở còn non,
Dạy con từ thuở con còn thơ ngây.*“

Không có gì sung sướng cho bằng khi trong nhà có trẻ vừa bập bẹ biết nói:

„ *Bập bẹ như trẻ lên ba.* „

„ *Có vàng mà để trong ô,*

Có con nó nói trâm trở mà nghe.“

Lúc đó cả nhà hân hoan xúm xít quanh trẻ, dường như muốn cùng với trẻ tập nói vậy:

„ *Trẻ lên ba cả nhà học nói.*“

Hình thức giáo dục này tuy mới khởi đầu đơn sơ nhưng có tính cách toàn diện, phối hợp cả học hỏi, thực hành (học hành), hiểu biết và tình thương (lý tình):

„ *Học ăn, học nói, học gói, học mở.*“

Một điều rất thú vị là khi ai đó nghe tiếng ru con à ơi của các bà mẹ đều chạnh lòng nhớ lại kỷ niệm thời thơ ấu qua *tiếng lòng*, là thứ tiếng chưa thành lời, còn mạnh nha trong tiềm thức:

„ *Thoảng nghe hai tiếng à ơi,*

Lòng con chạnh nhớ những lời ấu thơ.“

Đó là *tiếng lòng* của mẹ hiền muôn thuở và cũng là *tiếng lòng* của trẻ vừa mới chớm từ thuở nằm nôi:

„ *Chiều nay gió lạnh mưa nhiều,*

Lòng hồi tưởng mẹ một chiều năm xưa.

Mẹ cầm ru cái nôi đưa,

Ừ ơ mẹ hát lòng vừa xót xa.“

Nhiều nơi lại ru con ngủ bằng võng:

„ *Đó ai ngồi võng không đưa,*

Ru con không hát ầu ơ đôi bài.“

Tiếng ru con *ầu ơ* êm dịu, hòa cùng tiếng nôi, tiếng võng đưa nhịp nhàng để đưa trẻ con vào giấc ngủ êm đềm, vào những giấc mơ đẹp. Những động tác hài hòa đó là mô phỏng theo tinh hoa của Việt lý, không bằng thuyết lý, mà bằng phong cách sống và tình thương (xem liên hệ quân bình ở Việt lý, chương 2: Ca dao). Có thể nói, tiếng ru con của các bà mẹ và các bà ru cháu là dòng sữa ngọt ngào nuôi dưỡng đời sống tâm linh ban sớm của trẻ thơ, tạo nền tảng phong phú và chuẩn bị cho giai đoạn trưởng thành sau này.

Nội dung lời ru con cháu chan chứa tình thương và đạo nghĩa:

Công ơn cha mẹ:

„ *À ơi, cái ngủ con ngủ cho lâu,*

Mẹ con đi cấy ruộng sâu chưa về.

Cái ngủ con ngủ cho say,

Mẹ con vất vả chân tay tối ngày.“

„ *Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,*

Năm canh dài thức đủ cả năm.“

„ *À ơi, ru con, con ngủ cho say,*

Để u dệt vải cho dày nhuộm nâu.

Cắt quần cắt áo u khâu,

Để thầy con mặc cày bừa mùa chiêm.“

Gương lịch sử:

„ *Ru con con ngủ cho lành,*

Cho mẹ gánh nước rửa bành cho voi.

Muốn coi lên núi mà coi,

Coi bà Triệu tướng cỡi voi đánh cồng.“

Khái quát những chặn đường học hỏi ở đời:

„ *Ấu ơ, ví dầu cần ván đóng đình,*

Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi.

Khó đi mẹ dắt con đi,

Con đi trường học, mẹ đi trường đời.“

Đường đời không thẳng tắp, mà „ *lắc lẻo, gập ghềnh* „, như chiếc cầu tre, nghĩa là

có mâu thuẫn, cho nên cần phải học hỏi không ngừng. Việc học đã có mẹ hiền dẫn dắt và chính người cũng học hỏi không ngừng ở trường đời.

Ở nông thôn ngày xưa tuy rất hiếm có trường học, nhưng nơi nào có trường thì việc giáo dục cũng chu đáo từ văn chương chữ nghĩa, nghề nghiệp, lễ nghi, đạo đức:

„*Day con từ thuở tiều sinh,*

Gần thầy, gần bạn tập tành lễ nghi.

Học cho cách vật trí tri,

Văn chương chữ nghĩa, nghề gì cũng thông.“

„*Cách vật trí tri* „ là cái biết rõ ráo, là tri thức về tính thể sự vật do các vị thầy là bậc túc Nho thân dân, không màng danh lợi về quê dạy học trò.

Chùa làng cũng là nơi giúp người hiếu học tinh tấn, học hỏi nói lời từ bi:

„*Tai nghe chuông mõ vang đây,*

Ghé vô am tự nghe thầy giảng kinh.“

„*Ăn chay niệm Phật nói lời từ bi* „

Sau hết nói về nhân tố làm cho tiếng Việt ngày càng dễ thương, hay hơn có thể nói là do hình thức sinh hoạt nghệ thuật bình dân ở xứ nông nghiệp: đó là lời hát hò lời cuốn của trai gái ở nông thôn:

„*Trời cao đất rộng thiên thang,*

Tiếng hò giọng hát ngân vang trên đồng.“

„*Điệu gì vui bằng điệu hát hò,*

Có một cặp rươi cũng dò mà đi.“

„*Nước sâu sóng bủa lóng cò,*

Thương anh vì bởi câu hò có duyên.“

„*Lên rừng lựa chặt cây ngay,*

Điệu hò khoan nẫu lựa câu hay nẫu hò.“

Để giữ thể diện, trai gái thường chọn lựa câu hò nào đặc ý hoặc tự mình sáng tác bằng tất cả lòng đam mê, cân nhắc từng chữ, từng câu để thi thố, cho nên tiếng Việt nhờ thế mà khởi sắc thêm lên.

Phẩm chất tiếng Việt Tiếng Việt phong phú

Xưa kia những người chịu ảnh hưởng Hán nho chê tiếng nước nhà : „*nôm na là cha mách què* „. Đến thời Pháp thuộc thì những kẻ theo Tây học lại chê tiếng Việt nghèo nàn. Nhận định này có lẽ chỉ căn cứ vào một vài lãnh vực nào đó như khoa học, kỹ thuật chẳng hạn mà cho mãi đến thế kỷ XVIII, XIX vẫn còn xa lạ đối với nước ta. Dĩ nhiên khi chưa có các ngành này thì làm gì có từ ngữ chuyên môn của chúng, cho đến khi những lãnh vực mới này được tiếp thu và phát triển thì vấn đề thiếu sót được giải quyết ổn thỏa ngay.

Thực ra tình trạng ngôn ngữ của một nước tùy thuộc vào sức sống của nước đó. Thông thường thì hễ lãnh vực nào giàu sức sống thì ngôn ngữ trong lãnh vực ấy ắt phong phú.

Nước Việt Nam vốn là nước nông nghiệp, nông dân lấy việc cấy cày, lao động, làm ăn là chánh, cho nên những động từ chỉ các động tác này rất phong phú như: Ôm, xách, mang, bông, bẻ, ẵm, bung, cồng, đeo, vác, gánh gồng, gánh vác...

„*Tay **ôm** nón rách, tay **xách** quai chèo,*
Thương cha nhớ mẹ, phận nghèo phải đi.“

„*Hai tay **xách** nước tưới trâu,*
Trâu bao nhiêu lá, dạ sầu bấy nhiêu.“

„*Ngang lưng thì **thắt** đai vàng,*
*Đầu **đội** nón cối, vai **mang** súng dài.*

*Một tay thì **cấp** hỏa mai,*
*Một tay **cấp** giáo, quan sai xuống thuyền.*“

„*Tay **bung** đĩa muối chén gừng,*
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau.“

(Gừng cay: ý nói nồng nàn, muối mặn: ý nói mặn mà)

„*Con thơ tay **ẵm** tay **bông**,*

*Tay **dứt** mẹ chồng đầu bạc như bông.*“

„*Nay mừng anh chị có đôi,
Mong sớm có cháu để tôi **bé bỏng**.*“
 „*Dấn mình vô chốn chông gai,
Kề lưng **công** bạn ra ngoài thoát thân.*“
 „*Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non.*“
 „*Cũng thời bạn gái với nhau,
Gánh nước một bầu, đôi đũa đôi trong.*“
 „*Nửa đêm ân ái cùng chồng,
Nửa đêm về sáng **gánh gồng** ra đi.*“
 „*Hai vai **gánh** nặng về hai,
Trên lo nghĩa chúa, dưới mài thảo thân.*“
 (Gánh nặng: nghĩa vụ nặng nề ; thảo thân: hiếu thảo với cha mẹ)

Dân tộc Việt có Đạo thờ cúng tổ tiên, trọng dòng họ, trọng tôn ti gia tộc, cho nên ngôn ngữ xưng danh vị các thành phần trong gia đình, dòng họ rất phân minh: Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cô, dì, cậu, mợ, tôi, tao, thiếp, nàng, chàng, mày, nó, hần, họ, chúng nó...

„*Lấy chồng em lấy đất nhà,
Cha mẹ chú bác ông bà một quê.*“
 „*Người giàu ở trên núi cao,
Bà con cô bác tôn công cũng trèo.
Người nghèo ở giữa phố phường,
Bà con cô bác tránh đường đi xa.*“
 „*Vị tình, vị nghĩa
Không ai vị đĩa xôi đây.
**Bà con vì tổ vì tiên,
Không phải vì tiền vì gạo.***“

Trong cách xưng hô giữa trai gái có tình ý với nhau, có những tiếng buông lời, không xác định rõ ràng chủ khách như tiếng ai... ai rất tình tứ:

„*Khi xưa **ai** biết **ai** đâu,
Bờ chìm ô thước bắt câu sông Ngân.*“
 Chữ mình lại càng tha thiết, tình tứ hơn:

„*Năm ngoái em còn e còn ngại,
Năm nay em kêu đại bằng **mình**.*“
 Tiếng mình đó là khách thể để phân biệt với tiếng ta chủ thể:
 „***Mình** về **mình** nhớ **ta** chẳng,
Ta về **ta** nhớ hàm răng **mình** cười.*“
 Tân Đà trong bài thơ „*Đề ảnh mình*„, cũng có hai câu thơ:
 „***Mình** với **ta** tuy hai mà một,
Ta với **mình** tuy một mà hai.*“
 Chữ mình còn vừa là khách thể vừa là chủ thể, như vậy là hai mình hay chúng mình:
 „*Anh kia **gánh** lúa **một mình**,
Cho em **gánh** với **hai mình** cho vui.*“
 „*Em nghe họ nói mong manh,
Dường như họ biết **chúng mình** với nhau.*„

Thật ra không cần phân biệt mình với ta, một mình, chúng mình, hai mình... chỉ riêng tiếng **mình** cũng đã nói lên đầy đủ ý nghĩa tình nghĩa lứa đôi, đặc trưng của triết lý lưỡng hợp thái hòa.

Như vậy tiếng Việt không nghèo nàn, mà trái lại còn phong phú và có nhiều điểm độc đáo, thú vị nữa.

Tiếng Việt độc đáo

Tiếng Việt độc đáo do hình thức cấu tạo của nó, phong cách nói và bút pháp đặc biệt như thể húng, phép tỉ dụ, lối phản ngữ, nói lái...

Hình thức cấu tạo tiếng Việt

Tiếng Việt thuộc loại đơn âm, nhưng do Văn hóa Việt có triết lý lưỡng hợp thái hòa, cho nên ngôn ngữ không đứng đơn độc, mà thường ở dạng kết hợp kép. Hơn nữa tiếng Việt còn có năm dấu: sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, cho nên có thể nói tiếng Việt có khả năng biến hóa, uyển chuyển và giàu chất nhạc như: lao xao, rì rào, kẽo kẹt, tích tịch tình tang:

„ *Gió lao xao tàu cau ngã liệt,
Nghe em lấy chồng, anh rũ liệt tay chân.*“

„ *Lời anh âu yếm chiều nào,
Thoảng vang trong gió rì rào chớm thu.*“

„ *Gió đưa kẻo kệt cành tre,
Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu.*“

„ *Đàn kêu tích tịch tình tang,
Ai đem công chúa lên thang mà về.*“

Những danh từ kép như: đồng ruộng, quê hương, đất nước, non sông, nước non, gia đình...rất phổ biến:

„ *Anh đi gìn giữ quê hương,
Có em ở lại đảm đương gia đình.*“

„ *Chè non nước chát xin mời,
Nước non, non nước nghĩa người chớ quên.*“

Tiếng nước, non đều có nghĩa riêng, nhưng khi ghép lại thành tiếng kép thì có nghĩa khác. Lại có những tiếng chỉ cơ quan trong thân thể con người thuộc về vật chất cụ thể, mà khi ghép lại thì có ý nghĩa trừu tượng tinh thần:

„ *Ngọn mía lau bó cô chèo lái,
Phải đạo can trường bớt mái chèo anh.*“

(Can: gan, trường: ruột. Đạo can trường ý nói đạo vợ chồng)

„ *Giọng nói rầm rập tiếng dư,
Trai thì can đảm, gái ư gan lì.*“

(Can: gan, đảm: mật. Can đảm, gan lì: chỉ sức mạnh tinh thần không sợ gian nan, nguy hiểm)

„ *Gió nam non thổi lòn hang chuột,
Thấy anh bơi xuống dứt ruột dứt gan.*“

(Dứt ruột, dứt gan: Đau xót như đứt từng khúc ruột, từng mảnh gan)

Động từ cũng thường ở dạng tiếng kép như đã được đề cập ở phần „ *Tiếng Việt phong phú* „, như những tiếng ngại ngùng, gánh gồng, gánh vác, học hành...

„ *...Quản bao non nước ngại ngùng,
Lấy ai san sẻ gánh gồng đường xa.*“

„ *Ai đi gánh vác non sông,
Để ai chứa chất sầu đông voi đầy.*“

(Gánh vác nghĩa bóng là đảm nhận trọng trách, nghĩa vụ)

Tính từ kép thì biến đổi linh động tùy theo tiếng phụ kết nối, hay chính tiếng đó biến đổi như: đo đỏ, đỏ hoe, đỏ lòm, đỏ rực, nho nhỏ, xanh xanh...

„ *Tờ thơ đo đỏ, anh dán con cò đen,
Gởi về thăm mẹ có tên em trong này.*“

„ *Ngày đi lúa chứa có về,
Ngày về lúa đã đỏ hoe ngoài đồng.*“

„ *Vách thành cao lắm khó dòm,
Nhớ anh em khóc đỏ lòm con người.*“

„ *Đường đi nho nhỏ,
Bờ cỏ xanh xanh.*

*Không duyên không nợ không tình,
Đồng không mông quạnh sao mình gặp ta? ..*

Tiếng phụ kép vào tính từ thành tiếng kép có tác dụng làm tăng hoặc giảm cường độ của tiếng ấy, thường thì tạo sự hài hòa theo tinh thần triết lý lưỡng hợp thái hòa. Chữ xanh thêm vào chữ xanh nữa thành xanh xanh. Hai lần chữ xanh không có nghĩa là tăng cường độ xanh lên, mà cốt làm cho màu xanh hòa dịu hơn. Ở đây ý nghĩa của tính từ xanh xanh là do tính cách hài hòa, là phẩm, chứ không phải lượng.

Bài ca dao “ *Đường đi nho nhỏ... ..* ”, đọc lên nghe tiếng nào cũng uyển chuyển, có đôi có bạn (lưỡng hợp), chứ không ở thể cô đơn, cứng nhắc: *nho nhỏ, xanh xanh, đồng không mông quạnh, mình gặp ta*. Cặp đôi của những chữ kép này không có ý nghĩa nhị nguyên, mà ý nghĩa của nó nằm ở khoảng giữa lung linh để cho con người tự mình cảm nghiệm lấy. Nếu bảo rằng *không duyên, không nợ, không tình* vậy thì sao

minh (lại)gặp ta? Cuộc gặp gỡ của mình với ta có phải do ngẫu nhiên chăng ? Hay do mối liên hệ nào đó: duyên, nợ, tình? Chỉ trong hai câu sau của bài ca dao mà có tới bốn chữ *không* : tâm không mà cảnh cũng trống không, là điều kiện tốt cho ánh sáng minh triết lóe lên. Trai gái ở nông thôn có tâm hồn rất nhạy bén do không chịu ảnh hưởng văn hóa ngoại lai, họ sống giữa thiên nhiên, cảm nhận qui luật tự nhiên bằng cả lý lẫn tình, rằng :

„ *Năng mưa thì giêng năng đày,
Anh năng đi lại, mẹ thầy năng thương.* “
„ *Xưa kia ai biết ai đâu,
Chỉ vì điều thuốc, miếng trầu nên quen.* “
Cho nên khi hỏi „...*sao mình gặp ta?*“ là đã ngầm trả lời rồi vậy.

Những chữ kếp, khi được kếp nhồi thêm nữa thì cường độ ý nghĩa sẽ gia tăng, có thể làm mất đi tính cách hài hòa của chữ kếp. Hiệu ứng này tương tự như sự đưa võng ru em, nếu đưa đẩy mạnh liên tiếp thì sẽ mất đi trạng thái êm ái cần thiết của sự ru em.

Ví dụ: Nếu giọng nói „ *xí xô xí xào* „ của khách lạ nghe không mấy êm tai, thì tiếng nhạc kích động „ *rậm rà rậm rật* „ lại càng buồn nôn (Thời buổi Tây Tàu).

Một ví dụ khác: „ *bồi hồi bồi hồi* „ trong câu: „ *Nhớ ai bồi hồi bồi hồi.* “ là nhớ nhiều lắm, nhớ da diết, nhớ thăm thiết...

Bây giờ thử xét bài thơ *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến (1835- 1909)

„ *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tùng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

*Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.* “

Những tính từ kếp như *lạnh lẽo, trong veo, xanh ngắt, vắng teo* tuy có gia tăng cường độ, nhưng vẫn chừng mực, dịu dịu, là tính chất đặc biệt của mùa thu. Còn những động từ đi đôi với trạng từ như *gợn tí, khẽ đưa vèo, đớp động* cũng nói lên những động tác nhẹ nhàng hòa hợp tâm tình của con người với thiên nhiên.

Thể hứng

Thể hứng tả một vật để khai mào, rồi tiếp theo mới nói đến ý mình:

„ *Quốc kêu réo rất trên ngàn,
Gà rừng tao tác gọi con trên đồi.
Lạnh lùng thay lảng giêng ơi,
Lảng giêng lạnh ít, sao tôi lạnh nhiều.*

Quốc là loài chim chung tình, khi con bạn mất, con còn lại suốt ngày kêu thảm thiết. Những tiếng kếp „ *réo rất, tao tác* „ rất gọi thanh, gọi hình làm hiện ra khung cảnh nào nùng, tàn mát, phân ly.

Thường thường thì những câu mào đầu đều có ý nghĩa liên quan đến ý chính theo qui luật liên hệ phổ quát, nếu không thì đó là bài ca dao xoàng. Ví dụ có nơi đã lưu truyền hai câu ca dao sau đây:

„ *Gió đẩy đưa lược thưa uốn éo,
Lấy em về anh dạy khéo dạy khôn.* “

Lược dầu có thưa đến như thế nào cũng làm sao mà uốn éo được khi gió đẩy đưa. Ở nơi khác cũng với mẫu ca dao đó, nhưng được trình bày có tình có lý hơn:

„ *Gió đẩy đưa giọt mưa uốn éo,
Lấy em về anh dạy khéo dạy khôn.* “

Phép tỉ dụ

Phép này thường dùng hình ảnh cụ thể

để bổ xung, làm rõ hơn ý muốn nói còn trừu tượng:

„Nớ ai bồi hồi bồi hồi,
Như đưng đống lửa, như ngòi đống than.“
„Ai nặn nên cái núi Nhân,
Trông xa như Phật, trông gần như Tiên.“
„Thiếp gặp chàng như Ngưu Lang gặp hội,
Chàng gặp thiếp như hạc độ lưng quy.“
„Bấy lâu vắng tiếng vắng tăm,
Như đàn vắng nhị, như tầm vắng dâu.“
„Trông thành như nón không quai,
Như thuyền không lái, như ai không chèo.“
„Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Ai vô xứ Nghệ thì vô.“

Lối nói lái

Lối nói này dựa vào sự đảo ngược giữa hai tiếng liền nhau tạo ra hai tiếng khác với ý nghĩa cũng khác như là hình thức chơi chữ. Trong thi ca của Trạng Quỳnh, Hồ Xuân Hương có lối nói lái như thế để nói trại, tránh đi những lời tục quá lộ liễu nhằm đả kích thói đời.

Trạng Quỳnh tức Nguyễn Quỳnh (1677-1748) với bài *Đề tượng Bà Banh*:

„Khen ai **đẽo đá** tạo nên mây!
Khéo đưng ru mà đưng mãi đây
Trên **cổ đẽo** đeo dăm chuỗi hạt
Dưới chân **đưng chéo** một đôi giày...“

Hồ Xuân Hương (1772- 1822) với bài *Sự bị làng đuối*:

„Cái kiếp tu hành nặng **đá đeo**
Vị gì một chút tẻo tèo tèo
Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc
Trái gió thành ra phải **lộn lèo!**“

Có điều lạ là lối nói lái này trong cao dao của giới bình dân lại thanh tao hơn:

„Đêm **Thủ Đức** năm canh **thức đủ**,
Kẻ **cơ thần** trở lại **Cần Thơ**.“

„Con cá **đổi** nằm trên **cối đá**,

Chim đa đa đậu nhánh **đa đa**.“

(Tiếng đa đa qua lối nói lái cũng là đa đa vì không có dấu)

Lối phản ngữ

Lối phản ngữ là lối nói trái lại, nói ngược đời gây sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng nhằm khiêu gợi suy tư để phân biệt giá chân:

„Ở đời **Kiệt Trụ** sướng sao,
Có rừng nem béo, có ao rượu đầy.
Ở đời **Nghiêu, Thuần** khổ thay,
Giếng đào mà uống, ruộng cây mà ăn.“

Kiệt, Trụ là hai hôn quân, vô đạo cùng với đám nịnh thần chỉ ăn chơi, hưởng thụ, trong khi dân chúng đói rách, làm than. Nghiêu, Thuần là hai vị thánh vương, lấy đức cai trị, cho nên dân được yên ổn làm ăn, ấm no, hạnh phúc. Ý của bài ca dao theo lối phản ngữ này vẫn còn có tính hiện thời: Kẻ đục khoét của công, sống bám vào công sức của dân mà cho là sướng, là vinh sao? Người sống bằng công sức của chính mình mà cho là khổ, là nhục sao?

Dưới đây là bài đồng dao cũng theo lối phản ngữ, không chỉ nhằm mua vui cho trẻ con, mà gián tiếp tập cho chúng biết phân biệt thật với giả, những điều có thể và không thể, tập làm quen với những sự nghịch đời đơn giản để từ đó suy tư về những nghịch lý còn phức tạp hơn nữa trong hoàn cảnh xã hội mất quân bình, đảo điên:

„**Bao giờ cho đến tháng ba**,
Ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng.
Hùm nằm cho lợn liếm lông,
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
Năm xoi nuốt trẻ lên mười,
Con gà, be rượu nuốt người lao đao.
Lươn nằm cho trúm bò vào,
Một đàn cào cào đuối bắt cá rô.
Lúa mạ nhảy lên ăn bò,
Cỏ năn, cỏ lác rình mò bắt trâu.“

*Gà con đuối bắt diều hâu,
Chim ri đuối đánh võ đầu bò nông.*

Hình ảnh „chim ri đuối đánh võ đầu bò nông „ khiến ta liên tưởng đến hai câu ca dao nói về lịch sử quen thuộc:

„ *Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.*“

Tiếng Việt uyển chuyển, ngọt ngào

Nhờ có năm dấu phụ họa, lại thêm phong cách ăn nói, cho nên tiếng Việt uyển chuyển, ngọt ngào:

„ *Chim khôn ăn mận ăn đào,
Gái khôn ăn nói ngọt ngào dễ nghe.*“
„ *Anh đã có vợ con chưa?
Mà anh ăn nói đầy đũa ngọt ngào.*“
„ *Gió đưa gió đẩy bóng trang,
Ai đưa, ai đẩy duyên nàng tới đây?
Ai đi đâu đấy hỏi ai?
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm.*“

Phong cách „ ăn nói đầy đũa „ cũng như hiện tượng „ gió đưa gió đẩy „ là mô phỏng theo bản chất của thế giới sự vật biến động , uyển chuyển như dọn sóng, mà người bình dân đã quen sống và trải nghiệm trong đó.

Ngoài ra tiếng hát ru con của các bà mẹ hòa cùng tiếng võng đưa bao giờ cũng êm ái, ngọt ngào, lưu lại trong lòng trẻ thơ từ thế hệ này qua thế hệ khác. Cho nên đối với trẻ, mẹ hiền là hiện thân cho những gì ngọt ngào nhất trên đời:

„ *Mẹ già như chuối ba hương,
Như xôi nếp một, như đường mía lau.*“

Tiếng Việt hàm súc, bóng bẩy và thâm thúy

Hàm súc, bóng bẩy, thâm thúy là nhờ khéo dùng cách nói gần nói xa, nói vòng vo, chứ nói thẳng ra thì có vẻ đường đột quá:

„ *Đường xa thì thật là xa,
Mượn mình làm mối cho ta một người.
Một người mười tám đôi mươi,
Một người vừa đẹp vừa tươi như mình.*“

Khéo dùng hình ảnh quen thuộc ở thôn quê, nơi trai gái cùng nhau tát nước vào ruộng hay khai mương dẫn nước vào vườn để qua đó thăm dò tình ý nhau:

„ *Thương thương, nhớ nhớ, thương thương,
Nước kia muốn chảy mà mương không đào.*“

Hai câu thơ sau đây trong truyện Kiều và cũng được nghe nói đến trong ca dao:

„ *Lơ thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên cành mía mai.*“

Ở đây con chim oanh được nhân cách hóa, nói lời mía mai chàng trai si tình, nghĩa là tác giả mượn khách thể để nói đến tâm tình chủ thể (tá khách hình chủ).

Trước hai câu thơ trên, trong truyện Kiều còn có những câu:

„ *Cho hay là giống hữu tình,
Đó ai gỡ mối tơ mành cho xong!...*

„ *Ví chăng duyên nợ ba sinh,
Làm chi những thói khuynh thành trêu người.*“

Những hình ảnh „ *Lơ thơ tơ liễu buông mành- con oanh học nói- gỡ mối tơ mành- thói khuynh thành trêu người* „ đều có liên hệ với nhau trong việc nói bóng bẩy, mía mai chàng si tình.

Đặc điểm của hình ảnh trong thơ văn, ca dao không chỉ bóng bẩy trong tình tự lãng mạn, trữ tình, mà còn hàm súc, thâm thúy, triết lý nữa.

Hình ảnh nắng mưa (thế giới hiện tượng):

„ *Nắng mưa là chuyện của trời,
Tương tư là chuyện của tôi yêu nàng.*“

Nếu nắng với mưa là quan hệ trong thế giới tự nhiên (luật âm dương) thì tương tư là khía cạnh trong chuyện tình yêu trai gái.

Tương tư không phải là chuyện để *mia mai*, mà đó là dấu hiệu khởi đầu của Đạo, bởi vì một âm, một dương là Đạo.

Hình ảnh mưa và giềng trong văn hóa nông nghiệp:

„*Năng mưa thì giềng năng đầy,
Anh năng đi lại, mẹ thầy năng thương.*“

Lời người con gái khuyên người con trai nghe vừa êm ái, ngọt ngào làm sao, lại vừa khôn ngoan, hàm súc ý nghĩa triết lý nữa: „*Năng mưa thì giềng năng đầy*“ (qui luật lượng phẩm).

Hình ảnh bóng trăng và ngọn đèn:

„*Tới đây trước lạ sau quen,
Bóng trăng là nghĩa, ngọn đèn là duyên.*“

Cả hai đều có ý nghĩa đạo lý, tình nghĩa, tình duyên.

Và đây là hình ảnh ánh trăng vàng tuyệt đẹp mà không biết tại sao cô gái vô tình mủm đổ đi:

„*Hỡi cô tác nước bên đàng,
Sao cô mủm ánh trăng vàng đổ đi.*“

Hình ảnh mặt trăng chiếu sáng vạn vật như gương sáng của mẹ hiền soi tỏ bước đi của các con:

„*Mẹ già như ánh trăng khuya,
Dịu dàng soi tỏ bước đi con hiền.*“

Đối với Việt lý, khi tâm cảnh giao hòa thì mặt trăng hiện ra rạng rỡ tròn vẹn, chiếu tỏa khắp trần gian, vạn vật đều được hưởng ân sáng. Nhưng khi tâm chao đảo, hoặc gặp cảnh bẻ bàng, tâm cảnh không còn hòa hợp, người buồn thì cảnh cũng chẳng vui bao giờ:

„*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!* „
(Kiều)

„*Bóng cam, bóng quít sau hè,
Bóng trăng đưa lại, tưởng là bóng ai!* „

Trăng Khuya Treo Ngọn Đình Trời

Đem thơ ủ Cội Hoang Đường
Thấy trăm Lá Nhớ vẫn vương trở mình
Nụ tươi, lá biếc, cành xinh
Hoa như tháp bút nghe tình băng khuâng
Đâu đây thoảng tiếng chuông ngân
Đôi bờ Hư Thực, Áo Chân nhắc mình
Trong hồn chợt ánh bình minh
Hồi chuông tĩnh thức lắng tình nhân gian
Lòng dâng Tâm Nguyện hân hoan
Ngọc Lan, Tháp Bút rờ ràng Ý Hoa

Trở về ta lại gặp ta
Hoa Vô Ưu nở trên Toà Kim Cang
Trăm năm một Giác Kê Vàng
Đem Thơ ủ Cội Hoang Đường, gió bay

Phát phơ trắng xóa khung mây
Một dòng như huyễn ... Lá bay xạc xào
Gió lên cao, Lá bay cao
Dường như Lá Nhớ lạc vào Sông Trăng
Sông Trăng trầm lặng mênh mang
Rừng Hư, Rừng Thực ngàn năm tiếng thầm
Biển âm vang, Sóng vọng âm
Còn chăng là một Chữ Tâm sáng ngời ...

Trăng Khuya Treo Ngọn Đình Trời
Chuông đâu thanh thoát ru đời trầm luân
Có thuyền về bến Chân Tâm
Đôi hoa, Mai nở trắng ngân mây bay
Con Chim hót dưới vòm cây
Tiếng trong như Suối, gió ngậy hương rừng
An Nhiên Tâm Trụ vô cùng
Thời Không lắng đọng mênh mông Biển Trời

Tuệ Nga

*(Trích Thi Phẩm Về Bên Suối Tịnh)

Khi tâm mất quân bình thì có sự nhầm tưởng, ngộ nhận. Lúc đó tâm và cảnh bị phân hóa, không còn giao hòa nữa:

„*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng.*“
(Kiều)

Hai hình ảnh tương phản „*mây sớm, đèn khuya*“ báo cho biết „*nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*“. Rồi vàng trắng bây giờ dường như cũng bị xẻ làm đôi như tình cảnh con người phân ly:

„*Vàng trắng ai xẻ làm đôi?
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*“
(Kiều)

Ca dao:

„*Vàng trắng ai xẻ làm đôi?
Đường trần ai rẽ ngược xuôi hỡi chàng?*“
„*Anh đi đường ấy xa xa,
Để em ôm bóng trắng tà năm canh.*“

Hình ảnh đầu tóc quấn vòng:

„*Tò vò xoay tỏ trong đình,
Em xoay đầu tóc cho qua nhìn kéo quên.*“
Hình ảnh cầu Ô Thước, sông Ngân Hà:
„*Cầu Ô Thước trăm năm giữ vẹn,
Sông Ngân Hà mãi mãi không phai.*“

Sông Ngân Hà là hình ảnh của dải Ngân Hà trên bầu trời có hình xoắn ốc, đầu tóc quấn vòng cũng có hình dạng tương tự. Đây là những hình ảnh có thể gợi lên ý thức về sự vận hành của vũ trụ, thế giới vạn vật, vận hành theo xoắn ốc chứ không phải thẳng tắp. Chính hình thức vận hành này làm nảy sinh ra sự phân cực, mâu thuẫn. Từ dải Ngân Hà, người ta huyền thoại hóa thành sông Ngân Hà chia cách mỗi tình Ngưu Lang, Chức Nữ như ý thức nhị nguyên. Mỗi năm họ chỉ được gặp gỡ nhau có một lần nhờ có chim Ô Thước bắc cầu. Thật là quá ít ỏi.

Con sông ở trần thế cũng là hình ảnh phân chia đôi bờ cách biệt, cho nên ai cũng ao ước bắc nhịp cầu:

„*Ước gì sông hẹp vài gang,
Bắc cầu dài yếm cho chàng sang chơi.*“

Mấy tiếng „*bắc cầu dài yếm*“, nói bóng bẩy tình ý thiết tha, chứa chan biết bao hứa hẹn nồng thắm. Bắc cầu sang sông là hình ảnh nói lên sự kết duyên lứa đôi:

„*Xin anh hãy cứ yên tâm,
Trước sau rồi cũng bắc cầu đẹp duyên.*“

Hình ảnh biểu tượng huyền thoại nói lên điển tích phổ biến trong dân gian như „*đồng bào*“ (bọc trăm trứng), „*vuông tròn*“ (truyện bánh dày bánh chưng):

„*Anh em cốt nhục đồng bào,
Vợ chồng là đạo lẽ nào chẳng thương.*“
„*Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.*“

(Kiều)

Hình ảnh vuông tròn xuất hiện khá nhiều trong ca dao từ lâu:

„*Quế càng già càng tốt,
Mía càng đốt càng ngon.*“
*Anh thương em đặng nghĩa vuông tròn,
Mấy sông cũng lội, mấy hòn cũng leo.*“

Trầu cau vừa là hình ảnh biểu tượng tình nghĩa như trong truyện Trầu Cau, vừa là phẩm vật cụ thể trong đời sống dùng để thưởng thức (ăn trầu), xã giao, nghi lễ như lễ vật cưới hỏi.

Trầu cau mở đầu cuộc giao tiếp:

„*Miếng trầu là đầu câu chuyện* „

Miếng trầu đi trước chuẩn bị cho tiếng nói, thứ tiếng nói có phong cách thanh tao, trang trọng, đượm tình nghĩa, có lễ nghi. Như vậy miếng trầu tự nó đã là nghĩa tương giao, là khởi đầu mỗi duyên tình:

„*Miếng trầu là nghĩa tương giao,
Muốn cho đây đấy duyên vào hợp duyên.*“

„*Trầu vàng nhá lẫn cau xanh,
Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.*“
Nhưng lúc khởi đầu cũng phải tạo cơ hội
để trao nhau miếng trầu sao cho phải đạo
mà cũng rất tinh tú:

„*Cách nhau một bức rào thưa,
Tay chùi nước mắt, tay đưa miếng trầu.*“
„*Tôi trao miếng trầu thì mang câu bất hiểu,
Vây tôi để trên hàng rào, ai hiểu ý thì ăn.*“

Trầu cau không phải là sản vật thông
thường, mà là biểu tượng của tình nghĩa
trang trọng:

„*Trầu này trầu nghĩa trầu tình,
Trầu non trầu già trầu mình với ta.*“

Tình nghĩa, tình duyên êm đẹp rồi còn
phải nghĩ tới ơn đức sanh thành nữa:

„*Trầu ăn là nghĩa, thuốc xỉa là tình,
Đội ơn phụ mẫu sinh mình dễ thương.*“

Trầu cau là đề tài để trai gái ví von tỏ tình:

„*Anh về cuộc đất trồng cau,
Cho em giâm kén dây trầu một bên.
Chờng nào trầu nọ bén lên,
Cau kia ra trái, lập nên cửa nhà.*“

„*Thương nhau lại hẹn năm sau,
Cho trầu ra lộc, cho cau trở buồng.*“

Phải chờ cho có đủ trầu cau vì đó là lễ
vật cưới hỏi không thể thiếu được:

„*Mâm trầu hũ rượu dâng hoàng,
Cây mai đến nói phụ mẫu nàng mới xong.*“

Như vậy miếng trầu, mâm trầu trở thành
nghị thức đi trước tiếng nói, tăng cường
hiệu năng của tiếng nói gấp muôn lần.

Tiếng Việt ví von dí dỏm

Ngoài ra tiếng Việt cũng có tính châm
biếm dí dỏm nữa:

„*Quả cau nho nhỏ,
Cái vỏ vân vân.
Nay anh học gần,*

*Mai anh học xa.
Em lấy anh từ thuở mười ba,
Đến năm mười tám thiếp đã năm con.
Ra đường thiếp hãy còn son,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng.*“

Dĩ dỏm ở chỗ thiếp hãy còn son mà đã
có năm con rồi do tục tảo hôn khi xưa. Đó
là cái dí dỏm tương đối nhẹ nhàng của
người con gái còn nhỏ mà đã lấy chồng quá
sớm. Sau đây là cái dí dỏm đầy mỉa mai của
một bà già muốn lấy chồng:

„*Bà già đi chợ Cầu Đông,
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Thầy gieo một quẻ dận rằng,
Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn.*“

Đây là lối chơi chữ. Lợi là có ích lợi, trái
nghĩa với có hại. Lợi cũng là nướu răng.

Bài ca dao có thể được hiểu theo hai nghĩa:

- Già rụng hết răng, chỉ còn có nướu mà
muốn lấy chồng thì lợi nổi gì.

- Lợi đâu không thấy, mà phải bầm vậ: lợi
bất cập hại (răng không còn).

Tóm lại tiếng Việt phong phú, độc đáo,
bóng bẩy, hàm súc, dí dỏm và nhất là rất
mềm yếu do được áp ủ, nuôi dưỡng từ tiếng
ru con của các bà mẹ từ thuở năm nô, đã
trở thành tiếng lòng. Cho nên có những
thiếu nữ khi lớn lên, lấy chồng rồi mà vẫn
còn luyến tiếc cái thời còn bên cha, bên mẹ:

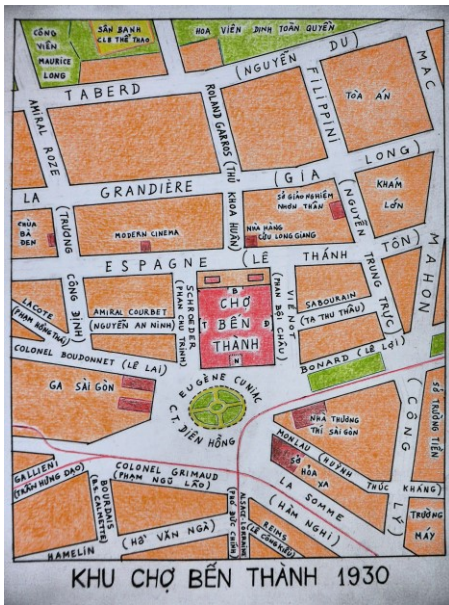
„*Ấu ơ, bông bần rụng trắng ngoài sông,
Lấy chồng xa xứ khó mong quay về.
Xa xưa con ở dựa kê,
Bên ba bên má vỗ về ca dao.*“

Nguyễn Văn Nhiệm
(Văn Hóa Việt - Những bước thăng trầm)

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA ĐẠO PHỐ VÒNG QUANH CHỢ BẾN THÀNH

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Chúng ta cùng tìm lại hình ảnh của Sài Gòn vào các thập niên 1920, 1930. Từ bùng binh chợ Bến Thành ta đi dạo một vòng chung quanh chợ, qua các đường phố nay đã đổi tên thành Phan Bội Châu, Tạ Thu Thâu, Lê Thánh Tôn, Thủ Khoa Huân, Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh.



Công trường Eugène Cuniac.

Bùng binh chợ Bến Thành, còn gọi là công trường Diên Hồng hay công trường Quách Thị Trang, đặt tên là Eugène Cuniac

từ năm 1914 đến 1955. Cuniac là viên thị trường đã đóng góp tích cực vào việc lấp cạn đầm lầy Boreesse và sửa sang khu vực chợ Bến Thành. Công trường này là một ngã tám, nơi hội tụ các đường và đại lộ hiện nay như: Lê Lợi, Huỳnh Thúc Kháng, Hàm Nghi, Phó Đức Chính, Trần Hưng Đạo, Lê Lai, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu.

Vào những năm công trường mới thành lập, đất nền còn trải đá nhuyễn. Mặc dù nhà cửa chung quanh đã xây dựng khang trang, ngựa xe tấp nập, hành khách dập diu lên xuống xe điện, xe đồ, phong cảnh có vẻ trù phú nhưng chưa đáng gọi là ngoạn mục. Ở giữa công trường có một bãi đất tròn đắp cao, trên ấy trồng cỏ và chừa lối đi hình chữ thập, bãi đất ấy dùng để làm tiêu đảo hướng dẫn trật tự giao thông cho xe cộ. Thời ấy chưa có một bóng cây che nắng dành cho người đi bộ, chỉ thấy những cột đèn đứng rải rác, hoặc hàng cột giăng dây cáp xe điện đứng dọc theo các đường sắt. Vào năm 1930, công trường Cuniac là nơi tập trung ba tuyến đường xe điện:

- 1) Xe điện đi Chợ Lớn theo đại lộ Gallieni (Trần Hưng Đạo). Tuyến này còn gọi là “đường xe lửa giữa”.
- 2) Xe điện đi Chợ Lớn theo đường Alsace-Lorraine (Phó Đức Chính) chạy dọc

theo bờ rạch Bến Nghé và bờ kinh Tàu Hủ. Tuyến này còn gọi là “đường xe lửa mé sông”.

3) Xe điện đi Gò Vấp theo đại lộ Bonard (Lê Lợi). Đến Gò Vấp tuyến này chia hai nhánh, hoặc đi Hóc Môn hoặc đi Lái Thiêu - Thủ Dầu Một.



Bùng binh chợ Bến Thành (ảnh Nadal)

Ngoài ra còn một đường sắt dành cho xe lửa vận chuyển hàng hóa từ nhà ga Sài Gòn đi dọc theo đại lộ La Somme (Hàm Nghi), vượt qua cầu quay đến thương cảng Khánh Hội.

Những công thụ đáng kể trên công trường Cuniac :

- Nhà ga Sài Gòn, còn gọi là ga Mỹ Tho hay ga xe lửa Đông Dương, nằm giữa hai đường Colonel Grimaud (Phạm Ngũ Lão) và Colonel Boudonnet (Lê Lai). Ga này là nơi khởi hành tuyến đường sắt đi Mỹ Tho và một tuyến khác đi Nha Trang (ít lâu sau nối với đoạn đường sắt Đà Nẵng – Hà Nội – Biên giới Việt Hoa.)

- Sở Hỏa xa (Direction des Chemins de fer), nằm tại đầu đại lộ La Somme (Hàm Nghi).

- Ngôi nhà nằm trên mũi đất tại đầu đại lộ Bonard, bên cạnh nhà thương thí

(Polyclinique municipale). Năm 1926, ngôi nhà này được sử dụng làm viện Bài trừ hoa liễu (Institut prophylactique), sau này được trùng tu trở thành bót cảnh sát Lê Văn Ken.

Công trường Cuniac còn là nơi dân chúng tụ tập đông đảo để tham dự những cuộc vui chơi, giải trí... Các gánh xiếc đã đến đây cắm cọc căng lều có thể kể: Fillis và Harmston's của Anh Quốc (1921-1922), Jeune Annam của ông André Thận (1922), Việt Nam của ông Tạ Duy Hiền (1925-1927-1928). Gánh xiếc Tiên Long cũng đến đây trình diễn vào năm 1927, nhân dịp đó hội Quyền Anh mượn lều để tổ chức các trận đấu. Vào buổi tối những ngày lễ có chiếu phim do hội Patronnage laïque đài thọ (Đây là hội bảo trợ giáo dục ngoài học đường, có những hoạt động như truyền bá vệ sinh, tổ chức trại hè, hướng dẫn du ngoạn...). Vào mỗi dịp lễ Quốc khánh Pháp (14 tháng 7) hoặc lễ thánh Jeanne d'Arc cũng có chiếu phim. Mỗi năm đến ngày bế mạc lễ rước cộ của Chà Xã tri, dân chúng kéo đến đây xem bắn pháo bông (trước năm 1928). Vào tháng 12 năm 1927, các quan chức và thường dân cũng tụ tập tại công trường Cuniac để xem biểu diễn sử dụng bình chữa cháy Imperator dùng để chống hỏa hoạn. Vào dịp gần Tết Nguyên Đán, công trường và đường phố quanh chợ là nơi họp chợ Tết và chợ hoa xuân (khoảng 1929)

Từ phía đại lộ Bonard (Lê Lợi) đường xe điện uốn cong chạy qua đường Alsace-Lorraine (Phó Đức Chính). Tại khúc ngoặt trước sở Hỏa xa, thừa dịp xe điện chạy chậm, nhiều hành khách, nhất là trẻ con, đứng trên bậc lên xuống xe từ đó nhảy

xuống đường hoặc từ dưới đường phóng lên xe trước khi xe dừng tại trạm gần đây. Đôi khi có người bị vấp ngã, dẫn đến tai nạn thương tâm.



Chợ Bến Thành nhìn từ đại lộ La Somme

Đường Colonel Grimaud (Phạm Ngũ Lão)

Nơi phía Nam công trường có một đoạn đường ngắn bắt đầu từ đường Alsace-Lorraine (Phó Đức Chính) tới đường Bourdais (Bác sĩ Calmette). Đoạn này là một phần của đường Colonel Grimaud (Phạm Ngũ Lão) mà phần còn lại nằm bên ngoài công trường, dọc theo bức tường khu chứa vật liệu của nhà ga Sài Gòn. Grimaud là tên của một viên đại tá trong quân đội viễn chinh tại Đông Dương, tử trận trên chiến trường Pháp trong Đệ nhất Thế chiến. Đặc điểm của khúc đường này là nhà cửa nằm về một phía, bên phía đối diện là vỉa hè rộng song song với đường xe điện đi Chợ Lớn.

Nhà cửa trên đường Colonel Grimaud gồm dãy phố hai tầng, nơi tầng trệt thường dành cho việc kinh doanh buôn bán, tầng lầu dành làm nhà ở hoặc khách sạn bình dân. Vì nằm gần nhà ga và các bến xe, nên đường Colonel Grimaud có nhiều khách

sạn: Tân Thịnh, Tân Nhựt, Nam Thành, Định Công, Tam Kỳ. Ngoài ra cũng có nhiều tiệm tạp hóa, tiệm cơ khí chuyên sửa chữa và bán phụ tùng xe hơi... Tại nhà số 3 gần đường Alsace-Lorraine (Phó Đức Chính) vào khoảng 1925 là trụ sở của hội Khuyến học (Enseignement mutuel), nơi tổ chức những buổi diễn thuyết hoặc mạn đàm về văn hóa, lịch sử, pháp luật... Thịnh thoảng hội Patronnage laïque mượn trụ sở này để chiếu phim giải trí cho các con em hội viên. Nhà mang số 13 và 15 là hãng xe đồ Lương Hạp, chạy đường Sài Gòn-Vĩnh Long, xe đậu chờ khách ngay trước cửa hãng. Nhà hàng Thanh Châu (số 31) cũng là địa điểm giải trí Chim Oanh, nơi tổ chức đàn ca xướng hát dành cho khách yêu ca nhạc. Phòng mạch của bác sĩ Lê Văn Quyền (số 33) vẫn hoạt động đến thập niên 1950. Hai nhà may danh tiếng là Fou Kin Dji (số 37, sau dời về đại lộ Bonard) và Adam-Mode (số 49). Hai tờ nhật báo cũng góp mặt trên đường phố này, tòa soạn của báo Sài Gòn nằm tại địa chỉ số 39 và của báo L'Écho Annamite tại số 59E.



Bến xe đồ trước sở Hỏa xa (ảnh Comiel)

Khách sạn Tam Kỳ của ông Huỳnh Huệ Ký (số 67-69), gồm dãy phòng ngủ bố trí trên lầu thông qua đường phố bên cạnh. Phòng trà và vũ trường Tabarin (số 75) chiếm nhiều căn phòng rộng trên tầng lầu tại góc đường Bourdais (Bác sĩ Calmette) vào khoảng 1933, tồn tại đến đầu thập niên 1950 (Tabarin đổi thành nhà hàng-vũ trường Văn Cảnh trước năm 1975).

Bước ra khỏi bùng binh Cuniac ta cùng đi lướt qua các đường phố bên cạnh chợ Bến Thành, nơi đầu tiên ta đến là đường Viénot (Phan Bội Châu).



Nhà ga Sài Gòn (ảnh H.B)

Đường Viénot (Phan Bội Châu)

Đường này đặt tên Viénot từ 1914 đến 1955, lấy tên của một luật sư có chân trong Hội đồng thành phố. Nay là đường Phan Bội Châu, con đường nằm dọc bên phía Đông chợ Bến Thành, gồm dãy phố ba tầng. Như tất cả các đường bao quanh chợ, nhà cửa trên đường này xây bên phía đối diện chợ. Đường Viénot bắt đầu từ đại lộ Bonard (Lê Lợi) tới đường Espagne (Lê Thánh Tôn), mặt đường khá rộng (18 mét), xe đồ có thể đậu theo chiều ngang, vài

mươi chiếc kề nhau trên bến, đưa đón khách đi các tỉnh miền Đông (Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu...)

Năm 1930, Hội đồng thành phố dự định cho xây nhà vệ sinh công cộng ngầm dưới lòng đường ở khoảng cửa Đông của chợ (cùng lúc dự định cho xây một nhà vệ sinh khác, đào dưới lòng đường bên phía cửa Tây), để thay thế hai dãy nhà vệ sinh bên đường Espagne (Lê Thánh Tôn) phía sau chợ Bến Thành.

Đường Viénot có nhiều tiệm của người Hoa (nữ trang-đồng hồ, tạp hóa, thực phẩm, thuốc Bắc...), người Ấn (tạp hóa, hàng vải tơ lụa). Như nhiều đường phố thương mại tại Sài Gòn, nơi đây các sắc dân Âu Á tiếp xúc với nhau hằng ngày, đôi khi khó tránh khỏi sự xung đột. Một cuộc ẩu đả giữa khách hàng và chủ tiệm đã xảy ra vào năm 1926, gây sự chú ý cho nhiều người sinh sống trong khu vực. Một người Việt làm nhân viên tòa báo L'Opinion bước vào tiệm tạp hóa của người Ấn tại số nhà 22 để hỏi mua một ống chỉ. Anh ta mặc cả nhưng Ấn kiêu từ chối. Sau đó không rõ lời qua tiếng lại thế nào, Ấn kiêu nổi nóng dùng góck đánh lên đầu người khách khiến anh này suýt bị mù mắt nên bỏ chạy. Vào buổi sáng chủ nhật kế tiếp, một nhóm năm, sáu người Việt trở lại, xông vào tiệm tạp hóa ấy đập vỡ các tủ kiếng, phá phách xô đổ hàng hóa. Khi cảnh sát đến nơi thì họ đã xa chạy cao bay. Trong số những kẻ hiếu kỳ tụ tập đứng xem có nhiều người bị bắt oan.

Nhà số 46 là cửa hàng Au Japon, khai trương từ thập niên 1930, sau đổi tên là Dainan Koosi, chuyên bán hàng hóa sản xuất

tại Nhật Bản như đồ sứ, ly tách, nón, giỏ xách tay, gạch men, rượu bia...

Tiệm tạp hóa Quang Huy (số 54) của ông Trần Chánh Tiết, khai trương từ 1915, bán đèn, vải vóc, sách truyện, thực phẩm... Chủ tiệm kế tiếp là ông Phan Thành Biện mở tiệm tạp hóa bán đồng hồ, giày dép... Khoảng 1927, tiệm lại đổi chủ, sang tay Bà Vương Thị Mỹ, đặt bảng hiệu là Au Bon Marché Saigonnais, bán tạp hoá và dụng cụ thể thao.



Đường Viénot (Phan Bội Châu) nhìn từ cửa Đông (ảnh Nadal)

Cuối đường, tại góc Espagne có tiệm thực phẩm-tạp hóa A Guon (số 58), bán đồ hộp, rượu, xà bông, ... Hàng hóa thuộc hạng cao cấp không thua gì các tiệm trên đường Catinat. Chủ tiệm nối tiếp nhau đều là người Tàu gốc Phúc Kiến.

Từ cửa Đông chợ nhìn ra là ngã ba đầu đường Sabourain.

Đường Sabourain (Tạ Thu Thâu / Lưu Văn Lang)

Trong số các đường quanh chợ, đây là con đường được xây sau cùng từ một hẻm

nhỏ mở rộng (khoảng 1925), mang tên Sabourain đến năm 1955.

Từ 1955 đến 1975 là đường Tạ Thu Thâu, từ 1975 đổi tên là Lưu Văn Lang. Đường này bắt đầu tại cửa Đông chợ Bến Thành đến đường Filippini (Nguyễn Trung Trực). Sabourain là thừa phát lại tại Sài Gòn từ 1904 đến 1908, cư ngụ trên đường Filippini và là chủ đất tại khu phố này. Đất đai của ông ta một phần bị trưng dụng dành xây chợ Bến Thành, một phần xẻ làm đường đi và xây nhà cửa, tên ông ta được Hội đồng thành phố chấp thuận để đặt tên đường.

Đường này thuộc loại đường nhỏ, mặt đường rộng 6 mét. Vào giữa thập niên 1920 trở đi, trên đường Sabourain ta thường gặp những tiệm bán giày dép, tiệm may, nhà hàng ăn, vài tiệm thuốc Bắc, tiệm bán hàng vải...

Nhà in, nhà sách Tín Đức Thư Xã đặt tại số nhà 37, một cơ sở ấn loát danh tiếng, in sách báo cho tư nhân lẫn chính quyền, nhiều lần lính mật thám đến đây khám xét vì bị tình nghi chứa chấp ấn phẩm cấm lưu hành.

Cách Tín Đức Thư Xã không xa, vào khoảng 1930 tại số nhà 31-33 là tiệm bánh kiêm phòng trà Nguyễn Văn Đắc, nơi nổi tiếng làm bánh ngon và khéo. Hai nhà vô địch quần vợt Chiêm và Giao, sau khi tham gia giải quán quân tại Mã Lai trở về Sài Gòn được Câu lạc bộ Thể thao CSA (Cercle Sportif Annamite) chiêu đãi tại phòng trà này. Tiệm Nguyễn Văn Đắc cũng lo cả phần ẩm thực trong các buổi hội chợ hoặc thi đấu do CSA tổ chức. Năm 1929, khi tuần dương hạm Cumberland của Anh Quốc ghé thăm Sài Gòn, đoàn thủy thủ của vương quốc này đã dự các trận bóng đá giao hữu với các đội tuyển người Việt. Sau

buổi tranh hùng, đoàn thủy thủ Anh được Liên đoàn Bóng đá Nam Kỳ (Fédération Cochinchinoise de Football Association) tổ chức cuộc dạo chơi Sài Gòn Chợ Lớn bằng xe taxi và được mời dự bữa ăn tối tại quán Nguyễn Văn Đắc. Tiệm bánh Nguyễn Văn Đắc sau dọn về nhà số 5 gần ngã ba đường Filippini (Nguyễn Trung Trực) và ở tại vị trí này đến 1975.

Căn nhà số 19, khoảng năm 1926 là văn phòng thường trực của các nghị viên người Việt trong Hội đồng quản hạt như Bùi Quang Chiêu, Lê Quang Liêm, Trương Văn Bền, Trần Văn Đôn, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Phan Long... Cũng tại địa chỉ này, khoảng năm 1932 là hiệu buôn mỹ nghệ phẩm Nhật Bản do ông Shiota làm chủ.

Phía bên kia đường, căn nhà đối diện mang số 22 là hãng Lê Văn Du, cho thuê xe du lịch, bán xe đạp và đồ phụ tùng. Hãng này vẫn hoạt động tại cùng địa chỉ đến 1975. Gần bên, tại số nhà 18 là hiệu buôn Chim-Sports, chuyên bán dụng cụ thể thao. Chủ nhân là ông Võ Văn Ban, hùn vốn với thương gia Triệu Văn Yên và nhà vô địch quần vợt Nguyễn Văn Chiêm cùng thành lập nhà buôn này vào năm 1930. Nơi đây cũng là trụ sở của Câu lạc bộ Thể thao CSA vừa nói trên đây.

Tại góc đường Filippini, tiệm may y phục Paris-Modes (nhà số 2) thành lập năm 1927, chủ nhân là ông Nguyễn Phong Tân, lúc ấy vừa 21 tuổi, tốt nghiệp viện cắt may và thời trang tại Paris. Cha của ông Tân là chủ nhân các nhà hàng-khách sạn Cửu Long Giang nằm phía sau chợ Bến Thành và Phong Cảnh khách lầu tại góc Bonard-Filippini.

Ta quay trở lại cửa Đông rồi cùng đi về phía đường Espagne (Lê Thánh Tôn)

Đường Espagne (Lê Thánh Tôn)

Ta chỉ lưu ý đến đoạn đường giữa ngã ba Viénot (Phan Bội Châu) và ngã ba Schroeder (Phan Châu Trinh). Bước vào khúc đường này ta cảm thấy dễ chịu nhờ có chút bóng mát của hàng cây trồng trên vỉa hè. Thời ấy khúc đường này có nhiều khách sạn, quán ăn, tiệm may, tiệm hớt tóc, đặc biệt là khá nhiều tiệm bán xe đạp và phụ tùng... Một số thương gia Pháp cũng có mặt tại đây, họ buôn bán rượu, bánh mì, được phẩm, mỹ phẩm, phụ tùng xe hơi.

Hãng Comptoir Industriel (số 146-148) chuyên bán phụ tùng xe hơi, cũng là nơi xe đồ dừng lại bơm xăng trước khi vượt đường trường đi về các tỉnh.

Nhà hàng-khách sạn Cửu Long Giang (Hôtel du Mékong) ở số 162-164 tại góc đường Roland Garros (Thủ Khoa Huân) là nơi đánh dấu một bước tiến trong lịch sử điệu hát cải lương. Theo ông Trần Văn Khải, tác giả quyển Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam, vào khoảng thời gian chợ Bến Thành vừa xây xong, nhạc sĩ Nguyễn Tống Triều cùng ban nhạc tài tử ở Mỹ Tho lên trình diễn tại nhà hàng này, mở đầu nghệ thuật đờn ca cổ nhạc trên sân khấu Sài Thành. Năm 1927, chủ nhân Nguyễn Phong Cảnh bán nhà hàng Cửu Long Giang cho một người Pháp, sau đó ông thuê lại tòa nhà nhiều tầng nơi góc Bonard-Filippini (Lê Lợi - Nguyễn Trung Trực), biến đổi tòa nhà mới thuê này thành khách sạn Đại Phong Cảnh Khách Lầu (Grand Hôtel de l'Ouest)

Bên góc đường đối diện với nhà hàng Cửu Long Giang là nhà thuốc Tây Franco-Annamite du Marché (số 166-170), giám đốc là dược sĩ Ballot, sau sang lại cho dược sĩ Tournier.

Cạnh nhà thuốc Tây là khách sạn Đông Pháp (Hôtel Indochinois, số 172-174), tầng trệt là nhà hàng Đông Pháp Lữ Quán bán món ăn Tây và Việt. Năm 1925, nhà hàng lần lượt do ông Đặng Trung Chử và Lý Kỳ Quân trông coi, cho tổ chức đờn ca giúp vui vào mỗi ngày thứ bảy.

Gần đây là nhà hàng-khách sạn Quảng Hạp (số 180-182), chuyên các món ăn Tây, chủ nhân là người Tàu, từng làm đầu bếp cho thống đốc Nam Kỳ.

Tại số nhà 200, ông Trần Quang Nghiêm, hội trưởng hội Kỹ nghệ và Thương gia Sài Gòn, trước mở Lục Tinh Khách Lâu, sau ông mở thêm tiệm tạp hóa bán đồng hồ, đồ điện, máy điện, các loại đèn, hàng vải...

Ba nhà in uy tín hiện diện tại đường Espagne là Đức Lưu Phương (số 158), Thành Thị Mậu (số 186, từng là nhà in của báo Kịch Trường, báo L'Écho Annamite), Trần Trọng Canh (số 192)

Ngoài ra, trên đoạn đường phố thương mại này có hai dãy nhà vệ sinh công cộng nằm hai bên cửa Bắc chợ Bến Thành, mặc dù cần thiết cho công chúng sử dụng nhưng từ lâu bị dư luận chỉ trích là nơi có hại cho sức khỏe và làm kém thẩm mỹ cho khu phố.

Đường Roland Garros (Thủ Khoa Huân)

Bắt đầu từ đường Espagne (Lê Thánh Tôn) đến đường Taberd (Nguyễn Du). Còn

gọi theo tên cũ là Aviateur Garros, đặt theo tên của viên sĩ quan không quân bị tử trận trên bầu trời tỉnh Ardennes (Pháp) trong trận không chiến với phi cơ Đức vào năm 1918. Đường này khá rộng (mặt đường đo được khoảng 11 mét), gồm hai đoạn cách nhau bởi đường La Grandière (Gia Long). Lúc chưa lấp đầm lầy Boursesse, đoạn phía đường Espagne là đường Némésis nối dài (Đường Némésis nay là Phó Đức Chính), đoạn phía đường Taberd là đường Poulo Condore. Sau khi xây chợ Bến Thành, cả hai đoạn đó hợp lại vẫn đặt tên Poulo Condore như cũ. Từ 1919 đến 1955 đổi tên là Roland Garros.

Các cơ sở kinh doanh và các hoạt động thương mại trên đường này không nổi bật bằng các đường phố khác quanh chợ. Trong số các cửa hiệu thường gặp có thể kể vài ba hãng xe đồ phía đầu đường gần chợ, vài tiệm bán hàng vải tơ lụa, vài tiệm thuốc Bắc. Ngoài giới thương gia, tại đây còn có các công chức hoặc nhân viên của hãng xưởng tư nhân. Gần phía đường Taberd phần đông người cư ngụ là kiều dân Pháp.

Khoảng 1925, số nhà 42 là trụ sở của hội Khuyến học. Ông Hồ Văn Trung, tức nhà văn Hồ Biểu Chánh đã đến đây diễn thuyết đề tài «Ngôn ngữ và văn chương Việt Nam». Trụ sở này cũng là nơi hội họp, sinh hoạt của các hội đoàn khác như hội Patronnage laïque, hội Ái hữu Bắc Kỳ...

Khoảng 1935, số nhà 32 đến 44 (góc đường La Grandière/Gia Long) là tư thực Lê Bá Cang, mang tên của vị hiệu trưởng tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Hà Nội. Trong số các giáo sư giảng dạy có ông Hồ Văn Ngà, cựu sinh viên École Centrale tại Paris.

Địa chỉ số 45 là tòa soạn tuần báo Tân Văn vào các năm 1934-1936.

Khoảng 1930, căn nhà số 56 bên cạnh đường Taberd (Nguyễn Du) là tư gia của bác sĩ Trần Ngọc Ẩn tức nhà văn Diên Hương, tác giả Tự điển Thành ngữ Điển tích.

Đường Schroeder (Phan Chu Trinh)

Tên Schroeder dùng đặt cho đường này từ 1914 đến 1955, nay là đường Phan Chu Trinh. Kỹ sư Schroeder từng làm nghị viên Hội đồng quản hạt và Hội đồng thành phố. Đường này nằm dọc bên phía Tây chợ Bến Thành, gồm dãy phố ba tầng, chỉ cách nhà ga Sài Gòn vài trăm mét. Đường Schroeder bắt đầu từ đường Colonel Boudonnet (Lê Lai) tới đường Espagne (Lê Thánh Tôn), mặt đường rộng 20 mét, nơi đây có nhiều quán ăn, tiệm nước bình dân, tiệm چاپ phô, tiệm nữ trang-đồng hồ, vài ba hiệu thuốc Đông dược, tiệm bánh mứt....

Vài địa chỉ tiêu biểu : Tiệm kim hoàn Thi Thơ (số 13) của ông Nguyễn Văn Thơm, kế nghiệp người anh ruột đã qua đời là ông Nguyễn Văn Giáo. Hiệu ăn Quảng Lạc (số 19) nằm tại góc đường nhìn qua cửa Tây. Tiệm nữ trang và hàng vải tơ lụa Minh Thanh Hoa của ông Nguyễn Văn Lạc (số 23), Họa sĩ vẽ chân dung Nguyễn Văn Tánh cũng hành nghề tại địa chỉ này (Trước năm 1975, nơi đây là tiệm bánh Đông Hưng Viên). Nhà hàng và café Huân Lạc chuyên nấu món ăn Tây, làm các thứ bánh Tây (số 29). Hiệu buôn Đào Huống Mai bán hàng mỹ nghệ và tơ lụa chế tạo tại miền Bắc (số 45), năm 1920 tiệm này dọn về đường Catinat.

Đường Schroeder còn là bến đậu xe chuyên chở công cộng đi về các tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, Cần Thơ...). Nơi đây thỉnh thoảng xảy ra cảnh náo loạn tương tự như bến xe bên cửa Đông hay trên công trường Cuniac, các lơ xe đồ ẩu đả nhau vì giành khách, hoặc bọn lưu manh đến phá rối vì các chủ xe không nộp tiền bảo kê cho chúng.

Từ cửa Tây chợ nhìn ra là ngã ba đầu đường Amiral Courbet.

Đường Amiral Courbet (Nguyễn An Ninh)

Đường này đi từ đường Schroeder (Phan Chu Trinh), ngay cửa Tây chợ Bến Thành, đến đường Amiral Roze (Trương Công Định). Trước kia tại Sài Gòn cũng có một đường phố đặt tên Amiral Courbet, đi từ Mac Mahon (Công Lý) đến Abattoir (Nguyễn Thái Học), xuyên qua khu vực bùng binh ngày nay, đường ấy đã biến mất cùng lúc với đầm lầy Boresse. Courbet là viên đô đốc chỉ huy trận đánh chiếm cửa Thuận An năm 1883 và tấn công hạm đội nhà Thanh tại Phúc Châu năm 1884.

Đường này tuy không lớn lắm (mặt đường rộng 7 mét) nhưng khá náo nhiệt vì gồm nhiều tiệm tạp hóa, tiệm thực phẩm khô, quán nước, nhà hàng ăn, tiệm may, tiệm hớt tóc, tiệm kim hoàn-đồng hồ, khách sạn...

Khách sạn Nam Lợi Thành (số 17-19) do ông Bùi Văn Sách quản lý. Theo quảng cáo trong mục rao vặt đăng báo vào năm 1926, khách sạn này còn là tiệm tạp hóa bán thực phẩm, rượu, nước hoa, nón, đèn... Người nổi nghiệp ông Sách là Nguyễn Chánh Chiêu, thư ký tòa báo L'Écho Annamite, sau khi tân trang khách

sạn ông đã tổ chức lễ khánh thành thật long trọng vào năm 1926, đông đảo bạn bè thân hữu đến tham dự. Phòng tiếp khách còn dùng làm văn phòng, nơi đây trang hoàng lộng lẫy, đèn chiếu sáng rực rỡ. Những chai rượu mang nhiều nhãn hiệu nổi tiếng trưng bày trong tủ kính hay trên quầy treo khắp vách gian phòng. Khách còn được đưa đi xem các phòng ngủ bày biện đồ đạc, rộng rãi, tiện nghi, sạch và sáng sủa. Mọi người cùng nâng ly champagne chúc mừng cuộc kinh doanh của ông Chiếu ngày càng phát đạt. Một tràng pháo nổ vang dội cả đường phố làm buổi lễ tăng thêm sự hào hứng. Bỗng có một cảnh sát viên xuất hiện, đến đòi chủ nhân cho xem giấy phép đốt pháo, hành động này tuy gây sự ngạc nhiên và khó chịu cho một số khách mời nhưng không làm giảm đi bầu không khí tung bừng của buổi khai trương. Vào năm 1927, ông Nguyễn Chánh Chiếu còn mua lại khách sạn Nam Châu nằm trên cùng dãy phố (số 35-41)



Người đi chợ bên cửa Tây chợ Bến Thành (ảnh Nadal)

Sau những sinh hoạt tấp nập nhộn nhịp ban ngày, từ chiều tối đến nửa đêm đường

Amiral Courbet thay đổi hẳn bộ mặt. Từ đầu kéo đến những xe hủ tiếu, quày thịt nướng, gánh hàng rong... biến con đường thành khu ăn uống. Đi vài mươi bước dọc hai bên phố là gặp một khách sạn, thời ấy người dân gọi là “nhà ngủ”, trong số đó không ít là lầu xanh trá hình. Bởi thế tại đây không thiếu gì khách ăn chơi, tay anh chị, phu xe kéo, dọn bàn, lính sơn đá... đồ xô về mua vui, nhậu nhẹt, la lối, chửi thề, đánh bạc vì có sẵn mấy sòng đồ đen lập trên lề đường. Có lần một nhóm người đánh bạc đang quây quần hăng say sát phạt nhau bỗng có chàng thanh niên từ ngoài xông vào kiếm có gây sự rồi rút dao đâm chết một con bạc để trả thù món nợ giang hồ. Lần khác, giữa lúc đông người hai cô gái buôn hương tím tóc đánh nhau dữ dội đến đổi áo quần rách tả tơi nhưng khách bên đường chẳng ai can ngăn, hai cô tạm vắng mặt để thay y phục xong lại lao vào đánh tiếp cho đến khi hoàn toàn kiệt sức mới thôi. Mặc dù cần đến giấc ngủ trong yên tĩnh, dân cư sống tại đây đành chịu đựng tiếng ồn ào huyên náo vì họ thừa biết là ban đêm cảnh sát chỉ can thiệp bảo vệ trật tự khi nào có vụ xô xát đẫm máu.

Trên mỗi đường ta vừa dạo thoáng qua, một ít địa chỉ tiêu biểu được nhắc đến, vài ba chuyện vặt được thuật lại, làm sao có thể miêu tả tường tận quá khứ của một đô thị rộng lớn và phức tạp. Rồi khu vực chợ Bến Thành, ta cùng đi đến những con đường lân cận, tiếp tục chuỗi hành trình khám phá phần nào nét sinh hoạt của Sài Gòn xưa.

**Mỹ Phước Nguyễn Thanh
(France)**

TA TRẢ CHO EM...

Kính Chị Ngọc Dung! Mời chị đọc bài thơ "Ta trả cho Em" và gửi bài cho Đặc san Cỏ Thơm số 80. Tôi thường gửi bài đến chị suốt 20 năm qua tuy số lượng không nhiều, có nhiều sai sót nhưng vẫn được chị chọn đưa vào Cỏ Thơm... Cảm ơn cảm tình nồng hậu của chị. Kính Chúc chị có những ngày nghỉ luôn vui khỏe bình an.

Thân. Lyh.

Ta trả cho em lối đi ngày xưa hoang phế
Hè về rộn rã tiếng cuộc kêu...
Bay lang thang trên kinh thành tráng lệ
Sân châu vắng vẻ đã xanh rêu...
Vẫn đứng im hai hàng tượng đá,
Triều đại đi qua, võ tướng ưu tư, vẫn
thần rệu rã

Ta trả cho em hoa vàng ngự uyển
Vũ điệu nghệ thường... nhan sắc thiên tiên
Đêm nhạc cung đình, đàn sáo du dương
vọng vào lãng miếu
Ngày nào kinh đô thất thủ...
Thương người ngọc vỡ hương tiêu

Ta trả cho em miếu đền quạnh quẽ
Mắt bóng quan nghe quan thám, võng
lọng ngựa xe
Sĩ phu trầm ngâm, dò dẫm tìm đường
trong mù sương lịch sử
Ích lợi gì tầm chương trích cú,
thuộc lòng ngàn quyển kinh thư



Ta trả cho em quê hương những ngày
lửa loạn
Mắt mẹ đăm chiêu nhìn từng cánh
đồng hoang
Rừng núi sông hồ xác nằm la liệt
Đeo đẳng hận thù, hăng say bắn giết
Máu đỏ hòa cùng dòng suối nước tuôn
Lòng đã bỏ quên chung một cội nguồn...

Ta trả cho em phố phường chìm trong
biển lửa
Đầy đưà bước chân thiếu phụ...
nửa đời chìm đắm gió mưa
Chiến tranh cướp mất người thân,
phá tan những làng xóm cũ
Giờ đây có em thơ không vòng tay áp ủ
Trông bây chim biển vội vã thiên di
Ước mơ bà tiên đưa em đi miền đất hứa
thần kỳ

LÝ HIẾU



VỤ ÁN PINOCHET LÀM RUNG CHUYỂN LUẬT PHÁP QUỐC TẾ

Trích: “LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT”
Của soạn giả: TP. Nguyễn Văn Thành (1923)

Suốt 17 tháng vừa qua, kể từ ngày 16.10.1998, giới truyền thông và báo chí trên thế giới, đặc biệt tại Âu Châu, không ngừng đưa tin và bình luận về nhà cựu độc tài Chí Lợi (Chile) Augusto Pinochet, 84 tuổi, đến Anh quốc chữa bệnh rồi bị giam giữ do trát nã bắt quốc tế (*un mandat d'arrêt international*) của thẩm phán Tây Ban Nha Baltasar Garçon ghi 35 điều cáo buộc Pinochet về các tội như những tội phạm chống nhân loại, diệt chủng, tra tấn, bắt cóc, thủ tiêu những nhà đối lập... trong 17 năm cầm quyền từ 11.09.1973 đến năm 1990.

Nhiều tổ chức phi chính phủ tranh đấu cho nhân quyền như Ân xá quốc tế (*Amnesty International*), Theo dõi nhân quyền (*Human Rights Watch*) có đại diện tại hầu hết các quốc gia trên thế giới cũng như những nhà điều tra Chí Lợi do thẩm phán Juan Guzmán cầm đầu và các báo chí Tây Phương đưa ra con số nạn nhân gần giống nhau được liệt kê như sau: trên 3.000 người bị giết, hơn 1.000 mất tích và hàng trăm người bị tra tấn, trong đó có cả người Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ và Tây Ban Nha. Dựa vào các tài liệu mật và những bức hình bí mật chụp được trong 4 tập tập trung, cảnh tra tấn và bắn bỏ những nhà đối

lập, tuần báo Paris Match ước tính ít nhất 5.000 người bị giết hoặc mất tích.

Những nạn nhân còn sống sót và gia đình những người xấu số bị sát hại hoặc mất tích cũng như những nhà tranh đấu cho nhân quyền, đã tổ chức rầm rộ những cuộc biểu tình trước Dinh Tổng Thống La Moneda (nơi Pinochet làm cuộc đảo chánh đẫm máu lật đổ Tổng Thống dân cử Sal Vador Allende tại Santiago đêm 11.09.1973) và nhiều nơi tại Âu Châu như Ba Lê (Pháp), Brussels (Bỉ), Luân Đôn (Anh)... đòi chính quyền Anh cho dẫn độ Pinochet tới Tây Ban Nha để bị can ra Tòa đền tội trước công lý.

Trái lại, những người bênh vực Pinochet như Hội Cựu sĩ quan do chủ tịch Herman Bionez hướng dẫn, những người trong cơ sở Pinochet Foundation cũng xuống đường dõ dạt và quyết liệt chống lại sự dẫn độ Pinochet tới Tây Ban Nha. Theo họ, Pinochet có công rất lớn đã cứu nước Chí Lợi khỏi họa cộng sản. Pinochet đã chặn đứng sự bành trướng của cộng sản Nam Mỹ xâm nhập vào quốc gia Chí Lợi trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Tổng Thống Chí Lợi Eduardo Frei cũng ráo riết vận động nhà cầm quyền Anh

phóng thích Pinochet để nhà cựu độc tài này trở về Santiago ra Tòa án có thẩm quyền tại Chí Lợi.

Cũng cần trình bày thêm Bà Margaret Thatcher, cựu thủ tướng Anh nổi tiếng với “bàn tay sắt bọc nhung”, trong thời chiến tranh lạnh, được chính trị gia Mỹ Steve Forbes xếp trong danh sách cùng với Tổng Thống Lincoln, Washington, Reagan và Thủ Tướng Anh Sir Churchill, là một trong những người lớn tiếng ủng hộ Pinochet. Bà Margaret Thatcher đã đến thăm Pinochet trong khi nhà cựu độc tài này bị giam giữ tại một biệt thự vùng ngoại ô Luân Đôn, được cảnh sát canh gác nghiêm ngặt, ngày 24 trên 24 tiếng, để chờ ngày dẫn độ. Chẳng những vậy, bà Margaret Thatcher còn gửi nhiều bài viết cho báo Times of London nói rõ quan điểm của Bà cũng như công khai tuyên bố bênh vực Pinochet về quyền đặc miễn truy tố. Động cơ thúc đẩy Bà có lập trường như vậy, vì một phần, theo các nhà phân tích và bình luận, Pinochet là bạn chí thân của Bà đã cùng Bà sát cánh trong cuộc chiến tranh lạnh, và phần khác, Pinochet đã tích cực giúp Bà trong cuộc chiến tranh với Argentina để tái chiếm quần đảo Falkland Islands ở Nam Mỹ Châu, diện tích 4.615 dặm vuông với dân số 5.000 người, trong thời gian Pinochet cầm quyền.

Có người chống Bà đã đề nghị với chính quyền Anh dẫn độ Margaret Thatcher thì thích hợp nhất thay vì Pinochet, trong bài viết mang tựa đề "Hãy quên Pinochet, dẫn độ Thatcher" (*Forget Pinochet, extradite Thatcher.* *Washington Post, Thursday, January 13, 2000.*)

Quả vụ Pinochet (The case Kingdom of Spain V. Pinochet) gây khó khăn không ít liên quan tới ba ngành lập pháp, tư pháp và hành pháp Anh quốc. Thẩm phán Ronald Bartle thuộc Tòa Magistrates' Court (Tòa này, theo hệ thống tư pháp Anh, ở dưới Tòa Crown Court - Tòa Crown Court giống như Tòa Sơ Thẩm) ban ra một quyết định cho rằng Anh quốc có thể dẫn độ

Pinochet tới Tây Ban Nha một cách hợp pháp. Nhưng quyết định này không phải là một lệnh của Tòa cho phép dẫn độ. Trái lại, Tòa Thượng Thẩm (The High Court of London) bác án của Tòa dưới và phán quyết việc bắt giữ Pinochet là trái luật vì bị cáo được hưởng quyền đặc miễn truy tố (immune from prosecution).

Cuối cùng, Tòa Án Tối Cao Anh gồm 5 vị thẩm phán chuyên nghiệp nằm trong Viện Quý Tộc (*Britain's Highest Court- The Law Lords of the House of Lords*), phán quyết “*Một vị nguyên thủ quốc gia bị cáo về tội lạm dụng nhân quyền có thể bị đưa ra Tòa xét xử gần như bất cứ ở đâu*” (*A former head of state charged with abuse of human rights can be brought to trial almost anywhere*).



Không còn phương cách nào khác trong thủ tục thượng cáo, dàn luật sư danh tiếng biện hộ cho Pinochet được sự hỗ trợ mạnh mẽ của phe bảo thủ Anh và đặc biệt của Margaret Thatcher cùng Tổng Thống Chí Lợi Eduardo Frei, cố gắng cứu Pinochet khỏi bị dẫn độ tới Tây Ban Nha qua lá bài sức khỏe và nhân đạo. Theo giám

định y khoa của 4 bác sĩ, trong đó có 2 bác sĩ Anh, Pinochet 84 tuổi, bị bệnh tiểu đường, bệnh tim đã ngất xỉu hai lần khi bị giam giữ, bộ não bị tổn thương, một chân phải gần như tê liệt, hàng ngày phải uống thuốc an thần, không thể chịu đựng nổi thủ tục pháp lý lâu dài tại Tòa Án Tây Ban Nha. Phía biện hộ xin chính quyền Anh phóng thích Pinochet và trả về Chí Lợi để bị cáo ra Tòa Án có thẩm quyền.

Theo luật dẫn độ Anh quốc, Tòa Án không có thẩm quyền ra lệnh cho dẫn độ, chỉ có Tổng Trưởng Home Secretary Jack Straw mới có quyền cho dẫn độ hoặc phóng thích Pinochet. Quyền hành của Tổng Trưởng Straw xấp xỉ tương đương với quyền của Tổng Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ (*roughly equivalent to Attorney General of The United States*).

Thấy lá bài nhân đạo có vẻ thắng thế, bốn nước Tây Ban Nha, Pháp, Thụy Sĩ và Bỉ yêu cầu Tổng Trưởng Home Secretary Jack Straw ngưng phóng thích Pinochet và đòi cứu xét hồ sơ giám định y khoa của Pinochet. Tổng Trưởng Straw bác thỉnh nguyện của 4 nước nói trên và ngày 02.03.2000 phóng thích và trả Pinochet về Chí Lợi với lý do hoàn toàn nhân đạo.

Sáu tổ chức tranh đấu cho nhân quyền và những người trong phe chống đối sự phóng thích Pinochet đã biểu tình tại Luân Đôn ngăn chặn chuyến bay chở Pinochet về Chí Lợi đã không thành công vì đến hơi trễ. Pinochet đã đáp máy bay Boeing 707 của không lực Chí Lợi, chỉ sau quyết định của Tổng Trưởng Straw có 2 tiếng đồng hồ, đang bay trên bầu trời Luân Đôn trực chỉ Santiago, không dám đáp bất cứ nước nào sợ bị bắt lại, ngoại trừ một hòn đảo nhỏ thuộc Anh quốc để tiếp tế nhiên liệu.

(BBC News: The Pinochet case- Pinochet: The politics of torture by O'shaughnessy - Justice and the Law - Foreign & Commonwealth Office London)

Để làm sáng tỏ phiên tòa lịch sử đã tạo một tiền lệ vô cùng quan trọng làm nền móng cho



nguyên tắc pháp lý về tài phán quốc tế đưa ra tòa tại hầu hết các quốc gia trong cộng đồng thế giới, cựu nguyên thủ quốc gia xâm phạm Hiệp Ước về nhân quyền hoặc vi phạm những tội phạm chống nhân loại, người viết xin trình bày 3 mục dưới đây:

(1) VÀI HÀNG VỀ AUGUSTO PINOCHET



1. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Augusto Pinochet chào đời ngày 26.11.1915 tại cảng Valparaise thuộc vùng duyên hải Thái Bình Dương. Ông Augusto Ugarte, thân phụ của Pinochet, làm việc tại sở quan thuế Valparaise. Thân mẫu Pinochet mong muốn Pinochet theo con đường binh nghiệp. Sau khi thành hôn với Lucia, ái nữ của một nhân vật chính trị nổi tiếng, thúc đẩy chồng gia nhập quân đội, Pinochet theo học khóa Sĩ quan tại quân trường danh tiếng tại Chí Lợi. Đương sự được tôi luyện theo truyền thống quân đội Phổ (*Prussian traditions*) đặc

biệt chú trọng về kỷ luật và lòng trung thành với Hiến Pháp.

Vào thập kỷ 1970, Pinochet tiến vào hàng tướng lãnh khá nhanh, dưới chính quyền cánh tả do Tổng Thống Salvador Allende lãnh đạo. Tháng 6 năm 1973, tướng Pinochet được Tổng Thống Allende tin cậy bổ nhiệm giữ chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Chỉ vài tháng sau, đêm ngày 11.09.1973, Tướng Pinochet làm cuộc đảo chánh gây kinh hoàng chẳng những cho dân tộc Chí Lợi mà cho cả Thế giới về hành vi tàn bạo bóp nghẹt nhân quyền và tiêu diệt những nhà đối lập (*Pinochet, March 08, 2001*).

2. CUỘC ĐẢO CHÁNH ĐẮM MÁU

Ngay từ những phút đầu tiên của cuộc đảo chánh, Pinochet ra lệnh không chấp nhận bất cứ một sự chống đối nào, một sự phê bình dù là nhỏ nhất.

Quân đội tiến chiếm bằng bom đạn dinh Tổng Thống La Moneda, bắt 77 nhà đối lập đưa tới La Villa Grimaldi, một trong bốn trung tâm tra tấn tại Santiago (*L'un des quatre centres de torture de Santiago*) và những nhà đối lập đó không bao giờ trở về nhà cả. Theo thông cáo của phe đảo chánh, phu nhân Tổng Thống bị chết vì bom nổ và Tổng Thống Allende tự vẫn ngay đêm đảo chánh 11.09.1973. Cái chết của hai nhân vật này hãy còn nằm trong sự nghi vấn. Hàng trăm người bị xúc lên xe buýt bùng đưa vào doanh trại quân đội. Lực lượng an ninh (La Dina) coi họ như súc vật sắp đưa vào lò sát sinh giống như dưới chế độ Đức quốc xã vậy.

3. CỨU TINH HAY BẠO CHÚA

Vào thập niên 1970, cộng sản Nam Mỹ đã xâm nhập rất mạnh vào Chí Lợi, trong khi đó, Tổng Thống dân cử Allende đã ngã theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Cán bộ cộng sản và cố vấn ngoại quốc bí mật đưa một số vũ khí đáng kể

vào Chí Lợi qua vùng duyên hải chạy dài 2.630 dặm từ Bắc tới Nam.

Thấy xã hội bất ổn do lòng dân chia rẽ, nền kinh tế suy thoái trầm trọng, nạn tham nhũng lan tràn lại cộng thêm sự đe dọa hiển hiện của cộng sản có thể đưa tới cuộc nội chiến, Đại Tướng Pinochet giải tán Quốc Hội, cấm mọi hoạt động chính trị và nắm chức Tổng Thống tự phong vào năm 1974, lúc 59 tuổi, cai trị một đất nước có nhiều tài nguyên phong phú (nổi tiếng về kỹ nghệ đánh cá, chăn nuôi cừu, quặng mỏ, sản xuất đồng đứng hàng thứ nhì trên thế giới), diện tích 292.135 dặm vuông (736.626 cây số vuông) với dân số 13 triệu rưỡi, kiểm tra năm 1992.

A. Nhà ái quốc

Pinochet tự coi mình như nhà ái quốc đã cứu đất nước Chí Lợi sắp rơi vào tay cộng sản, đã đem lại an ninh và trật tự từ thành thị tới thôn quê hẻo lánh. Không còn những sự xáo trộn chính trị và sự đe dọa của cộng sản chẳng những nhắm vào Chí Lợi mà còn muốn bành trướng tới các lân bang của Chí Lợi như Argentina, Bolivia, Peru.

Vào thập niên 1970, đa số dân chúng Chí Lợi hỗ trợ mạnh mẽ và chia sẻ quan điểm trên đối với Pinochet. Đặc biệt nền kinh tế, sau nhiều thập kỷ bị suy thoái trầm trọng, đã được phục hồi và sự ổn định đã trở lại khá vững vàng khắp mọi nơi trên xứ sở Chí Lợi. Tuy nhiên, thời "vàng son" đó không kéo dài được bao lâu do chế độ tàn bạo của Pinochet gây ra.

B. Tử thần làm im tiếng các nhà đối lập

Pinochet đánh giá thấp sự chống đối ngầm ngấm của người dân cũng như đảng phái chính trị. Tử thần không khóa được miệng các nhà đối lập.

Đầu thập kỷ 1980, đảng xã hội tập hợp và tổ chức các cuộc xuống đường phản đối cuộc khủng

bố của chế độ độc tài, trong khi đó, có một số đơn vị trong quân đội đã ám sát hụt Pinochet.

Quân đội đã làm áp lực buộc Pinochet tổ chức cuộc trưng cầu dân ý. Năm 1988 Pinochet bị thua với số phiếu 55% chống 43%. Dân Chí Lợi đẩy Pinochet ra khỏi Dinh Tổng Thống để nhường quyền lại cho chính quyền dân sự.

Năm 1990, Pinochet miễn cưỡng rời khỏi chức vụ Tổng Thống nhưng đòi hỏi nắm chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Dựa vào sức mạnh của quân đội, Pinochet yêu cầu ân xá cho tất cả nhân viên trong lực lượng an ninh kể cả đương sự, đã vi phạm nhân quyền trong 17 năm dưới chế độ độc tài. Một năm sau, Pinochet rời khỏi quân đội và giữ chức Thượng Nghị Sĩ trọn đời.

Vụ Pinochet đã chia rẽ công luận của người dân Chí Lợi mà còn khắp nơi trên thế giới. Nhiều nhân vật Chí Lợi nhận định phe đối lập cũng như chính quyền Pinochet, mỗi bên đều có sự sai lầm.

Pinochet có nhiều tham vọng cá nhân và chưa trưởng thành về mặt chính trị. Theo Gladys Marin, ứng cử viên Tổng Thống hiện là Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Chí Lợi, nói: "kẻ chủ mưu trong cuộc đảo chánh là Hoa Kỳ" (*The true coup plotter was the U.S.A.*). Còn Thượng Nghị Sĩ Jaime Gazmuri thuộc đảng xã hội dựa vào các tài liệu qua cuộc tiếp xúc với cựu Ngoại Trưởng Henry Kissinger, cho rằng: "Chính quyền Allende đã không phù hợp với quyền lợi của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ" (*The Allende government was incompatible with the interests of the United States.*)

(Derechos Chile-The military coup, 25 years ago-The Pinochet regime in Chile by Mary Helen Spooner-Chile under Pinochet: Recovering the Truth by Mark Ensalaco.)

Tưởng cũng cần đề cập thêm nhật báo Washington Post ngày 23.03.2000 đưa tin vụ ám sát cựu Đại Sứ Chí Lợi Orlando Letelier, nhà đối lập, ngày 21.09.1976 tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn,

nằm ngủ yên gần 24 năm, bây giờ lại được chính quyền Mỹ khơi dậy nhằm cáo buộc Pinochet đã ra lệnh cho nhân viên mật vụ gài bom ở xe du lịch giết chết cựu Đại Sứ Letelier và gây thương tích nặng nề cho một công dân Hoa Kỳ Ponní Moffitt, bạn của Letelier, ngồi cùng xe. Bốn tháng sau, Moffitt chết về thương tích đó.

Trong thời gian cầm quyền, Pinochet đã từng sát cánh với Anh và Mỹ ngăn chặn cộng sản xâm nhập vào Chí Lợi cùng các nước ở Nam Mỹ Châu. Trong khi đó, cũng vào thập niên 1970, Mỹ trái mìn, một hành động chiến tranh mà không tuyên chiến, khóa chặt các cửa biển của Nicaragua để cộng sản quốc tế không thể đổ vũ khí tiếp vận cho chính quyền cộng sản do Augusto Cesar Sandino lãnh đạo đe dọa cả vùng Trung Mỹ như Costa Rica, Honduras, El Salvador... Vụ trái mìn này đã bị đưa ra Tòa Án Quốc Tế xét xử. Theo phán quyết ngày 27.06.1986, Mỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nicaragua.

Vai trò chống cộng của Pinochet quả không phải là nhỏ trong thời kỳ chiến tranh lạnh lên đến cao độ tại Trung và Nam Mỹ Châu vậy.

(2) CUỘC CÁCH MẠNG CỦA CÁC THẨM PHÁN (THE REVOLUTION OF THE JUDGES)

Sau khi Tòa án quân sự quốc tế Nuremberg xét xử xong vào năm 1946, những phạm nhân Đức Quốc Xã, ta thấy có hiện tượng lạ đã xảy ra khắp nơi trên thế giới như tại Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Canada, Do Thái, Senegal kể cả một vài nước Cộng Sản cũ như Lithuania... Đó là các Tòa Án và thẩm phán độc lập tại các quốc gia tự do, đã truy lùng, nã bắt và xét xử những phạm nhân Đức Quốc Xã còn sót lại chạy trốn khắp nơi trên thế giới hoặc những người vi phạm những tội buôn lậu ma túy, rửa tiền, tổ chức giết người trong đường giây ma túy quốc tế.

Hiện tượng nói trên được các nhà nghiên cứu và luật gia coi như cuộc "cách mạng của

các thẩm phán”. Trường hợp của Pinochet cũng nằm trong hiện tượng đó. Việc bắt giữ Pinochet, theo sự nhận xét của luật gia nổi tiếng trên thế giới Samuel Pizar, trả lời cho “sự đòi hỏi phổ quát ngày nay là những kẻ phạm tội chống nhân loại phải bị truy lùng tới tận cùng trái đất, bất cứ ở đâu và bất kỳ lúc nào, có thể tìm thấy họ để đưa họ ra xét xử trước công lý” (*The arrest of Pinochet, observed jurist Samuel Pizar, answers: “an almost universal clamor today that those who commit crimes against humanity must be pursued to the ends of the world, whenever and wherever they can be found, and brought to justice”.*)

Từ nhiều thập niên vừa qua, có hai vụ án đáng được lưu ý được coi như cùng loại vụ bắt giữ Pinochet:

1. VỤ ÁN ALDOLF EICHMANN



Aldolf Eichmann, chuyên viên “tử thần” của Hitler, nằm trong bộ máy giết 6 triệu người Do Thái tại Âu Châu (1939-1945), bị nhân viên mật vụ Do Thái bắt cóc năm 1960 tại Argentina và giải về Jerusalem xét xử về những tội phạm chống nhân dân Do Thái và những tội phạm chống nhân loại. Bị can đáng lẽ phải ra tòa Nuremberg nhưng đã dùng nhiều lý lịch và thông thành giả trốn tránh tại nhiều quốc gia và cuối cùng bị mật vụ Do Thái phát giác và bắt tại Argentina.

Trong phiên xử ngày 11.12.1961, Tòa Án Jerusalem Do Thái tuyên án phạt Eichmann tử hình bằng cách hành quyết treo cổ. Cũng cần trình bày Eichmann phạm tội vào thời điểm 1939-1945, lúc đó chưa có quốc gia Do Thái. Nước này được chính thức thành lập vào ngày

14.05.1948, dựa vào Nghị quyết của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc ngày 29.11.1947.

Căn cứ vào đạo luật Do Thái ban hành có tính cách hồi tố vào năm 1948 (luật hình có hiệu lực về quá khứ) trừng phạt những người cộng tác với Đức Quốc Xã và Án Lệ (*Jurisprudence*) của Tòa Án Quốc Tế trong vụ án nổi tiếng “*Lotuscase*” minh định nguyên tắc về lãnh thổ không giới hạn quyền của các quốc gia xét xử những tội phạm nghiêm trọng, Tòa Án Jerusalem đã tuyên bản án như đã đề cập ở trên. (*The Attorney General of the Government of Israel V. Eichmann - District Court of Jerusalem - Judgment of Dec.11, 1961*).

2. TƯỚNG MANUEL ANTONIO NORIEGA

Ngày 20.12.1989, quân đội Hoa Kỳ hành quân tại Panama bắt được Tướng Manuel Antonio Noriega trong một cuộc xung đột vũ trang (*Armed conflict*) giữa Panama và Hoa Kỳ. Tướng Noriega là nhà lãnh đạo dân cử bị bắt coi như tù binh nhưng còn can tội “Rửa tiền và buôn lậu ma túy” (*money laundering and drug trafficking charges*).

Viện dẫn lý do phòng phụ trách nhà giam, theo sự qui định của Công Ước Geneva III, 1949, không bảo đảm được sự an toàn nơi giam giữ Noriega, Mỹ chuyển tướng Noriega về



nhà lao tại Miami, Florida và đưa ra Tòa Án Liên Bang xét xử. Năm 1992, Tướng Noriega bị phạt 30 năm tù giam về tội rửa tiền và buôn lậu ma túy (*United States of America V. Manuel Antonio Noriega- The Laws of War by W. Michael and Chris T. Antoniou.*)

Hai vụ án nói trên, mặc dầu bị chỉ trích về thẩm quyền tài phán, đã đáp ứng sự đòi hỏi của cộng đồng thế giới mong muốn có sự canh chừng thường xuyên và xét xử kịp thời những người làm sai trái gây bao tai họa cho tập thể, cho dù đó là buồn lậu ma túy hay tội diệt chủng.

Đặc biệt, phán quyết của Tòa Án Tối Cao Anh đã thiết lập, cho dù vụ Pinochet chưa kết thúc, một tiền lệ về tài phán quốc tế vô cùng quan trọng áp dụng trong tương lai. Các nhà độc tài không còn vui thú được hưởng quyền đặc miễn truy tố nữa. Luật quốc nội cần được viết lại và lý thuyết về tội hình quốc tế đáng được tái cấu trúc để canh tân guồng máy tư pháp đi vào giai đoạn thiết lập “Luật thế giới” (*Droit mondial*) trong một tương lai không xa. Đó là các đề tài sẽ được khai triển ở mục dưới đây.

(3) MỘT TIỀN LỆ LỊCH SỬ (A HISTORIC PRECEDENT)

Vụ truy tố Pinochet, nhà cựu lãnh đạo quốc gia Chí Lợi, ra Tòa không phải là điều mới lạ. Tòa Án Hình Sự quốc tế tại Bosnia (trong Liên Bang Nam Tư cũ) do Hội Đồng Bảo An thiết lập ngày 25.05.1993 đã cáo buộc cựu Tổng Thống Bosnia Karadzic và đương kim Tổng Thống Serbia Milosovic về tội diệt chủng và những tội phạm chống nhân loại nhưng các bị cáo chưa bị bắt để đưa ra Tòa xét xử. Với thẩm quyền hạn hẹp bị giới hạn trong vùng Bosnia và lãnh thổ quốc gia Rwanda, Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cũng còn được gọi là Tòa Án Liên Hiệp Quốc đã không đáp ứng được sự đòi hỏi của cộng đồng quốc tế muốn thẩm quyền tài phán của tòa này phải bao trùm khắp thế giới, độc lập không lệ thuộc vào Hội Đồng Bảo An trong cuộc điều tra cũng như xét xử những kẻ phạm pháp đang sống ngoài vòng pháp luật.

Vì lý do trên, Hội Nghị Quốc Tế gồm 120 nước họp vào tháng 7 năm 1998 tại La Mã, Ý Đại Lợi, đã dự thảo một Hiệp Ước để thiết lập

Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trụ nhưng Hoa Kỳ không ủng hộ, trong khi đó Nga ký và một số đồng minh của Mỹ cũng ký. Về mặt chính trị, chính quyền Clinton không tán thành vì e ngại quân nhân Hoa Kỳ trong lực lượng gìn giữ hòa bình trên thế giới có thể bị đưa ra Tòa xét xử về trách nhiệm hình sự quốc tế. Như vậy, không biết đến bao giờ mới có thể thành hình Tòa Án vừa đề cập mặc dù có một số nước đã phê chuẩn.

Các nhà tranh đấu cho nhân quyền cũng như các thẩm phán độc lập trong các nước tự do, dân chủ không còn kiên nhẫn chờ đợi sự ra đời của Tòa nói trên và cũng không thể nhắm mắt làm ngơ trước những vi phạm trầm trọng luật nhân quyền. Họ đã tự tìm lấy nhiều đường lối để lựa chọn sự truy tố và trừng phạt thích đáng kẻ phạm pháp.

1. ĐƯỜNG LỐI RIÊNG

Thẩm phán Tây Ban Nha Baltasar Garçon quan niệm lạm dụng nhân quyền là mối đe dọa lớn nhất cho hòa bình. Là một thẩm phán đấu tranh cho nhân quyền, ông tin tưởng sự tiến triển của cơ cấu pháp lý quốc gia sẽ chấp nhận và mở rộng thẩm quyền tài phán bất cứ ở Tòa nào và bất kỳ ở đâu để xét xử vi phạm nhân quyền cũng như những tội phạm chống nhân loại.

Đơn thương độc mã, thẩm phán Garçon đã mở cuộc điều tra dưới nhiều hình thức, vụ thủ tiêu trên 10.000 nhà đối lập tại Argentina và 5.000 người tại Chí Lợi. Ông đã thất bại tại Argentina vì Tòa Án Argentina đã tổ chức các phiên Tòa xét xử những kẻ phạm tội giết và thủ tiêu 10.000 người. Trái lại, tại Chí Lợi, những thủ phạm trong vụ tra tấn và thủ tiêu 5.000 nhà đối lập đã được ân xá kể cả Pinochet. Nhà cựu độc tài Pinochet tin tưởng rằng, với tư cách Thượng Nghị Sĩ trọn đời và cựu nguyên thủ quốc gia sẽ được đặc miễn truy tố về trách nhiệm cá nhân khi làm nhiệm vụ quản lý đất nước.

Biết thói quen của Pinochet, thẩm phán Gapzon giăng mìn lưới. Pinochet thường đến Anh nghỉ hè hoặc chữa bệnh, mỗi năm 2 lần. Vào ngày 16.10.1998, Pinochet cùng gia đình đến Anh quốc để chữa bệnh. Dương sự cư ngụ tại một biệt thự ở ngoại ô phía Nam Luân Đôn. Đêm 16.10.1998, Cảnh sát Anh bắt ngờ xuất hiện để tổng đạt trát nã bắt Pinochet về tội tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập. Cũng từ đêm đó cho đến ngày 02.03.2000, Pinochet bị giam tại gia để chờ ngày dẫn độ tới Tây Ban Nha như đã đề cập diễn tiến ở phần mở đầu.

Tòa Án Tối Cao Anh Quốc đã giải quyết điểm tiên quyết quan trọng nhất (nội dung và tình tiết vụ án thuộc thẩm quyền Tòa Án Tây Ban Nha hoặc Tòa Án Chí Lợi) có thể coi như then chốt của vụ án. Đó là Pinochet có được hưởng quyền đặc miễn truy tố không? Tòa Án Tây Ban Nha có thẩm quyền xét xử Pinochet không?

Phán quyết của Tòa Án Tối Cao trên minh định cựu nguyên thủ quốc gia không được hưởng quyền đặc miễn truy tố nếu phạm tội lạm dụng nhân quyền và có thể bị đưa ra Tòa xét xử hầu như bất cứ ở nơi nào. Như vậy, Pinochet sẽ bị dẫn độ tới Tòa Án Tây Ban Nha tại Madrid.

Đó là một tiền lệ lịch sử qui định về “tài phán quốc tế” đối với những người can tội lạm dụng nhân quyền.

2. TÀI PHÁN QUỐC TẾ (UNIVERSAL JURISDICTION)

Theo thủ tục thông thường, mỗi khi thiết lập một Tòa Án quốc nội, ta thấy cần có một Đạo Luật, và với cộng đồng quốc tế thì phải có sự thỏa hiệp giữa các quốc gia dưới hình thức một Công Ước hoặc Hiệp Ước hay một Quy Chế minh định thẩm quyền tài phán cho cơ quan xét xử. Tiền lệ của Tòa Án Tối Cao Anh Quốc quy định về thẩm quyền tài phán quốc tế đã vượt ra khỏi khuôn khổ thủ tục vừa đề cập,

nhưng đã được đón nhận nồng nhiệt khắp mọi nơi trên thế giới, ngay cả trên đất nước Chí Lợi.

TỪNG BƯỚC

Khi Pinochet bị giam giữ tại Luân Đôn, các nhà tranh đấu cho nhân quyền tại Chí Lợi đã gây sức ép buộc nhà cầm quyền Chí Lợi tổ chức các phiên tòa xét xử những người nhúng tay vào vụ tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập. Trước đó, không có một thủ phạm nào bị truy tố cả. Vì vậy, có 17 tướng tá và một số can phạm đầu não trong lực lượng an ninh (La Dina) đã bị truy tố và xét xử. Ngoài ra, đã có 29 vụ xin bồi thường thiệt hại. Con số can phạm bị đưa ra tòa cũng như đơn xin bồi thường ngày một gia tăng.

Sau chiến tranh vùng Vịnh 1991, Hoa Kỳ đã thất bại không đưa được Saddam Hussein ra Tòa nhưng đã, từng bước, tìm cách đưa những phụ tá chóp bu của Hussein ra Tòa Án quốc gia thuộc đồng minh của Mỹ tại Âu Châu. Có trong tay các bằng chứng tở như cuộc hành quân ANFAL 1988, quân đội Iraq đã tàn sát 50.000 dân thiểu số Kurds, Mỹ sẵn sàng chuyển hồ sơ cho thẩm phán Âu Châu bắt giữ nhân viên cao cấp Iraq đi du lịch, chữa bệnh hoặc đi dự Hội Nghị quốc tế tại Âu Châu.

Ibrakim Douri, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Cách Mạng Iraq, sang Áo chữa bệnh, vội vã trốn về nước ngày 28.10.1999 khi được tin Mỹ soạn chuyển hồ sơ cho thẩm phán Áo để bắt giữ. Cựu ngoại trưởng Tariq Aziz hiện giữ chức Phó Thủ Tướng Iraq, dự định đi dự hội nghị La Mã, đã phải hủy bỏ chuyến bay vì cũng sợ bị thẩm phán Ý bắt.

Nhà cựu độc tài Chad Hissence Harbre, đang sống lưu vong tại Senegal (Phi Châu), đã bị giam giữ tại gia ngày 04.02.2000 ở Dakar, do lệnh của thẩm phán Senegal để điều tra về các vụ tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập trong thời gian cầm quyền. Đây là lần đầu tiên, ta thấy một vị nguyên thủ quốc gia Phi Châu bị giam

giữ về tội lạm dụng nhân quyền. Những nạn nhân gọi Habre “Africa’s Pinochet”.

Người ta tự hỏi, bao giờ sẽ đến lượt các nhà cựu độc tài khác đang sống lưu vong trên thế giới? Chẳng hạn như nhà cựu độc tài Idi Amin, Uganda, sát hại hàng ngàn nhà đối lập, đang sống lưu vong tại Saudi Arabia. Cựu tổng thống Mengistu Haile Mariam, giết người hàng loạt tại Ethiopia, đang sống lưu vong ở Zimbabwe và Jean Claude Duvalier, Haiti, được không lực Mỹ chở qua Pháp đang sống an toàn tại miền Nam nước Pháp.

Các sự kiện trình bày ở trên đã nói lên sự đoàn kết quốc tế và lương tâm tập thể không chấp nhận sự miễn trừ pháp đối với những người vi phạm nhân quyền và những tội phạm chống nhân loại. Đã tới lúc luật quốc nội cũng như quốc tế cần được tái cấu trúc sao cho phù hợp với sự tiến triển của guồng máy tư pháp trong cộng đồng thế giới hiện nay.

CANH CÁI

Có 120 nước tham dự Hội Nghị La Mã vào tháng 7 năm 1998, đã thỏa hiệp thiết lập một Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trục và yêu cầu các nước ký kết nên viết lại luật quốc nội. Ngoài ra, lý thuyết hình phạt hình sự quốc tế cũng cần được tái cấu trúc xét kỹ như vấn đề đòi bồi thường thiệt hại cũng cần đưa vào văn kiện pháp lý.

Từ nhiều năm nay, một số đông luật gia chuyên về luật quốc tế đã đưa ra nhiều dự thảo luật như “Luật liên quốc gia” (*Transnational law*), “luật toàn cầu” (*Global law*), “luật thế giới” (*world law-droit mondial*)... Phần đông các nhà nghiên cứu thiên về ý niệm “luật thế giới”. Theo quan điểm của luật gia Kotaro Tanaka, cựu thẩm phán Tòa Án Quốc Tế, luật thế giới bao gồm những thông luật quốc gia, tư pháp quốc tế và công pháp quốc tế (*world law*

comprises common national laws, private international law, and public international law.)

Vụ án Pinochet cho thấy luật quốc nội và quốc tế gần như không còn ranh giới. Luật quốc nội đã vượt biên cương quốc gia đi vào trào lưu tiến bộ của nhân loại trên mọi lãnh vực, trong đó có địa hạt pháp lý, trong việc truy tầm và nabắt những người vi phạm nhân quyền cùng luật nhân đạo quốc tế.

Việc khai sinh ra Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trục nhằm mục đích thay thế hai Tòa Án Hình Sự Quốc Tế tạm thời tại Bosnia và Rwanda. Đặc biệt Tòa Án Rwanda, Phi Châu, gặp khó khăn về tài chánh cũng như nhân sự. Các thẩm phán Tòa Rwanda chưa theo đúng chuẩn mực (*norm*) đòi hỏi của Tòa Án Quốc Tế nên cuộc điều tra và xét xử mắc phải nhiều sai lầm đáng tiếc. Nhưng dù sao định chế quan trọng nhất trong thế kỷ 20 là Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã thành lập được Tòa Án Hình Sự Quốc Tế, lần đầu tiên trong lịch sử, đặt nền móng thiết yếu cho sự ra đời Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trục vậy.

Cựu tổng thống Jimmy Carter ủng hộ sự thiết lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trục. Theo quan niệm của ông, Tòa này sẽ bảo đảm phẩm chất, sự hữu hiệu, nhanh chóng và công bằng không có tiền kiến trong cuộc điều tra và trừng phạt. Ông tán thành sự tham gia của Hoa Kỳ nhưng chính quyền Clinton, vì lý do chính trị, đã không ký kết Hiệp Ước.

Tóm lại sự giữ gìn hòa bình và bảo vệ nhân quyền có tính cách thiết yếu chung cho cộng đồng quốc tế, sẽ dẫn tới, không thể tránh khỏi, sự ra đời luật thế giới trong một ngày không xa vì theo câu châm ngôn “ở đâu có cộng đồng, ở đó có luật” (*ubi societas, ibi jus-where there is a community, there is law.*)

(Kataro Tanaka, “*Esquisse d’une théorie de Droit mondial,*” - “*Du droit international au droit mondial,*” -Retribution, reparation -

Sanctioning Alternatives in International Criminal law by George S. Yacoubian J. A Permanent International Criminal Court Should be created by Jimmy Carter.)

KẾT LUẬN

Ra Tòa hay không ra Tòa Chí Lợi, Pinochet chỉ là cái bóng mờ trên chính trường quốc tế cũng như quốc nội bởi vì uy tín đã bị sút mẻ và thanh danh bị hoen ố sau 17 tháng bị giam giữ tại Anh về trách nhiệm hình sự trước luật pháp quốc tế trong thời gian cầm quyền. Nhưng tên tuổi Pinochet sẽ mãi mãi được nhắc nhở khi đề cập tới tiền lệ của Tòa Tối Cao Anh Quốc đối với những nhà độc tài vi phạm nhân quyền.

Về mặt pháp lý, Pinochet đáng lẽ phải ra Tòa Án có thẩm quyền tỳ như Tòa Án Hình Sự Quốc Tế xét xử, thì nay gần như tất cả các Tòa Án quốc gia trong cộng đồng thế giới đều có thể truy tố và xét xử những vụ giống như trường hợp Pinochet. Phi Châu đã áp dụng tiền lệ này đối với nhà cựu độc tài Chad Hissence Harbre đang sống lưu vong tại Senegal. Bị can bị giam giữ ngày 04.02.2000 tại Dakar do lệnh tổng giam của thẩm phán Senegal để đưa can phạm ra Tòa Án Senegal về tội tra tấn và thủ tiêu các nhà đối lập tại quốc gia Chad.

THẾ KỶ ĐẪM MÁU

Mở đầu thế kỷ 20, ta thấy Đế Quốc Thổ Nhĩ Kỳ (*Ottoman Empire*) đã tiêu diệt 1.500.000 dân thiểu số Armenian khiến Hội Quốc Liên phải can thiệp. Đế Nhất Thế Chiến giết và gây tàn tật 30 triệu người. Hitler cùng Trục phát xít Ý, Đức, Nhật xâm lược các lân bang gây ra Đế Nhị Thế Chiến giết gần trăm triệu người chết và tàn tật, chưa kể hàng triệu người - chết và bị giết về nguyên nhân khác. Xin đơn cử một vài vụ trong hàng trăm vụ chưa được ghi vào thống kê.

Binh sĩ Liên Xô bị giết như con sâu cái kiến, trong số 6 triệu tù binh Liên Xô bị Đức bắt, chỉ

còn một triệu sống sót. Đến lượt Liên Xô bắt giữ 3 triệu rưỡi tù binh Đức, có một triệu rưỡi không bao giờ trở về Đất Mẹ. (Tuần báo Life kỷ niệm 50 năm 1945-1995).

Quân phiệt Nhật bắt nông dân Việt nhổ lúa trồng đay phục vụ chiến tranh cho trục phát xít, đã gây ra nạn đói năm Ất Dậu (1945) giết 2 triệu dân. Hàng trăm ngàn người lại bị gục ngã trong các cuộc đấu tố về chính sách cải cách ruộng đất dưới chế cộng sản Bắc Việt...

Theo các nhà nghiên cứu và sử gia, thế kỷ 20 là thế kỷ của khoa học và kỹ thuật. Ngược lại, có nhiều nhà tư tưởng lại coi thế kỷ 20 là thế kỷ dân chủ và dân quyền.

Dưới lăng kính pháp lý, thế kỷ 20 là thế kỷ tàn bạo và man rợ nhất trong lịch sử thế giới. Tội phạm Pinochet cũng nằm trong hành vi tàn bạo và man rợ bị lên án trong thế kỷ. Luật gia Pháp Pizar, một trong những luật gia danh tiếng trên thế giới, từng đưa ra sự nhận xét về vụ bắt giam Pinochet đề cập ở Mục II nói trên và khi Tòa Án Tối Cao Anh đưa ra tiền lệ lịch sử về tài phán quốc tế, đã nói về thế kỷ 20 như sau: "Thế kỷ đã vấy máu và nhuốm máu ngay từ buổi ban đầu. Những người Armenian, Hitler, Stalin, Mao, Pol Pot, Bosnia, Người Kurd, Người Chechnyan, Người Algerian, Người Kosovo, Và tất nhiên cả những người Do Thái... Chúng ta cần làm sao để chắc chắn rằng những gì đã xảy ra ở thế kỷ man rợ này sẽ không tái diễn trong thế kỷ tiếp theo."

Sự nhận định của luật gia Pizar đã đi theo vào chiều hướng của lời hứa dưới đây.

LỜI HỨA

Hơn nửa thế kỷ sau khi phạm nhân chóp bu Đức Quốc Xã được xét xử xong vào cuối năm 1946, ta thấy chỉ ba năm sau, có bốn Công Ước Geneva ra đời quy định luật chiến tranh và luật nhân đạo quốc tế thể hiện lời hứa ngăn ngừa những hành vi tàn bạo và man rợ không

còn tái diễn nữa. Lời hứa “không bao giờ xảy ra nữa” (*never again*) gặp trở ngại do cuộc chiến tranh lạnh kéo dài gần nửa thế kỷ suýt đưa nhân loại vào Thế Chiến Thứ III.

Biết bao thủ phạm can tội tra tấn, bắt cóc, thủ tiêu, giết người hàng loạt khắp nơi trên trái đất, không bao giờ bị truy tố và đưa ra tòa xét xử cả. Phải chờ cho đến khi bức tường Bá Linh sụp đổ và khối cộng sản tan rã, ta mới thấy, lần đầu tiên trong lịch sử, sự khai sinh ra Tòa Án Hình Sự Quốc Tế báo hiệu lời hứa sắp trở lại.

Vụ Pinochet bùng nổ cùng với sự thiết lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Thường Trục (Hội Nghị La Mã) đã giúp thực hiện lời hứa. Đó là một thực tế.

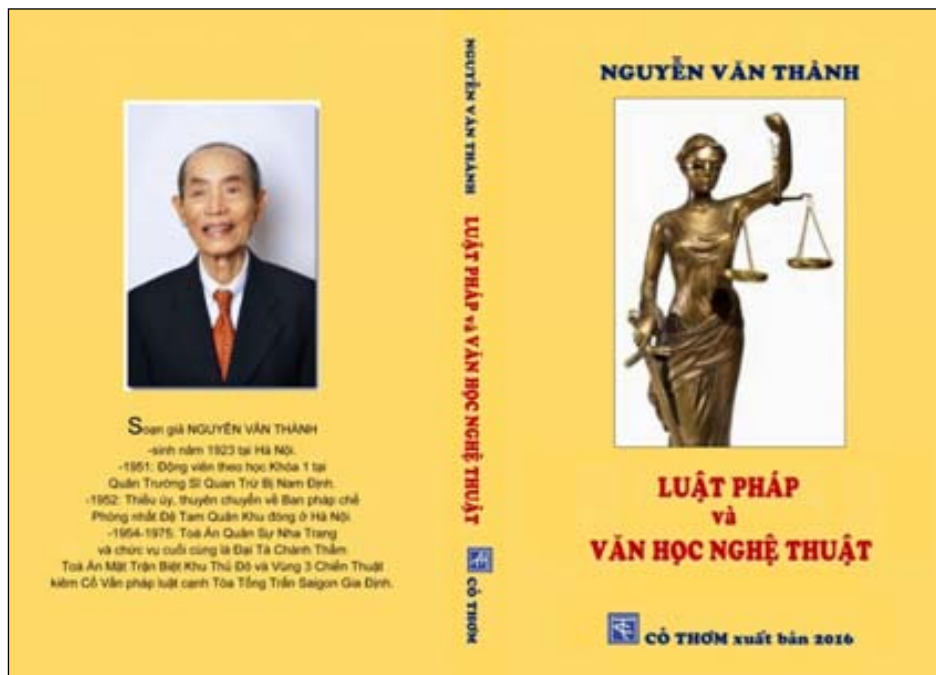
Trước hai sự kiện vô cùng quan trọng vừa trình bày ở trên, thiếu nghĩ có lẽ không ai có đủ thẩm quyền hơn Bà Louis Arbour, cựu Trưởng Phòng Công Tố Tòa Án Hình Sự Quốc Tế tại Bosnia, nhận xét về lời hứa năm xưa. Bà nói: “Như vậy tôi có thể nói thực tình rằng ‘không

bao giờ xảy ra nữa’. Không phải là những sự việc đó không bao giờ xảy ra nữa. Nó vẫn xảy ra hàng ngày. Nhưng là để nói rằng, từ nay trở đi tình trạng miễn trừng phạt sẽ thực sự chấm dứt.” (Then I think we can really say “Never again”. Not that these things won't ever happen again. They happen every day. But it will be the end of impunity.)

Quả “không bao giờ xảy ra nữa” “*never again*” đã đáp ứng khát vọng muôn thuở của loài người - muốn được sống an toàn, không còn lo sợ những sự tàn bạo và man rợ nữa, để được hưởng những quyền căn bản xứng đáng với nhân phẩm của con người, trong một nền hòa bình vĩnh cửu, dưới một mái nhà của đại gia đình các dân tộc trên hành tinh này vậy.

“Không bao giờ xảy ra nữa - *Never again*” sẽ trường tồn với Nhân Loại.

**Trích: “LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT”
Của soạn giả: TP. Nguyễn Văn Thành (1923)**



ĐỜI CHAN HÒA NHỮNG TIN YÊU

LIFE IS BATHED IN TRUST AND LOVE

Có một gia tài của tôi – đâu đó
Trần gian còn giữ hộ chưa trao
Sống yên tâm – tôi tin tôi giàu có
Không gì lo – khốn khó ở chiêm bao.

There is an inheritance for me – somewhere,
The world has kept, of it for me to take care.
Sensing secure, I believe I am wealthy wholly;
Nothing to worry – Poverty is in dreams only.

Có khối chân tình xẻ chia ẩn khuất
Vẫn ân cần theo dõi suốt ngày đêm
Vẫn vỗ về đêm đêm tôi ngoan giấc
Không gì lo – hạnh phúc ở kề bên.

There is a lot of hidden feelings true and right
To share and kindly follow me day and night,
And still comfort me in every sound sleep;
No anxiety – happiness is close by and deep.

Có một người yêu tôi – tôi yêu sẽ đến
Sẽ đi cùng – tận cuối nẻo đường kia
Rất dịu dàng trao tôi ngàn thương mến
Không gì lo – cơn ác mộng phân li.

There, the one who loves me, I love, will come,
Accompanying me on that far way as a chum,
Sweetly giving me thousands of fondness fair;
Nothing to fear – the separation nightmare!

Có những an thần vị tôi ngự trấn
Những tai ương dừng lại, chẳng gieo điều
Tôi vẹn nguyên – không ai người gây hấn
Đời chan hòa đây đó ngập tin yêu.

There are peace angels for me who do reign
To stop disasters from sowing seeds of pain.
I remain intact – no hawk, everyone is a dove:
My life everywhere is bathed in trust and love.

LỆ MAI

Translation by
THANH-THANH

**Có nên gọi «ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH»
là «TRUYỆN KIỀU» không ?
Qua ĐTTT, nhìn về vận số nhân loại và Việt Nam**

NGUYỄN THUY

I.- Việc đổi tên một tác phẩm.

Ai cũng biết «Đoạn trường tân thanh» là nhan đề Nguyễn Du đặt cho tập truyện bằng thơ của mình, phóng tác quyển ‘Kim Vân Kiều truyện’ của Thanh Tâm tài nhân Nhưng rồi, sau này, cái nhan đề đó ít được nhắc đến ngoại trừ đôi lúc trong nhà trường và trong một số sách biên khảo, tuy nhiên cũng chỉ nhắc qua chứ không quan tâm mấy và nhan đề ‘Truyện Kiều’ lại được dùng nhiều hơn. Trong dân gian thì cái nhan đề nguyên tác của tác phẩm hầu như không mấy ai biết đến dù ai ai cũng thuộc nằm lòng đôi đoạn trong tác phẩm.

Lý do khiến gọi ‘Đoạn trường tân thanh’ là ‘Truyện Kiều’ không mấy khó hiểu :

-Trước tiên, nhân vật chính của truyện là Kiều –Vương Thúy Kiều- và suốt tác phẩm chỉ thuật lại cuộc đời Kiều nên gọi "Truyện Kiều", nghĩ ra cũng hợp lẽ.

-Tiếp theo, truyện viết bằng văn Nôm nhưng nhan đề lại là từ Hán-Việt, nghe ra phần nào khiêng cưỡng nên gọi bằng nhan đề ‘Truyện Kiều’, nghe ra ‘hợp lý’ hơn vì cùng phong cách ngôn ngữ.

- Sau nữa, đối với giới bình dân, nhan đề ‘Truyện Kiều’ nghe ra dễ hiểu vừa nôm na vừa dễ nhớ hơn là ‘Đoạn trường tân thanh’.

- Một lý do khác là lúc trích dẫn một đôi câu trong truyện, người ta ghi chú ‘truyện Kiều’ hay ‘Kiều’ vừa ngắn gọn vừa ‘tiết kiệm công và giấy’.(!) hơn là ghi ‘Đoạn trường tân thanh’.

Những lý do trên, chắc không ai phản đối. Vì thế, càng về sau, lúc ấn hành tác phẩm này của Nguyễn Du, người ta thường lấy tên sách là ‘Truyện Kiều’ từ sách biên khảo đến sách giáo khoa xuất bản ở cả hai miền Nam-Bắc.

Theo Đặng Thanh Lê (‘Truyện Kiều’, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1972) , tác phẩm của Nguyễn Du đã xuất bản 23 lần bằng chữ Nôm và 72 lần bằng chữ Quốc ngữ, không rõ bao nhiêu lần đã lấy đúng nhan đề ‘Đoạn trường tân thanh’, người viết không có dữ kiện để xác quyết.

Trong Nam, tuy đôi nhà biên khảo và nhà xuất bản lấy đúng nguyên đề của Nguyễn Du nhưng hầu như không mấy để ý đến ý nghĩa cùng lý do sự việc Nguyễn Du đặt tên cho tập truyện Nôm của mình bằng từ Hán-Việt.

Ở miền Bắc, hầu như chẳng một ai lưu tâm đến sự việc đó. Gần đây, lại có đôi ông ‘trí thức’ sửa cả lời thơ của Nguyễn Du rồi

các ‘thi văn sĩ’ Cộng sản ca tụng nhau một cách ngô nghê, buồn cười, ngu ngốc.

Việc sửa đổi nhan đề một tác phẩm do chính tác giả hoặc do các nhà biên khảo chú thích, hiệu đính không là sự việc mới mẻ. Ở Pháp, Victor Hugo đã đổi tên tác phẩm «*Những Cảnh Cùng Khổ*» (nhan đề lúc bắt đầu viết) năm 1845 ra thành «*Những Người Khốn Khổ*» (Les Misérables) vào năm 1860 và đổi tên nhân vật từ Jean Trejean sang Jean Valjean (xem ‘Victor Hugo’, nxb Giáo Dục, TP Hồ Chí Minh, 1978). Ở Việt Nam, người viết nhớ mang máng Khái Hưng đã đổi nhan đề quyển tiểu thuyết ‘*Thanh Đức*’ ra ‘*Bản Khoăn*’... Trong Văn học, chắc nhiều trường hợp như thế đã xảy ra.

Nhiều trường hợp đổi tên tác phẩm không ảnh hưởng gì đến chủ ý của tác giả cùng ý nghĩa, nội dung tác phẩm nhưng nhiều lúc có thể phản lại hoặc làm sai lệch chủ ý ban đầu của tác giả; nhất là khi việc sửa đổi đó lại do độc giả hoặc các nhà biên khảo, các nhà xuất bản hoặc vì lý do thời thế. Không rõ đã có trường hợp nào như thế không, người viết không được biết.

Cũng vì không hiểu rõ chủ ý của tác giả nên khi dịch nhan đề một tác phẩm từ tiếng nước này sang tiếng nước khác, dịch giả thường không tìm ra được những từ tương đồng (hoặc cách dịch nào sát đúng với nội dung nguyên tác). Chẳng hạn, hai ông Xuân Phúc và Xuân Việt, trong bản dịch ‘ĐTTT’ ra Pháp ngữ lại dùng nhan đề «KIM-VÂN-KIẾU» và dịch nhan đề «ĐTTT’ là «les nouveaux accents de la douleur». (xem «Kim-Vân-Kiều» par Nguyễn Du», traduit du Vietnamien par Xuân Phúc et Xuân Việt – nrf

Gallimard/Unesco, Paris 2003, trang bìa và trang 17). Người viết không mấy đồng ý vì: từ «*douleur*» không hẳn đúng từ «đoạn trường», có lẽ nên dùng ‘*souffrance*’, nghĩ ra sát hơn; cụm từ «*les nouveaux accents*» dùng theo ‘số nhiều’ không đúng với từ «tân thanh»; người viết nghĩ là phải được dùng theo ‘số ít’. Cách dịch này, xem ra phần nào ‘phản’ lại nội dung chủ yếu của Nguyễn Du tức phần Tư Tưởng đã phả vào trong tác phẩm. Trong tác phẩm «*Truyện Kiều và Tuổi trẻ - Nguyễn Du*» của ba nhà Giáo sư, Học giả Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ (nxb Làng Văn, in lần nhất tại Gia Nã Đại, tháng 10-1998) cũng dùng nhan đề ‘Truyện Kiều’ và trong phần Pháp văn, Anh văn dịch là «*L’Histoire de Kieu*», «*The Tale of Kieu*» (trang 521 và 591). Cách dịch này khiến người ngoại quốc hiểu ĐTTT chỉ là câu «truyện kể» có thể hay nhưng không mang chớ những gì sâu sắc. Có thể nói, các học giả đã biên khảo về ĐTTT và các dịch giả về tác phẩm này, lâu nay, chưa mấy cân trọng trong việc tìm hiểu Nguyễn Du cùng tác phẩm của ông.

Nhan đề một tác phẩm rất quan trọng vì có thể ôm trọn được nội dung tác phẩm cùng nói lên «bề sâu» của tác phẩm... Việc đổi nhan đề ‘*Đoạn trường tân thanh*’ ra ‘*Truyện Kiều*’ thiết nghĩ, theo người viết, quả đã vô tình làm sai lệch quá trình tư tưởng và ngôn ngữ Nguyễn Du khá nhiều.

II- Cái Tân Thanh của Đoạn Trường.

«*Đoạn trường tân thanh*» chuyển sang tiếng Nôm là «*Tiếng kêu mới đứt ruột*» hay «*Tiếng kêu mới về đau khổ*». Tại sao lại là ‘*tiếng kêu mới*’? Có thể trả lời ngay, theo ý nghĩ thông thường, là: vì

« *tiếng kêu cũ* » là ‘tiếng kêu’ đã có nơi quyền «Kim Vân Kiều truyện» của Thanh Tâm tài nhân rồi. Vì là truyện phóng tác nên Nguyễn Du gọi là ‘tân thanh’. Học giả Lê Hữu Mục đã viết : «*Tại sao lại có chữ ‘tân’ nghĩa là mới ? Chỉ vì tác phẩm của Nguyễn Du được viết dựa vào một tác phẩm cổ của đời Minh tên là ‘Kim Vân Kiều truyện’ của Thanh Tâm tài tử...* » (Truyện Kiều và Tuổi trẻ - sdd, trang 34). Mới nghe qua, lời trả lời này có thể chấp nhận được nhưng thực sự quả gượng ép. Nếu ‘tiếng kêu’ nơi đây chỉ có nghĩa là ‘tiếng thốt, lời than’ thì việc đổi tên từ ‘Đoạn trường tân thanh’ sang ‘Truyện Kiều’ chẳng có gì phải thắc mắc. ‘Tiếng kêu’ nơi đây được gọi là ‘tiếng kêu mới’ – tân thanh - không giản dị vì Nguyễn Du đã phóng tác truyện của Thanh Tâm tài nhân.

Xét riêng, tác phẩm của Thanh Tâm tài nhân lấy tên là «Kim Vân Kiều truyện» rõ ràng chỉ có nghĩa là câu chuyện nói về ba nhân vật: Kim Trọng, Vương Thúy Vân và Vương Thúy Kiều. Tên nhân vật chính lại đứng sau cùng. Như thế có nghĩa là Thanh Tâm tài nhân chỉ thuật lại một câu chuyện thương tâm chứ không có một ý hướng, một chủ đích nào sâu xa cả. Chẳng lẽ Nguyễn Du mập mờ ‘đánh lộn’ chúng ta qua cách dùng từ Hán-Việt nơi đây ? Ta có thể hiểu được cái ‘hoàn cảnh giới hạn’ (situation-limite, mượn từ của Karl Jaspers) của Nguyễn Du khi đặt mình vào vị trí và thời đại ông sống. Dùng từ ‘tân thanh’ chẳng qua chỉ cốt biện hộ cho mình và cho tác phẩm hầu tránh được cái nhìn soi mói, cách suy diễn ác ý (theo cách nói bây giờ là ‘chụp mũ’, cách người Cộng sản thường dùng để bắt tội những ai không

cùng quan điểm với họ) của dư luận, cái thói xấu ‘vạch lá tìm sâu’ để kết tội ông của hàng quan lại xấu miệng quen thói tâng công, xiêm nịnh, ưa vu cáo, hãm hại công thần. Nhiều nhà biên khảo cho biết trong thời gian làm quan với triều Nguyễn, Nguyễn Du có nhiều bất đắc chí ; vì thế ít nói, ít góp ý kiến, ít bàn quốc sự. Làm quan mà cứ luôn xin nghỉ hoặc vì bệnh, vì việc nhà, hoặc được phép nghỉ hơn một tháng vào cuối năm 1804, tám tháng vào cuối năm 1808 và đầu năm 1809, hai tháng cuối năm 1812, sáu tháng khi đi Trung Quốc về (xem ‘Lịch sử Văn học Việt Nam’ tập II, nxb Giáo Dục, TP Hồ Chí Minh, bài ‘Nguyễn Du’ của giáo sư Lê Trí Viễn). Sự việc ít nói, ít bàn, sự việc xin phép nghỉ quá nhiều như thế hẳn vì Nguyễn Du không thoải mái với triều đình, với quan lại đồng triều. Trong chế độ vua chúa ngày xưa, biết bao cái chết oan chi vì một lời vu cáo, bịa đặt, xuyên tạc vu vơ. Một Nguyễn Văn Thành chẳng hạn và bao nhiêu trường hợp nhan nhân trong sử sách xưa như Đông Chu liệt quốc, Tam Quốc chí và ngày nay dưới các chế độ Cộng sản. Tác phẩm của Nguyễn Du chẳng đã để Kiều lên sang nhà Kim Trọng tự tình rồi hai người thề nguyện xe tơ kết tóc, một điều trái với lễ giáo đương thời ; Nguyễn Du vạch trần bộ mặt hư đốn của Tổng đốc đại thần Hồ Tôn Hiến, chẳng đã ca tụng những kẻ ‘phản động’ như Từ Hải sao ? Với chữ ‘tân thanh’, Nguyễn Du sẽ có cơ bảo: Đây là truyện trong sách ngày xưa bên Tàu, thấy cảm thương hồng nhan bạc mệnh mà chép lại, thế thôi. Vì ‘chép lại’ nên gọi là ‘tân thanh’. Đây là lý do dễ hiểu, ai cũng nghĩ như thế (như lời GS Lê Hữu Mục, và

trích trên) nhưng, thực sự, theo người viết, không hẳn đúng với Nguyễn Du.

Nguyễn Du chẳng ngại gì bị vua trên quở trách, chẳng ngại gì bị quan lại dèm pha, vu cáo, chẳng ngại gì người đời phê phán, khen chê vì Nguyễn Du luôn im lặng. Nguyễn Du ‘im lặng’ trước thế sự, trước cuộc đời, im lặng trước mọi người – ngay cả với vợ con, bạn bè -, im lặng cả với chính mình để luôn luôn ‘gói trọn’ mình trong lạnh buồn hiu hắt, trong nỗi ‘cô đơn của nhà tư tưởng’, nỗi cô đơn suốt mặt của thiên tài.

Một điều trước nay không được chú ý là sự việc Nguyễn Du không ra hợp tác với nhà Tây Sơn. Có thể Nguyễn Huệ không mời vì Nguyễn Du đã từng chống Tây Sơn. Mà dù Nguyễn Huệ có mời, có lẽ Nguyễn Du cũng kiếm cách từ chối vì làm sao tránh được dư luận dị nghị về việc đã chống Tây Sơn, nay lại hợp tác. Hơn nữa, theo người viết, Nguyễn Du muốn được sống cái ‘cô đơn’ để trầm ngâm với dòng tư tưởng của mình (trường hợp giống với đức Thích Ca đã bỏ nhà ra đi tìm Đạo hầu giải đáp vấn nạn do đâu mà con người mãi mãi khổ đau). Dù Nguyễn Du có thán phục Nguyễn Huệ là một anh hùng chẳng nữa. thì theo Nguyễn Du, Nguyễn Huệ cũng là một Từ Hải thôi, tuy Nguyễn Huệ vì dân vì nước chứ không vì cái ‘anh hùng cá nhân’ như Từ Hải. Thế sao lại ra cộng tác với Gia Long? Có thể Nguyễn Du biết rõ Nguyễn Ánh không là kẻ rộng lượng. Trong ý tưởng Nguyễn Du, Nguyễn Huệ, Gia Long và bất kỳ ai nữa, Đông Tây kim cổ, cũng chỉ là những ‘thiết yếu lịch sử’ một thời rồi lịch sử vẫn mãi miết trong dòng sinh hóa hư phù, giả hoặc như với một cô Kiều ‘*hết nạn nọ đến nạn*

kia’ vì rằng «*Trăm năm trong cõi người ta..., Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*». Dù có ‘*đi săn nơi núi Hồng*’ (Hồng sơn lập hộ), có ‘*đi câu nơi bể Nam*’ (Nam hải điều đồ), Nguyễn Du không nhằm bắt cá, bắt thú, cũng không phải để ‘*tiêu dao*’ như những hành giả Lão Trang mà chỉ để được sống với cái ‘cô đơn’ của riêng mình, cái ‘cô đơn của nhà tư tưởng’, cái cô đơn của con người ‘*Trắc thân bất khuất hữu hình ngoạ, Thiên tuế trường ưu vị tử tiền*’ (Nguyễn Du : Mộ Xuân cảm hứng - Tam dịch : Hữu hình thân ấy không tồn tại, Vẫn nghĩ nghìn sau chuyện thế trần). Cái tâm trạng «*Muôn đời trần thế cháy tâm can*» (1) đó, nào ai biết. Nào ai nhìn ra được ý hướng và ý chí tiềm tàng nơi con người chán hết mọi công danh, chỉ “*ngắm nhìn cây trúc sân nhà để độc thoại với chính mình*” (vô ngôn độc đối đình tiền trúc) dù vẫn không nguôi “*trường kiếm ngang lưng chờ gió thu*” (yêu gian trường kiếm quai thu phong) (2), không phải để làm nên sự việc gì cải tạo thời thế mà chỉ để âm thầm đeo đuổi công việc “*Nhất phiến hàn thanh tống cổ cầm*” (câu thơ chữ Hán trong bài ‘Xuân dạ’, tam dịch : một tiếng lạnh buồn xưa cổ kim). ‘Tiếng lạnh buồn’ đó là gì? Niềm đau trước cảnh tình đất nước qua bao thời nhiều nhượng ly loạn? Hay nỗi trầm mặc ưu tư trước diễn trình sinh hóa của nhân sinh? Hay cái tâm trạng cô đơn, mãi mãi vọng về ‘*tiếng lời tư tưởng*’ (le dire de la pensée) lặng lẽ nung nấu trong lòng, cái tư tưởng âm u nhiệm mạt sẽ giải tỏa cái thế dạ nhân hoàn (l’obscureissement du monde)? Sự việc còn xa, xa lắm, biết đến bao giờ. Nguyễn Du ru mình vào cô đơn, nuôi dưỡng cái cô đơn đó nơi mình, mượn lời thơ buồn để báo biểu niềm vui sẽ đến dù niềm vui còn xa, rất

xa!. ‘Hàn thanh’, tiếng lạnh buồn, tiếng gọi của tư tưởng, tiếng thơ buồn nói lên cái ‘tân thanh’ của đoạn trường, điều mà thế gian không –hay chưa - cảm nhận ra. Niềm vui đó sẽ đến vào giờ phút nhất định của nó. Nguyễn Du nhìn ra niềm vui đó nhưng ông không thể nào bắt gặp vì cuộc tiến hóa còn phải qua bao đổi dời bình diện của ‘cựu thanh’. Vì thế nên chi «*Vui xa đánh đổi buồn gần*’, mượn lời thơ buồn an ủi niềm đau nhân thế nơi mình và nơi mọi kẻ : *‘Tiếng thơ bi thảm độ người trầm luân’* (N.T.).

«*Tân thanh*» là ‘tiếng mới’. Mà ‘tiếng’ là âm thanh, là ngôn ngữ dù là thứ tiếng gì: tiếng gió, tiếng nước, tiếng côn trùng, tiếng bò, tiếng chó, tiếng đụng chạm giữa ly tách, tiếng người,... Căn cứ vào từ nhà Phật, mỗi hiện thể (hay pháp) gồm ba mặt : Thể, Dụng và Tướng, thì trong ngôn ngữ cấu âm của con người, ta có thể xem: Thể của ngôn ngữ là âm thanh, ngữ điệu ; Dụng của ngôn ngữ là ý nghĩa của từ, của mệnh đề và câu ; Tướng của ngôn ngữ là chữ viết tức văn tự, ký hiệu của ngôn ngữ..

Ngôn ngữ, theo nghĩa thông thường là «*hệ thống dấu hiệu dùng làm phương tiện truyền đạt, thông giao*» (Tout système pouvant servir de moyen de communication – André Lalande : Vocabulaire technique et critique de la Philosophie). Theo Martinet : «*Ngôn ngữ là quan năng của con người thông giao với nhau bằng âm hiệu*» (Le langage est la faculté qu’ont les hommes de s’entendre au moyen de signes vocaux – André Vergez và Denis Huissman : Petit dictionnaire de la philosophie, les abc du Bac). Định nghĩa như thế là định nghĩa trên

cái ‘Dụng’ thông thường của ngôn ngữ. Claude Lévy Strauss ‘định nghĩa’ có phần thâm sâu hơn : «*Ngôn ngữ là một lý lẽ của con người, có những lý lẽ của nó mà con người không biết*» (La langue est une raison humaine qui a ses raisons et que l’homme ne connaît pas – Xem André Vergnez và Denis Huissman, sdd)... Định nghĩa này không cơ sở trên ‘Dụng’ và ‘Tướng’ mà xem ngôn ngữ là thứ của cái được ban cấp bản nhiên cho con người, và con người mặc dầu vẫn sử dụng nhưng không hiểu được bản chất của nó. Đây là một ‘định nghĩa không định nghĩa’ mà chỉ nói đến cái sự ‘Hữu’ của ngôn ngữ nơi con người. Hiểu ngôn ngữ theo định nghĩa trên thì từ ‘tân thanh’ mà Nguyễn Du dùng chẳng chứa đựng ý nghĩa nào cao xa và cũng không nói lên chủ ý của tác giả.

Hiểu ở bình diện cao hơn, theo thể điệu M. Heidegger : «*Ngôn ngữ là ngôi nhà của Đạo Thể (Hằng Thể) . Trong ngôi nhà đó, con người cư ngụ. Những nhà tư tưởng và thi sĩ là những kẻ canh giữ chỗ cư ngụ đó. Sự canh giữ của họ là công trình viên đạt mỗi hiển lộ của Đạo thể. Qua cách thể hiện của cách nói của họ, họ mang chở mỗi hiển lộ đó vào ngôn ngữ và bảo lưu nó trong ngôn ngữ*» (3). Hiểu như thế, qua ngôn ngữ và bằng ngôn ngữ, con người thể hiện ‘*tính thể của hiện thể*’ (l’être de l’étant) nơi mình trong tư cách là một ‘*Hữu tại thể*’ (l’étant-êtré, être dans le monde) hay nói cách khác «*Ngôn ngữ hoàn thành mối liên hệ của Đạo thể với Tính thể nơi con người*». (4). ‘*Tính thể*’ nơi đây, hiểu cách thông thường là ‘bản chất’ và Đạo thể hay Hằng Thể là ‘*Hữu Thể nền tảng*’ (Être fondamental), nói theo Đông phương là Đạo Thể trong tư cách

là Bản thể căn nguyên (Đạo Thể) và con đường chuyển dịch (Đạo) của Đạo Thể trong cõi sắc tướng tức vũ trụ hiện tượng. Theo M. Heidegger, chỉ riêng nhà tư tưởng và thi sĩ mới viên thành được sự hiển lộ của Đạo thể qua ngôn ngữ. Nhưng ngôn ngữ nơi đây không là Tiếng và Từ, Lời và Câu, Văn và Điệu mà là *‘Cách nói’* (le dire) của họ. Cách nói của nhà tư tưởng và của thi sĩ thể hiện *‘cách nói của tư tưởng’* (le dire de la pensée) nghĩa là cách thể hiện của tư tưởng vào hoạt sinh, vào cõi tại thế.

Tìm hiểu tư tưởng Nguyễn Du trong ‘Đoạn trường tân thanh’, theo ý người viết, là tìm hiểu ngôn ngữ Nguyễn Du, cách nói của Nguyễn Du trong tác phẩm của ông. **‘Tân thanh’ là ‘Tiếng mới’.** **‘Tiếng mới’** nơi đây là **‘Cách thức mới’, ‘Thể điệu mới’, ‘Cách nói mới’, ‘cái nhìn mới’, ‘Ý nghĩa mới’** về đoạn trường.

Đây là *‘ý nghĩa cuộc sống, ý nghĩa cuộc đời, ý nghĩa hiện hữu thế gian’*. Cuộc sống, cuộc đời, trước nay, được hiểu chung chung : ‘Đời là trường tương tác bất tận của vạn pháp ; Đời là bể khổ, là hý trường ; cuộc sống là một mạo hiểm, một cuộc liều, một phiêu lưu vào hiểm họa. Cuộc sống, ‘cõi người ta’ là phù du, tạm bợ, là giả hoặc, vô thường, là giấc mộng, cơn mơ, mối nợ ; sống là gợi, thác là về,...’. Những thể hiện đó, tất cả đều không sai nhưng «do đâu, tại sao, để làm gì, dẫn về đâu» thì chưa có lời giải đáp. Nguyễn Du giải đáp cho chúng ta theo dòng đi của tư tưởng nơi cõi hoạt sinh.

‘Tân thanh’ nơi đây là ‘ngôn ngữ mới’, và ngôn ngữ nơi đây là ‘ý nghĩa mới’, cái ‘nhìn mới’ về đau khổ, về cuộc đời, về cuộc sống mà những cách hiểu trên

chỉ là cái ‘ý nghĩa cũ’, cái ‘nhìn cũ’. ‘Đoạn trường tân thanh’ là ‘Tiếng mới’ (hay Tiếng kêu mới) về Đoạn trường. ‘Đoạn trường’ là ‘đau đớn đến đứt ruột’, nói chung là đau khổ. ‘Đau khổ’, ai cũng biết rồi.. Cuộc sống, cuộc đời luôn luôn đau khổ, đau khổ do tự mình gây ra, do từ bên ngoài đổ đến. Không ai không khổ, không xã hội nào không khổ, cả chúng loại người đều khổ, ‘cõi người ta’ là diện trường của khổ. Cuộc sống, cuộc đời là bể khổ mênh mông. Lịch sử nhân sinh là diễn trình của khổ, khác nhau ở mức độ, kỳ gian, cách thế, trạng thái. Không ai thác mắc ‘tại sao sống là khổ, cuộc đời là bể khổ’ dù đã giải thích theo Triết lý, Khoa học, Kinh tế, Chính trị. ***Tất cả đều cho thấy là sự việc tất nhiên, muôn đời vẫn vậy, những thứ hầu như là ‘qui luật’ của tại thế, không ai tránh khỏi. Đây là cái nhìn cụ thể về đoạn trường.*** Không tránh khỏi nhưng ai cũng muốn sướng, cũng muốn hạnh phúc nghĩa là thoát được cái khổ. Muốn không khổ nên ai cũng tranh đấu tạo lập của cải, tiền nong, chức vụ, uy quyền, địa vị để được giàu sang, hạnh phúc bằng người, hơn người, thỏa mãn trần trề mọi ham muốn, ước mong. Nhưng rồi những thứ đó cũng là đau khổ, những ‘đau khổ cụ thể’ vì không dễ gì không đổ mồ hôi, không trào máu mắt để ví dụ mà chắc gì đã được, dù có được cũng chẳng bền lâu, rốt cuộc cũng bịnh tật, già nua, chêt chóc. Cô Kiều đã có tình yêu, giàu sang, địa vị, uy quyền với Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải, thế mà cũng đành mượn sóng Tiền Đường giải nghiệp đau thương. Cuộc đời luôn luôn nghịch lại với mọi ý muốn của ta nên ta luôn luôn đau khổ. Mượn tất cả những đau khổ của Kiều, của Kim, của Thúc, của Hoạn, của Tú Bà, Bạc Bà, Bạc

Hạnh, của Từ Hải, ..., của chính ông - của kiếp người nói chung -, Nguyễn Du vừa chúng mình những thứ «đoạn trường cự thanh» vừa từ đó đưa chúng ta đến một ‘tiếng mới’, một cái ‘nhìn mới’ về đoạn trường và đặt tên cho tác phẩm là «Đoạn trường tân thanh». **‘Tiếng đoạn trường mới’ không là tiếng than mới mẽ hay một đoạn trường mới nào khác, không là một đoạn trường tiếp theo cái đoạn trường đã có mà là cái ‘nhìn mới’ về đoạn trường, khác với cái nhìn cự thanh trước nay.**

Cái « nhìn tân thanh » về đoạn trường là cái nhìn như thế nào ?. Mười lăm năm bị bầm giập, tái tê nơi ‘cõi người ta’ đưa Kiều về đâu, dẫn Kiều đến đâu ? Nàng đã được ‘hồi sinh’ trong cuộc đời này (được vãi Giác Duyên vớt lên từ sông Tiên Đường ; cái chết của nàng là cái ‘chết hụt’, không phải chết hẳn để đoạn kiếp, thoát kiếp, hóa kiếp rồi đầu thai vào một cõi nào khác trong ba cõi theo thuyết nghiệp báo thường được hiểu lâu nay). Nàng đã ‘sống lại’ và chính thần chết Đạm Tiên tiêu biểu cho cái ‘Đoạn trường cự thanh’ báo cho nàng biết ‘*Đoạn trường số rút tên ra, đoạn trường thơ phải đem mà trả nhau*’ (câu 2721, 2722). « *Đoạn trường số* » là ‘số đoạn trường’, tức chuỗi dài đau khổ suốt cuộc sống của mỗi người như Kiều, rộng hơn là cuộc sống đau thương của nhân sinh trong ‘cõi người ta ». « *Đoạn trường thơ* », những bài thơ than khóc cảnh sống đoạn trường, hiểu rộng hơn là những trang đời đau khổ gây ra cho nhau qua diễn trình lịch sử của xã hội nhân loại nơi thế gian. Trút được cái ‘số đoạn trường’ đó là từ nay cuộc sống yên bình, thoải mái, hạnh phúc vô biên với ‘*duyên*

xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào’.(câu 3724). ‘*Duyên xưa*’ là duyên tình với Kim Trọng, là cảnh sống đầm ấm yên vui nơi mái nhà cha mẹ trước kia, tất cả đều cùng trở lại với nàng. ‘*Phúc sau*’ là ‘*một nhà phúc lộc gồm hai, Ngàn năm dằng dặc quan giai lần lần*’ (câu 3235, 3236), một hạnh phúc trọn vẹn, hoàn toàn và miên viễn ngay nơi ‘cõi người ta’, ngay nơi lòng cõi thế khi con người không còn gây khổ cho nhau. **Tiếng ‘đoạn trường cự thanh’ đã đổi thành ‘tân thanh’ cho nàng, tất cả những gì đã mất nay trở về lại với nàng để từ nay, không riêng nàng mà cả Kim Trọng, cả cha mẹ và hai em cùng vui hưởng cảnh hạnh phúc đời đời.** Do đâu nàng được như vậy ? Do Kiều đã luôn luôn biết ‘*Trăm năm để một tấm lòng từ đây*’(câu 880) dù có phải cảnh ‘*Lỡ làng nước đục bụi trong*’ (câu 879). Từ cái nhìn ‘cự thanh’ sang cái nhìn ‘tân thanh’, Nguyễn Du đã nói lên ý nghĩa và cứu cánh của đau khổ, đúng theo ý nhà Phật ‘*Phiền não là bờ đê, con tìm phiền muộn là con tìm giải thoát*’ và đúng theo lời Jésus : ‘*Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các người được yên nghỉ. Ta có lòng nhu mì, khiêm nhượng ; nên hãy gánh lấy ách của ta, và học theo ta, thì linh hồn các người sẽ được yên nghỉ. Vì ách ta dễ chịu, và gánh ta nhẹ nhàng*’ (Ma : 11-28, 29, 30).

Trước nay, khi giảng luận ‘Đoạn Trường Tân Thanh’, nhiều học giả nghĩ rằng tác phẩm này nói về lẽ ‘**Định mệnh**’ của nhà Nho, căn cứ vào câu : *Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*’ và thuyết ‘**Nghiệp báo**’ của nhà Phật, căn cứ vào sự việc ‘Kiều sống lại’ vì được vãi Giác Duyên vớt lên nơi

sông Tiền Đường. Sự việc ‘Kiều sống’ lại nơi đây không nằm trong lẽ ‘nghiệp báo’ vì Kiều có chết đâu, cái chết của nàng là cái ‘chết hụt’ nên không đầu thai vào kiếp nào khác vì nàng vẫn là kiếp người. Giải thích theo thuyết ‘định mệnh’ cũng không đúng. Trong câu thơ trên, ‘Tài’ chỉ cái khả năng cá nhân, nói rộng hơn là cái ‘biệt nghiệp’ của mỗi người; ‘mệnh’ không là định mệnh mà là cuộc đời, cuộc sống xã hội, cái ‘môi trường đồng loại’ mà Nguyễn Du gọi là ‘cõi người ta’, nói rộng ra là cái ‘Cộng nghiệp’ của chúng loại người. Cá nhân và xã hội, biệt nghiệp và Cộng nghiệp luôn gây trắc trở cho nhau, chống đối nhau khiến cả cuộc sống (tài) và cuộc đời (mệnh) luôn diễn ra bao trắc trở, đau khổ, tang thương. Nhưng mỗi trắc trở, chống đối giữa hai bên (cá nhân và xã hội, cuộc sống mỗi người và cuộc đời chung của chúng loại) sẽ đưa đến kết cuộc là ‘*Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai*’ (câu thơ 3246 trước khi kết thúc tác phẩm). Đạo Trời vốn là vậy. Bất con người và xã hội luôn xung khắc, mâu thuẫn, đau khổ để kết cục đưa dẫn về hài hoà, hảo hợp.

III.- QUA ‘Đoạn Trường Tân Thanh’, vận mạng Thế giới và Việt Nam ra sao ?

Diễn tiến của đời Kiều từ ‘đoạn trường cự thanh’ sang ‘đoạn trường tân thanh’ cũng là diễn tiến của dòng sinh hóa của nhân loại. *Lịch sử nhân loại sẽ tiến đến thời điểm cáo chung đoạn trường, mở ra một cảnh đời sung túc, yên vui do từ vận hành của Lễ Đạo ứng vào cho dòng tiến hóa của nhân sinh.* Nhân loại đã quá đau thương, đã đầy dẫy đoạn trường, nhân loại sẽ lại hồi sinh, sẽ ‘sinh thành’ trở lại theo lời Jésus : ‘*Ta làm mới lại hết thảy muôn vật*’ (Khải Huyền : 21 : 5). (từ ‘Ta’ trong

câu này, theo sách Khải Huyền, chỉ Thượng Đế, theo Đạo học và Triết lý chỉ ‘Đạo Thể, Être’). ‘*Thời gian trôi qua, lịch sử có già nhưng người trẻ lại*’ (‘N.T.-người’ đây là nhân loại; ‘người trẻ lại’ có nghĩa nhân loại, qua dọc dài đau thương gây khổ cho nhau sẽ tiến đến một trạng thái sống tươi vui, không còn oan khốc chất chồng)). M. Heidegger, khi nói về diễn trình Tư Tưởng đã báo biểu điều đó : ‘*Bởi tiếng gọi từ một nguyên sơ thăm thăm, một cố quận được hoàn trả lại cho chúng ta*’ (5). ‘**Tiếng gọi**’ là tiếng gọi của Thượng Đế, của ‘Chân Không’ của ‘Nhu Lai thể’, tóm lại là của Đạo Thể (Être) từ nguyên sơ, lúc khởi nguyên sinh thành vũ trụ, sinh thành sự Sống. Miên, ‘cố quận’ tức cảnh sống nguyên sơ, cái cõi sống yên vui đầm ấm thưở xa xưa. Biết nghe, biết sống theo tiếng gọi đó thì cảnh sống yên vui, thái hòa sẽ lại trở về với chúng ta sau dọc dài đắm mình trong ‘cõi người ta’ đầy đầy nghịch chướng. Cái ‘miên cố quận’ (cảnh sống yên vui nơi mái nhà cha mẹ cùng mối duyên tình với họ Kim) đó đã trở lại với Kiều nguyên vẹn, đầy đủ để từ nay mãi mãi là hạnh phúc : ‘*Duyên xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào*’. Lời trên của M. Heidegger và những câu trên của Nguyễn Du, phần nào có thể ứng dụng cho lớp người Việt Nam tỵ nạn Cộng sản nơi các xứ sở tự do hiện nay.

Và Việt Nam ra sao ? Chế độ ‘‘Cộng hòa xã hội chủ nghĩa’’ dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản hiện nay đang làm tay sai cho ngoại bang là ‘*con đoạn trường tối hậu*’ sẽ chìm chết Đảng Cộng sản (như Từ Hải) cùng chìm chết cả dân tộc như Kiều đã phải tự vận nơi sông Tiền Đường. Nhưng **Cộng sản chết là chết luôn như Từ Hải**

(6), còn dân tộc Việt Nam có phải ‘chết theo’ thì lại ‘sống lại’ ;, lại ‘hồi sinh’ như Kiều để tạo nên một cảnh sống mới vui tươi trọn vẹn. Dòng dịch hóa từ đoạn trường sang hạnh phúc đó do từ dòng Sử mệnh đặc thù cùng dòng Văn hóa đặc thù của dân tộc chúng ta (sẽ đề cập trong một bài khác) đã như cô Kiều biết ‘Trăm năm để một tấm lòng từ đây’. Cái hạnh vận tốt cùng đó sẽ đến nay mai khi Đảng và chế độ Cộng sản phải dứt khoát ra đi như anh hùng Từ Hải (đảng Cộng sản tự xem mình là anh hùng) thì hàng hàng trăm ngàn, hàng triệu thanh niên ty nạn cộng sản đã thành đạt nơi xứ người sẽ lại về cùng hàng hàng trí thức, văn nghệ sĩ, thanh niên, học sinh và đồng bào quốc nội cùng đem tráng chí, hùng tâm, năng lực dựng lại nước non. Với vốn liếng Việt Nam sẵn có, với hành trang văn hóa tích tụ từ Anh, Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hòa Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Ba Lan, Phần Lan, Nga, Mỹ, Nhật, Úc, Gia Nã Đại và bao quốc gia khác nữa, tất cả sẽ cùng hội ngộ dựng xây Tổ quốc muôn phần đẹp đẽ hơn xưa. **Đây là cuộc ‘Hội ngộ của địa cầu’** (le Rendez-vous des continents) do chính người Việt Nam tự tạo cho mình, cuộc ‘Hội ngộ địa cầu’ đủ sắc màu văn hóa của năm châu và Việt Nam lại phùng ngộ Nguyễn Xuân trong ngày « Hội Non Sông » tươi đẹp đó với « duyên xưa đây đặng, phúc sau đời dào ». (Dĩ nhiên, sự việc đó liên hệ đến diễn tiến của thế giới nhưng xin chưa đề cập nơi đây). Xin trầm tư, suy nghiệm thêm về Đoạn Trường Tân Thanh để thấy rõ tác phẩm này là một tác phẩm Tư Tưởng nói lên vận hành của Lễ Đạo nơi thế gian sẽ đưa nhân sinh, cả nhân

loại và riêng Việt Nam chúng ta vào một hạnh vận tốt đẹp ra sao mai này.

Những điều nói trên – và nhiều điều khác nữa- cho thấy phần nào giá trị Tư Tưởng của tác phẩm Đoạn trường tân thanh. Vì thế, ta hiểu ra lý do Nguyễn Du đặt nhan đề tác phẩm là ‘Đoạn trường tân thanh’ và lý do tại sao Nguyễn Du chỉ phóng tác quyển ‘Kim-Vân-Kiều truyện’ của Thanh Tâm tài nhân, một tác phẩm và một tác giả chẳng mấy tiếng tăm mà không phóng tác một tác phẩm sáng giá nào khác trong kho tàng văn học Trung Hoa cũng như, với thiên tài mình, hư cấu nên một truyện nào tương tự? Do đó, người viết nghĩ không nên đổi tên ‘Đoạn trường tân thanh’ ra ‘Truyện Kiều’ ngoài những lúc trò chuyện bình thường hay trường hợp phải dùng vì gọn, nhẹ và để ‘tiết kiệm giấy mực’ như đã nói nơi đoạn đầu bài này. Còn khi in ấn tác phẩm và trong các biên khảo, giảng luận thì xin nên dùng đúng nhan đề «Đoạn trường tân thanh».

NGUYỄN THÙY

Chú thích:

1) Câu thơ của Lê Ngọc Chấn, một đảng viên VNQDD, cựu Bộ trưởng quốc phòng thời Đế Nhất Cọng Hòa Việt Nam, cựu Đại sứ VNCH tại Luân Đôn, mất năm 1986 sau khi ra tù ‘cải tạo’ (!?) Cộng sản.

2) Hai câu trong bài thơ ‘Ký Hữu’ (Gởi bạn) của Nguyễn Du :

Mạc mạc trần ai mãi thái không
 Bé môn, cao chằm, ngọ kỳ trung
 Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại
 Bách lý Hồng sơn chính khí đồng
 Nhỡn để phù vân khan thế sự

Yêu gian trường kiếm quải thu phong
Vô ngôn độc đối đình tiền trúc
Sương tuyết tiêu thời hợp hóa long.
Bài dịch của Từ Mai : (trong Tập san
Hương Văn, số 22, tháng 6 năm 2003,
Wesminster, CA, trang 83, 84) :
Mờ ngật không gian bụi cát tung
Cửa cài, cao gôi, lảnh nằm trong
Một trời trắng tỏ giao tình gửi
Trăm dặm Hồng cao chính khí cùng
Đáy mắt mây trôi đành thế sự
Ngang lưng kiếm động ngút thu phong
Nín thình ngắm trúc ngoài sân trước
Sương tuyết tiêu tan lại dáng rồng.

3) “Le langage est la maison de l’Être.
Dans son abri, habite l’homme. Les
penseurs et les poètes sont ceux qui
veillent sur cet abri.. Leur veille est
l’accomplissement de la révélabilité de l’
Être ; en tant que par leur dire ils portent
au langage cette révélabilité et la
conservent dans le langage » - M.
Heidegger (Lettre sur l’humanisme), trong
‘Questions III’, nxb Gall. Paris 1989,
trang 74. –

4) “La pensée accomplit la relation de
l’Être à l’essence de l’homme” (Lettre sur
l’humanisme -sdd, trang 73). Trong bản
thảo tiếng Anh « ‘Being and thinking –
What is called Thinking ? – Meditative
thinking’ », ông Mạc Ngọc Pha đã dịch
như sau : « *Thinking accomplishes the
relation of Being to the essence of man* » -
Từ ‘Être’ tiếng Pháp, người viết dịch là
‘Đạo Thể’, ông Mạc Ngọc Pha gọi là ‘Tính
Thể’ và dịch sang tiếng Anh là ‘Being’. Từ
‘Pensée’ tiếng Pháp, người viết dịch là ‘tu
tưởng’, ông Mạc Ngọc Pha dịch là ‘tu
duy’, sang tiếng Anh là ‘Thinking’.

Người viết phân vân không rõ cách dịch
nào đúng.

5) “Par l’appel , en une lointaine Origine,
une terre natale nous est rendue” – M ;
Heidegger : Der Feldweg. Bản dịch Pháp
ngữ : ‘Le Chemin de Campagne’ của André
Préau, trong Questions III, sdd, trang 15.

6) Đảng Cộng sản VN cũng chỉ là một
thứ Từ Hải, một thứ ‘anh hùng cá nhân’
(dù nhân danh là Đảng), tự hào đánh thắng
hai đế quốc đầu sỏ, đem lại Độc lập, Tự
do, Hạnh phúc cho dân tộc nhưng rồi dân
tộc, đất nước VN ra sao? Mấy chục năm
trời từ ngày cướp được chính quyền (năm
1945) đến nay, Cộng sản VN chỉ làm cái
công việc ‘*dịch chủ tài nô*’ chứ chẳng làm
được gì cho dân, cho nước. Từ Hải với
‘năm năm hùng cứ một phương hải tần’
(câu 2450) nào có đem lại gì cho vùng đất
và nhân dân mà họ Từ đang nắm quyền
thống trị. Nguyễn Du không một lời nào
nói đến những công đức của họ Từ đối với
quần chúng nhân dân. Từ Hải còn phản bội
lại lời đã hứa với Kiều ‘*Xót nàng còn chút
song thân, Bấy nay kẻ Việt người Tần cách
xa, Sao cho muôn dặm một nhà, Cho người
thấy mặt là ta cam lòng*’ (câu 2433-2436)
nhưng rồi Từ hải đâu có thực hiện. Chính
những phản bội đó đã đưa Từ Hải đến chỗ
chết. Đảng Cộng sản cũng do những phản
bội của họ sẽ phải chết, chết hẵn và VN
cũng chết theo chúng nhưng VN lại được
‘sống lại’ với một cảnh đời mới ‘*phúc lộc
gồm hai, Ngàn năm dằng dặc, quan giai
lần lần*’, điều mà Nguyễn Du đã bảo
‘Sương tuyết tiêu tan, lại dáng rồng’ (câu
cuối bài thơ nơi chú thích 2) , được nhắc
lại trong Đoạn Trường Tân Thanh : *‘Trời
còn để có hôm nay, Tan sương đầu ngõ vén
mây giữa trời’* (câu 3121-3122).



Bài xướng:

Tiền Chủ Nhiệm Ngọc Dung

Hai chục năm... Vèo... Một giấc mơ!
Ngọc Dung giờ đã hạ tay cờ
Cỏ thơm tươi tốt ghi ơn trước
Hoè thắm xum xuê tạc nghĩa xưa,
Văn nghệ một thời vui sóng nhạc
Tao đàn lắm buổi đẹp vần thơ,
Cứ về nhìn cảnh cùng con cháu
Ưương nghiệp con tâm nhớ nhả tơ...!

Trương Anh Thụy

Bài họa 1:

Trọn Vẹn Niềm Mơ

Ngọc Dung đã trọn vẹn niềm mơ
Lều lái Cỏ Thơm đẹp ngọn cờ
Hợp bạn văn chương, noi kẻ trước
Khơi dòng chữ nghĩa, tiếp người xưa
Duy trì nét đạo tô nguồn sống
Tuyển lựa lời hoa dệt ý thơ
Tài sức tận tình vai Chủ nhiệm
Hai mươi năm góp mặt giăng tơ.

Tâm Minh

SỐ 80

Bài họa 2:

Tiền Chủ Nhiệm Ngọc Dung

“Cỏ Thơm” hải ngoại đẹp như mơ
Chủ nhiệm bao năm giữ vững cờ
Lòng vẫn sắt son cùng nước cũ
Tình còn nồng nhiệt với quê xưa
Đài trang tiểu thuyết người yêu truyện
Tuyển tập Đường thi kẻ mến thơ
Vun xới vườn hoa, thời ẩn dật
Văn chương phổ nhạc... quỳn cung tơ

Lý Hiểu

Bài họa 3:

80 Số Cỏ Thơm-Ngọc Dung

Vườn Cỏ Thơm còn lắm ước mơ
Chiếu hoa lui bước một quân cờ
Người đi rợp bóng quanh đường cũ
Kẻ ở định hình giữa lối xưa
Vang vọng cung đàn rung nốt nhạc
Chứa chan tình ý quỳn hồn thơ
Tám mươi số báo cùng văn nghiệp
Thật tuyệt vời vương vấn mối tơ.

Phan Khâm

67

TỪ TRIẾT ĐẾN PHẬT PHÁP

KIM VŨ

(Tiếp theo số báo 79)

Chúng ta vừa đi qua rất tóm lược lịch sử Triết Học phương Tây qua các nhà tư tưởng quan trọng nhất. Họ đều hướng về con người như chủ đề tìm hiểu. Qua lược giải nêu trên, ta có thể nêu ra những điểm sau:

Trước hết, phương pháp tư duy phương Tây là dựa hoàn toàn trên luận giải chủ quan từ thực tế của thế giới hiện tượng. Qua đó, có sự phân biệt giữa nội tâm và ngoại cảnh như hai phạm trù riêng biệt. Ngoại cảnh là thế giới vật chất, mà sau này là đề tài mà Khoa học đào sâu, độc lập với mảng còn lại của Triết học, chỉ còn chú ý tới khía cạnh nội tại của con người. Trong “con người” này, Descartes nhìn thấy hai khía cạnh có tính cách nhị nguyên, tinh thần và vật chất, trong đó khả năng suy tưởng định hình con người. Spinoza thì lại thấy con người như một thể đồng nhất với chất liệu nguyên sơ, gồm cả Thiên nhiên và Thượng Đế. Ông cũng đi sâu vào khía cạnh tâm lý của con người, khi phân biệt ba yếu tố chính là Lòng Ham muốn, Niềm Vui và Sự Đau Buồn. Leibniz thì lại dùng một yếu tố mới về tinh thần mà ông chế ra gọi là monad như chất liệu nguyên sơ. Hume thì nhìn thấy khía cạnh cảm thức như yếu tố chính định hình con người. Schopenhauer thì lại cho Ý chí mới là

nét chủ yếu của cả vũ trụ trong đó có con người. Từ Brentano trở đi thì nhấn mạnh đến ý thức như là nét chủ yếu cần chú tâm đến.

Husserl đi sâu vào khía cạnh muôn mặt của ý thức và đưa ra cả một cấu trúc phong phú để tìm hiểu thêm về ý thức. Heidegger lại thêm vào ý thức khái niệm “quan tâm” để làm cho ý thức tăng thêm giá trị nhân bản. Rồi Sartre thì đẩy mạnh hơn nữa, cho ý nghĩa của cuộc sống con người nằm trong ý thức vì người khác, và triết học cần sự dấn thân để cho con người thực hiện bản ngã của mình. Trần Đức Thảo thì lại cho thấy một khía cạnh đặc sắc khác, rất gần với Phật pháp nhưng lại tìm ra từ phương pháp luận hoàn toàn Tây học: cái coi vậy mà không phải vậy. Về khía cạnh bản thể học, thì Kant cho là vật tự thân nằm ngoài nhận thức của con người và không thể biết được. Hegel thì nhận ra tính chất lưu chuyển của chân lý do biện chứng pháp phủ định của phủ định mà ông đưa ra, cho thấy mọi sự việc luôn biến đổi theo chiều hướng hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, Freud dù không phải là triết gia theo ý nghĩa đi sâu vào bản chất con người như một ý niệm trừu tượng, nhưng do những tìm hiểu y học về tâm lý con người để chữa bệnh lại khám phá ra khía cạnh dự tính như một yếu tố cơ bản trong cấu tạo con người.

Phật giáo đi vào bản thể luận và nhân bản luận bằng con đường hoàn toàn khác triết Tây, nghĩa là đi từ sự quán tưởng qua tĩnh lặng để đến những khám phá về con người mà toàn bộ nền triết học Âu Tây đã tiệm tiến đạt tới, tuy còn rất nhiều thiếu sót, qua một quá trình lịch sử lâu dài hơn hai mươi thế kỷ. Do quán tưởng nên thiền giả đã thực chứng được những cảnh giới mà người chỉ dùng suy luận thuần túy không cách nào đạt đến được. Do đó, những điều Phật Thích Ca và những đệ tử của Ngài nói ra đều có cơ sở trải nghiệm qua thực chứng. Và sự thực chứng này đi từ Bản Thể, mà trong thuật ngữ Phật học gọi là bản lai diện mục: chính mắt nhìn thấy nó, dù rằng đây không phải là mắt thịt của người trần gian, mà là HUYỆNH NHÃN, hay con mắt thứ ba, chỉ đạt được do khả năng thiền định cao tột mà thôi. Do khả năng này mà thiền giả đạt đạo có thể chứng kiến cảnh giới Ngạ quỷ chẳng hạn, nhìn và nghe thấy những chuyện mà nền văn hoá phương Tây coi là hoang tưởng, một thứ tâm bệnh cần phải được chữa trị. Đâu có biết rằng đây chỉ là một “thế giới song hành” mà lý thuyết đây đã xác nhận là có thật.

Còn số lượng vũ trụ vô cùng tận, không thể đếm cho hết được, thì cũng chính Lý Thuyết Dây đồng ý là như thế, nên chẳng có gì lạ đối với những người tin Phật vì Ngài đã xác nhận là số vũ trụ nhiều như cát sông Hằng, và ngay cả số lượng Phật cũng lại là như thế.

Điều huyền diệu nhất mà Phật công bố là TỨ DIỆU ĐẾ, đi thẳng vào căn bệnh trầm kha của nhân loại do chìm

đắm trong u mê. Phật đã chỉ ra KHỔ ĐẾ như định mệnh của kiếp người vô minh, TẬP ĐẾ, lý do cho nỗi khổ, và sau đó Ngài chỉ dạy cho cách thoát khổ qua lý DIỆT ĐẾ, và cuối cùng là con đường dẫn ta ra khỏi kiếp người, hay ĐẠO ĐẾ: Đó chính là BÁT CHÁNH ĐẠO vậy.

Tiếp theo, Phật lại dạy về LÝ DUYÊN SINH, một nguyên lý quan trọng đến mức độ người nào hiểu được nó thì đã trở thành Bích Chi Phật, hay Phật Độc Giác rồi, dù chưa đủ khả năng dẫn người khác đến hiểu biết như mình.

Ta hãy nghe bài kệ tiếng Hán Việt sau đây:

Chư pháp tùng duyên sinh
Diệt tùng nhân duyên diệt
Ngã Phật đại sa môn
Thường tác NHƯ THỊ thuyết.

dịch ra như sau:

Tất cả các hiện tượng lập thành đều do duyên

Rồi cũng theo duyên mà tan diệt

Bậc Toàn Giác luôn dạy:

Mọi thứ chỉ là những gì có vẻ như vậy mà thôi.

Tổ thứ 14 của Thiền tông là Long Thọ cũng có bài kệ như sau:

Nhân duyên sinh các pháp
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi là Trung Đạo.

Long Thọ cũng là người xiển dương một chủ thuyết quan trọng không kém của Đại Thừa Phật giáo là KHÔNG TÍNH, với hai tính chất: NHÂN KHÔNG, mà PHÁP cũng KHÔNG

luôn. Nghĩa là TOÀN BỘ HIỆN TƯỢNG GIỚI LÀ KHÔNG!

Ở trên ta đã nói đến tuyên bố gây chấn động của Stephen Hawking. Lý thuyết dây cũng khẳng định mọi thứ bắt đầu từ những đoạn dây rung như dây đàn. Vậy rõ ràng đó không thể là vật chất theo ý nghĩa mà chúng ta hằng quen thuộc được. Về NHÂN KHÔNG thì như triết gia Hume cũng đã xác nhận, con người chỉ là một mớ những cảm thức luôn luôn biến đổi mà thôi. Phật thì xác nhận con người là một phức hợp của Sắc, hay tứ đại, và Tâm, cũng gọi là giả danh, gồm Thọ, Tưởng, Hành, và Thức. Sắc là phần vật chất mà ta đã đề cập đến, suy cho cùng cũng chỉ là sự phức hợp bốn yếu tố mà không có tự ngã trường tồn. Còn Tâm thì cũng chỉ là những dạng năng lực không hình tướng, tinh vi đến mức độ mà khoa học ngày nay với các thiết bị siêu đẳng vẫn chưa thấy được một chút dấu hiệu gì.

Phật dạy Bản Lai Diện Mục là TÂM CHÂN NHƯ mà tính chất được nêu ra trong Tam Pháp Ấn: KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC. Đây mới chính là cái gọi là THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH trong Kinh Đại Bát Niết Bàn vậy. Đó cũng là KHÔNG HẢI, BỒ ĐỀ HẢI, CHÁNH PHÁP NHÂN TANG, NIẾT BÀN DIỆU TÂM, THỰC TƯỚNG KHÔNG TƯỚNG mà Phật đã trao truyền cho đại đệ tử Ma Ha Ca Diếp trong Pháp Hội NIÊM HOA VI TIỂU vậy. Chỉ khi vì vô minh dẫn dắt mà từ hư không mới nảy ra Tâm Phan Duyên, hay Tâm Sinh Diệt. Tâm này có một từ khác gọi là Thức, mà phân tích kỹ hơn thì là cả một cấu trúc chi

tiết, gồm tám thức, mà năm thức đầu là “cảm thức,” cái mà Hume nói tới, yếu tố “tưởng” đã được Descartes nhấn mạnh, “hành,” hay ý chí, là chủ đề mà Schopenhauer tập chú, cũng nằm trong Thức thứ bảy, hay tạm gọi là Tự Ngã, cái mà Freud đặc biệt quan tâm. Duy còn lại thức thứ tám, Tạng Thức, thuộc về bản thể học và vũ trụ học, thì chưa thấy triết gia phương Tây nào đề cập đến và truy lùng, tuy cái vật tự thân mà Kant nói đến có vài nét tương tự hao hao. Mặt khác, cái ý tưởng “sự quan tâm” mà Heidegger nói tới, và ý thức “trách nhiệm” trong tư tưởng của Sartre cho thấy những nét chính của khái niệm “bi” trong triết học Phật giáo. Cuối cùng, Trần Đức Thảo khám phá ra ý niệm “Nhu Thị” bằng con đường suy tưởng và luận giải quen thuộc của Tây học.

Dù sao, nếu nhìn vào triết Tây thuần túy cho đến ngày nay, thì ta vẫn còn phải bế tắc về một yếu tố trung tâm cần luận giải, sự công bằng của cuộc sống, điều chỉ có thể giải thích hợp lý qua ý niệm luân hồi và nghiệp trong triết học Phật giáo, cái không thể được quan niệm được trong suy nghĩ hạn cục của hai nền văn hoá Kì Tô giáo và Hồi giáo, cũng như Thuyết Duy Vật của Chủ Nghĩa Cộng Sản hiện chi phối một phần ba nhân loại, vốn rất nông cạn và không thể chấp nhận một ý niệm vượt qua kiếp sống hiện tiền như vậy.

Vì những nhược điểm sẵn có ngay từ khởi điểm, nên dù Plato có nghĩ rằng Triết học có thể cứu con người ra khỏi u mê do sự thiếu hiểu biết, mà cho đến ngay ở thời điểm bây giờ, triết học

phương Tây vẫn chỉ là một sự tìm tòi dù hết sức tích cực nhưng cũng chưa đưa đến một phương cách cụ thể nào để cứu con người ra khỏi mê đồ của tham dục. Pháp của Phật Thích Ca thì khác hẳn, là một hệ thống triết học hoàn chỉnh và vi diệu, giải thích mọi hiện tượng của vũ trụ lẫn nhân sinh, chỉ ra một con đường thực tiễn dẫn tới giải thoát khỏi nỗi thống khổ của kiếp người, và có khả năng dẫn dắt từng người ra khỏi u mê ám chướng dẫn đến khổ đau và bất ổn. Bạc Đại Y Vương tuý bệnh cho thuốc là như vậy đó.

Thức trong Phật pháp gồm có bốn phần là Thọ, Tưởng, Hành rồi cuối cùng mới đến Thức, trong đó “Chứng Tự Chứng Phần” trong Duy Thức Học chính là cái Dasein trong triết học Heidegger, và cũng lại là Siêu Thức (metacognition) trong Tâm Lý Học của Freud vậy.

Điều Freud đưa ra như vắn nạn chính của kiếp sống nhân sinh, Dục Tính, cũng chính là “Ái Dục” mà Phật Thích Ca đã thuyết giảng ngay trong bài Kinh đầu tiên của Ngài dạy chúng sinh, Kinh Chuyển Pháp Luân. Từ Khổ Đế và Tập Đế mà Ngài đã chỉ ra con đường giải thoát khỏi khổ đau của kiếp người qua Diệt Đế và Đạo Đế. Rồi với “Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận” của Thế Thân, tất cả những căn bệnh trầm kha của con người đã được phơi bày ra đầy đủ trong các căn bản phiền não và tuý phiền não tâm sở, hay những pháp của Tâm mang đến Phiền Não, và phương cách giải trừ phiền não qua các thiện pháp cũng được nêu ra chi tiết.

Ngoài ra, tác phẩm vĩ đại của vị Tổ Thiên thứ 21 này cũng liệt kê tất cả những pháp độc lập với Tâm mà toàn bộ Hiện Tượng giới phải dựa vào để vận hành, gọi là “Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp:” Thời gian, Không gian, Phương Số, Thứ Tự, vv... Đặc biệt nhất, Thế Thân nêu ra một pháp mà không ai ngờ có thể là một phạm trù triết học: ĐẮC. Ai trong chúng ta lại không quan tâm đến sự được, dù đó là tiền tài, danh vọng, vợ đẹp con khôn, hay sống thọ mà vẫn có đầy đủ sức khoẻ, sự nhàn hạ hưởng thụ những thú vui trên đời như du lịch, vv...? Phải chăng vì nó quá thực tế và sát sườn nên các triết gia cho là không đủ trừu tượng và bất biến để làm thành một đề mục nghiên cứu và đào sâu?

Phật pháp chính là cái khung sườn toàn bích cho nền triết học và tâm lý học phương Tây ngày nay dùng làm khuôn mẫu để chữa những căn bệnh trầm kha của nhân loại vậy. “Tâm bình, thế giới bình.” Mọi sự phải bắt đầu bằng chính những con người đơn lẻ nhưng với ý thức giác ngộ học được từ Bạc Đại Y Vương của nhân loại, bậc thầy đã xuống trần từ cõi trời Đâu Suất do một đại cơ duyên mà chúng ta vô cùng may mắn đã được nghe danh, biết đến và học hỏi qua kinh điển từ kim khẩu của chính Ngài, cũng như từ các luận giải của các vị thánh đệ tử như Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân, Bồ Đề Đạt Ma, vv...

KIM VŨ

Bài Xướng:
TIÊN BIỆT

Ừ nhỉ, mai kia ở chốn này
Vắng người vun xới bấy lâu nay
Cỏ còn thơm ngát từng trang giấy ?
Thơ có hòa theo những tháng ngày ?
Xuân đến rộn ràng, hoa vẫn nở ?
Hạ về xao xác, bướm thôi bay ?
Vàng thu mỗi độ, tàn phai lá
Tuyết buổi đông sang đọng dấu giày

Nguyễn Kinh Bắc
11-11-2017

Bài Họa:
**TỪ GIÃ NGƯỜI GIỮ
VƯỜN CỎ THƠM**

Giã biệt người đi tự buổi này
Mà lòng son sắt đã xưa nay
Hoa còn thắm nhụy mùa qua tiết
Cỏ vẫn thơm hương tháng lại ngày
Một khoảng trời riêng thư thái bước
Hai mươi năm lẻ nhọc nhằn bay
Giữ vườn trông cậy bàn tay mới
Đón khách văn chương rộn gót giày

Nguyễn Vô Cùng
12-11-2017

**Không Có Em,
Biển Ngừng Vỗ Sóng**

Ta đang mơ hương ân tình nồng ấm
Bờ môi xưa chết lịm giữa cơn mê
Đôi mắt em mang màu chiều biển sẫm
Trong men say, ta thấy bóng em kè..

Ai bảo kẻ không cầu sao lại được?
Ta nhớ em đáng ngư nữ đang nằm
Có phải em, ta tìm suốt trăm năm
Vài cánh hoa.. phủ mình em trên cát..

Không có em, biển nhạt nhòa hiu hắt
Làn nước xanh không gợn chút nắng vàng
Chiều xuống thấp, sương lam chưa kịp tới
Hải đăng ơi, sao mãi đứng âm thầm!..

Không có em, biển buồn ngưng vỗ sóng
Còn mong gì mây trắng với trời trong
Đàn hải âu tung cánh dưới vừng đông
Niềm thương nhớ đầu ghềnh ra cuối biển.

Không có em, biển nghe lòng xao xuyến
Cơn mưa chiều bỗng tím lạnh chơi vơi
Theo triều dâng, ta ngược mặt nhìn đời
Ôi huyền diệu.. của một thời yêu dấu

Hôm đi biển Rehoboth Delaware

Bùi Thanh Tiên
July 18, 09

THIÊN NHIÊN TRONG TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

Phạm Thị Nhung

Trong Kim Vân Kiều Truyện (KVKT), nguyên tác Hán văn của Thanh Tâm Tài Tử (TTTT), gần như không có một đoạn tả cảnh nào, trừ một vài câu giới thiệu vị trí lầu Ngưng Bích:

“*Nguyên cái lầu này, phía đông nhìn ra biển rộng, phía bắc trông về kinh kỳ, phía nam có thành Kim Lăng, bắc có dãy núi Kỳ Sơn. Trước cảnh vô liêu đở, nàng cảm thấy băng khuâng, nhớ lại cái ngày với chàng Kim thể thốt.*”KVKT. (tr.161).*

Trái lại, trong ĐTTTT, Nguyễn Du đã cho xen vào từng biến cố, từng nơi chốn những đoạn thơ tả cảnh thiên nhiên, với dụng ý:

+ Mượn cảnh thiên nhiên để diễn tả tâm trạng, tình cảm nhân vật. Nói khác đi, cảnh thiên nhiên thường được nhìn qua tâm hồn nhân vật, trở thành tiếng nói nội tâm của nhân vật.

Thí dụ:

- Cảnh Thúy-Kiều trên đường đi Lâm Truy, sau khi vừa bán mình để giải cứu cha già, em đại thoát vòng tù tội (cc.911-918):

*Nàng thì dậm khách xa xăm
Bạc phau cầu giá, đen râm ngàn mây.
Vi lô sau sát hơi may
Một trời thu để riêng ai một người.*

*Dậm khuya ngát tạnh mù khơi
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông.
Rừng thu từng biếc chen hồng.
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.*

Đây là một cảnh chuyển động theo thời gian, không gian và tâm lý nhân vật.

Bốn câu thơ đầu 1-4: Tả cảnh chiều thu băng giá, u ám. Đồng thời để diễn tả nỗi cô đơn sầu thảm của Thúy-Kiều, đang phải đi theo người khách lạ đến một phương trời xa xăm, tít tắp.

“*Đen râm ngàn mây*”: là mây đen kéo dồn đến làm tối xâm cả một vùng trời, đã phản ảnh tâm trạng lo âu của Kiều cho thân phận tương lai tăm tối, mịt mù của mình.

Hai câu 5-6: Cảnh đêm khuya, mây mù tan hết, trăng hiện ra. Nhìn thấy trăng, Kiều nhớ tới đêm trăng thề nguyện gắn bó với chàng Kim vừa qua, mà thẹn thùng xấu hổ. Vì giờ đây, nàng đã phụ ai rồi. (hai chữ *non sông*, có ý nhắc tới lời thề *vững như núi, dài như sông* không thay đổi. Cũng có thể hiểu là, cho dù *sông cạn, núi mòn* cũng không thay lòng đổi dạ).

Hai câu 7-8: Cảnh về sáng, nhìn lá thu chuyển màu, Kiều liên tưởng tới cha mẹ nàng nay đã tới tuổi về già. Lại nghe tiếng chim hót ban mai, gọi nàng nhớ đến những buổi sớm (thần), chiều (hôn)

ân cần thăm hỏi mẹ cha trước đây (khiến lòng thôn thức mãi?).

- Cũng như cảnh trước lầu Ngưng Bích (c.1047-1054), cảnh Kiều tiễn Thúc Sinh về quê (1519-1526), cảnh đêm Kiều trốn theo Sở-Khanh (c.1119-1122), cảnh đêm Kiều trốn khỏi nhà Hoạn Thư (2029-2032) v.v...

+ Đôi khi cảnh không vụ tả thực mà tả theo ảo giác, tâm lý nhân vật, như :

Cảnh trên mặt biển trước lầu Ngưng Bích:

Buồn trông ngọn nước mới sa.

Hoa trôi man mác biết là về đâu?
(C.1049-1050)

Nhìn ngọn nước sông từ trên cao đổ xuống bể, trong ảo giác Kiều hiện ra một bông hoa đang bị dòng nước cuốn đi. Hoa cứ âm thầm theo dòng nước cuốn đi... đi mãi... nào biết sẽ trôi giạt về đâu? Cảnh hoa mong manh kia có khác gì thân phận nhỏ nhoi của Kiều hiện nay? Kiều lo âu không biết định mệnh khắc nghiệt rồi sẽ đưa đẩy nàng trôi nổi vào bên bờ nào?

Trong những trường hợp như vừa trình bày, Nguyễn Du không tả cảnh chỉ để nói cảnh mà còn trao cho nó nhiệm vụ làm tiếng nói nội tâm nhân vật. Dù thấy đời sống tâm linh nhân vật của ông phong phú biết dường nào! Đó chính là cái chủ trương “*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*” của tác giả. Cũng bởi vậy, cảnh thiên nhiên trong ĐTTT hầu hết mang nặng tính chất trữ tình.

+ Không những thế, cảnh còn hiện diện tràn ngập trong ngôn ngữ đối thoại

hay độc thoại (cảm nghĩ) của nhân vật, cũng như trong tự sự, giúp cho sự diễn tả từ dung mạo đến các cảnh ngộ hay tâm trạng nhân vật được tinh tế, bóng bẩy, duyên dáng. Như:

- Nhan sắc lộng lẫy của Thúy-Kiều:

Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

- Vẻ đẹp mong manh, hư hư, thực thực của bóng ma Đạm-Tiên:

Sương in mặt, tuyết pha thân

Sen vàng lãng đãng như gân như xa.

- Cái chết đột ngột giữa tuổi thanh xuân của người đẹp Đạm-Tiên:

Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.

- Tình yêu sôi nổi của Thúy-Kiều khi vừa gắn bó với chàng Kim:

Nàng rằng khoảng vắng đêm trường

Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.

- Kiều khuyên cha chấp thuận cho nàng bán mình để cứu gia đình:

Vì dù liều một thân con

Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.

- Kiều than thân phận bạc phước

Phận sao phận bạc như vôi

Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ làng.

- Kim biện hộ cho Kiều:

Trời còn để có hôm nay

Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời.

Hoa tàn mà lại thêm tươi

Trắng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

v.v...

Nhờ những hình ảnh sử dụng rất thanh, nên dù ý tục ngôn ngữ văn chương vẫn rất trang nhã:

Mưa Sở mây Tần / Phượng chạ loan chung: chỉ việc ái ân dâm dục

Liễu ngô hoa tường : chỉ gái lầu xanh.
Ong qua bướm lại/Dãi gió dầm sương/Gió táp mưa sa: nói đến cuộc đời trụy lạc nơi thanh lâu.

+ Trong ĐTTT, Nguyễn Du còn mượn thiên nhiên để tả tiếng đàn
Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
- *Trong như châu nhỏ doanh quyền*
Ấm như hạt ngọc Lam Điền mới đông.

+ Ngoài ra Nguyễn Du còn tả thiên nhiên để làm tươi mát cho tác phẩm, đồng thời dùng làm bối cảnh dẫn vào câu chuyện sắp xảy ra cho được tự nhiên. Như cảnh xuân tươi trong ngày hội Đạp Thanh (C.41-42), cảnh chiều tà bên mộ Đạm-Tiên (c.51-58), cảnh đêm xuân trong vườn nhà Thúy-Kiều (c.73-76), cảnh trên đường Thúc Sinh từ quê trở lại với Kiều (C.1603-1604), cảnh vườn Thúy khi Kim Trọng từ Liêu Dương trở lại tìm Kiều(c. 2745-2752) v.v....

+ Hay mượn cảnh để báo hiệu thời gian, qua cảnh sắc biến đổi của bốn mùa:
Xuân: *Cửa thiên vừa tiết cuối xuân.*

Bóng hoa rợp đất, vẻ ngân ngang trời.
Hạ : *Dưới trăng quyền đã gọi hè.*

Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông.

+ Hay mượn cảnh để chuyển đoạn, như

Thu : *Thú quê thuần thức bén mùi.*

Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.

Chạnh niêm nhớ cảnh giang hồ.

Đông: *Sen tàn cúc lại nở hoa.*

Sầu dài ngày ngắn đông đã sang xuân.

Tìm đâu cho thấy có nhân?

Tóm lại, cảnh trong ĐTTT thường là cảnh ngụ tình và tình luyến cảnh. Tuy phần lớn có tính cách ước lệ cổ điển, nhưng điều đặc sắc của Nguyễn Du là ông đã tạo được một sự hài hoà tuyệt diệu giữa tình và cảnh; khiến cho cảnh lung linh như có linh hồn và vô vàn gợi cảm. Đồng thời chúng đã phản chiếu được đời sống nội tâm phong phú của nhân vật.

Trong khi tình cũng nhờ cảnh mà được thể hiện một cách uyển chuyển, duyên dáng tế nhị. Đạt được điểm này là bởi Nguyễn Du biết lựa chọn hình ảnh biểu tượng, biết thổi hồn vào vạn vật bằng cách nhân cách hoá nó, nội tâm hoá nó qua những từ ngữ sử dụng sắc sảo, linh động. Do đó, cảnh mang tính trữ tình rõ rệt.

Và chúng ta có thể nói không lầm là, Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du được nhiều người ưa thích một phần cũng là nhờ cảnh thiên nhiên hiện diện tràn ngập trong tác phẩm vậy.

Phạm Thị Nhung

*KVKT(tr.161). Nguyên tác chữ Hán của Thanh Tâm Tài Tử. Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch ra quốc ngữ. Nha Văn Hoá, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa XB, Sài Gòn 1971

THE MEANING OF TẾT IN VIỆT NAM

Phạm Trọng Lê

TẾT NGUYÊN ĐÁN AND THE LUNAR CALENDAR

To begin with, I should like to look at the meaning of the term Tết. Tết derives from the word tiết, which means season, climate. It's used in such Vietnamese expressions as thời tiết (weather) and tứ thời bát tiết (the seasonal divisions of the year, the beginning of the seasons, the equinoxes and the solstices).

The term Tết nguyên đán denotes the new year festival that falls on the first day of the first month of the lunar year, and lasts for at least three days. In the term nguyên đán, the word nguyên means first, and the word đán, early morning. Taken together, they mean the first moment of the first day, in the first month of the first year.

Tết coincides with the Lunar Calendar (âm lịch), which, according to Chinese history, has been in use for over 4,000 years. In this calendar twelve animals represent the twelve months, each corresponding to one turn of the moon around the earth. Actually, each lunar year is composed of twelve months and ten days. Then for every two and a half years, there is a leap year of 13 months. The cycle of 12 years, or 'giáp' uses the same animals to denote the years. In the first column below, can means the system of ten Heaven's Stems, and the in the second column the

twelve animals represent twelve Earth's Branches or chi. These two series of words are used for indicating serial order or for reckoning years, hours, etc. (Dinh-Hoa Nguyễn, Vietnamese-English Dictionary).

Ten <u>can</u>	Twelve <u>chi</u>	
giáp	tí	'rat'
ất	sửu	'buffalo'
bính	dần	'tiger'
đinh	mão	'cat'
mậu	thìn	'dragon'
kỷ	ty	'snake'
canh	ngọ	'horse'
tân	mùi	'goat'
nhâm	thân	'monkey'
quý	dậu	'rooster'
	tuất	'dog'
	hợi	'pig'

One of the ten words of the can column and one name of the twelve years are combined to form the name of one lunar year. The current lunar year (2017) is đinh dậu; in 60 years there will be another year of the rooster.

The lunar year coming to an end is đinh dậu, the year of the rooster, and the New Year is mậu tuất, the year of the dog, which begins on Friday, February 16, 2018. It is difficult to know when the Vietnamese started celebrating Tết. This custom may date back to the first century when the Chinese are first believed to have taught our people their customs.

WHAT THE DOG SYMBOLIZES (from Wikipedia)

The dog is known to have many qualities: faithful, loyal, obedient, and intelligent.

One of the most famous dogs is Hachikō who was born November 10, 1923 and died March 8, 1935, an Akita dog born on a farm near the city of Odate, Akita Prefecture, Japan. He is remembered for his remarkable loyalty to his owner, Professor Hidesaburō Ueno, a professor in the agriculture department of Todai or Tōkyō daigaku (The University of Tokyo), whom he continued to wait for over nine years following the death of his master. Well after the professor's sudden death the dog continued to wait for him at the railroad station. Hachikō got the attention of other commuters who regularly used the Shibuya train and had seen the dog and the professor together. After the dog's story was told on the paper Asahi Shimbun people started to bring Hachikō food during his wait. Hachikō became a national sensation and his faithfulness became a national symbol



Hachicho

of loyalty in Japan. After his death, his remains were cremated and his ashes were buried in Ayoama Cemetery, Minato, Tokyo beside those of his beloved master, Professor Ueno.

In 1934, a bronze statue in his likeness was erected at Shibuya Station. During the Second World War, the bronze statue was recycled for the war effort. In August 1948, a new statute was commissioned. Today at the Shibuya station, the Hachikō Entrance/Exit stands the statute of the loyal dog. It is also a popular meeting place for boys and girls and tourists. In 2015, the Faculty of Agriculture of the University of Tokyo constructed a bronze statue depicting Ueno returning to meet Hachikō.

Each year on March 8, Hachikō devotion is honored at Tokyo's Shibuya railroad station.



Statute of the dog welcoming his master.

HOW THE VIETNAMESE PREPARE FOR TẾT

Tết Foods: About ten days before Tet, families seem to be busy preparing for the celebration. Mothers and grandmothers prepare special Tết foods and men and children gobble them greedily and gratefully. Among the favorites are bánh chưng (glutinous rice cake with pork, mung beans wrapped in dong (*Phrynium placentarium*) leaf, bánh tét in cylindrical

shape, which is more popular in the South, and bánh dày (glutinous rice cake) served with giò (pressed pork pie wrapped in banana leaf), giò thủ (head pressed pork equivalent to German head cheese *Presskopf*), chả (baked pork paste), and thịt kho (caramel pork cooked in nước mắm), cá kho (low-fired fish), dưa giấm (pickled bean sprouts), dưa cải xanh (pickled mustard green cabbage), dưa hành (pickled scallions), củ kiệu (pickled small scallions), mứt (fruit preserves), dưa hấu (water melons) and other fruits such as oranges, tangerines, bananas, pineapples and grapefruits, custard apples (mãng cầu), coconuts (dừa), papayas (đu đủ), mangoes (soài), kumquats (quất)...

Story of Bánh chưng and Bánh dày:

Once upon a time it was believed that the earth was square and flat and the sun round. These two cakes represent the shape of the earth and the sun.

Legend has it that the 6th King of the HÙNG dynasty had 24 princes among whom he would choose one to succeed him to the throne. On Tết that year, the King summoned the princes and gave them a test. "Tomorrow morning, the one with the best offering will be given the throne," he said.

While the elder princes were looking for precious jewels and rare foods, the youngest simply took a long slumber. In his dream, he was told by an immortal how to make these two cakes. Upon awakening he did exactly as he had been told.

To everyone's surprise, his offering got the first prize. The King liked the cakes because the ingredients were simple enough for almost every farmer to make from the

produces and the animals on his farm. Also, the round shape of the bánh dày represents the shape of the sun and the square shape of the bánh chưng the earth.

Bánh chưng, bánh tét

Inside Decorations: The children look forward to Tết because they are allowed to wear their new clothes and are given tiền lì xì (luck money) in crimson paper envelopes.



No one but grandpa is allowed to prepare the ancestors' altar. He can be seen shining his brass candlesticks and his incense burner, cleaning with loving care his well-kept tea set, pruning the chrysanthemums, peach blossoms and apricot flowers.

Now when everything is in its proper place on the altar, grandpa places a piece of red scroll on either side; each contains a handwritten sentence. I'd like to devote a few words on this dying art of calligraphy called câu đối (parallel sentences).

Toward the end of the lunar year, an old Confucian master can be seen at the corner of the village market, sitting on a small wooden bed. He writes the sentences for customers to hang in their houses during Tết. The handwritten wishes for luck, prosperity, or good fortune balance and

contrast each other in sound and thought.
Some are considered miniature literary masterpieces.

This somewhat somber and nostalgic poem by a pre-war poet pictures the traditional scene.



Ông Đồ

Vũ Đình Liên (1913-1996)

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bầy mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết,
Tấm tắc ngợi khen tài,
“Hoa tay thảo những nét,
Như phượng múa rồng bay.”

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm,
Mực đọng trong nghiên sâu.

Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay,
Lá vàng rơi trên giấy,
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa,
Những người muôn năm cũ,
Hồn ở đâu bây giờ?

The old calligrapher

Every year, when peach blossoms were
blooming,
The old Confucian master was seen again,
Arranging his slabs of Chinese back ink
among scrolls of red paper
Over the sidewalk where strolled by crowds
of passers.

So many customers hired him to write sentences
Loudly expressing their admiration for his talent
In his skillful handwriting with masterly strokes
As free as the dance of the phoenix and the
flight of the dragon.

Scarcer and scarcer every year
Where are his customers now?
His melancholy paper was no longer bright red
His ink was getting low in the sad ink-well.

The old master was still there
Ignored by passers-by.
Dead leaves were falling on his paper
While fine rain was blowing outside.
The peach blossoms are blooming this year
But the aged master is no longer here.
The old-timers of bygone days,
Whither are their souls fading way?

(Translated by Le Trong Pham, 1972)

NOTE:

While doing additional revision for this article, this writer came upon very fine translations, some of which with rhymes, listed in the Appendix:

- Ông Đồ - The Confucian Scholar (Kim Vũ), Việt Nam Những Áng Thơ Tuyệt Tác: Vietnamese Poetry: A Sampler, 2003, pp. 95-96)
- Ông Đồ - The Calligrapher by Thomas D. Le (thehuuvandan.org/vietpoet.html#vudinhlien) 12 January 2005.
- The Master by Vương Thu Trang (<http://www.huongdaoonline.net.org/ong-do-vu-dinh-lien>)
- The Old Calligrapher by Huynh Sanh Thong in An Anthology of Vietnamese Poems from the Eleventh through the Twentieth Centuries. New Haven and London: Yale University Press, 1996, p. 320-321.)

Outside Decorations:

By the 30th of the 12th lunar month at the latest, country people plant a cây nêu or bamboo pole in front of their houses.

Attached to the top are multicolored pieces of cloth, and some small tablets (*khánh*) made of baked clay that would chime when the wind blows. They believe the area where the nêu is planted is protected by Buddha from the harassment of devils.

This superstition is dying out, particularly in the cities, where most houses do not have extra space to plant these tall poles. Some people also display sketches of bows and arrows to ward off the evil spirits.

TẾT TIME

Lễ Ông Táo (the worship of the Kitchen God): Tết begins unofficially with the

worship of the Kitchen God on the 23rd of the 12th lunar month. A family's kitchen god is believed to report to the Jade Emperor (*Ngọc Hoàng*) on the activities of that family in the year. The offerings made to him are usually betel leaves, areca nuts, rice alcohol, steamed sticky rice and chicken. The offerings also include a carp, which is said to be used by the Kitchen God the fly to Heaven.

A Legend: In the old days there lived a happy couple. Being very poor, the husband had to leave home to work in a region far from his village. During his long absence, his wife, who thought he was dead, married a wealthy man. One day the old husband suddenly appeared at the gate as a beggar. She fed him a good meal. As they were reminiscing over past times, the second husband returned after a hunting trip. She hid the old husband in the haystack, which the second spouse burned to make fertilizer—something farmers often do. As a result, the unlucky first husband was burned to death. Ashamed of being disloyal to her husband—or, more correctly, husbands—the lady jumped into the flames and killed herself. The second husband witnessed the tragedy, and heart-broken, jumped into the fire as well. The Emperor of Jade, as the story goes, heard of their loyalty and appointed them “genii of the kitchen” (*vua bếp*) whose duty was to report to the Jade Emperor what was happening in the household during that year.

So on the day the Kitchen God was sent to Heaven on behalf of all three, paper hats and boots are burned on this day. Also, it is interesting to note that the genii are pictured without trousers. The simplicity and unconventionality of their attire is

understandable when you realize that in certain parts of Viet-Nam, men still hunt game and do work in the field that the wearing of pants would hinder.

Đêm Trừ Tịch and Lễ Gia Tiên (New Year's Eve and Worship of the Ancestors): New Year's Eve sees the family members gathering around the boiler of Bánh Chung talking and waiting for the coming of the New Year. At 12 o'clock sharp, everyone in the family approaches the altar, the eldest first, the youngest last, to worship their ancestors.

Firecrackers used to be fired to repel the evil spirits and to welcome the new executive divinity, Thần Hành Khiển. Now on New Year's Eve, pagodas and temples hold religious services for the public to give thanks to God, Buddha or other deities, and to pray for good luck in the coming year.

Hái lộc (Picking Buds): On their way from the pagoda on Đêm Ba Mươi, New Year's Eve, people collect a twig of young buds or a branch of flowers. This is called the cành lộc or twig of luck. It's put in a vase – on the home altar.

Xông Nhà (the First Visitor to the House):

A person of pleasant disposition, after attending New Year's Eve ceremony, is selected to be the first person after midnight to visit the home. Such person would bring luck all year round to the family the rest of the year.

Xuất Hành (the First Trip of the Year):

The first trip of the year should be to a place where one may meet good spirits rather than evil ones. To determine the right direction, the calendar or the fortune teller is consulted.

Chúc Tết (Well-Wishing). Here are some typical wishes heard on the occasion of Tet:

-To a newly-wed couple: I hope you and your wife have a baby boy early this year and a baby girl toward the end of this same year, and that you have five or ten times as much money and luck this year as last. (Chúc anh chị đầu năm sinh con trai, cuối năm sinh con gái, phát tài sai lộc bằng năm bằng mười năm ngoài).

Those concerned with the problem of overpopulation may be practically dismayed by such a wish. In Viet-Nam, however, prosperity (*phúc* or *phước*) is believed linked with fertility. As a matter of fact, the God of Fortune (*ông Phúc*) is often shown holding a baby boy in his arms.

-To an unmarried girl: (This year we wish to attend your wedding party and have betel and alcohol).

Don'ts during Tết.

Don't get upset during Tet, because an outburst of profanity would bring ill luck for the whole year. Avoid mentioning such taboo words as con khi (monkey), con hùm (tiger), con chó (dog), con mèo (cat).

Try not to break anything during the first day of Tết. This is another sign of bad luck.

Don't dress in white, the color reserved for mourning in Viet-Nam.

Don't sweep your house on the first day of Tết. If you do, you sweep your wealth away!

This collective belief comes from a story: there was once a businessman who was offered a tiny lucky pet monkey by a beautiful woman, and subsequently became rich. Then, on the first day of a new year, he beat his monkey and the frightened pet

hid itself in the trash, and was swept away. Once his lucky charm was gone, the man turned poor again.

In other words, one tries to behave as correctly as possible during Tet time, hoping of course to set a good pattern for the whole year.

THE MEANING OF TẾT

Tết is the time for the ladies in the family to show their talent in cooking. It's also a chance for the daughters to learn the culinary art from their mother and grandmother. (Among the four virtues (*tứ đức*) of a woman brought up in Confucian teachings, công, proper management, comes first. The other three virtues are dung, ngôn and hạnh—proper demeanor, proper speech, and proper behavior.

In the countryside, the harvest and new planting season are over with, and the young girls have a chance to test the young farmers' abilities in singing and dancing at the Hội Tết (Tết Fair).

Tet is a time for the Vietnamese to strengthen the link with the past by worshipping their ancestors, and paying respect to their elders, masters and benefactors.

It is a time to take a break from work and have fun, and think of relatives and friends. Serious-minded individuals also take this occasion to review the things that have been done, and look ahead to the New Year.

It is time to realize that one is one year older, and hopefully more mature. A pretty young lady looking at herself in the mirror is happy to see that she is becoming prettier. A baby born a few days before Tet is told to be two years old after Tet comes.

Grandpa adds one more year to his record of wisdom and longevity.

During Tết time, houses are cleaner, streets more colorful, men better-dressed and better-mannered, and ladies more attractive. Even two business adversaries who meet with each other will probably wish the other good luck and prosperity. Tết is a time to make people happy with your wishes, and to witness the blossoming of the peach flowers, the orchids, the chrysanthemums.

It is with these mixed feelings of anxiety and hope, joys and expectancy that each of us welcomes Tet in our own way. Whether Tết means much or little to us, it remains our most traditional holiday, the year's most important festival and celebration for the renewal of heaven and earth for the majority of people in Việt-Nam as well as for those of Vietnamese origin around the world when everyone celebrates joy and hope in tune with nature and the universe.

APPENDIX

Note to Readers: While editing this old paper, I came across some very fine translations of the poem "Ông Đồ" by Vũ Đình Liên. I hope you'll enjoy the translations as much as I did.--PTL

1. The Old Calligrapher

Each year when peach trees blossomed forth,
you'd see the scholar, an old man,
set out red paper and black ink
beside a street where many passed.

The people who hired him to write
Would cluck their tongues and offer praise:

“His hand can draw such splendid strokes!
A phoenix flies! A dragon soars!”

But few came, year after year—
Where were the ones who’d hire his skill?
Red paper, fading, lay untouched.
His black ink caked inside the well.

The aged scholar sat there still;
The passers-by paid him no heed.
Upon the paper dropped gold leaves,
And from the sky a dust of rain.

This year peach blossoms bloom again—
no longer is the scholar seen.
Those people graced a bygone age—
Where is their spirit dwelling now?

Translated by **Huynh Sanh Thong** (1996)

2. The Confucian Scholar

Each year, at the time of cherry blossoms
An old Confucian scholar comes
Displaying his China ink and red sheets
On the sidewalk of a busy street.

People pay him to write scrolls for Tet
Admiring his deft fingers
“Your fine calligraphic characters
Are like the flying dragons and soaring
phoenixes.”

As the years went by and by
Fewer people came to ask
His red paper seemed pale and sad
And ink is his plate settled to dry...
The old scholar still sat there by the wayside
To the indifference of passers-by
Dead leaves fell on his sheets
And a drizzle covered the sky.

It’s the time of cherry blossoms once more
But the old Confucian scholar is no more
The spirits of people a thousand years past
Where are they now, I wonder.

Translated by **Kim Vũ** (Vũ Mạnh Phát)
(March, 2003)

3. The Calligrapher

Just as the pink cherry blossomed each year
The old scholar was sure to reappear
With China ink and red paper in scrolls
Amidst the swelling crowds that surged
and rolled.

So many people paid him handsomely
For his talent that they admire dearly,
The flourishes of his accomplished hand
That wrought dragons and phoenixes on end.

Each passing year saw fewer people come.
Where were they all who paid him so handsome?
How his paper had lost its crimson red,
His ink dried out in its sad forlorn bed.

At his old place sat the calligrapher
Amidst the hustling crowds without a stir.
Some yellow leaves fell dead on his paper,
And from above drizzle flew in a whirl.

This year the cherry blooms light pink again,
The old scholar is found nowhere in vain
Of all those people lived in days of yore
Where are they now, where’er
forevermore?

Translated by **Thomas D. Le** (12 January 2005)

4. The Master

Peach blossoms bloomed very spring
There again, old master came

With red paper and black ink
On a street, where people claimed

They claimed to buy his writings,
And all praised him while buying
“Just a mere move of his hand
Turns strokes into phoenix dance!”

But fewer buyers came each year
Admirers, where did they go...?
Unused ink laid like black tears.
Red paper dulled in sorrow...

That old master just sat there
Among those who did not care.
On the dull red fallen dead leaves;
There fell soft rain with slight grief

Another peach blossoms' spring
Yet the old master is not there.
Oh, where are they wandering
Old folks' souls we all forgot?

Translated by **Vuong Thu Trang**
(January 21, 2015)
Posted in <http://www.huongdaoonline.net/ong-do-vu-dinh-lien/>

Bibliographical Notes

-Nhật Thanh (Vũ Văn Khiếu), Đất Lề Quê
Thói: Phong Tục Việt Nam. Saigon: Cơ Sở
Ấn Loát Đường Sáng, 1968. Tết Nguyên
Đán, pp. 296 -308.

-Truyện con chó trung thành Hachiko:
<https://en.wikipedia.org/wiki/Hachiko>
=> See also, Richard Gere in 2009 the film
Hachi: A dog's Tale on YouTube.

-Tết Nguyên Đán
<http://en.wikipedia.org/wiki/Tết>

-Further note on Tết fare: For the gourmets
who like giò thủ and various ways how
head cheeses are prepared in various
countries, see:

[En.m.wikipedia.org/wiki/Head_cheese](http://en.m.wikipedia.org/wiki/Head_cheese)
[Vi.m.wikipedia.org/wiki/Giò_thủ](http://vi.m.wikipedia.org/wiki/Giò_thủ)

-For serious researchers:
Pierre Huard and Maurice Durand.

CONNAISSANCE DU VIÊT-NAM. Paris
and Hanoi: École Française D'Extrême-
Orient, 1954, 356 pp.

Henri Oger. Introduction générale à l'étude
de la technique du peuple annamite, essai
sur la vie matérielle, les arts et industries du
peuple d'Annam. Paris: Geuthner, 1908.
Line drawings of craft techniques of the
Vietnamese people in Tonkin. This title in
multiple volumes may be found in large
libraries. A brief look at sample pages of
the sketches can be found at:

Source: [Cindynguyen.com/2015/03/22/intro-to-the-henri-oger-project-on-reading-a-peripheral-text](http://cindynguyen.com/2015/03/22/intro-to-the-henri-oger-project-on-reading-a-peripheral-text)

-Nguyễn Ngọc Bích, Tết: The Vietnamese
New Year. Arlington, VA: East Coast
Vietnamese Publishing Consortium, 2004.
144 pp. Contact: Cảnh Nam Publishers, 2607
Military Road, Arlington, VA 22207, \$25.00,
email: canhnam@dc.net; tel. 703-525-4538.

Note: First written in 1972 as a 50-minute
talk given at the invitation of the VAA
Cultural Affairs Office in Saigon in
December 1972; additional information on
the dog Hachiko was from Wikipedia;
0revised November 2017

PTLê

VIẾT ĐỂ LÀM GÌ? TẠI SAO VIẾT?

+++++

Trương Anh Thụy

Câu hỏi này, hay các câu tương tự đã được hỏi đi hỏi lại nhiều lần trong giới báo chí, văn học, hay ngay cả những nơi tụ họp trà dư tửu hậu của giới cầm bút. Người ta cũng trả lời dễ dàng, nhanh chóng, nhưng thử hỏi mấy ai đã thật sự hài lòng về câu trả lời của mình? Đa số có cơ rất chính đáng là trong một câu trả lời vắn tắt, không thể nói hết ý được. Trong bài này tôi cũng không có tham vọng làm được việc đó một cách đầy đủ hay chính xác... chỉ dám thử nhìn vào chính mình, phân tích chính lòng mình xem tại sao mình viết? Viết để làm gì?

Viết để làm gì?

Nhu cầu muôn thuở của con người là chia sẻ. Một người ích kỷ nhất trên đời cũng có nhu cầu chia sẻ, nhưng có thể trong một phạm vi nhỏ hẹp hơn như chỉ ở trong gia đình, bà con, bạn bè họ... chẳng hạn.

Bill Gates và bà vợ Melinda đang và sẽ chia sẻ phần lớn gia tài của họ cho xã hội, nhân quần. Ông chủ Domino's Pizza, Tom Monaghan, tuyên bố : "I will die broke" (Tôi sẽ chết không còn đồng xu nào.) Ông Milton S. Hershey, người sáng lập hãng kẹo chocolate Hershey đã bỏ ra hàng tỷ đô-la xây trường nuôi dạy trẻ mồ côi. Có không ít các em xuất thân từ các trường này ra đời



rất thành công, có địa vị cao trọng trong xã hội... cùng với bao nhiêu nhà tỷ phú khác trong nước Mỹ, trên thế giới đang làm những chuyện tương tự. Còn thiếu gì những người kiếm chỉ đủ sống mà cũng chia sẻ cho người thiếu thốn hơn mình trong khả năng của họ, mà thành phần làm việc âm thầm này lại nhiều vô kể. Sẽ

có người cho rằng đây chỉ là vấn đề "nhân đạo." Song tên gọi là gì thì cũng vẫn phải phát xuất từ tấm lòng muốn chia sẻ, muốn chia sẻ nảy sinh hành động nhân đạo.

Từ cái nhu cầu chia sẻ bẩm sinh đó, với tâm hồn nhà văn vốn đa tình, đa cảm... thì tâm tư, tình cảm họ hẳn lúc nào cũng chan chứa trong lòng... làm sao họ có thể giữ mãi bên trong mà không bằng cách này hay cách khác chia sẻ ra với những người cảm thông được với họ. Viết là cách thông thường nhất.

Vi nhu cầu chia sẻ thôi thúc, con người đi tìm đối tượng để chia sẻ. Người trí thức đi tìm người có trình độ có thể hiểu được mình để trao đổi kiến thức đầy một bộ óc; đôi bạn gái có tâm sự đầy ắp lồng ngực tưởng như sắp muốn nổ, cần được thổ lộ ra, để cùng khóc, cười hay buồn, giận... Nếu ở đời có một Bá Nha mà lại gặp được một Tử Kỳ thì thật là quý hiếm! Những người đó người ta gọi là tri âm, tri kỷ.

Đó là các trường hợp cá nhân, nhỏ hẹp. Trong một quy mô rộng lớn hơn, ở tầm mức quốc gia, xã hội, thế giới, nhân loại... thì nhu cầu chia sẻ vẫn còn đây. Chia sẻ cái gì? Chia sẻ niềm đau mất nước, sự bất bình trước bất công xã hội... hay sự hoang mang trước viễn ảnh địa cầu đang bị hâm nóng, sự đổi thay đến chóng mặt của thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá... Hoặc giả chia sẻ cái cảm xúc của mình trước một nghĩa cử cao thượng nào đó, hay một cảnh thiên nhiên hùng vĩ đến lạnh người... Văn chương nảy sinh từ đây.

Trong quốc nạn 30 tháng Tư, cảnh xây đàn tan ghé, cảnh trả thù tàn bạo của “bên thắng cuộc”, cảnh thuyền nhân, nạn hải tặc... gây xúc động đến cả những con tim bình thản nhất, những con người ù lý nhất, từ đó đã khơi dậy biết bao nhiêu nghĩa cử nhân đạo... Nếu không có chuyện gì xảy ra thì chưa chắc mấy người này đã xuất hiện. Hay chính những người đó cũng không biết, không ngờ là mình biết làm gì, mình sẽ phản ứng thế nào cho đến khi có tai họa giáng xuống đầu họ hay họ là chứng nhân, do đó ngẫu nhiên sản sinh biết bao nhiêu nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ... bất đắc dĩ. Rõ ràng là một sự **ngẫu nhiên, không chọn lựa**, nhưng họ có nhu cầu chia sẻ và đã để lại không thiếu những tác phẩm để đời.

Tại sao viết?

Ở đầu sách của cuốn tiểu thuyết *Chuyến Mùa*, tôi đề tặng và cảm ơn song thân, trong đó có câu: “... *Người đã dạy con làm thơ, viết văn và biết phần nộ trước bất công và bạo lực.*”

Nghe lạ! Có người sẽ hỏi tại sao phải được dạy mới “biết phần nộ trước bất công và bạo lực”? Dạ đúng vậy. Sinh ra trong

một gia đình có những người luôn “phần nộ trước bất công và bạo lực”, một trẻ thơ không thể không bị ảnh hưởng trong cái không khí, môi trường đó. Đùng nghĩ phải có bài có vở, có các buổi thuyết trình hay trường ốc hẳn hoi, một đứa trẻ chỉ cần nhìn thấy người lớn chung quanh mình làm gì, tốt cũng như xấu, sẽ tiêm nhiễm... rồi hành động giống như vậy. Gia đình đóng vai trò giáo dục con em mình chẳng kém học đường, có khi còn quan trọng hơn. Đứa trẻ được dạy trong trường có bốn, năm tiếng đồng hồ một ngày, trong khi ở với gia đình tất cả số giờ còn lại.

Từ được chứng kiến những cảnh bạo lực, bất công đến rúng động thế giới như vụ 9.11 ở Nữ Ớc năm 2001, đến việc ở tầm mức quốc gia, cục bộ như chuyện nhà nước cộng sản Việt Nam cướp nhà cướp đất của dân đen khiến biết bao nhiêu dân oan không nhà không cửa, kéo nhau lên thành phố khiếu kiện năm này qua năm khác mà chẳng được giải quyết, gây uất ức đưa đến các vụ tự thiêu, tự tử... Rồi những cảnh công an, “đây tớ của dân” mà lại được nhà nước nuôi dưỡng như những ông Trời con, thả cửa đánh đập tàn nhẫn những con dân yêu nước đi biểu tình chống Trung Quốc xâm lược... Tôi thấy như tôi đang đứng trước mấy vụ cướp ngày trên quê hương tôi, mà lại thiếu vắng một Lục Vân Tiên:

“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

“Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

(Trong Lục Vân Tiên của cụ Nguyễn Đình Chiểu, có nghĩa là thấy việc nghĩa mà không làm là không phải anh hùng.)

Và Đông (Lục Vân Tiên 1822-1888) - Tây gặp nhau ở chỗ này: *“The world will not be destroyed by those who do evil, but*

by those who watch them without doing anything.” Albert Einstein (1879-1955)

(Thế giới sẽ không bị hủy diệt bởi những người làm điều ác, mà bởi những người đứng nhìn mà không làm gì cả.)

Tôi, một khúc gậy của Lục Vân Tiên cũng không có, nói gì đến súng đạn, thì ngòi bút của tôi sẽ làm công việc không chỉ “đúng nhìn”, mà tả thật, tả chân những điều nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy... Ngòi bút của tôi chạy theo cảm xúc tôi, lương tâm tôi... “Sản phẩm” cuối cùng có được việc gì hay không, có thấp sáng thiên lương những con quỷ nằm trong xác người phần nào hay không, tôi không dự kiến trước. Kết quả ra sao thì cũng hoàn toàn tự nhiên như gieo hạt nào thì hái quả đó.

Tôi không tự khoác lên mình một sứ mệnh. Tôi cũng sẽ không dám nhận nếu ai đó khoác lên tôi một sứ mệnh, tôi sợ nếu tôi lách ngòi bút theo một “sứ mệnh” tôi sẽ hết tự do và thành thật. Đứng trước một hoàn cảnh ngang trái, chẳng dặng dưng tôi phản ứng theo bản năng tự nhiên, không đắn đo suy nghĩ, không cân đong kết quả, hậu quả... , cho nên không ít người dựa trên tác phẩm tiểu thuyết *Chuyến Mùa* của tôi để bảo rằng tôi là một tác giả “can đảm, dám nhảy vào đề tài nhạy cảm”. Chẳng biết thế là khen hay chê, nhưng có một điều chắc chắn là việc làm của tôi có rất ít chọn lựa.

Sống và được chiêm nghiệm biết bao chuyện chướng tai gai mắt..., người cầm bút, cầm cọ, cầm đàn, cầm micro (ca sĩ)... đều đã nhiều lần, vô tình hay hữu ý, làm công việc “tâm công” của cụ Nguyễn Trãi.* “Tâm công” là lấy lòng mình mà tẩn công vào lòng quân địch. “Quân địch” đây không nhất thiết chỉ là “phía bên kia” trong một mặt trận, có lính tráng, tàu bay, tàu bò...

mà còn là “phía bên kia” của cái thiện, cái đẹp, cái tự nhiên của một tâm hồn đẹp... Bạo lực luôn luôn là vũ khí của kẻ yếu. “Tâm công” là vũ khí của người đạo đức, tài năng, của các nghệ sĩ, của người cầm bút... Người ta trải lòng trên ngọn bút chứ không trải lòng trên họng súng!

Người ta đâu chỉ cầm bút khi có chuyện cần phải “nổi dóa”? Người ta cũng “cầm bút để làm đẹp cho đời” như nhiều người đã nói, và nhiều nhà phê bình văn học đã bảo thế. Thế nhưng tôi xin hỏi, khi người ta đặt bút xuống ca ngợi một bông hoa đang hé nở trong nắng sớm... với tất cả cảm xúc thành thật của mình, người đó có cùng một lúc nghĩ mình đang làm công việc “làm đẹp cho đời” không? Hay cứ viết, cứ vẽ, cứ làm nhạc... rồi... từ một tài năng nằm trong một “tâm hồn đẹp” đã phục sẵn trong cốt tủy, nó sẽ thăng hoa thành một sản phẩm gồm đủ CHÂN, THIÊN, MỸ? Sản phẩm đó làm đẹp cho đời mà không có sự cố ý, cố nặn, “đo may” (to tailor) nào... của người nghệ sĩ. Tự nhiên, ngẫu nhiên... là ở chỗ đó.

Nhà văn Hồ Trường An viết trong một cuốn biên khảo văn học rằng “*những bài thơ ngắn của Trương Anh Thụy có thiên phong thiên vị.*” Khi có dịp gặp mặt tôi cãi chối chết là tôi có biết thiên là cái gì đâu! Anh lại bảo “*Ấy không biết thiên là gì nhưng nếu làm thơ với tâm thiên thì cái thiên phong thiên vị nó tự tỏa ra nườm nượp. Có những bài thơ đầy những chữ trong kinh kệ mà vẫn chẳng thấy thiên ở đâu cả.*” Nói vậy thì biết vậy, tôi vẫn chỉ làm thơ theo cảm hứng bất chợt. Còn như thơ, văn tôi thuộc trường phái nào thì đấy là công việc của các nhà phê bình văn học.

Sau khi phân tích lòng mình để trả lời hai câu hỏi “Viết để làm gì?” và “Tại sao viết?” liệu tôi có thể từ đó rút ra cho mình một “Sứ mệnh của người cầm bút” hay không?

Hình như vẫn là “không”!

Sứ mệnh của người cầm bút

Thú thật, nhân được xem đám tang của nhà văn Jean d’ Ormesson (mùng 8 tháng 12, 2017) vừa qua trên màn ảnh, tôi mới nảy ra ý định viết bài này. Hình ảnh trên màn hình, tổng thống Pháp Emmanuel Macron đang cúi khom người đặt một chiếc bút chì lên quan tài ông trong một buổi lễ quốc táng đã khơi dậy trí tò mò của tôi khiến tôi tìm hiểu về ông và được biết ông là giám đốc của nhật báo Le Figaro từ năm 1974 cho đến ngày ông mất, mùng 5 tháng 12, 2017. Ông cũng là viện trưởng của Viện Hàn Lâm Pháp (Académie Française), tác giả của hơn 40 tác phẩm gồm nhiều loại: tiểu thuyết, tùy bút, biên khảo... Ông là một nhà văn thuộc dòng dõi quý tộc, thuộc giới trí thức hàng đầu của nước Pháp. Tuy nhiên, theo tôi, tất cả các sự kiện đó không phải là lý do để tổng thống Pháp phải làm quốc táng cho ông, mà vì ông là một nhà văn nhân bản, những gì ông viết ra là những vấn đề của đời thường, ông là người bạn tâm giao đồng cảm, xuyên suốt nỗi thống khổ và khát vọng ngàn đời của mọi tầng lớp xã hội. Nước Pháp muốn nói lên rằng mọi thành phần dân Pháp đang để tang ông, và nước Pháp muốn chia sẻ cái tang này với cả thế giới. Sự mất mát to lớn này thuộc về cả nhân loại chứ không phải chỉ của riêng nước Pháp.

Do một bài tường thuật/biên khảo của nhà văn Từ Thức (bên Pháp), tôi được đọc những câu trích dẫn từ nhà văn D’

Ormesson như sau: ‘*Có hai cái hầu như không thể đạt được, là sự thực (la vérité) và sự công bằng, công lý (la justice). Tôi ghét hai loại người: những người nghĩ mình nắm sự thực và công lý trong tay; và những người nghĩ không nên bận tâm bởi vì sự thực và công lý sẽ không bao giờ có trên đời. Không, biết là không làm được, nhưng vẫn phải tranh đấu đi tới.*’ Nhà văn Từ Thức thêm: *Không xa tư tưởng của Scott Fitzgerald mà ông (D’ Ormesson-chữ thêm của người viết) ngưỡng mộ: ‘Hãy ý thức rằng tình trạng hoàn toàn tuyệt vọng, nhưng vẫn phải hành động để thay đổi.’**



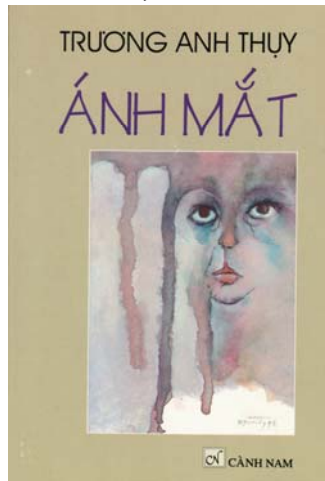
Ồi! Mục tiêu của hai nhà văn trên vĩ đại quá! Cao thượng quá! Hèn chi các nhà phê bình văn học chẳng, bằng một cử chỉ ưu ái, khoác lên nhà văn một sứ mệnh to tát: Làm thay đổi nhân quan, định kiến, tâm địa...vv...và vv... của con người, của cả một xã hội, rồi đến cả nhân loại... Các nhà biên khảo phê bình văn học rất có lý, vì trước mắt họ còn vô số những đầu óc vĩ đại khác như Balzac, Camus, Enxa Triôlê, Thạch lam, Nam Cao... kể sao cho hết! Những nhà văn này xứng đáng được mệnh danh là những thiên thần, là những vị thánh cứu nhân độ thế, là những sứ giả mang một sứ mệnh Trời trao...

Dù cho thế đi nữa, con đường văn mà nhà văn đi tới, theo tôi, vẫn là có nhiều ngã. Một nhà văn ngẫu nhiên “*Gặp một chuyện hay, nghe một chuyện cảm động, lại thấy chuyện bất bình hay chứng kiến một cảnh dờm, tưởng giả học làm sang, người viết truyện nếu thật với mình sẽ ghi nhận, để cho câu chuyện nung nấu trong đầu, trong óc, trong tâm can, rồi một ngày nào đó, câu chuyện chín muồi đem trải ra mặt giấy... thành ‘truyện’.*” (“Vào Tập” của tập truyện Ánh Mắt-1998.) Quá trình dựng truyện như thế thiết tưởng cũng nhiều nhà văn đã làm, chẳng có gì đặc biệt, đặc biệt chẳng là ở mức độ tài năng của nhà văn, ở khả năng biết nhận diện cái “thiện” để mà đề cao, cái “ác” để mà tiêu diệt, và ở trong một tâm hồn luôn hướng thiện, hướng thượng... Có được các đặc tính đó rồi thì tự nhiên sản phẩm của họ sẽ đem lại kết quả ĐẸP. Vậy thì cái gì đến trước? Cứ viết đi, rồi vì văn tài, vì những rung cảm tự nhiên, không làm dáng, không biếm họa... nhà văn sẽ tạo ra được một tác phẩm đẹp, hay, khoác lên mình một sứ mệnh rồi viết ra một tác phẩm đẹp? Tinh thần Lục Vân Tiên chắc cũng không xa quan niệm này. “Giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha.” (LVT.) Chỉ ít cũng phải “giữa đường thấy chuyện bất bình” (ngẫu nhiên, không chọn lựa) rồi mới “chẳng tha” (kết quả tất yếu).

Qua lối suy nghĩ rất cô đơn này, tôi ý thức được rằng tôi đang lợi ngược dòng, đang xâm nhập vào một lãnh vực nhạy cảm, một thành trì kiên cố của đại đa số

những người có thẩm quyền hơn tôi! Tuy nhiên tôi nghĩ không có gì buồn nản bằng điều mình nói ra được mọi người đồng ý hết, như vậy là mình chẳng học được điều gì mới lạ, hay còn tệ hơn nữa là mọi người thờ ơ với đề tài nhàm chán này.

Tôi rất mong được đón nhận những ý kiến, đồng tình hay phản biện xây dựng và tương kính của các thi, văn, nhạc, họa sĩ, các nhà biên khảo, các độc giả... hầu làm sáng tỏ một vấn đề mà vẫn còn có người cầm bút trong chúng ta đang loay hoay, trăn trở tìm câu trả lời mà chưa có./.



CHÚ THÍCH:

* “*Tâm công*” nghĩa là “đánh vào lòng người”, là một chiến lược cơ bản trong Bình Ngô Đại Cáo, cuốn sách mà cụ Nguyễn Trãi là tác giả, đệ trình lên vua Lê Lợi dùng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. “Đánh vào lòng địch” là chính sách mà vua Lê Lợi và cụ Nguyễn Trãi đã sử dụng để kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao... chủ đích là dùng

tâm lý, đạo lý dụ các tướng lĩnh, binh sĩ địch và ngụy quân về hàng. Khi thì dùng hòa đàm, tạm thời hòa hoãn với địch để đợi thời cơ, khi ưu thế thuộc về mình thì dùng lý lẽ cảm hóa, làm suy sụp tinh thần chiến đấu của quân địch, làm chúng nao núng không còn ý chí chiến đấu.

** “One should be able to see things as hopeless and yet be determined to make them otherwise.” F. Scott Fitzgerald (Mỹ) – (Nguồn: Từ Thức)

Trương Anh Thụy

Vài Nét Đan Thanh về **VĨNH LONG** & Phan Thanh Giản là Ai

Bạch Cúc. NTN & Hải Bằng.HDB

Tham khảo: *Vĩnh Long Xưa và Nay của Nhà Biên Khảo Huỳnh Minh (Cánh Bằng, Tác giả xuất bản, 1967)*

Năm 1965-1966, ông Huỳnh Minh người Vĩnh Long đã cho ra mắt cuốn **Kiến Hoà, Bạc Liêu và Sa Đéc**.

Tiếp theo, năm 1967, ông xuất bản cuốn **Vĩnh Long Xưa và Nay** biên soạn rất công phu, dựa vào nhiều tài liệu của Pháp và Việt có giá trị. Trong phần Lời Mở Đầu, Ông ghi: “*Đọc Vĩnh Long Xưa và Nay, quý bạn sẽ cảm thấy tâm hồn vui tươi phấn khởi, hồi tưởng các bậc tiền nhân có công đối với đất nước, đã ghi đầy đủ trong tác phẩm với nhiều hình ảnh sinh động.*”

Từ đâu có đất Vĩnh Long?

Phần lớn đất Miền Nam do một số nhân vật bất phục sự cai trị của người Mãn Thanh di cư sang nước ta xin phép Chúa Nguyễn Hiền (1679) khai khẩn. Trong số đó có: nhóm Huỳnh Mẫn lập nghiệp ở Biên Hòa, Bà Rịa; nhóm Dương Ngạn Địch ở Gò Công, Định Tường; và Mạc Cửu ở Hà Tiên.

Mãi tới năm 1732, đời Chúa Nguyễn Phúc Chu (1725-1738) **mới có thêm đất Vĩnh Long** rất rộng lớn mang tên là **Châu Định Viễn** bao gồm một phần Bến Tre và Trà Vinh, thuộc **Long Hồ Dinh**. [dinh và Trấn là hai đơn vị đất đai lớn nhất thời đó, tương đương với Vùng ngày nay].



Đến đời Chúa Nguyễn Phúc Khoát, lãnh thổ Miền Nam có 3 Dinh và một Trấn: **Trấn Biên Dinh** (vùng Biên Hòa); **Phiên Trấn Dinh** (vùng Gia Định); **Long Hồ Dinh** (vùng Vĩnh Long); **Trấn Hà Tiên** (vùng Hà Tiên).

Năm 1753, Chúa Nguyễn Phúc Khoát cử Nguyễn Cư Trinh đem đại binh đánh Chân Lạp (Cao Miên). Chúa Chân Lạp dâng nạp đất Tâm Bồn (Tân An) và Lôi Lạp (Gò Công). Chúa Nguyễn cho sáp nhập vào Châu Định Viễn,

Long Hồ Dinh. Khi Nhà Nguyễn dẹp yên được quân Tây Sơn thì Long Hồ Dinh được đổi thành **Vĩnh Trấn Dinh** (1788). Đến năm Gia Long thứ VII (1808), Hoàng Trấn Dinh tức Long Hồ Dinh cũ được đổi lại là **Vĩnh Thanh trấn** (Vĩnh Long và An Giang) gồm 1 phủ Định Viễn và 4 huyện: Vĩnh Bình, Tân An, Vĩnh An, Vĩnh Định.

Tới thời Vua Minh Mạng thứ XIII (1832), Vĩnh Thanh Trấn đổi thành Vĩnh Long Trấn. **Tên Vĩnh Long có từ đó.**

Ngay sau khi Tổng Trấn Gia Định Lê Văn Duyệt mất, vua Minh Mạng bãi bỏ chức Tổng Trấn (thay bằng Tổng Đốc) và đổi Trấn thành Tỉnh và chia Miền Nam thành 6 Tỉnh gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh (Đông: Gia Định, Biên Hoà, Định Tường; Tây: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên).

Tóm lại: kể từ năm 1658, miền đất Vĩnh thuộc về Chân Lạp (Miên).

Kể từ 1658 đến 1730, đất Vĩnh Long đặt dưới sự bảo trợ của Chúa Nguyễn.

Từ 1730 đến 1759, đất Vĩnh Long là thuộc địa của Chúa Nguyễn.

Từ 1760, Chân Lạp nhượng đất cho Việt Nam.

Danh Nhân đất Vĩnh

Nguyễn Cư Trinh và Trương Phúc Chu (Khai lập ra đất Vĩnh)

Quốc Công Tổng Phước Hiệp (Quan Lưu Thủ Long Hồ Đình)

Quận Công Tổng Phước Hòa

Quận Công Châu Văn Tiếp

Tổng Phúc Thiêm

Quận Công Nguyễn Văn Nhơn

Nguyễn Khoa Thuỳên

Phan Thanh Giản

Trương Vĩnh Ký

Nguyễn Thông

...

Di Tích Lịch Sử:

Nhiều thành quách, đồn lũy đất VL đã bị người Pháp phá hủy.

Nay chỉ còn một số di tích như:

Cây Đa Cửa Hữu (VL)

Cây Đa Bến Ngự (Long Hưng, Lấp Vò)

Lăng Ông Bỏ Hậu ((Long Hưng)

Lăng Hà Tiên (Tân Ngãi)

Lăng Ông Trần Công Lại (Long Thới)

Mộ ba vị Công Chúa triều Nguyễn (An Phước)

Lăng Quận Công Nguyễn Văn Nhơn (Tân Đông, Sa Đéc)

Lăng Quan Đô Đốc Đại Thần (Tân Ngãi, cầu cái Cam)

Chùa Di Đà hay Chùa Tiên Châu hay Tô Châu (Vĩnh Bình)

Miếu Hội Đồng (phía đông VL)

Miếu Nghĩa Trung (Phước Hậu, VL)

Miếu Quốc Công - đền thờ Tổng Phước Hiệp (quận Châu Thành, VL)

Đền thờ Quận Công Châu Văn Tiếp (Tân Long Hội, Minh Đức, VL)

Văn Thánh Miếu: thờ Khổng Tử và các môn đệ của Khổng Tử (VL)

*

PHAN THANH GIẢN (1796-1867): THÂN THẾ và SỰ NGHIỆP

Phan Thanh Giản vốn dòng dõi nho gia.

Lúc còn nhỏ, ông được một nhà sư nuôi dạy. Lớn lên, cụ theo học với nhiều bậc túc nho. Vì vậy, tư duy của Phan Thanh Giản tất nhiên thấm tư tưởng của Phật Thích Ca và Khổng Tử khiến cụ trở thành một nhân vật suốt đời sống với đạo Từ Bi và với đức Nhân, Trí, Dũng của hai vị đại triết nhân này.

Lúc sắp bỏ thành cho quân **Phú Lãng Xa** tức quân Pháp, nhằm tránh cho lê dân khỏi bị nạn binh đao trước mắt, cụ đã để lại một bức thư tuyệt mệnh trong đó có câu:

"Hỡi các quan và lê dân! Các người có thể sống dưới sự điều khiển của người Phú Lãng Xa. Những người này chỉ đáng sợ trong lúc chiến tranh mà thôi. Nhưng lá cờ ba sắc[cờ Pháp] không thể bay phất phới trên một thành lũy mà nơi ấy Phan Thanh Giản còn sống". (Trích thư của cụ Phan gửi cho hai vị quan Tổng Đốc Miền Tây)

Do sự kiện Pháp quân chiếm mất thành trong lúc điều đình mà vua quan triều Nguyễn hồi đó đã giáng cách cụ để trừ trách nhiệm mất đất lên vai cụ. Sau này, khi Việt Minh Cộng Sản cầm quyền, cụ cũng bị gán tội phản quốc để làm một bài học răn đe quần, cán, chính cộng sản và do đó, **Tượng Phan Thanh Giản dựng tại sân Trường Phan Thanh Giản, Cần Thơ bị chính quyền Cộng Sản đập bỏ ngay sau 30 Tháng Tư, 1975; ảnh cụ bị đập của cán bộ CS bắn xuyên qua tim** (coi: Đặc San Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm, Cần Thơ, Houston, Texas, 2007, trang 23-24).

Vậy thì:

- Phan Thanh Giản là ai?

- Cụ được nuôi dưỡng và dạy dỗ như thế nào?
- Con đường thi cử của cụ như thế nào?
- Cụ làm quan với những chức vụ gì?
- Tại sao cụ bị giáng chức tới năm lần?
- Tại sao cụ trao thành Vĩnh Long cho Pháp và uống thuốc độc tự vẫn?
- Tại sao một số các vua quan Triều Nguyễn lên án cụ?
- Tại sao Đảng Cộng Sản VN đã lên án cụ?
- Hiện nay cụ được CSVN phục hồi danh dự của cụ như thế nào?
- Người dân tôn vinh cụ như thế nào?
- Cụ có xứng đáng được vinh danh là bậc đại trí, đại dũng, và đại nhân không?

Thân Thế Phan Thanh Giản

Phan Thanh Giản sinh Giờ Thìn, Ngày 12 tháng Mười, Bính Thìn (1796), đời Lê Cảnh Hưng; mất vào đêm mờng Bốn rạng ngày mờng Năm tháng 7 năm Đinh Mão (1867) sau khi tuyệt thực 17 ngày rồi uống thuốc độc tự vẫn; hưởng dương 72 tuổi. Linh cữu an táng tại làng Bảo Thạnh, Kiến Hòa.

Phan Thanh Giản lấy tên tự là Tịnh Bá và Đạm; hiệu là Lương Khê; biệt hiệu là Mai Xuyên. Sau khi thi đậu, cụ cưới vợ người đầu tiên người làng Cần Giuộc. Bà này mất, cụ tục huyền với bà Trần Thị Hoạch ở Quảng Trị và đưa vợ về Kiến Hòa để lo phụng dưỡng cha mẹ.

Trong dịp này, cụ làm một bài thơ để tạ ơn vợ đã thay cụ báo hiếu cha mẹ.

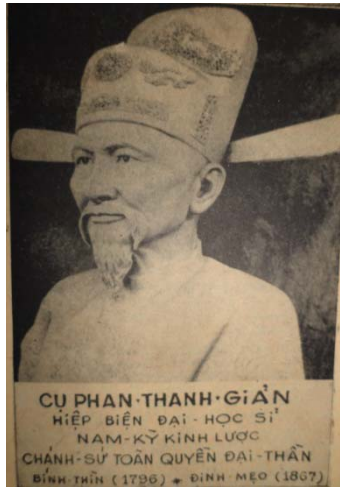
Từ thuở vương xe mới chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non song
Đường mây cưỡi tở ham dong ruổi
Trưởng liễu thương ai chịu lạnh lùng
Ơn nước, nợ trai đành nổi bận
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng

Mấy lời dặn bảo cơn ly biệt

Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng
(Tham khảo: *Vĩnh Long Xưa và Nay* của Huỳnh Minh, 1967)

Tương truyền tổ phụ cụ Phan Thanh Giản là Phan Thanh Tập, hiệu là Ngẫu Cừ, sống dưới đời Nhà Minh. Sau đó Phan Thanh Tập di cư sang Việt Nam cư ngụ tại Phú Hoài Sơn, Bình Định. Phan Thanh Tập có một con trai là Phan Thanh Ngạn tục kêu là Xán. Năm 1771, gia đình ông Ngạn di vào Nam, ngụ ở Thanh Trông, **Định Tường**. Sau dời về Mân Thích, Vĩnh Thanh, **Vĩnh Long**; rồi lại dời về Huyện Bảo An, Hoàng Trị, Vĩnh Long. Cuối cùng, ông lại dời về thôn An Hòa, Tân Thạnh, Vĩnh Bình., phủ Định Viễn, Trấn Vĩnh Thạnh; nay là xã Bảo Thạnh, Bai Tri, **Bến Tre**. Ông cưới vợ là bà Lâm Thị Bút sinh hạ ra Phan Thanh Giản. Năm 1802, Phan Thanh Giản được 7 tuổi thì bà mẹ qua đời. Bà mẹ kế là bà Trần Thị Dưỡng rất yêu quý ông và cho ông thu giáo với nhà sư Nguyễn Văn Noa ở chùa làng Phú Ngãi.

Năm 1815, cha của Phan Thanh Giản bị tù oan. Phan Thanh Gian xin với quan cho ông được ở tù thế cho cha. Quan không thể giúp được nhưng tạo cơ hội cho ông ở gần cha và trau dồi kinh sử. Sau khi cha mãn tù, Phan Thanh Giản ở lại Vĩnh Long tiếp tục học để tạo sự nghiệp.



Thanh Giản ở lại Vĩnh Long tiếp tục học để tạo sự nghiệp.

Sự Nghiệp

Năm 1825, cụ đậu Cử Nhân Khoa Ất Dậu. Năm sau, cụ đậu Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ. Cụ là người đậu Tiến Sĩ khai khoa ở

Nam Bộ. Cụ từng giữ nhiều chức vụ: dưới ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức: Lang Trung Bộ Hình, Tham Hiệp Quảng Bình và Giám Khảo Thi Hương Thừa Thiên; Hiệp Trấn Quảng Nam, Hàn Lâm Viện, Phó Sứ sang Nhà Thanh, Đại Lý Tự Khanh Cơ Mật Viện, Kinh lược Trấn Tây, Bồ Chánh Tỉnh Quảng Nam, Hộ Lý Tuần Phủ Quan Phòng, Nội các Thừa Chỉ, Tả Thị Lang Bộ Hộ, Thị Lang Bộ Hộ, Bình Bộ Tả Thị Lang, Tham Tri Bộ Binh, Chánh Chủ Khảo Trường Thi Hà Nội, Hình Bộ Thượng Thư, Lại Bộ Thượng Thư, Kinh lược Sứ, Nam Kỳ Kinh lược Phó Sứ, Gia Định Tuần Vũ (coi giữ Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, và Hà Tiên), Chánh Tổng Tài Quốc Sử Quán biên soạn bộ *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Quốc Tử Giám Sử Vụ*, được cử đi sứ tại Pháp, Trung Hoa, và nhiều nước khác. Năm 1852, Vua Tự Đức ban cho cụ tẩm kim khánh khắc "**Liêm, Bình, Cẩn, Cẩn**" [Ngay Thật, Công Bằng, Cẩn Thận, Siêng Năng].

Cụ bị giáng chức 5 lần. Lần thứ nhất lúc cụ bị thất bại khi dẹp loạn Cao Gông ở Chiên Đàn, phía bắc Quảng Nam. Lần thứ hai cụ bị giáng chức vì can gián Vua Minh Mạng trong chuyến ngự du Quảng Nam với lý do là dân tình Quảng Nam lúc đó đang đói kém. Lần thứ ba cụ bị giáng vì lỗi thuộc viên sơ ý không đóng dấu triện vào một tờ sớ. Lần thứ tư cụ bị giáng vì ông không ký vào bản án Cơ Mật Viện buộc tội Tổng Đốc Bình Định xin vua hủy bỏ bản tuồng Lôi Phong Pháp lý do vở tuồng có lời lẽ bôi bác, chế nhạo Trời, Đất, và các Thần Minh.

Lần thứ năm, cụ bị kết tội bất cẩn khi ông làm Phó Chủ Khảo Trường Thi Thừa Thiên. Cuối cùng, cụ bị giáng cách vì thực dân Pháp tráo trở chiếm đoạt thành Vĩnh Long trong lúc còn đang điều đình. Thực tế, cụ xét thấy tình thế không thể cứu vãn được nữa và để cứu lê dân trước mắt khỏi bị nan binh đao, nên cụ trao thành cho

Pháp rồi uống thuốc độc tự vẫn. Vua và một số quan lại xiểm nịnh lên án cụ nặng nề khiến cho sau này Đảng Cộng Sản lợi dụng cơ hội cũng biếm nhục cụ đủ điều.

Nhưng tấm lòng son sắt của cụ đối với quốc gia và dân tộc đã được trời xanh soi sáng và ngày nay tên tuổi của cụ đã được phục hồi. Xét cuộc đời và sự nghiệp văn thơ, chính trị của cụ, cụ quả xứng đáng là một bậc **đại trí, đại nhân, và đại dũng**.

Mặc dầu trên vai cụ nhiều gánh nặng quốc gia phải chu toàn, cụ Phan vẫn hoàn tất nhiều tác phẩm rất giá trị về văn học và chính trị như sau:

- *Lương Khê Thi Thảo* (454 bài thơ)
- *Lương Khê Văn Thảo*
- *Sứ Thanh Thi Tập*
- *Tây Phù Nhật Ký*
- *Ước Phu Thi Tập*
- *Tích Ung Ca Hội Tập*
- *Sứ Trinh Thi Tập*
- *Việt Sử Thông Giám Cương Mục; và Minh Mạng Chính Yếu*

Năm 1864, lúc làm Kinh lược trấn nhậm Vĩnh Long, cụ Phan và Nguyễn Thông phụ tá xây dựng **Văn Thánh Miếu** thờ Đức Khổng Tử và **Văn Xương Các** làm nơi hội họp xướng họa thi văn. Tại Vĩnh Long ngày nay, Tòa Văn Xương Các có thờ chân dung của cụ và bài vị của Võ Trường Toản. Năm 1966, Tỉnh Trưởng Vĩnh Long Huỳnh Ngọc Diệp và thân hào nhân sĩ tỉnh dựng tượng đồng để tưởng nhớ công đức của cụ.

Vài Nét về Đất Nam Kỳ Thuở Xa Xưa

Đất Nam Kỳ xưa kia được khai khẩn và mở mang do công lao của ai? Theo tài liệu trong cuốn *Vĩnh Long Xưa và Nay* của Huỳnh Minh (1967) thì, kể từ năm 1679, xảy ra có một số tướng sĩ Nhà Minh, Trung Quốc chạy sang Việt Nam lánh nạn khủng bố của Nhà Mãn Thanh. Họ được Chúa

Nguyễn Hiền Vương ở Huế chấp thuận cho vào khai khẩn miền Nam. Nhóm thứ nhất do Huỳnh Tấn dẫn đầu đến lập nghiệp tại khu vực Bà Rịa và Biên Hòa bây giờ. Nhóm thứ hai do Dương Ngạn Địch dẫn bộ hạ theo đường sông vào định cư ở Gò Công, Định Tường. Nhóm thứ ba do Mạc Cửu lập nghiệp ở Hà Tiên. **Đến thời Chúa Nguyễn Phúc Chu (1725- 1738) mới có thêm đất Vĩnh Long (1732).**

Nam Kỳ dưới thời Chúa Nguyễn được mở mang khai khẩn và được chia làm 3 **dinh** (Dinh: là đơn vị hành chánh tương đương với Vùng hay Khu ngày nay) và một trấn. Đó là Biên Dinh (Biên Hòa), Phiên Dinh (Gia Định), Long Hồ Dinh (Vĩnh Long), và Hà Tiên Trấn (Hà Tiên).

Đất Vĩnh Long được hình thành từ năm 1732 dưới thời Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Chu (1725-1738) mang tên là **Châu Định Viễn**, thuộc Long Hồ Dinh [Long Hồ Dinh, và mở thêm 4 huyện là Long Xuyên, (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ), và Trấn Di (Bắc Bạc Liêu)]

Đất Vĩnh Long hay là Châu Định Viễn hồi đó rất rộng lớn bao gồm một phần Bến Tre ở phía bắc và Trà Vinh ở phía nam, và là bộ mặt văn hóa của Miền Tây (tương tự như thành phố Tây Đô Cần Thơ bây giờ).

Cho tới năm 1756, vua Chân Lạp là Nặc Nguyên thua và phải dâng Chúa Nguyễn Phúc Khoát hai phủ Tầm Bôn (Tân An) và Lôi Lạp (Gò Công). Hai phủ này sáp nhập vào Châu Định Viễn. Thế là hồi đó, đất Vĩnh Long bao gồm cả Tân An và Gò Công bây giờ.

Năm 1759, một lần nữa, Nặc Tôn (con Nặc Nguyên) lại dâng thêm đất Tầm Phong Long tức vùng Châu Đốc và Sa Đéc bây giờ. Các miền đất mới này lại được sáp nhập vào Châu Định Viễn, Long Hồ Dinh.

Công lao mở mang đất mới này là của Nguyễn Cư Trinh, một vị quan tài kiêm văn võ. Để bảo vệ hữu hiệu hơn và vì tính

cách quan trọng về giao thương, Nguyễn Cư Trinh cho dời Long Hồ Dinh qua Tầm Bào (nay là Thị Xã Vĩnh Long) và chọn nơi này làm thủ phủ của Miền Tây. Tại đây, khoảng những năm đầu của thập niên 1770, đã diễn ra nhiều trận đánh giữa quân của Nguyễn Lữ (Tây Sơn) và quân của Tổng Phước Hiệp, Nhà Nguyễn có trợ lực của quân Xiêm.

Năm 1787 quân Chúa Nguyễn bắt đầu thắng thế và lấy được Thành Gia Định, rồi chiếm được toàn Miền Nam. Từ đó đất Miền Nam chính thức mang tên là **Gia Định** và chia làm 4 trấn: Phiên Trấn (tức Gia Định cũ), Biên Trấn (Biên Hòa), Vĩnh Trấn hay **Hoàng Trấn** (Vĩnh Long, Châu Định Trấn, hay Long Hồ), và Định Trấn (Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu).

Năm 1808, Vua **Gia Long** đổi tên Hoàng Trấn thành **Vĩnh Thanh Trấn** và ấn định thêm một trấn mới nữa là **Hà Tiên Trấn** gồm Hà Tiên, Rạch Giá và Cà Mau.

Trong đời Gia Long, đất Vĩnh Long được cai quản bởi 3 vị Tổng Trấn là Quận Công Nguyễn Văn Nhân (1801-1805); Tổng Trấn Lê Văn Duyệt (1806-1815); và Tổng Trấn Quận Công Nguyễn Huỳnh Đức (1816 – 1819).

Năm 1820, Vua **Minh Mạng** lên ngôi, đất Vĩnh Long vẫn mang tên là Vĩnh Thanh Trấn cho tới năm **1832** mới đổi tên thành **Vĩnh Long Trấn**. Đây là giai đoạn Vua Minh Mạng hài tội Lê Văn Duyệt một cách độc đoán mặc dầu Lê Văn Duyệt đã qua đời khiến dân chúng bất mãn và con nuôi của ông là Lê Văn Khôi công phần nổi lên chống Triều Đình. Ngay sau khi Tổng Trấn Lê Văn Duyệt mất, Vua Minh Mạng bãi bỏ chức vụ Tổng Trấn Gia Định và chia đất Miền Nam thành 6 **tỉnh** gọi là **Nam Kỳ Lục Tỉnh** gồm 3 tỉnh Miền Đông là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường và 3 tỉnh Miền Tây là **Vĩnh Long**, An Giang, Hà Tiên. Mỗi tỉnh đứng đầu là quan Tuần Phủ. Hai hay ba tỉnh có một quan cai quản gọi là **Tổng Đốc**

Dưới thời **Tự Đức**, nhà vua đặt ra một chức để cai quản toàn Miền Nam gọi là **Kinh lược Đại Sứ**. Năm 1850 (Tự Đức Thứ Ba), Thượng Thư (Bộ Trưởng bây giờ) Bộ Công Nguyễn Tri Phương được cử làm Kinh lược Đại Sứ Nam Kỳ, kiêm Tổng Đốc Định-Biên (Gia Định + Biên Hòa), kiêm Tổng Đốc Long-An (Vĩnh Long + An Giang).

Năm 1851, **Phan Thanh Giản** được cử làm Kinh lược Phó Sứ phụ tá cho Nguyễn Tri Phương. Bây giờ Phan Thanh Giản đặt Tổng Hành Dinh tại Thành Vĩnh Long và bắt đầu từ đó cụ khởi sự trách nhiệm đối phó với ý đồ xâm lấn của thực dân Pháp.

Bối Cảnh Xã Hội: Triều Đình Cấm Đạo và Bế Môn Tòa Càng

- Dân Tinh Bất Mãn - Tây Phương Gây Hấn

Nước ta khởi sự dính líu với người Pháp bằng Hiệp Ước **Versailles** ký ngày 28.11.1787 giữa Chính Phủ Pháp và Bá Đa Lộc, đại diện cho Nguyễn Ánh tức vua Gia Long sau này. Trong chuyến đi, Bá Đa Lộc dẫn theo Hoàng Tử Cảnh, 4 tuổi, làm con tin. Nội dung hiệp ước: Pháp giúp cho Nguyễn Ánh 4 tàu chiến, 1200 lính, 200 pháo binh, 250 lính Phi, quân trang, quân phí, v.v. Đổi lại, triều đình phải dành cho Pháp quyền sở hữu tuyệt đối về Càng Hội An và Đảo Côn Lôn. Tuy nhiên vì tình thế nước Pháp rối loạn nên hiệp ước không thi hành được. Bá Đa Lộc phải vận động một số tư bản Pháp hùn nhau bỏ tiền mua tàu và súng sang giúp Nguyễn Ánh.

Trong thời gian đầu sau khi thành công trong việc triệt hạ Nhà Tây Sơn và thống nhất đất nước, Vua Gia Long còn tỏ ra biết ơn và ưu đãi người Tây Phương. Trong một lá thư viết hồi tháng 7.1802, giáo sĩ Labartette (La Bác Tét) nhận định:

Nhà vua [Gia Long] ưu đãi đạo thánh của chúng ta vượt quá sự mong muốn. Nhà vua biết ơn sâu xa Bá Đa Lộc - người đã cứu giúp bản thân nhà vua và dòng họ

ông - và mỗi lần nhắc tới giám mục thì ông lại rưng rưng nước mắt.

Nhưng trong một lá thư viết vào năm 1812 thì giáo sĩ bày tỏ một sự e ngại:

Chứng nào nhà vua còn trị vì thì chúng tôi vẫn còn hy vọng được tự do hành đạo.

Nhưng sau khi nhà vua mất đi thì e rằng mọi việc sẽ thay đổi hết."

Sự kiện này chứng tỏ Vua Gia Long trong lòng không ưa gì người Pháp.

Điều e ngại này đã trở thành sự thật.

Sau này, Giáo sĩ Louvet (Lu Vê) ghi nhận:

Năm 1817, Gia Long chọn ông Hoàng Chi Đảm [tức Minh Mạng] nối ngôi. Sự lựa chọn này bị phần đông quan lại chỉ trích [trong đó có Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt] và trở thành một tai họa lớn cho quốc gia và cho nhà thờ ở xứ sở này.

Ông vua kế vị Gia Long đã quyết tâm cự tuyệt người Phương Tây và nền văn minh của họ. Ông ta xô đẩy triều đình lao vào việc tàn sát đẫm máu. Để rồi sau 40 năm dẫn đến cuộc can thiệp của người Pháp và sự phân liệt quốc gia. Chưa bao giờ vua Gia Long lại thiếu ý thức bằng cái ngày ông ta quyết định một sự lựa chọn như vậy, mặc dầu những viên quan cận thần nhất đã hết sức ngăn cản Vua.

Thực vậy, ngay sau khi Gia Long nằm xuống, vua Minh Mạng thi hành ngay chính sách bài Gia Tô Giáo và bạch quỷ Tây Phương: lãnh sự Pháp không được thừa nhận; đặc sứ Pháp không được tiếp kiến; thuyền trưởng Pháp không được lên bờ; giáo sĩ bị tử hình; và v.v. Vua Minh Mạng từ chối ký kết hiệp ước thương mại với vua Louis XVIII và nói với ông Chaigneau (Se Nhô), một viên quan Pháp phục vụ cho triều đình bấy giờ rằng: "*Cần gì có hiệp ước thương mại. Nước Pháp ở quá xa nước chúng tôi. Làm sao thần dân của chúng tôi lại có thể đi buôn bán với người của nước ông được?"*

Ông Se Nhô nhắc nhở: "Nếu nhà vua từ chối ký hiệp ước thì nước Pháp sẽ có ý nghĩ không tốt về nhà vua."

Vua Minh Mạng trả lời: "Người ta không thể đòi hỏi khác được vì tôi không muốn ký một hiệp ước mà xem ra nó chẳng có ích lợi gì."

Sau này Minh Mạng có thay đổi tư duy, cử người sang Pháp điều đình, nhưng bị vua Pháp từ chối tiếp kiến vì vua Pháp coi "**Minh Mạng là kẻ thù của Gia Tô Giáo.**"

Vua Thiệu Trị và Tự Đức kế vị sau đó càng tỏ ra kỳ thị "**bạch quỷ**" tây phương ngặt nghèo hơn và sự "cởi mở" hay "mở cửa" đón tây phương của triều đình sau đó mới áp dụng thì đã muộn.

Bắt đầu từ năm 1850, Nã Phá Luân III quyết định thực hiện dùng võ lực xâm chiếm VN.

Tóm lại, sự bất tài và tinh thần thủ cựu và tự tôn của các vua Triều Nguyễn thể hiện trong chính sách bế môn tỏa cảng, bài bác Gia Tô Giáo, và khinh miệt người Tây Phương là những nguyên nhân chính dẫn tới sự kiện dân tình bất bình, đất nước loạn lạc, và rồi mất vào tay Pháp.

Thật vậy, trong thời vua Gia Long có tới 70 cuộc nổi dậy; trong thời Minh Mạng có tới 230 cuộc tạo loạn; và trong 7 năm ngắn ngủi của Thiệu Trị có 50 cuộc nổi loạn; và trong thời Tự Đức có 40 cuộc nổi dậy. Tiếng oán thán của dân chúng thể hiện trong bài hịch của Nông Văn Vân:

Mười lăm năm đức chính có chi?

Kho hình luật vẽ nên hùm có cánh

Ba mươi tình nhân dân đều oán

Tiếng oan hào kêu dậy đất không lông

Pháp Khởi Hấn Chiếm Vĩnh Long: Phan Thanh Giản Lãnh Sứ Mạng Điều Đình rồi Tự Vấn

Ngày 22.4.1857, Napoléon III quyết định thành lập "Hội Đồng Nam Kỳ" với nhiệm vụ duyệt xét lại Hiệp Ước Versailles nhưng

thực chất là hợp thức hóa việc đem quân qua xâm chiếm nước ta.

Ngày 31.8.1858, Đô Đốc Rigault de Genouilly (Ri Gôn đờ Giơ-nui-i) phối hợp với quân Tây Ban Nha bắt đầu nổ súng vào Cảng Đà Nẵng. Viên Trấn Thủ Đà Nẵng được lệnh "an binh bất động". Nguyễn Tri Phương được cử làm Tổng Chỉ Huy mặt trận Đà Nẵng - Quảng Nam.

Ngày 10.2.1859, Pháp đánh chiếm Vũng Tàu và ngày 17.2 Pháp tiến đánh Thành Gia Định. Lúc này cuộc chiến giữa Trung Hoa và Pháp nổ ra khiến Pháp phải rút một phần lực lượng ở Đà Nẵng và Saigon qua Trung Hoa.

Triều đình lúc đó không nắm được cơ hội ngàn năm một thuở này để tổng phản công; lại để cho Tướng chỉ huy Mặt Trận Gia Định lúc đó là Tôn Thất Hiệp "án binh bất động" với hy vọng "làm nản lòng địch"! Sau này, Nguyễn Tri Phương được điều động thay thế Tôn Thất Hiệp lại chủ trương "công và thủ" tức là vừa đánh vừa giữ. Ông cho đắp đồn Kỳ Hòa dài 3000 mét, ngang 1000, chia làm 5 khu ngăn cách nhau bằng hàng rào gỗ. Thành xây bằng đất sét cao 3 mét 50, dày 2 m.

Ngày 25.10.1860, chiến tranh Trung Hoa kết thúc, quân Pháp lại trở qua nước ta và quyết nhanh chóng thôn Nam Kỳ.

Ngày 23.2.1861, quân Pháp mở cuộc tấn công phá đại Đồn Chí Hòa. Tướng Charner, Tổng Tư Lệnh quân đội Pháp, ghi trong nhật ký: "Quân địch kháng cự rất mãnh liệt ... Quân ta tổn thất khá nhiều: 225 lính bị loại khỏi vòng chiến. Ngày 12.3.1861, quân Pháp coi như đã chiếm xong vùng Gia Định. Một báo cáo của Tổng Chỉ Huy Nguyễn Bá Nghi gửi về Triều Đình Huế tâu: "*Tình thế đã đến lúc "đánh và giữ" đều không được. Trừ một chước Hòa, tôi chỉ còn chịu tội.*"

Trong giai đoạn chống Pháp này, toàn dân khắp nơi đều tự động nổi lên chiến đấu. Nhưng các lực lượng này phần lớn là tự phát và không có kết hợp với nhau. Một

tác giả Pháp, Pallu de la Barrière (Pa-Luy đơ la Ba-ri-e-r), ghi chép rằng: "Thực tế đâu đâu cũng là trung tâm kháng chiến. Cuộc kháng chiến có cơ sở và hệ thống khắp nơi. Có thể nói rằng có bao nhiêu người Việt thì có bấy nhiêu trung tâm kháng chiến. Đứng hơn là phải xem mỗi người nông dân đang bó lúa là một trung tâm kháng chiến. (Xem: Histoire de L'expédition de Cochinchine en 1861, Paris, 1864, tr. 248).

Hòa Ước 5.6.1862: Mất Ba Tỉnh Miền Đông

Đồn Kỳ Hòa bị mất. Nguyễn Tri Phương bị trọng thương phải đưa về Kinh chữa trị. Ngày 1.4.1861, Quân Pháp thừa thắng tiến đánh Định Tường. Triều đình sai Nguyễn Tri Phương đem hai vệ quân phối hợp với quan của Nguyễn Ba Nghi vào cứu viện.

Quân cứu viện chưa tới nơi thì quân Pháp đã tiến đánh Thành Vĩnh Long ngày 20.3.1862. Tổng Đốc Trương Văn Uyển bỏ thành chạy. Như vậy, kể từ tháng 9 năm 1858 đến tháng 3, 1862, Pháp quân chiếm được 4 thành: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, và Vĩnh Long.

Trước tình thế đó, triều đình cử Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đứng ra thương thuyết chuộc lại đất. Do đó, **Hòa Ước ngày 5/6/1862 ký tại Saigon** hình thành gồm 12 điều khoản trong đó có điều khoản quy định 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, và Đảo Côn Lôn tức Côn Đảo phải nhượng đứt cho Pháp. Ngoài ra triều đình còn phải trả cho Pháp và Tây Ban Nha trong vòng 10 năm một khoản tiền bồi thường chiến phí là 4 triệu đồng tương đương với 288 ngàn lượng bạc. Đổi lại, Pháp sẽ trả lại Vĩnh Long với điều kiện Triều đình phải có biện pháp chấm dứt các cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Trong phái bộ Việt Nam đi ký hòa ước có một linh mục người Việt tên là Đặng Đức

Tuấn, người kể lại sự kiện ký hòa ước trong bài "Lâm Nạn Phụng Quốc Hành" như sau:
Làm hai tập nữa dâng vào
Thánh Thượng ngự lăm định giao cuộc hòa
Dạy quan Cơ Mật truyền ra
Tư cho các tỉnh hay qua chuyện này
Triều đình đã định làm vậy
Sai Đặng Đức Tuấn vào Tây giảng hòa

...
Vi còn nhiều việc khả nghi
Chưa biết bàn định lẽ gì cho hay
Thượng quan đòi Tuấn hỏi ngay
Tây xin làm vậy, Tuấn bày làm sao?
Tuấn rằng "Ông Lớn lượng cao
Sớ tâu Hoàng Đế xin vào Đồng Nai
Cho tôi tòng phái với Ngài
Tôi dám quả quyết không ai làm gì
Hòa đặng thì ta hòa đi
Bằng hòa chẳng đặng, ta thì về ngay
Quan Lâm vào tấu nội ngày
Vua ban sắc hạ y rày lời xin
Quan Phan ở cửa nghe tin
Cũng vào thính chỉ đặng in như lời

(Xem: *Tinh Hoa Công Giáo Ái Quốc Việt Nam*, 1970, Saigon, Lam Giang, Võ Ngọc Nhã, Đặng Đức Tuấn).

Việc chuộc 3 tỉnh bất thành, Vua Tự Đức và nhóm quan lại nịnh thần đã khiến trách Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp không làm tròn nhiệm vụ nhưng vẫn cử Phan Thanh Giản làm Tổng Đốc Vĩnh Long và chỉ thị tiếp tục cố gắng tìm cách thương thuyết lại với Pháp. Nhưng các nỗ lực thương thuyết đều không có kết quả. Đòi sau có kẻ dựa vào việc Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký vào hiệp ước trên mà quy tội cho hai ông bằng câu "Phan, Lâm bán quốc, triều đình khi dân" (Phan, Lâm bán nước, triều đình coi thường dân chúng) và sau đó, Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng lợi dụng câu nói trên để lên án cụ Phan là phản quốc nhằm mục đích kích động lòng trung thành với Đảng CS. Tuy nhiên, trong vài thập niên gần đây đã dấy lên nhiều

cuộc hội thảo đòi Cộng Sản VN phải phục hồi danh dự cho cụ Phan.

Ngày 4 tháng Ba, năm 1863, để tìm cách chuộc lại 3 tỉnh Miền Đông, Vua Tự Đức bèn cử Phan Thanh Giản dẫn đầu phái đoàn đáp Tàu L'Européen" qua Pháp điều đình với Hoàng Đế Napoleon III. Cùng đi với cụ Phan có Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản, và 53 tùy viên trong đó có Trương Vĩnh Ký làm thông dịch viên. Trước khi lên đường, cụ Phan làm bài thơ Thuật Hoài để giải bày tâm lòng như sau:

Chút nghĩa vương mang phải gắng đi
Tang bồng đành rõ chí nam nhi
Thuyền ngô phơi phới giăng hồn bạc
Khói đá phẳng phẳng lướt tích ti
La Hán dang tay chờ khách đến
Tướng quân ghé mắt hẹn ngày về
Phen nay miễnặng hòa hai nước
Nổi tờ xin đừng bận bịu chi!

Đề nghị giảng hòa tổ cáo tâm trạng tuyệt vọng của Tự Đức nếu không muốn nói đó là thái độ đầu hàng. Tình trạng hòa hoãn này làm cho các quan đầu tỉnh bó tay không dám động tĩnh gì. Lợi dụng tình thế đó, quân Pháp súc tiến chiếm đoạt Nam Kỳ.

Sau một tháng điều đình (khoảng giữa tháng 6 đến giữa tháng 7), Aubaret, đại diện chính phủ Pháp và Phan Thanh Giản ký bản hiệp ước gồm 21 điều khoản. Đại cương: Pháp trả lại cho nhà vua ba tỉnh miền đông nhưng vẫn làm chủ Saigon, Thủ Dầu Một, và Mỹ Tho. Triều đình Huế phải thừa nhận sự bảo hộ của Pháp trên lục tỉnh. Các điều khoản khác về thương mại, truyền giáo, v.v. vẫn giữ nguyên như trong Hòa Ước 1862.

Thỏa ước Aubaret-Phan Thanh Giản này bị nhiều nhân vật Pháp trong đó có Bộ Trưởng Bộ Hải Quân và Thuộc Địa Chasseloup Laubat cực lực phản đối. Một trong ba bức thư hiện tìm thấy tại Kho Lưu trữ Quốc Gia Paris, Pháp khẩn thiết yêu cầu không cho Phan Thanh Giản chuộc đất

nói lên ý đồ của thực dân Pháp muốn trước sau thôn tính nước ta. Nội dung lá thư được sơ lược như sau:

Tôi thừa nhận phái bộ An Nam hiện đang ở Paris là cơ hội cho các điều đình về thương mại tất yếu sẽ dẫn tới việc chinh phục hoàn toàn toàn xứ này. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta rút đạo quân viễn chinh về nước để đổi lấy một khoản bồi thường chiến phí dù khoản đó lớn đến bao nhiêu đi nữa ... Việc chinh phục dứt điểm Nam Kỳ sẽ mở rộng ảnh hưởng của Pháp ... Phan Thanh Giản, sứ giả của An Nam đầu tiên và đồng thời cũng là Phó Vương của ba tỉnh còn lại và là Tổng Đốc Vĩnh Long. Tốt hơn hết là chúng ta lôi kéo cho được nhân vật quan trọng này ...

Cuối cùng Napoléon III quyết định hủy bỏ tạm ước. Tuy nhiên, về phía triều đình Huế, Vua Tự Đức lại cử Phan Thanh Giản làm Khâm Sai Đại Thần ở ba tỉnh miền tây và tiếp tục thi hành lệnh giải giới quân đội và nghiêm trị những người nổi loạn. Kết quả của hành động này giúp Pháp chóng và dễ dàng thôn tính nước ta mà trước mắt là chiếm ba tỉnh miền tây: Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên khiến Phan Thanh Giản đã không thể làm gì hơn là bỏ trống thành cho Pháp rồi tự vẫn.

Mất Ba Tỉnh Miền Tây: Phan Thanh Giản Tuyệt Thực Tự Vẫn

Tờ mờ sáng ngày 17.6.1867, Tướng Pháp De Lagrandière hội 1400 quân tại Định Tường rồi kéo qua vây hãm Thành Vĩnh Long đồng thời trao tời hậu thư buộc Phan Thanh Giản dự cuộc hội đàm ngay trên tàu của Pháp. Cuộc hội đàm diễn ra ngắn ngủi và bất lợi, cụ Phan xin đình lại để hỏi ý kiến Triều Đình. Lợi dụng lúc cụ Phan xuống tàu điều đình, quân Pháp đổ bộ chiếm thành Vĩnh Long. Rồi những ngày kế tiếp, quân Pháp kéo rốc xuống chiếm An Giang và Hà Tiên một cách dễ dàng.

Trong tình cảnh đó, cụ Phan ung dung vào ngục trong một chòi tranh và bắt đầu tuyệt thực. Thật đúng là thái độ của bậc hiền nho, quân tử: "**thung dung tự nghĩa**" có nghĩa là bình thản đón cái chết cho tròn nghĩa. Triều đình Huế nhận được tin mất ba tỉnh miền tây bèn gửi chiếu chỉ vào bãi chức cụ và cho đục tên cụ trên bia tiến sĩ ngoài Huế để trút hết trách nhiệm của triều đình lên vai cụ. Cuộc tuyệt thực kéo dài tới 17 ngày mà cụ vẫn chưa chết. Có lẽ nỗi oan ức phải nín lặng đã khiến cụ không dễ gì nhắm mắt. Cuối cùng cụ phải uống thuốc độc và ra đi vào lúc nửa đêm mùng 4 rạng mùng 5 tháng 7 năm Đinh Mão (1867); lúc đó cụ được 72 tuổi.

Linh cữu của cụ Phan được đem về mai táng tại làng Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, Bến Tre. Rất nhiều quan An Nam và Pháp tới phân ưu. Cụ Tú Tài Nguyễn Đình Chiểu ở Chợ Ba Tri làm một bài thơ khóc cụ, coi cụ như một vị trung thần vị quốc vong thân. Non nước tan tành hệ bởi đâu?

Dầu dầu mây trắng cõi Ngao Châu
Ba triều công cán vài hàng sớ
Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu
Trạm bóng ngày chiều, tin điệp vắng
Thành Nam, đêm quạnh bóng quỳên sâu
Minh tinh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây mặc gió thu

Sau khi cụ Phan mất, các con của cụ là Phan Tôn, Phan Liêm vâng lời di chúc tuyệt đối không hợp tác với Pháp mặc dầu người Pháp hứa ban cho nhiều bổng lộc. Hơn thế nữa, hai ông còn đứng lên gọi đàn, tổ chức nghĩa quân kháng Pháp tại Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Bến Tre. Sau đó hai ông ra Hà Nội chiến đấu trong hàng ngũ của Nguyễn Tri Phương. Hai ông bị bắt làm tù binh ngày 20.11.1873, rồi được trao trả cho Triều Đình Huế sau Hòa Ước năm Giáp Tuất (1874). Cụ Nguyễn Đình Chiểu bày tỏ lòng cảm phục nghĩa khí của Phan Liêm, Phan Tôn qua 10 bài thơ điệu Phan

Công Tòng Tử Nghĩa ở Giồng Gạch. Trích mấy câu như sau:

Trống nghĩa Bảo An nghe sấm dậy
Cờ đề Công Tử giục mây qua

Trái với sự dự đoán của Pháp, sau khi cụ Phan qua đời, nghĩa quân nhiều nơi, hết nhóm này tới nhóm khác, liên tục nổi lên chống Pháp như Đình Sâm ở Láng Hầm, Phong Điền, Cần Thơ; Phan Lữ, cháu cụ Phan tử trận tại làng Phú Ngãi, huyện Bảo An, Bến Tre. Ngày 16.6.1868, Nguyễn Trung Trực nổi lên ở Rạch Giá và Phú Quốc. Năm 1870 đến 1872, Quản Hớn lập chiến khu ở 18 Thôn Vườn Trầu tại Gò Vấp, Hóc Môn, Bà Điểm. Nguyễn Hữu Huân người Định Tường khởi nghĩa từ 1859. Năm 1864 ông bị bắt và bị đày đi Cayenne (Nam Mỹ). Trở về, ông lại tiếp tục chiến đấu. Cuối cùng Nguyễn Hữu Huân bị bắt giải về xứ tử tại Bến Tranh, Mỹ Tho ngày 19.5.1875.

Gán Ghép Tội và Phục Hồi Danh Dự cho Phan Thanh Giản

Triều đình Nhà Nguyễn gán ghép tội cho cụ Phan như thế nào?

Trước hết phải kể tới sự kiện triều đình Tự Đức gán ghép tội cho cụ. Sau khi Pháp chiếm trọn 6 tỉnh miền Nam, Triều Đình Tự Đức trút hết trách nhiệm cho cụ về tội để mất thành với những lời buộc tội rất nặng nề như: "**Xét phải tội chết chưa đủ che đậy tội.**" và **quyết định: "truy đoạt lại chức hàm và đeo bỏ tên ở bia tiến sĩ, để mãi mãi cái án giam hãm."**

Sự thật cụ Phan có đầu hàng Pháp và để mất thành không? Các nhà phân tích sử liệu sau này căn cứ vào tư cách và nhân cách cao quý của cụ Phan để đưa ra kết luận là: Trước họa xâm lược của Pháp, vua tôi triều Nguyễn tỏ ra rất bị động và lúng túng. Trong triều chia ra người chủ chiến, kẻ chủ hòa, người lo chống giữ lâu

dài. Vua Tự Đức thì tỏ ra phân vân và có thái độ chủ hòa hơn là chủ chiến nên nhà vua đã cho lệnh **"tự cho quan Kinh Lược không đánh nhau với quân Pháp, tự phải rút lui**. Tư liệu lịch sử cho thấy Phan Thanh Giản không đầu hàng và không nộp thành cho giặc như miêu tả trong một số tư liệu của Pháp. Việc mất ba tỉnh Miền Tây là hậu quả của chủ trương sai lầm của Vua Tự Đức. **Tuy nhiên, năm 1886, Vua Đồng Khánh cho khôi phục nguyên hàm và khắc lại tên cụ trên bia tiến sĩ.**

Đảng Cộng Sản VN đã lên án cụ Phan và phục hồi danh dự cho cụ như thế nào?

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1945-54, Đảng Cộng Sản VN muốn đưa ra "đấu tố" trên tòa án văn học chính trị một nhân vật điển hình để răn đe tư tưởng chủ hòa của quân, dân, cán, chính. Đảng đã cho Viện Trường Viện Sử Học - Giáo Sư Trần Huy Liệu - viết bài lên án cụ Phan.

Tháng 10.1963, *Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử* công bố bài viết tổng kết của GS Trần Huy Liệu với nhan đề "Chúng Ta Đã Nhất Trí về Nhận Định Phan Thanh Giản". Qua bài đó, Trần Huy Liệu đã lên án cụ Phan rất gắt gao và đầy hắc ám: "*Công đức đã bại hoại thì tứ đức [bốn Đức của Vua Tự Đức ban cho cụ Phan: Liêm, Bình, Cẩn, Cán] còn gì là đáng kể?"; "Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân."* Và "*Phan đã dâng hiến thành cho giặc*".

Khi Miền Nam bị rơi vào tay Cộng Sản, do những lời kết tội thâm độc đó, tất cả những gì liên hệ đến cụ Phan như thơ văn, đền thờ, tượng đài, tên trường học, tên đường phố, v.v. đều bị các cán bộ hay chính quyền địa phương thẳng tay triệt hạ.

Năm 1994, trước những dư luận nổi lên từ nhiều phía trong và ngoài nước yêu cầu phục hồi danh dự cho Phan Thanh Giản, một cuộc hội thảo được tổ chức tại Vĩnh Long có

lẽ là vì nơi đây còn di tích của cụ để lại như Văn Miếu và Văn Xương Các (có chân dung của cụ đặt tại đây) trong khu đất Văn Thánh ở Long Hồ. GS Phan Huy Lê, Chủ Tịch Hội Khoa Học Lịch Sử VN, đọc bài tổng kết có đoạn như sau: "***Chúng ta đều nhất trí không nên quy kết cho ông cái tội "bán nước" hay "phản bội tổ quốc"***.

Ngày 16 tháng 8 năm 2003, một cuộc tọa đàm diễn ra tại Saigon do *Tạp Chí Xưa & Nay* tổ chức với chủ đề - và cũng chính là nhan đề của cuốn sách - "Thế Kỷ thứ 19: Nhìn Về Nhân Vật Lịch Sử Phan Thanh Giản". Khoảng trên một trăm nhân vật tham dự buổi tọa đàm này trong đó có những cán bộ đảng viên cao cấp như: Võ Văn Kiệt, Trần Văn Giàu, và Trần Bạch Đằng. Không thấy có bài tổng kết nào được đưa ra trong cuộc hội họp này.

Tuy nhiên, sau đó, nguyên cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt viết một bài đăng với tựa đề "Những Suy Nghĩ Sau hai cuộc Hội Nghị về Nhân Vật Phan Thanh Giản" trong có đoạn viết:

Tôi khẳng định rằng Phan Thanh Giản là một người yêu nước, thương dân mà lo không tròn bốn phận, cụ đã tự làm bản án cho chính mình: đó là cái chết. Một cuộc đời thanh sạch đáng để lại gương soi cho hậu thế. Sau cuộc tọa đàm tháng 8/2003, tôi đã về thăm mộ cụ PTG và thấp nhang lay hương hồn cụ. Và tôi cũng quyết định sửa sang lại khu mộ phần và nhà thờ Cụ bởi mộ đã bị thời gian bào mòn quá nhiều. [trích bài "140 Năm Sau" của Nguyễn Như Hùng (Santa Clara, CA) đăng trong *Đặc San PTG & ĐTĐ Cần Thơ*, tr. 23]

Như vậy, phải chờ tới 40 năm kể từ cuộc hội thảo lần thứ nhất vào năm 1963 trong đó Trần Huy Liệu gắt gao lên án cụ PTG là "chủ bại", "phản lại quyền lợi của dân tộc", "dâng thành, hiến đất cho giặc", đến năm 2003, Đảng CSVN mới cho Võ

Văn Kiệt nói lên lời cải tội cho cụ Phan rằng cụ là người yêu nước, thương dân.

Cộng Sản VN có thực tâm phục hồi danh dự cho cụ Phan không? - Không.

Vấn đề phục hồi danh dự cho cụ Phan cũng như phục hồi danh dự cho nhóm Nhân Văn Giai Phẩm của cụ Phan Khôi thực ra chỉ là những hành động mà người CS làm cho có hình thức và vì nhu cầu của tình thế cần vuốt ve dư luận bất mãn của đông đảo quần chúng mà thôi. **Nên nhớ một sự thật là người cộng sản không bao giờ thật tâm làm bất cứ một điều gì cả. Họ dối trá ngay cả với chính bản thân họ để tồn tại.**

Tổng Kết

Trong hậu bán thế kỷ thứ 19 tức là thời của cụ Phan Thanh Giản, nước ra lâm vào một tình trạng vô cùng loạn lạc: các vua Triều Nguyễn chỉ lo hưởng thụ; triều thần chia rẽ bè phái; nhiều cựu công thần bị bạc đãi; lòng dân bất phục triều đình; nhiều hào kiệt nổi dậy chống triều đình; và đặc biệt là quân Pháp xâm lấn.

Phan Thanh Giản là người có tiếng là tài đức vẹn toàn nên được bổ dụng vào nhiều chức vụ quan trọng. Nhưng chính vì các đức "Liêm, Bình, Cẩn, Cán" mà cụ không có tiền để "quà cáp" với các quan trên nên cụ bị nhiều quan trong triều ganh ghét. Đời cụ bị tới năm lần giáng cấp, nhưng cụ vẫn không bất mãn (như trường hợp của Cao bá Quát), không hề ca thán, và cụ vẫn chăm lo phục vụ.

Tại sao một viên quan bị giáng cấp nhiều lần như vậy mà vẫn được nhà vua cử làm chánh sứ đi Pháp, đi Trung Hoa? Tại sao không phải là một vị quan nào khác trong hay ngoài hàng ngũ tôn thất? Như vậy rõ ràng cụ phải là một nhân vật độc đáo của thời đại không ai thay thế được: cụ phải là con người bao gồm đủ cả ba đại đức Nhân, Trí, Dũng và đó chính là

ba đức lớn của người **quân tử**, của kẻ Sĩ mà Khổng Tử đã nói tới trong sách Luận Ngữ rằng "có thể đem vận mệnh quốc gia mà giao cho họ; dầu có gặp nguy hiểm đến tính mạng thì cũng không làm dao động được họ."

Một câu hỏi khác: tại sao cụ không vượt thoát ra ngoài để tiếp tục chiến đấu?

- Không, cụ không thể làm như vậy được, giản dị là vì những lệnh vua Tự Đức đã ban ra là "hưu binh", "giải giáp", và nhà vua còn lệnh cho PTG dự Trương Định giải tán lực lượng nghĩa binh chống Pháp. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có cái chết mới giải thoát cho cụ cái sứ mạng không thể làm được (mission impossible) là lấy lại các tỉnh miền tây đã lọt vào tay quân Phú Lãng Xa.

Nhưng, tại sao cụ lại chọn cái chết kéo dài bằng tuyệt thực mà không tự vẫn ngay với một chén thuốc độc? - Rõ ràng là cụ muốn tỏ ra bình thản đón cái chết - cái mà thường ai cũng sợ - để chứng tỏ với nhóm triều đình khiếm nhược và với bọn quân Pháp hung hãn rằng giống nòi Việt vẫn có những con người coi cái chết nhẹ như lông hồng và không thể khuất phục họ được. Cái chết từ từ đó chính là cái chết mang ý nghĩa trong câu nói "**Thung dung tự nghĩa**" là vậy.

Nhìn lại cuộc đời sự nghiệp của cụ Phan Thanh Giản, chúng ta sẽ có lỗi nếu không làm cho thật sáng tỏ con người của cụ, một con người có đầy đủ phong cách của một bậc hiền nhân, quân tử không tì vết.

Cụ quả có dư điều kiện để xứng đáng phải được vinh danh là một danh nhân trên thế giới như trường hợp của cụ Nguyễn Trãi đã được UNESCO của Hiệp Quốc năm 1980 công nhận là **Danh Nhân Văn Hóa Thế Giới**.

HẢI BĂNG HDB

BÀI THƠ CUỐI CÙNG

*Gửi Thanh-Thanh
Lòng buồn như một chiều mưa
Run run viết một bài thơ... cuối cùng...*

Không hiểu vì sao tôi cũng viết
Những giòng thơ lạnh giữa chiều nay.
Lòng cô đơn quá, sầu không hết;
Nắng loãng chiều tang phủ gót giày...

Đọc mãi vẫn thơ tự xứ Trung,
Những vần thơ giá buốt như đồng:
Chao ôi! sâu kín là rung động
Im lặng trong hồn, ai biết không?

Muốn viết bao nhiêu, muốn nói nhiều;
Hỡi ơi! tình-cảm đã hoang-liêu!
Cuộc đời hơn một lần đi vắng,
Lặng-lẽ trong tim mấy vụn chiều...

Tôi thấy lòng tôi: ôi! xuyên-xao
Từng niềm rung-rức, ý nao nao...
Từng con giông-tổ, từng nhung-nhớ,
Chất mãi trong tim tự kiếp nào...

Nhưng viết làm sao? tàn-nhẫn lắm!
Mộng vàng là mộng bấy nhiêu thôi!
Mà viết làm chi? đau-khổ lắm!
Hai kẻ hai phương trọn kiếp rồi!

Tôi muốn lần nào trong giấc mơ
Cầm tay khẽ đọc một bài thơ...
Hoa mai rũ nhẹ trên đôi tóc,
Lưu-luyến bùng trong ánh mắt chờ...

Nào phải vô-tình qua trước cửa,
Lãng-lơ như một kẻ qua đường!
Đã có nhiều đêm nghe thắc-mắc...
Nhưng đành... đành vậy! phủi mùi hương.

Thanh ạ! lòng tôi là thế đấy,
Tình tôi nhỏ quá! biết làm sao?
Người xa hun-hút, xa-xôi quá!
Muốn nói đường tim, chẳng chịu vào!

Tôi ở nơi đây với mẹ già,
Chợ ngày hai buổi, tháng năm qua...
Đi trong sa-mạc, trong hiu-quạnh!
Thơ viết rồi thôi, mộng chẳng hoa!

Không biết bao nhiêu những lá thư
Mà tôi đã đọc tự ngày xưa...
Tâm-tình gửi mãi vào trang giấy,
Nhưng chẳng bao giờ tôi biết mơ...

Những bóng người qua đến lữ-làng,
Lòng tôi vẫn chỉ một mùa hoang!
Bao nhiêu bến nước tôi không cầm,
Không đợi, không chờ, không cả sang...

Nhưng đến hôm nay, nhận của người
Một bài thơ máu, một tình coi!
Tôi nghe xao-xuyến tràn trên mắt;
Nhưng, biết làm sao, hỡi cuộc đời!

Chỉ mộng mà thôi, mộng đấy thôi!
Hai ta xa cách, có trăm lời
Cũng không nổi được hai phương ấy,
Cột được linh-hồn cho cả đời!

Rồi sáng hôm nào, trời hừng nắng,
Chất đây xao-xuyến ở trong tim,
Tôi đi thơ-thần, đi xa vắng...
Đọc nhỏ tên người giữa vắng im...

Muốn đốt làm gì trang giấy bé?
Những phong thư lạnh gửi ngày xưa...
Không! tôi muốn giữ trong tâm-tướng
Một bóng vời xa, nếu đã mờ...

Tôi viết long tôi bằng máu mực,
Miền Trung xa vắng, hỡi Miền Trung!
Chiều nay rên-siết căng trong mắt,
Gửi một bài thơ... cho... cố-nhân...

Sài-Gòn, Hè 1953

H. CH.

(thư gửi Thanh-Thanh ngày 10-6)

KAZUO ISHIGURO

(1954 -)

Nhà Văn Anh gốc Nhật

Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 2017

PHẠM VĂN TUẤN

Kazuo Ishiguro là nhà văn người Anh gốc Nhật, viết tiểu thuyết, truyện ngắn và truyện phim. Ông Ishiguro ra chào đời tại tỉnh Nagasaki, Nhật Bản, nhưng gia đình của ông đã dọn qua nước Anh vào năm 1960 khi ông mới được 5 tuổi. Ông Ishiguro tốt nghiệp trường Đại Học Kent với văn bằng Cử Nhân về Triết Học vào năm 1978 rồi văn bằng Cao Học từ trường Đại Học East Anglia về môn viết văn sáng tạo (creative writing course) vào năm 1980.

Ông Ishiguro là một trong các tác giả hiện đại nổi tiếng về truyện giả tưởng trong thế giới dùng Anh Ngữ, ông đã nhận được 4 lần xướng danh Giải Thưởng Man Booker và một lần lãnh Giải Thưởng Man Booker vào năm 1989 vì cuốn tiểu thuyết "Tàn Dư Ngày Đó" (The Remains of the Day). Cuốn tiểu thuyết của ông "Mãi Đừng Xa Tôi" (Never Let Me Go) viết vào năm 2005 đã được Tạp Chí Time ca ngợi là cuốn tiểu thuyết hay nhất của năm 2005 và cũng được liệt kê trong danh sách 100 Tiểu Thuyết Anh Ngữ Hay Nhất từ năm 1923 tới năm 2005.



Vào năm 2008, Tạp Chí Time đã xếp ông Ishiguro vào hạng 32 trong danh sách 50 Nhà Văn Người Anh hay nhất kể từ năm 1945 (The 50 greatest British Writers since 1945).

Tới ngày 5 tháng 10 năm 2017, ông Kazuo Ishiguro được trao tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương (The Nobel Prize in Literature) vì là nhà văn, do các cuốn tiểu thuyết có sức cảm xúc lớn, đã mở ra các vực thẳm bên dưới các cảm giác ảo tưởng của chúng ta về liên hệ với thế giới (who, in novels of great emotional force, has uncovered the abyss beneath our illusory sense of connection with the world).

1/ Thiếu thời và học vấn.

Kazuo Ishiguro sinh ra tại tỉnh Nagasaki, Nhật Bản, vào ngày 8 tháng 11 năm 1954, là con trai của ông Shizuo Ishiguro, một nhà hải dương vật lý học (a physical oceanographer) và bà Shizuko. Vào năm 1960, gia đình này gồm cả 2 người chị gái của ông Kazuo, đã dọn nhà tới Guildford, Hạt Surrey, nước Anh, vì ông Shizuo bắt đầu nghiên cứu tại Hải Học Viện Quốc Gia (The National Institute of Oceanography).

Kazuo theo trường tiểu học Stoughton rồi trường trung học Working County Grammar School tại Surrey. Sau khi học xong bậc trung học, ông Kazuo nghỉ một năm để du lịch qua Hoa Kỳ và Canada. Vào năm 1874, ông Kazuo Ishiguro bắt đầu theo học tại Đại Học Kent ở Canterbury, tốt nghiệp Cử Nhân hạng Danh Dự (Bachelor of Arts) về Anh Ngữ và Triết Học. Sau đó ông theo Đại Học East Anglia, được học hành với các nhà văn danh tiếng Malcolm Bradbury và Angela Carter, đậu văn bằng Cao Học Văn Chương (Master of Arts) về viết văn sáng tạo (creative writing) vào năm 1980. Ông Kazuo Ishiguro trở nên công dân Anh vào năm 1982.

2/ Văn Nghiệp và đời tư.

Một số các tiểu thuyết của Kazuo Ishiguro thì được dàn dựng theo quá khứ. Cuốn “Mãi Đừng Xa Tôi” (Never Let Me Go) có phẩm chất về khoa học giả tưởng và giọng văn tương lai, nhưng được đề cập tới các thập niên 1980 và 1990 như những câu chuyện xảy ra trong thứ thế giới tương tự song hành.

Cuốn tiểu thuyết thứ tư “Kẻ Không Khuây Khỏa” (The Unconsoled) diễn ra ở một thành phố tại trung tâm của châu Âu mà không có tên. Cuốn “Tàn Dư Ngày Đó” (The Remain of the Day) được dàn dựng tại một căn nhà lớn nơi miền quê của một vị quý tộc người Anh vào thời kỳ Thế Chiến Thứ Hai. Cuốn tiểu thuyết “Một Nghệ Sĩ của Thế Giới Nổi Trôi” (An Artist of the Floating World) có cốt truyện xảy ra tại một thành phố Nhật Bản không nêu rõ tên, trong thời gian Nhật Bản đang phục hồi sau khi đầu hàng vào năm 1945. Người kể chuyện phải phù hợp với vai trò của người đó trong Thế Chiến Thứ Hai. Ông ta thấy mình bị khiển trách bởi thế hệ mới là những

người tố cáo ông ta thuộc thành phần của nước Nhật Bản theo chính sách sai lầm và ông ta đã phải đương đầu với các lý tưởng của thời đại mới mà đại diện là người cháu của ông ta. Nhà văn Ishiguro đã nói về sự chọn lựa khoảng thời gian: “tôi bị lôi cuốn về các bối cảnh trước và sau chiến tranh, bởi vì tôi quan tâm tới các giá trị và lý tưởng đã được trải nghiệm”.

Các tiểu thuyết của Kazuo Ishiguro, ngoại trừ cuốn “Người Khổng Lồ Ngủ Quên” (The Buried Giant) được viết ra với thể văn kể chuyện của ngôi thứ nhất và người kể chuyện thường trình bày các thất bại của con người. Kỹ thuật của ông Ishiguro là để cho các nhân vật này vạch ra các khuyết điểm mà không nói rõ ra trong lúc kể chuyện. Tác giả như vậy đã tạo ra một cảm giác về tính chất cảm động (pathos) bằng cách để cho độc giả nhìn thấy các khuyết điểm của người kể chuyện trong khi cũng làm cho độc giả có cảm tình với người kể chuyện.

Các cuốn tiểu thuyết của Kazuo Ishiguro thường kết thúc mà không có cảm giác về cách giải quyết. Các vấn đề của các nhân vật thì được chôn vùi trong quá khứ, thường chấp nhận quá khứ, chấp nhận là sẽ ra sao rồi khám phá ra rằng cách thực hiện này đã mang lại sự thoải mái và chấm dứt được sự lo âu. Ông Ishiguro cho rằng mình chịu ảnh hưởng của Fyodor Dostoyevsky và Marcel Proust và các tác phẩm của ông được nhiều người so sánh với các sáng tác của Salman Rushdie, Jane Austen và Henry James, dù rằng chính tác giả đã khước từ sự so sánh này.

Nhà văn Kazuo Ishiguro được sinh ra tại Nhật Bản, có tên họ Nhật Bản và đã sáng tác 2 tiểu thuyết đầu tiên liên quan tới nước Nhật Bản, nhưng qua các cuộc phỏng vấn, tác giả

lại nói rằng ông quen thuộc rất ít với văn chương Nhật Bản và các tác phẩm của ông giống rất ít với các truyện giả tưởng Nhật Bản. Dù cho các nhà văn Nhật Bản đã ảnh hưởng rất xa vời tới cách viết văn của Kazuo Ishiguro, nhưng nhà văn Nhật Bản mà ông Ishiguro thường dẫn chứng là Jun'ichiroo Tanizaki. Ông Ishiguro cũng nói rằng các phim ảnh Nhật Bản, nhất là của Yasujiro Ozu và Mikio Naruse đã có ảnh hưởng đáng kể đối với ông.

Ông Kazuo Ishiguro đã rời Nhật Bản vào năm 1960 khi mới lên 5 tuổi và chỉ trở lại Nhật Bản vào năm 1989, 30 năm sau khi ông tham dự chương trình viếng thăm ngắn hạn của Cơ Sở Nhật Bản (The Japanese Foundation). Trong cuộc phỏng vấn với nhà văn Kenzaburo Oe, ông Ishiguro công nhận rằng việc dàn dựng các cảnh trí Nhật Bản trong 2 cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông thì theo trí tưởng tượng: "Tôi lớn lên với một hình ảnh rất lớn mạnh trong đầu óc của tôi về một quốc gia khác lạ này, một quốc gia rất quan trọng mà các cảm xúc mạnh của tôi đã nối kết với. Tại nước Anh và vào mọi lúc, tôi vẫn xây dựng hình ảnh này trong đầu óc, một nước Nhật Bản theo trí tưởng tượng".

Khi thảo luận về di sản Nhật Bản và ảnh hưởng Nhật Bản lúc tác giả được nuôi dạy, ông Kazuo Ishiguro cho biết rằng: "Tôi không phải hoàn toàn giống người Anh bởi vì tôi được cha mẹ người Nhật Bản nuôi dưỡng trong một gia đình nói tiếng Nhật. Cha mẹ của tôi không ngờ rằng chúng tôi đã cư trú tại nước Anh trong một thời gian quá lâu như vậy, cha mẹ của tôi đã cố gắng duy trì cho tôi các giá trị Nhật Bản. Tôi đã có một quá khứ khác biệt, tôi suy nghĩ khác, các triển vọng của tôi cũng khác".

Khi được hỏi rằng tác giả cho mình là người Anh hay người Nhật, ông Ishiguro nói: "Người ta không thể nói tôi có 2 phần 3

của thứ này, phần còn lại của thứ khác. Tính tình, cá tính hay quan điểm không thể được chia phần như vậy, tất cả đã pha trộn lẫn lộn và mọi người có quá khứ văn hóa và chủng tộc pha lẫn, đây là thứ mà thế giới đang gặp phải".

Ông Kazuo Ishiguro kết hôn với cô Lorna MacDougall, một cán sự xã hội, vào năm 1986. Họ gặp nhau tại một hội từ thiện ở Notting Hill, tại nơi này ông Ishiguro đã là một nhân viên định cư. Gia đình này sinh sống tại thành phố London, họ có một con gái tên là Naomi.

Tổng Thư Ký của Hàn Lâm Viện Thụy Điển là bà Sara Danius đã nói: "Nhà văn Kazuo Ishiguro chính là đại diện của hai Đại Văn Hào trên Thế Giới, Jane Austen và Frank Kafka".

Ông Kazuo Ishiguro là nhà văn thứ 29 sáng tác bằng tiếng Anh và được trao tặng Giải thưởng Nobel Văn Chương. Ông Kazuo Ishiguro đã cho xuất bản 7 cuốn tiểu thuyết và ông cũng là tác giả soạn lời ca cho 4 bài hát dành tặng cho ca sĩ Mỹ Stacy Kent.

Giải thưởng Nobel Văn Chương năm 2017 đã được trao cho nhà văn người Anh gốc Nhật Bản, sự việc này đã gây ngạc nhiên cho người dân Nhật Bản bởi vì họ hy vọng vào một tác giả Nhật Bản rất nổi tiếng, đó là ông Haraki Mugakami, là người được cho là có nhiều hy vọng đoạt Giải thưởng Nobel.

Người dân Nhật Bản biết rõ ràng về nhà văn Haraki Mugakami nhưng họ không hề biết gì về tác giả Kazuo Ishiguro ngoài việc ông này rời khỏi thành phố nguyên quán Nagasaki từ khi mới được 5 tuổi và viết văn bằng tiếng Anh. Điều làm cho một số người Nhật Bản ngạc nhiên là ông Kazuo Ishiguro có thể hòa hợp cả hai nền văn hóa là Nhật Bản và Anh Quốc và ông Thị Trưởng thành phố Nagasaki đã phát

biểu rằng nhà văn Kazuo Ishiguro đã xây dựng nên một số cốt truyện tại Nhật Bản thành một thứ tiểu thuyết trong một nền văn hóa khác biệt.

Nhà văn Kazuo Ishiguro đã đối chiếu cuộc sống tại nước Anh với những điều kiện sinh sống tại nước Nhật Bản và ông đã làm sống lại các ký ức của quê hương của mình mà ông có cảm giác là chúng đang bị biến mất đi.

Từ năm 1982, ông Kazuo Ishiguro bắt đầu sáng tác bằng tác phẩm đầu tiên là “Những Ngọn Đồi Xa Mờ” (A Pale View of Hills - 1982), tác phẩm này đã đoạt Giải thưởng Winifred Holtby của Viện Văn Học Hoàng Gia Anh Quốc, sau đó là cuốn tiểu thuyết “Một Nghệ Sĩ của Thế Giới Nổi Trôi” (An Artist of the Floating World – 1986). Cả hai tác phẩm này gợi lại các hình ảnh của nước Nhật Bản vào thời kỳ Hậu Chiến với người dân Nhật Bản sinh sống chật vật từ các đống đổ nát, về các số phận của các nhân vật bị coi là phản quốc.

Cuốn tiểu thuyết “Tàn Dư Ngày Đó” (The Remains of the Day – 1989) là câu chuyện của một quản gia người Anh, nhớ lại thời hoàng kim của cuộc đời của mình và vinh quang của tầng lớp quý tộc Anh trước Thế Chiến Thứ Hai. Tác phẩm này được James Ivory chuyển thành phim cùng tên vào năm 1993 với hai diễn viên chính là Anthony Hopkins và Emma Thompson, và cuốn phim này đã được đề cử 8 Giải Oscars.

Một tác phẩm khác: *Mãi Đừng Xa Tôi* (Never Let Me Go – 2005) cũng được dàn dựng thành phim, đây là cuốn tiểu thuyết bán chạy nhất vào năm 2005, nói về một nhóm trẻ mồ côi được nuôi dưỡng để trở nên những người hiến tạng.

Các tiểu thuyết của nhà văn Kazuo Ishiguro đã mô tả các nhân vật hồi tưởng

lại quá khứ và suy ngẫm về con người hiện tại của chính mình.

3/ Các Giải Thưởng.

1982: Giải Thưởng Winifred Holtby Memorial vì tác phẩm “Những Ngọn Đồi Xa Mờ” (A Pale Views of Hills).

1986: Giải Thưởng Whitbread vì tác phẩm “Một Nghệ Sĩ của Thế Giới Nổi Trôi” (An Artist of the Floating World).

1989: Giải Thưởng Booker vì tác phẩm “Tàn Dư Ngày Đó” (The Remains of the Day).

1998: Huy Chương “Hiệp Sĩ Nghệ Thuật và Văn Chương” (Chevalier de l'Ordre des Arts et des Lettres).

2005: Tạp Chí Time ca ngợi Tác Phẩm “Mãi Đừng Xa Tôi” (Never Let Me Go) ở trong danh sách 100 Tiểu Thuyết hay nhất viết bằng tiếng Anh kể từ năm 1923 khi tạp chí này được thành lập.

2008: Tạp Chí Time xếp ông Ishiguro trong số “50 Nhà Văn Người Anh Danh Tiếng Nhất kể từ năm 1945”.

2017: Giải Thưởng Nobel về Văn Chương. Ngoại trừ 2 tác phẩm “Những Ngọn Đồi Xa Mờ” (A Pale View of Hills) và “Người Khổng Lò Ngủ Quên” (The Buried Giant), tất cả các tiểu thuyết và các tuyển tập truyện ngắn đều ở trong danh sách được tuyển chọn dành cho các phần thưởng lớn. Đáng kể nhất là 3 tác phẩm “Một Nghệ Sĩ của Thế Giới Nổi Trôi” (An Artist of the Floating World), “Khi Chúng Ta Mồ Côi” (When We Were Orphans) và “Đừng Mãi Xa Tôi” (Never Let Me Go) đã gần giành được Giải Thưởng Booker.

4/ Các Công Trình của Nhà Văn Kazuo Ishiguro.

Tiểu Thuyết:

- Những Ngọn Đồi Xa Mờ (A Pale View of Hills – 1982)

- Một Nghệ Sĩ của Thế Giới Nổi Trôi (An Artist of the Floating World – 1986).
- Tàn Dư Ngày Đó (The Remains of the Day - 1989).
- Kẻ Không Khuây Khỏa (The Unconsoled - 1995).
- Khi Chúng Ta Mồ Côi (When We Were Orphans – 2000).
- Mãi Đừng Xa Tôi (Never Let Me Go – 2005).
- Người Khổng Lồ Ngủ Quên (The Buried Giant – 2015).



PHẠM VĂN TUẤN

- Kịch Bản Phim** (Screenplays).
- Hình bóng của Arthur J. Mason (A Profile of Arthur J. Mason – 1984)
 - Người Sành Ăn (The Gourmet – 1987)
 - Bản Nhạc Buồn Nhất trên Đời (The Saddest Music in the World – 2003).
 - Nữ Bá Tước Trắng (The White Countess – 2005).

Trước Sau

*Em yêu anh lắm
Anh yêu em lắm
Mình yêu nhau lắm
Có phải không em?*

*Cho dù nắng lên
Cho dù gió thổi
Cho dù sóng nổi
Cho dù mưa tuôn.*

*Mình yêu nhau luôn
Mình yêu nhau mãi
Không bao giờ đổi
Có phải không em?*

*Cho dù vất vả
Cũng chẳng xa đời
Cho dù gian khó
Cũng thể mà thôi.*

*Anh yêu em hơn
Khi em mệt mỏi
Em yêu anh hơn
Khi anh yếu đuối.*

*Thương em nhiều lắm
Dẫu có vụng về
Dẫu có sân si
Trước sau như vậy.*

*Cảm hoài biết mấy
Cũng bởi yêu anh
Mà phải bán khoán
Tâm mang u uẩn.*

*Anh yêu em lắm
Em yêu anh lắm
Mình yêu nhau lắm
Có phải không em?*

Kim-Oũ

Xuân năm “TUẤT” nói chuyện CHÓ VÀ PHÁP LUẬT



Chó là một súc vật tầm thường, nhiều khi bị liệt vào loài quá hạ đẳng, có dính dáng gì tới pháp luật để mà nói! Thật ra không hẳn đúng như vậy! Người ta thấy có nhiều luật lệ liên quan tới... chú chó và các vị thẩm phán, các luật gia, kể cả các nhân viên công lực cũng thường hay liên hệ với những chàng khuyến này. Chúng ta thử liếc qua một vòng xem Chó và Pháp Luật có mối... “giao hảo” như thế nào!

Tại Hoa Kỳ cũng có những luật lệ đặc biệt quy định riêng về chó. Những luật này có từ thời xa xưa bị coi như khùng điên (*loony laws*), không biết tới nay còn tồn tại nữa không?

- Trước hết ta phải kể đến tài... chơi chữ của các luật gia ở Belvedere, California: “Không có chú chó nào được đi ra chốn công cộng mà không có chủ ở một đầu giây xích” (no dog shall be in a public place without its master on a leash). Thế này thì

chủ cầm dây xích dắt chó hay chó cầm dây xích dắt chủ đi chơi phố đây?

- Chó thường tỏ ra rất đặc lực trong việc phòng chống tội phạm. Tiếng sủa của chó càng to, càng hùng dũng, thì các kẻ trộm cướp càng... nể mặt chủ nhà mà né đi chỗ khác chơi. Ấy vậy mà luật lệ ở Wanassa, New Jersey, lại cấm chó tru (howl) lớn tiếng. Tại Collingswood, New Jersey, thì lại có luật: “Chó không được phép sủa hay tru giữa khoảng thời gian từ 8 giờ chiều tới 6 giờ sáng”. Ở Smithtown, New York, luật cấm chó không được sủa quá 15 phút mỗi lần. Vi phạm lần thứ nhất sẽ bị phạt 50 đô la. Vi phạm lần thứ nhì tiền phạt tăng lên 100 đô la. Tái phạm lần thứ ba thì bị phạt gắt gao hơn: 500 đô la tiền phạt và 15 ngày tù giam (không rõ giam chủ hay giam chó?). Còn ở Forpoint, Wisconsin, thì luật lệ cấm chó không được sủa bậy um xùm, còn cấm thêm “không được gầm gừ hoặc có những thái độ hăm dọa bà con lối xóm” và cấm chó “không được diễn xuất những vai xấu xa” khi tham gia các đoàn kịch.

Theo các luật lệ trên thì có lẽ chủ của chó phải dạy cho chó biết giữ yên lặng, biết phép lịch sự, và nhất là phải biết coi đồng hồ mắt thời! Nhưng chủ của chó sẽ gặp rắc rối lớn nếu sống ở Hartford, Connecticut, vì luật ở đây cấm không ai được dạy dỗ, giáo dục chó.

- Về mặt... “lâu đài tình ái” thì phải kể đến luật ở Danbury, Connecticut. Luật định rằng: “Nếu một cậu chó lỡ làm cho cô chó hàng xóm mang... bầu thì người chủ của cậu chó sẽ chịu trách nhiệm”. Nếu người hàng xóm muốn phá bỏ cái “bầu tâm sự”

của cô chó thì chủ của cậu chó phải chịu tất cả mọi chi phí tốn hao. Thật là cảnh... "quít làm, cam chịu"! Tại Eastlake, Ohio, luật ghi: "Ai có hành động tình dục với chó là vi phạm luật pháp". Hình phạt là 25 đô la và 10 ngày tù giam, hoặc một trong hai hình phạt trên.

- Luật của Hartford, Connecticut: "Cấm dẫn chó đi rong hay chạy rong ngoài phố". Luật của Pateros, Washington, cấm chó không được phép gây rối và làm quẫn chân khách bộ hành ngoài đường phố. Tại Provo, Utah, luật cấm chó chạy rong ngoài phố sau 7 giờ chiều.

- Bạn có bao giờ thấy một đám đông đảo toàn chó tụ hội tại một địa điểm nào đó ở Shawnee, Oklahoma chẳng? Nếu thấy thì cần phải kiểm soát xem chúng có giấy phép đặc biệt của ngài thị trưởng địa phương không vì luật lệ tại đây đòi hỏi rằng: "Từ ba chú chó trở lên mà muốn tụ họp nhau lại trong khuôn viên một tài sản tư hữu sẽ phải có giấy phép".

- Ngủ là một trong tứ khoái của con người nhưng cũng nên lựa nơi, lựa chốn vì tại Wallace, Idaho, luật cấm không cho phép ai được nổi hứng mà chui vào ngủ trong... chuồng chó. Tại Duluth, Minnesota, luật cấm không được để chó, ngựa, hay bất cứ súc vật nào khác ngủ trong lò bánh mì. Luật cũng cấm chó không được ngủ trong tiệm hớt tóc quý ông hay tiệm uốn tóc quý bà. Tại Indiana, luật cấm chó và các súc vật khác ngủ trong xưởng làm pho mát. Tại Kentucky, luật cấm chó ngủ trong tiệm ăn.

- Tại thành phố nhỏ bé Zion, Illinois, luật quy định: "Không ai được cho chó, mèo, hoặc các gia súc khác... hút xì-gà" (it is illegal for anyone to give lighted cigars to dogs). Không biết vậy nếu cho chó hút cigarettes hay ngậm ống vớ thời có được hay không đây?

- Tại Normal, Oklahoma, luật cấm không cho ai được "làm xấu" bằng cách nhìn mặt

trêu chọc chó (making ugly faces at a dog). Kẻ vi phạm có thể bị bắt giữ, bị phạt tiền, phạt tù, hay cả tiền lẫn tù. Tại đô thị nhỏ bé Beebe River, New Hampshire, luật cấm con nít chọc ghẹo hay hành hạ chó.

- Cả Colorado lẫn Idaho đều có luật cấm không được đánh cá độ ăn tiền trong các cuộc vui đấu chó. Người ngồi coi cũng bị cấm luôn.

- Ở Chaseville, New York, không ai được phép lái xe chó (a dogcart) chạy qua cửa nhà thờ khi đang có lễ hay đang có những lớp học đạo ngày chúa nhật.

- Tại Madison, Wisconsin, khi hai vợ chồng ly dị thì không được nuôi chung một con chó. Chó được trao cho người đang nuôi giữ nó lúc hai vợ chồng ly thân. Tại Shorewood, Wisconsin, có thời thành phố này quy định là mỗi gia đình chỉ được phép nuôi nhiều nhất là hai con chó mà thôi.

- Tại Birmingham, Alabama, luật cấm các công dân cột chó vào gốc cây có bóng mát, dù cho chó có tỏ vẻ muốn nằm trong bóng râm đi nữa.

- Tại Wesport, Massachusetts, luật cấm chở chó trên xe cấp cứu, dù cho chủ nó đang được xe chở cấp tốc vào bệnh viện. Nhưng ta sẽ gặp rắc rối lớn nếu làm như trên tại Springfield, Illinois, vì luật tại đây lại cấm không cho phép ai bỏ bê chó, bất cứ trong hoàn cảnh nào.

- Tại Kentucky, luật cho phép chó có "quyền tự vệ" chống trả lại các chó khác nếu bị tấn công, nhưng cấm chó rượt mèo. Trong khi đó tại Madison, Wisconsin, luật lại cấm chó rượt các chú sóc trong công viên bên cạnh trụ sở quốc hội.

- Tại Denver, Colorado, luật buộc các người bắt chó phải treo bảng niêm yết trước khi mở cuộc bố ráp chó hoang.

*

Một câu chuyện tầm thường, không đáng để ý, cũng thường hay bị người đời gọi là

“chuyện chó chết”. Ấy vậy mà chuyện chó chết sau đây lại đáng để chúng ta suy ngẫm, đó là đám tang một con chó anh hùng.

Tại thành phố Nữ Ước Hoa Kỳ, lực lượng cảnh sát ở đây đã cử hành một đám tang rất trang trọng cho một con chó tên Ace. Ace thuộc loại chó săn rất tinh khôn đã hỗ trợ đắc lực cho ngành cảnh sát truy lùng các tội phạm. Chính con Ace đã từng cứu mạng nhiều cảnh sát khỏi các đe dọa vô cùng nguy khốn từ các hung thủ. Trong một cuộc truy lùng tội phạm tại Southold (New York) Ace bị hung thủ dùng súng bắn vào đầu.

Tang lễ của Ace được tổ chức rất lớn, hàng trăm cảnh sát yên lặng tiến sau xe tang. Nhiều vòng hoa diễu được đặt lên mộ. Khi làm lễ hạ huyệt có đọc diếu văn và đội kèn thổi khúc nhạc bi thương. Ace được vinh danh là con vật anh hùng. Lúc sinh tiền Ace đã lập được 50 thành tích lớn trong việc khám phá ra kẻ tội phạm và nhờ Ace mà cảnh sát New York đã bắt được một số lớn kẻ sát nhân hung hãn.

Không chỉ là bạn tốt của loài người, có chó còn học thuộc lòng một bài học về cách thức cứu chủ của nó. Chú khuyến Buddy đã bấm số khẩn cấp 911 khi thấy ông chủ bị co giật kinh phong, nằm thẳng cứng trên sàn nhà. Cảnh sát tại Phoenix, Arizona nói đây không phải là lần đầu con Buddy biết cứu ông Joe Stalnakar. Nó thuộc giống chó béc-giê đực. Trong băng tần 911 được ghi nhận, người ta nghe tiếng con Buddy kêu ư ử và sủa ăng ăng sau khi một tiếp viên hỏi vài lần rằng người gọi có cần được giúp đỡ hay không. Không nghe trả lời, tiếp viên liền thông báo cho cảnh sát đến nhà ông Stalnakar. Ba phút sau, tiếp viên nghe tiếng con Buddy sủa lớn ở đầu dây bên kia của điện thoại khi nó thấy cảnh sát xuất hiện trước cửa nhà. Ông Stalnakar nằm bệnh viện hai ngày và hồi phục sau cơn kinh phong.

Cảnh sát cho biết thêm: “Thật khó tưởng tượng, ngay cả các tiếp viên làm việc lâu năm cũng chưa bao giờ nghe chó bấm số 911”. Ông Stalnakar nhận nuôi con Buddy từ lúc nó được 8 tháng do “Paws with a Cause” (Móng có Mục đích) là cơ sở tại Michigan chuyên huấn luyện chó trợ giúp loài người mang đến. Con Buddy được huấn luyện để bấm số điện thoại mỗi khi thấy ông chủ có dấu hiệu của triệu chứng kinh phong. Buddy nay được 18 tháng tuổi. Cảnh sát nói rằng Buddy từng gọi 911 hai lần để cứu chủ. Ông Stalnakar bị co giật kinh phong sau khi ông bị thương tật ở trên đầu trong một cuộc thao dượt quân sự 10 năm trước đó.

*

Tại Hoa Kỳ thời về phương diện pháp luật, chó được Tòa Án Tối Cao phán bằng những lời như sau: “Chó thường được coi là gia súc, một loại động sản, nhưng chúng không hoàn toàn cùng loại với ngựa, cừu, hay bò. Chúng nên được xếp cùng loại với khỉ, vẹt, chim biết hát, và các súc vật tương tự khác được nuôi để giải trí, để thỏa mãn tính tò mò hoặc vì sở thích đặc biệt riêng tư”. Ngài thẩm phán Brown của Tòa Án Tối Cao trên còn phán thêm: “Chó khác biệt nhau rất nhiều, khó có thể nói chúng có những đặc điểm gì chung cho toàn giống. Trong khi có những loại chó cao cấp được xếp vào hàng những đại biểu quý phái nhất của vương quốc súc vật (the noblest representatives of the animal kingdom) và được đánh giá cao vì sự thông minh, lanh lợi, lòng trung thành, tính cẩn thận, tinh cảm chan chứa, và nhất là mối thân hữu tự nhiên với con người (natural companionship with man), thì có những loại chó khác chỉ gây phiền toái và làm rối loạn trật tự công cộng.

Nhiều triết gia cũng đưa ra nhận xét rằng muốn biết một xã hội có đạo đức nhiều hay ít ta hãy xem cách họ đối xử với súc vật.

Điều này đối với các súc vật khác không rõ ra sao nhưng đối với chó quả rất đúng, nhất là chó ở Mỹ. Súc vật tại Hoa Kỳ được bảo vệ. Các hội bảo vệ súc vật mọc lên nhan nhản khắp nơi. Ngược đãi, hành hạ, hay giết hại chó là một tội phạm hình sự.

Đã từ lâu đời chó luôn luôn được coi là bạn thân thiết nhất (best friend) của con người. Tính tốt nhất của chó là lòng trung thành. Nhà văn Mark Twain đã từng hạ bút viết: “Nếu bạn lượm một chú chó đối về nhà nuôi nấng nó tử tế, nó sẽ chẳng bao giờ cắn bạn. Đây là sự khác biệt chính yếu giữa chó và người”. Sau đó Mark Twain lại viết thêm là: “Khi chó mà quay lưng bỏ chủ nhà đi thì cũng tới lúc bà vợ nên cuốn gói trở về nhà với má là vừa” (when a man's dog turns against him, it is time for a wife to pack her trunk and go home to mamma).

Bên trời Tây y sĩ Pommery đã chứng minh trong một tác phẩm của ông rằng chó là vật trung thành nhất đối với chủ nhân vì đó là tính nô lệ bẩm sinh, chó lại có lòng nhân ái, hay cứu người dù phải hy sinh đến tính mạng. Trong tác phẩm Illiade, một tác phẩm cổ Hy Lạp của Homère, kể chuyện con chó Arqus, sau 20 năm lưu lạc vì chiến tranh, tình cờ tìm gặp lại chủ cũ là Ulysée, chó mừng quá nên... lăn ra chết.

Người ta cũng kể chuyện rằng Mozart, một thiên tài âm nhạc thật hiếm có, nhưng mệnh lại yếu (1756 – 1791). Vào một ngày mùa đông năm 1791 một chiếc xe tang cũ kỹ đã lạng lã đưa thi hài ông ra nghĩa địa, trong bầu không khí lạnh lẽo, cô đơn, độc nhất chỉ có một con chó nhỏ trung thành lẻo đẻo theo sau...

Có người nói: “Les chiens des Seigneurs sont aussi des Seigneurs” (Chó của các bậc vua chúa thì cũng là vua chúa). Câu này nghe cũng có vẻ... chí lý đấy chứ!

Trong cuộc tuyển lựa bài diễn văn hay nhất thiên niên kỷ, báo The New York Times đã quyết định chọn bài “Tribute to

dogs” (Vinh danh loài chó) của luật sư George Graham Vest (1830-1904). Diễn văn này đề cập tới chuyện một người có con chó sẵn bị hàng xóm bắn chết. Người chủ này bèn kiện hàng xóm ra tòa và nhờ luật sư George đại diện. George thắng kiện và nổi danh, sau đó, trở thành Dân Biểu rồi Nghị sĩ của tiểu bang Missouri. Sau đây là nguyên văn bài cãi của luật sư George trước tòa ngày 23-9-1870:

Thưa quý ngài hội thẩm,

Người bạn tốt nhất mà con người có thể có được trên thế giới này có thể một ngày nào đó hoá ra kẻ thù và quay ra chống lại ta. Con cái mà ta nuôi dưỡng với tình yêu thương hết mực rồi ra có thể là một lũ vô ơn. Những người gần gũi thân thiết ta nhất, những người ta gửi gắm hạnh phúc và danh dự, có thể trở thành kẻ phản bội, phụ bạc lòng tin cậy và sự trung thành.

Tiền bạc mà con người có được, rồi sẽ mất đi. Nó mất đúng vào lúc ta cần đến nó nhất. Tiếng tăm của con người cũng có thể tiêu tan trong phút chốc bởi một hành động dại một giờ. Những kẻ phủ phục tôn vinh ta khi ta thành đạt có thể sẽ là những kẻ đầu tiên ném đá vào ta khi ta sa cơ.

Duy có một sinh vật bạn hoàn toàn không vụ lợi mà con người có được trong thế giới ich kỷ này, sinh vật bạn không bao giờ bỏ rơi ta, không bao giờ tỏ ra vô ơn hay tráo trở, đó là con chó của ta.

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như lúc bán hàn, khi khoẻ mạnh lẫn lúc ốm đau. Nó ngủ trên nền đất lạnh, dù gió đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề bên chủ là được. Nó hôn bàn tay ta dù khi ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những trầy xước mà ta hứng chịu khi va chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh gác giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng dù ta có là một gã ăn mày.

Dù khi ta đã tán gia bại sản, thân tàn danh liệt, thì vẫn còn con chó trung thành với tình yêu nó dành cho ta như thái dương trên bầu trời. Nếu chẳng may mà số phận đá ta ra rìa xã hội, không bạn bè, vô gia cư, thì con chó trung thành chỉ xin ta một ân huệ là cho nó được đồng hành, cho nó được làm kẻ bảo vệ ta trước hiểm nguy chống lại kẻ thù.

Và một khi trò đời hạ màn, thân chết đến rước linh hồn ta đi, để lại thân xác ta trong lòng đất lạnh, thì khi ấy, khi tất cả thân bằng quyến thuộc đã phủ ta sau nấm đất cuối cùng và quay đi để sống tiếp cuộc đời của họ thì khi ấy, vẫn còn bên nắm mồ ta, con chó cao thượng của ta nằm gác mõm giữa hai chân trước, đôi mắt ướt buồn vẫn mở to cảnh giác trung thành và chân thật, ngay cả khi ta đã... chết rồi."

Chú chó trong vụ này tên là "Old Drum, được nhiều người ngưỡng mộ, tượng Old Drum được đúc bằng đồng đen, dựng trước tòa án của Johnson County ở Warrensburg, tiểu bang Missouri.

Xin kể thêm vài chuyện dưới đây để bà con rút kinh nghiệm là đừng nên rớn mặt mà tỏ ra khinh thường... chó!

- Tháng Tư năm 2003 báo chí loan tin một anh chàng 25 tuổi ở Menlo Park tên là Richard "Tyson" Dillon có thể bị nhốt vào tù và bị phạt nhiều tiền chỉ vì chàng dám sủa vào một chú chó của cảnh sát Palo Alto (barking at a Palo Alto police dog). Hành vi này bị coi là "ngu ngốc, bất cẩn và vô trách nhiệm." Cảnh sát cho biết đã truy tố Dillon vì vào đêm mùng 5 tháng Ba, ngày lễ Mardi Gras, anh chàng này đã sủa vào một chú chó của đội cảnh sát, chú chó này đang ngồi ở trong xe tuần cảnh. Dillon nói rằng chàng chỉ đùa mà sủa lại chó một cách thân mật thôi (friendly bark). Nhưng cảnh sát lại nói rằng chàng quấy rối chó bằng cách sủa liên tục đã thế lại còn giơ nắm tay lên như hăm dọa chó nữa. Chàng tinh nghịch Dillon tuyên bố: "Tôi không có chút

ác cảm nào với quý vị cảnh sát cả, nhưng tôi không nghĩ rằng mình đáng bị ở tù 1 năm và trả 1.000 đồng tiền phạt chỉ vì lớn họng sủa vào chú chó!"

Và hai chuyện khá lạ lùng về 2 chú chó bị án tử hình:

- Tại Albany, Ore: Một chú chó bị tuyên án tử hình và bị nhốt vào "Khách sạn Gia Súc" tại Albany trong khi chờ thủ tục chống án. Nay cảnh sát cho biết một kẻ nào đó đã trèo qua hàng rào khách sạn, phá cửa sổ và giải thoát cho chú chó này. Chú chó bị tuyên án tử hình vào mùa thu vừa qua vì đã cắn chết một em bé, nhưng chủ của chó chống án.

- Ở South Bend, Indiana, chú chó Brutus bị đưa ra xét xử trước tòa án. Chú chó có nhiệm vụ dẫn đường cho người tàn tật nhưng chú không làm tròn nhiệm vụ. Chú dẫn chủ đi có người chủ bị đâm xâm vào tường, có chủ thời bị chú kéo đi ngã nhào xuống các bậc thang, có người lại bị lọt xuống hố... Chú chó Brutus bị đưa ra tòa về tội sát nhân và bị tuyên án tử hình.

LS. Ngô Tăng Giao

(Trích: "CHUYỆN PHIẾM PHÁP LUẬT"
Xuất bản 2018, Virginia, USA)



MÀU HOA TRONG NẮNG

Là hoa chùm ớt đỏ anh,
Màu hoa trong nắng lung linh, ấm nồng
Như màu son đỏ môi hồng.
Năm xưa, em mặc áo hồng dệt hoa.
Sợ màu áo chóng phai pha,
Sợ màu hoa vội tàn qua mấy mùa.
Em về thay áo hoa mua,
Màu hoa tím, dáng then thưa sâu mơ.

*

Từ khi xây mộng hải hồ,
Anh đi, em viết bài thơ ân tình.
Trang thơ ép cánh hoa xinh,
Mượn trăng sao kể chuyện mình, đôi ta...
Nhớ màu áo tím kiêu sa,
Bên dây chùm ớt mượt mà đơm bông.
Xuân này anh có về không?
Để hoa tô đỏ nhuộm hồng má em.
Mùa xuân nào chẳng êm đềm,
Tình yêu nào chẳng nỗi niềm đa đoan.
Đợi chờ qua mỗi thu tàn,
Mắt cay để giọt lệ tràn nhớ nhung.
Anh đi, thỏa chí tang bồng,
Đời trai phiêu bạt dặm hồng ngàn xanh.

*

Là hoa chùm ớt đỏ anh,
Màu hoa trong nắng lung linh, diệu kỳ.
Hẹn nhau tình chẳng phân ly,
Màu hoa, màu áo, chắc gì không phai?
Môi cười nở giữa ban ngày,
Chắc gì không có phút giây chạnh buồn?
Anh đi, xa mấy dặm mòn,
Em và hoa, biết ai buồn hơn ai.
Trăm năm nếu có một ngày,
Em mong có buổi hôm nay, xuân về.

** Cảm đề khi nhìn ảnh. Hoa chùm ớt là hoa Bignone, họ Bignoniaceae, màu đỏ cam hay vàng, loại dây leo đa số được trồng làm hàng rào có rất nhiều ở miền Nam nước Pháp.*



Được hân hạnh gặp gỡ chị Ngọc Dung vào dịp Thu Tao Ngô và sinh hoạt cho đến nay với những giúp đỡ ân cần của chị, khi nhận được thông cáo việc ngưng làm chủ nhiệm Cỏ Thom, Mây Thu cảm thấy buồn và tiếc nhưng nghĩ lại chắc là chị Ngọc Dung cũng muốn dừng lại cần nghỉ ngơi. Mong chị được dồi dào sức khỏe vui cùng gia đình và con cháu. Như anh Vũ Nam đã nói, Mây Thu cũng mong chờ tác phẩm "Thư viết cho người tình" của chị được sớm hoàn thành và phát hành, nhất là phải có tấm ảnh rất dễ thương của chị thời tuổi trẻ in vào sách. (Mây Thu rất thích tấm ảnh ấy).

*Thân mến chúc chị Ngọc Dung một mùa Giáng Sinh và Năm Mới vạn điều như ý.
(Cournonterral, 05 -12 - 2017)*

Nguyễn Mây Thu

ĐẸP ĐÔI

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Trinh xách giỏ mây lớn, hơi nặng với tầm vóc của nàng lại bên chiếc ghế còn trống ngời xuống, chờ đợi giờ khởi hành của chuyến bay sắp đến. Nghĩ đến Cung, Trinh cảm thấy buồn buồn!

Từ ngày Cung một mình theo người bạn về Việt Nam với lý do thăm bố mẹ rồi trở qua, thì hạnh phúc gia đình Trinh cũng chấp cánh bay theo.

Trinh không hiểu tại sao khi người đàn ông có người khác trong tim, thì họ lại có thể xử tệ với vợ của mình như thế! Mà có lẽ đối với đàn bà cũng vậy thôi! Trinh không biết, không có kinh nghiệm nhiều trong chuyện này, bởi từ ngày lấy Cung, Trinh chỉ biết có Cung, chưa bao giờ có tình ý gì với đàn ông khác, cho dù Trinh cũng là một phụ nữ có nhan sắc, có học thức, tính tình lại đáng hoàng, lo lắng trong nhà cửa, và biết giúp chồng những khi công việc đòi hỏi.

Người bạn đi cùng với Cung tên Mai, dạo sau này hấn cũng có vẻ chổng đời Trinh ra mặt, mỗi khi thấy gia đình Trinh vợ chồng hục hặc nhau, là hấn nhảy vào thêm mắm thêm muối để cho câu chuyện bùng nổ lớn, để hai vợ chồng li dị nhau là điều hấn mong muốn.

Lúc đầu Trinh không hiểu, tưởng vì công việc bận rộn lo nghĩ bên ngoài khiến cho Cung bức mình dễ nổi giận... nhưng từ từ Trinh đã nhận ra rằng, cho dù Trinh không làm gì sai, Cung cũng cứ kiếm chuyện đặng chửi mắng vợ, rồi đùng đùng

bỏ ra khỏi nhà! Đi luôn một hai bữa không thèm về hay gọi cho Trinh một tiếng!

Trinh cũng biết thêm rất rõ rằng, sở dĩ Mai nhảy vào chuyện gia đình Trinh, bởi vì hấn làm về ngành xây dựng nhà cửa, cần một người kiến trúc sư vẽ họa đồ thật giỏi để nộp cho thành phố, nên hấn muốn lôi Cung ra khỏi nhà Trinh, về ở chung với hấn, để Cung giúp trong công việc hàng ngày này, rất có lợi cho hấn.

Nếu hấn kiếm người bên ngoài có bằng cấp hành nghề rất khó, và trả lương lại mắc, Cung mà làm việc này thì có lợi cho hấn mọi bề!

Mặt khác, cô gái bên Việt Nam mà hấn đã giới thiệu, làm cho Cung say mê phản bội Trinh, chính là em gái họ của hấn. Thế cho nên Trinh vừa bị chồng hắt hủi, vừa bị áp lực bởi một người bạn thân của chồng lúc nào cũng xúi dục nhiều chuyện không hay, khiến cho nàng lo nghĩ và bị nhức đầu liên tục.

Sự việc đang xảy ra khiến cho Trinh chẳng biết phải giải quyết cách nào. Cung thì muốn ngày càng phải từ từ xa dần Trinh, nên vẫn thường xuyên bắt bẻ, gây gổ với vợ. Những lần Cung không ngủ nhà, Trinh biết chắc chắn rằng Cung đang đến tá túc nhà của Mai chứ chẳng đi đâu... vì cô bé mà Cung đang mê điên đảo thì ở Việt Nam, Cung không thể gặp cô ta ngay được. Cách tốt nhất là Cung đến nhà Mai, vừa có chỗ nghỉ ngơi, lại được nói điện thoại thả dãn với cô bé yêu quý của Cung một cách thoải mái, không ai làm phiền!

Tiếng cô nhân viên hãng hàng không đang cất lên trong máy, kêu gọi mọi người có số vé nhỏ đi vào máy bay trước. Trinh đứng dậy, lấy cái giỏ mây đựng những đồ nghề làm mỹ phẩm trang điểm của mình đeo

vào vai đứng lên, theo các hành khách khác đi vào trong.

Một cô chiêu đãi viên khác đưa Trinh tới chỗ ngồi, để phụ giúp Trinh bỏ chiếc giỏ lên hộc ở phía trên trần cao. Khi ngồi xuống, Trinh nhìn thấy bên cạnh ghế của mình là một người đàn ông nhìn rất đẹp trai, mùi nước hoa của anh ta quyến rũ khứu giác của đàn bà... đang ngồi quanh đó.

Người đời vốn thường ưa thích những cái đẹp, nhất là phát sinh từ nơi con người, giữa hai phái nam và nữ. Trinh cũng như bao người khác, cảm thấy vui vui trong lòng. Ít ra thì nàng không bị ngồi bên một gã bặm trợn hay hôi thúi là tốt rồi!

Đi xa, phải ngồi máy bay ba tiếng đồng hồ trong chuyến hành trình dài, mà có được một người đàn ông đẹp trai ngồi bên cạnh, lúc nào cũng gây nên điều khá thú vị, nhất là với một người đàn bà như Trinh, đang bị chồng trở mặt ruồng rẫy!

Khoảng thời gian dài lê thê của chuyến bay sẽ không còn là niềm chán ngán nữa. Cơ thể đang ngao ngán, bải hoải đã như được thổi vào một luồng gió mát, khiến cho Trinh cảm thấy khỏe ra. Ánh mắt của nàng thỉnh thoảng nhìn sang người đó, ở đâu ra mà đẹp trai quá sức, Trinh thần tượng thật sự trong lòng!...

Nói chung là có một người đẹp trai cùng đồng hành, thì có lẽ đó cũng là một điều may mắn. Nhưng... Trinh chưa kịp vui lâu với cơ may đang có ấy, thì đã phải đứng lên để nhường đường đi vào chiếc ghế tận bên trong cùng cho một bà. Bà này mới thoáng nhìn, Trinh nghĩ là trẻ đẹp lắm!

Không lâu sau, Trinh lại cụt hứng hơn, khi biết người đàn ông đẹp trai quyến rũ bên cạnh mình, và người đàn bà mới vào ngồi có liên hệ mật thiết! Họ là hai vợ

chồng! Ông đẹp trai lấy xách tay của vợ để lên ngăn hành lý xong, ngồi lại vào ghế giữa... lúc này Trinh mới thấy rõ mặt bà ta và hụt hẫng! Cái ghế ở giữa đã ngăn cách Trinh với người vợ có gương mặt xấu, không tương xứng với ông chồng.

Khi biết đối tượng tìm quên trong chốc lát của mình đã có chủ, Trinh không còn hứng khởi như trước, mà nàng ngồi im để nhận xét về hai nhân vật này. Đây cũng là một trò chơi thú vị, để quên đi chặng đường hình như bắt đầu dài ra hơn, từ khi vợ ông ta xuất hiện ngồi vào chỗ của mình!

Máy bay vẫn chưa cất cánh, nghe người phi công trưởng nói trên loa là phải chờ thêm mười phút nữa. Sự chờ đợi yên lặng làm Trinh tò mò nghe hai người kế bên nói chuyện nho nhỏ với nhau, Trinh thấy họ rất lịch sự và nhã nhặn khi trò chuyện.

Dù người vợ nhan sắc trái ngược với ông chồng, nhưng bà ta có nhân dáng, thân hình đẹp, giọng nói khoan thai, êm êm. Cử chỉ của bà tử tốn. Nhìn đôi bàn tay bà nuột nà, búp măng, không thể hiểu tại sao khuôn mặt bà lại không đẹp như thế!

Trên đời này có hai loại đàn bà được cho là đẹp. Một là đẹp thể xác, hai là đẹp tâm hồn.

Loại người đẹp nhân dáng, nhan sắc ưa nhìn, càng nhìn, càng thấy đẹp... Cũng có không ít người đẹp như tiên, nhưng mỗi lần mở miệng là nghe không lọt lỗ tai, vô duyên không thể tả!

Loại thứ nhất đẹp đã là quý, mà loại thứ hai vừa quý, vừa hiếm hơn. Đó là loại người đàn bà tương sang mà xấu, như vợ của ông đẹp này đây, dù nhìn không xứng đôi, nhưng Trinh tin chắc, bà ta thuộc vào loại thứ hai.

Cái nét của bà từ cổ trở xuống toát lên vừa rực rỡ, vừa kín đáo. Khi bà cất tiếng nói, thì âm thanh càng làm cho người nghe quyến rũ hơn. Nếu bà ta nói chuyện trong điện thoại mà không thấy mặt, bảo đảm là sẽ làm cho nhiều anh chàng chết mê chết mệt vì giọng nói của bà.

Khuôn mặt của bà nhọn, đôi mắt dù có lóng lánh sáng những khi nhìn chồng, nhưng nó cũng là mắt hí! Cái mũi không có đường nét thanh tú, mà lại cho người ta liên tưởng đến sự vinh hoa phú quý, vừa kín vừa to!

Đôi môi dày, vẻ đẹp của thời nay, nhưng lại không đi đôi với mày ngài mắt phượng nên không thể đẹp, mà cũng có nét dễ dãi lẫn đơan chính, sang cả của người thường xuyên giao thiệp, tiếp xúc với những nơi chốn lịch lãm.

Con người bà dù có bộ mặt không hấp dẫn, trái lại với thân hình bà là biểu thị của sự khôn ngoan, của con người thuộc dạng cao sang, quyền quý. Chỉ cần nhìn cái cổ cao, thanh tú, đã thấy ngay biểu hiện của khéo léo, đôn hậu. Nhưng... cũng qua cái cổ, Trinh biết ngay là bà không còn trẻ nữa! Với ba ngón mà làn da không còn trắng tấp; ngón hơi đậm và sâu nét hơn bình thường, nó đã tự tố giác về tuổi tác của con người.

Người đàn bà có chồng đẹp trai này ít ra cũng phải bốn mươi lăm hơn rồi. Nếu đúng như thế, thì bà lại càng đúng là một người đẹp thứ hai, có nghĩa là bà có nét sang cả, mệnh phụ phu nhân, tướng tốt!

Khuôn mặt bà gần như là không son phấn, chỉ có chút kem dưỡng da, son môi nhạt và mùi nước hoa quý phái. Bà không hề lạm dụng đến phương tiện sửa chữa sắc đẹp như những người cùng lứa tuổi thường làm.

Quả là một người đàn bà không có nhan sắc nhưng đầy lòng tự tin.

Máy bay báo là đang chạy ra phi đạo và sắp cất cánh. Ông chồng kiểm soát lại sợi dây an toàn của vợ, rồi ông ta hướng dẫn cho vợ cách ngồi thẳng lưng, dựa vào thành ghế khi máy bay lấy đà bay lên. Nhìn cử chỉ của ông, Trinh mỉm cười khi nhớ đến thái độ của Cung đối với mình, khi cánh tay gân guốc đưa lên cao, xem chút nữa thì nện trúng đầu Trinh nếu nàng không kịp né qua một bên!

Cặp vợ chồng bên cạnh ví như một chiếc bình tân thời kiểu cách cắm một bông hoa lạ không hấp dẫn nổi cái nhìn của khách bàng quang! Dù đã biết là gương mặt bà vợ xấu, nhưng Trinh biết rằng người đàn bà này càng nhìn lâu, lại cũng thấy xấu y vậy.

Tạm quên bà vợ, Trinh dời mắt qua ông chồng đẹp trai của bà. Ông khoảng năm mươi lăm tuổi. Mặt mày thanh tú, mũi cao thẳng tắp như người Mỹ, da mịn màu nâu hồng khỏe mạnh. Cặp chân mày rậm trên đôi mắt to vừa phải, ánh lên màu nâu hạt dẻ, vui tươi và chân tình.

Người đẹp trai như thế này, mà lại chọn cho mình một bông hoa “xấu” như thế kia thì chắc phải có lý do. Có thể vợ ông là con nhà tỉ phú, hoặc là con của xếp lớn trong sở? Thiếu gì anh chàng đẹp trai trên đời lấy vợ xấu bởi lý do là vợ giàu! Thiếu gì người tên tuổi chọn vợ già hơn chỉ vì vợ có của! Cũng có người hăm hở vào cuộc chơi bằng cách lấy những ngôi sao mà họ ái mộ...

Đừng có bao giờ nghĩ rằng đàn ông có khí khái anh hùng! Thời buổi này nhiều anh chẳng bao giờ biết đến khí khái là gì! Cứ... “com no ám cật” là ưng chịu tuốt! Như vậy mới là khôn, biết sống! Nhưng... với anh

chàng đẹp trai này, sự yêu thương săn sóc vợ cùng nét mặt chân tình có vẻ là thật. Chắc trong một trăm người cũng có một người.

Trình nhìn người ta lo cho nhau, rồi tự nhủ mình bây giờ chẳng khác gì là một con ngựa kéo xe thổ mộ, hai con mắt bị che kín bởi hai miếng da, cứ thẳng đàng trước, chạy! lóc cóc, lóc cóc... phi nước kiệu theo lệnh của chủ, và không cần biết những gì ở trước mặt, sau lưng, hay ngay bên cạnh mình... không biết cái lệnh sẽ làm cái gì!

Khi Trình bắt đầu thấy mắt nặng buồn ngủ, nhìn qua ông “hàng xóm”, thì lập tức nàng biết ngay là ông ta cũng rất kín đáo và tự hào khi biết có người để ý đến mình. Dù ông ta không nhìn Trình. Nét mặt và đôi mắt của ông không thay đổi, vẫn dán mắt vào tờ tạp chí Heritage, nhưng sắc mặt cùng làn da lại ánh lên sự thích thú mà nhìn là Trình biết ngay.

Môi ông hết nhếch lên như có nụ cười, và có ý nhắn nhủ với mọi người ái mộ ông rằng:

- Tôi là một con tàu đang cô quạnh đi từ ga này sang ga khác. Con tàu băng giữa đại dương với bao đợt sóng xô đẩy, búa vây... Tôi cũng là người có con tim rộng mở, khao khát một miền nắng ấm xanh tươi, khu vườn đầy hoa trái và chim hót ríu rít...

Tín hiệu từ ông ta phát ra mà Trình có thể đoán thấy là vậy, nhưng đó chỉ là tín hiệu ảo tưởng không thể xác định được.

Trình ngòì dựa lưng ra sau thẳm suy nghĩ và mỉm cười vu vơ, ngạo chính bản

thân mình. Dù sao thì nàng cũng thừa biết là mình đang phóng tác một câu chuyện không có gì thành thi vị cho cuộc đời... Phải chỉ mình cũng được trọn vẹn trong tình yêu như thế!

Nghĩ ngợi vẩn vơ và Trình ngủ quên lúc nào không hay. Một lúc sau, khi tiếng cô tiếp viên mời hành khách sửa soạn ăn một bữa nhẹ, Trình mới chợt tỉnh giấc.

Người đàn ông đẹp trai ngòì bên đang giữ chiếc khay ăn xuống cho vợ, tình không chịu được, Trình tính quay đi để không tủi

thêm cho phận mình, thì bắt chợt người đàn bà xấu nhìn Trình lên tiếng:

- Hăng này có món gà nướng ăn được lắm, chị dùng thử xem. Ăn một lần cho biết, nhất là loại rau dền trộn với đậu mè khá lắm...

Trình đáp lại lời của bà xấu bằng nụ cười và chữ: “ạ” nhỏ nhỏ trong cổ họng. Bà cũng khá thân thiện



đấy.

Khi mấy cô chiêu đãi đẩy xe đồ ăn tới, ông đẹp tự động gọi cho Trình và vợ ông ta mỗi người một ly rượu chát đỏ. Rồi cũng vẫn ông ta, đã nhận khay thức ăn từ cô tiếp viên, với lời cảm ơn rồi đặt nó lên chiếc bàn nhỏ trước mặt Trình, với thái độ thật là lịch lãm, nhã nhặn, đưa bàn tay mời nàng ăn.

Xong công việc chăm sóc cho người ngòì bên, ông Đẹp quay sang đặt khay thức ăn lên bàn của vợ. Lần này, với động tác kheo léo, ông mở những miếng giấy bạc

bọc đĩa thức ăn, xé ra những gói gia vị, lấy muỗng, nĩa, khăn giấy cho vợ... từng bước, từng bước một, sự chăm sóc của ông rất thuần thực, cử chỉ như được kèm theo một tình cảm gắn bó, như con chim trống móm mòi cho lũ con vậy!

Cách thức và việc làm của ông đẹp khiến cho Trinh không khỏi thán phục. Dường như động tác ấy không hợp lý với khuôn mặt nhân dáng đẹp trai mà ông đang có. Lẽ ra bà vợ phải là người tận tình chăm sóc cho ông mới đúng!

Nhưng rồi cuối cùng Trinh cũng đành phải công nhận rằng: đằng sau diện mạo đẹp trai của ông ấy, còn có thêm một tâm tình hiếm quý, thân thiện. Sự việc mà bấy lâu nay, Trinh ít khi nào nhận thấy có từ bản thân của những người đàn ông bảnh bao khi nàng tiếp xúc. Với ý nghĩ này, đã làm cho Trinh cảm thấy thoải mái, dễ chịu.

Từ lúc này, Trinh vừa ăn vừa âm thầm kín đáo theo dõi cặp vợ chồng nhan sắc trái ngược này.

Bữa ăn rồi cũng kết thúc, lúc này, khi người tiếp viên đẩy chiếc xe nhỏ dừng lại ở hàng ghế của ba người, cũng chính ông đẹp nhanh nhẹn lấy tất cả khay đồ ăn của mọi người, đưa trả lại cho cô tiếp viên. Với vợ ông, thì còn kèm theo một cái hôn nhẹ vào tóc. Ông không để cho vợ động tay vào bất cứ việc gì, mặc dù bà ta rất muốn được làm. Và vì thế, đôi bàn tay của bà ta phải nói là tuyệt trần! Vừa trắng nõn vừa đẹp như những búp măng!

Bữa ăn trên máy bay đã làm cho thời gian trôi qua thêm được 1 tiếng. Trinh ngồi im không biết làm gì. Muốn đọc sách báo thì lại quên mang theo cái kiếng lão! Trinh nhấn vào cái nút tròn bên thành ghế hạ lưng ghế bật xuống một chút. Hai mắt lim dim

làm như đang ngủ, nhưng thật ra Trinh chờ đợi sự chuyện trò của vợ chồng họ, để nghe cho bớt buồn chán.

Ông đẹp lấy tờ báo, châu đầu vào vợ cùng coi, vừa coi vừa giải thích cho vợ hiểu:

- Thời đại bây giờ họ văn minh lắm rồi. Ngồi ở nhà hay đi bất cứ nơi đâu trên thế giới, em vẫn cứ mua được những gì đã thấy trên sách báo hay TV... Em đâu có thể ngờ là họ đã đạt đến 50% số người thực hiện việc mua sắm trên mặt ảnh máy vi tính. Đây cũng là sự phát triển tài chính và bảo tồn văn hóa nghệ thuật.

Cứ thế, lật qua từng trang của tờ báo, ông đẹp đều giọng dẫn giải cho bà vợ xấu của ông nghe... khi thì ở thành phố biển Vũng Tàu, họ đang làm gì, có dự án gì, khi thì bên Nhật Bản với tuyến đường Metro, lúc lang thang trong Paris đập lên những chiếc lá thu vàng... Ông đẹp đã ân cần trả lời những câu hỏi của vợ mình một cách thỏa đáng. Ông hiểu biết nhiều, chú thích bằng tiếng Việt cho vợ nghe. Giọng ông trầm bổng như điệu nhạc, cách thức của ông đảm thắm... ông giảng giải cho bà vợ đang lắng nghe ông với ánh mắt tràn ngập kính phục và thương yêu...

Máy bay thông báo đang chuẩn bị để hạ cánh. Như vậy có nghĩa là Trinh và đôi vợ chồng đẹp xấu sắp chia tay. Chia tay thì chia tay, cũng chỉ một chút xao xuyến trong lòng thôi! Lúc này thì Trinh đã biết khá nhiều về gia cảnh của họ. Nhờ sự trao đổi những câu hỏi thông thường, giữa hai người đàn bà ngồi cách nhau bằng một người đàn ông đẹp trai, làm cho Trinh càng ngỡ ngàng hơn!

Ông đẹp là kỹ sư cho một công ty lớn, chủ nhân là người ngoại quốc. Ông con nhà giàu, đi du học bên Pháp từ lúc còn thiếu thời. Bà trái lại chỉ là con gái nhà nghèo,

cha mẹ có tiệm tạp hóa bán buôn nhỏ... Khi về nước, ông bệnh nặng vì bị đụng xe, cần có người luôn túc trực bên giường chăm sóc, giúp đỡ.

Bà lúc đó đang đi học về ngành y tá, nhận lời đến với gia đình ông để làm thêm, kiếm tiền giúp mình ăn học. Nhờ sự động viên tinh thần và chăm sóc khéo léo dịu dàng của bà, ông đã vượt qua những đau đớn thể xác, để rồi chịu ơn và cảm mến người con gái tính nết đôn hậu, ông đã thương yêu bà lúc nào không hay. Sau đó, ông tranh đấu cùng cha mẹ để lấy cho được cô con gái ông yêu, tin rằng nàng sẽ là người đem lại hạnh phúc cho đời ông... Ông đã được toại nguyện.

Ông bà qua Mỹ vì cha mẹ bà nghe đâu ngày xưa có làm việc với cơ quan Mỹ một thời gian. Dĩ nhiên là ông được đón nhận ngay khi vừa đặt chân đến mảnh đất mới. Ông làm ở một hãng lớn, ngày càng tiến triển và phát đạt hơn.

Trên chuyến bay này, vợ chồng ông Đẹp đi du lịch thành phố cờ bạc nhân dịp kỷ niệm ngày cưới... Trinh nghe chuyện của họ vừa ngưỡng phục vừa buồn cho thân phận mình. Quả nhiên lắm lúc người đẹp có khi không phải là phu nhân! Mà phu nhân dành cho những bà có tướng tá phúc hậu, gương mặt nhân từ, phương phi, và thần sắc tốt! Không cần phải là những cô gái chân dài, tóc bạch kim!

Những đứa con của ông bà này sẽ là những đứa trẻ may mắn, khi chúng có người cha toàn bích và người mẹ nhân hậu.

Cái giỏ mây lớn của Trinh chứa toàn mỹ phẩm. Trinh đến thành phố cờ bạc để tập sự đi làm với một công ty chuyên làm đám cưới, chủ là Việt Nam. Mỗi lần đi là ba ngày. Dù xa, nhưng công việc đã làm

cho Trinh tạm thời quên đi chuyện buồn của đời mình! Đây là lần thứ nhất.

Những chương trình cưới trọn gói bao gồm hôn lễ, xe cộ, trang điểm, quay video, làm hoa, chụp ảnh, ăn tiệc, ban nhạc... giá chung trọn gói thường được người ta ưa thích hơn là họ phải tự lo lấy từng thứ ở thành phố ăn chơi xa lạ này.

Trong lúc Trinh đang đi ra chỗ lấy hành lý, thì phía trước, vợ chồng ông đẹp đang hòa mình vào dòng người vừa ra khỏi máy bay. Hai vai ông đẹp mang toàn bộ đồ đạc, luôn cả cái túi nhỏ xíu của bà xấu. Ông đi phía trước, đôi khi dừng lại quay đầu nhìn vợ đang lú lú theo sát sau lưng.

Ở chỗ lấy hành lý, đôi khi Trinh vẫn bắt gặp ánh mắt thân thiện của ông đẹp nhìn mình mỉm cười. Bà vợ khép nép kể bên, giống như một con mèo nhỏ hiền lành, dựa vào chồng tìm nơi che chở. Họ ở bên cạnh nhau, tạo nên một sự so sánh khó tránh của người đời. Người ta nhìn thấy ngay trong cái “khập khiễng” cặp đôi của họ do ông trời se định, còn thêm rất nhiều sự khắng khít và thương yêu không thể thiếu. Tuyệt vời.

- Bà này số sướng...

Trinh làm bầm một mình! Trong lúc ai cũng khen Trinh xinh đẹp, đức hạnh đầy đủ thì lại có số khổ ! Đúng là trời không cho thì chịu!

Kéo chiếc valy nhỏ, bên trên gác chiếc gói mây đi ra ngoài, Trinh vẫn chưa thấy ai đi đón mình. Anh chàng mướn Trinh làm việc này mới liên lạc bằng cell phôn cũng không thấy mở máy! Thôi cứ ngồi ở trước chờ thêm một chút, mới trễ có nửa tiếng, phải chịu khó ngồi chờ, không nên nổi nóng!

Thời gian trôi qua cả tiếng đồng hồ, Trinh lo lắng mệt mỏi. Trinh đã liên lạc số

phôn hần cho nhiều lần, nhưng vẫn không được. Thành phố này Trinh đâu có quen ai. Nếu hần không đón Trinh đưa về nơi khách sạn nơi tổ chức hôn lễ, thì Trinh đâu có biết đàng nào mà mò! Vậy mà cuối cùng hần không đến!

Trinh lên đại một chiếc xe Bus chạy vào phố. Chán đến muốn ngủ một giấc cho quên! Xe đậu lại trước một khách sạn Casino. Kéo chiếc va ly vào trong, thấy la liệt máy đánh bài trước mặt, âm thanh kêu leng keng. Có máy đánh năm đồng, cái một đồng, cái 25 cent...

Trinh móc túi, đến trước máy 1 đồng. Chưa bao giờ Trinh dám chơi máy 1 đồng, vì tốn tiền mau lắm! Nãy giờ Trinh thấy một ông Mỹ ngồi chơi ở cái máy đã lâu mà không trúng, ông ta đứng lên thì Trinh thấy ghé trống bèn ngồi vào! Chơi hay không tính sau.

Cầm tờ mười đồng trên tay, Trinh nghĩ hôm nay mình xui quá, thôi cứ thử thời vận coi xui tới đâu.

10 đồng kéo được mười lần, nhưng khi đã kéo 5 lần mà không trúng, thì Trinh thấy chán ngang xương vì lo, chuyển đi nầy mắt toi tiền máy bay, không biết xin về sớm họ có cho không? Chứ còn ở lại đây làm gì? Còn 5 đồng credit, Trinh nhấn luôn một lần 5 đồng kéo thêm lần nữa cho xong, trước sau gì cũng thua hết! rồi tính đi ra lại chỗ đón xe bus về phi trường!

Nhưng Trinh hoa mắt lên khi thấy ba cái hình cùng hiện lên trên sọc ngang... Cái máy réo lên inh ỏi! Tim đập thành thịch, Trinh không biết là mình trúng được bao nhiêu? Máy người nhân viên đã chạy đến bên cạnh ghi chép. Họ cho biết là Trinh trúng được lần quay đặc biệt chín mươi tám ngàn!

Trời ơi... Trinh mừng đến muốn rung lên! Đi làm chuyến này tiền công được có 7 trăm bạc, còn bị gặt, tốn tiền máy bay... bây giờ trúng được 98 ngàn! Chuyện khó tin! Nhưng là chuyện thật!

Khi về lại thành phố, kể chuyện cho người bạn gái thân thiết của mình nghe, chỉ ta mới nói với Trinh rằng:

- Đen tình thì đỏ bạc ấy mà...

Tự dung Trinh mỉm cười. Nếu “đen tình” mà cứ “đỏ bạc” như vậy hoài, thì Trinh cũng xin nhận chịu! “Chắc cái số của mình đã tới lúc... trúng số”! Không phải ai đen tình thì cũng được như Trinh đâu! Có người buồn chán đi đánh bài còn thua đậm, gia đình càng lặn độn lao đao hơn!

Nhờ trúng số, Trinh xa Cung bớt buồn. Nhiều khi Trinh lẩn thẩn tự nghĩ: “Chẳng biết sống vậy hoài cho đến già có được không?” Những khi vui vẻ, nghĩ đến việc chấp nối, trong đầu Trinh đều hiện rõ nét cặp vợ chồng ông đẹp trên máy bay, cùng sự ao ước nhiệt tình...

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

TẠP CHÍ CỎ THƠM
Có bán tại
WASHINGTON MUSIC
EDEN CENTER
6795 WILSON BLVD. #26
FALLS CHURCH, VA 22044
TEL. (703) 538-4979

Nụ Cười Xuân

Những ngày đầu Xuân, người ta thường ca tụng sự đẹp đẽ, sự vui tươi, hay sự tốt lành. Người ta thích ngắm nhìn nụ cười tươi mát trên khuôn mặt hân hoan. Người ta mỉm cười chúc tụng nhau những lời hay ý đẹp. Thấy nụ cười là thấy cả mùa Xuân. Mùa Xuân đang hiện diện trên khuôn mặt vì hạnh phúc đang hiện hữu trong ta.

"Em đã đem nụ cười đến cho ta ... Em đã cho ta cả một mùa Xuân bất tận"

Nụ cười đẹp như đoá hồng nở rộ sớm mai, nụ cười tô điểm cho cuộc sống muôn người. Nụ cười là thể hiện sự vui mừng, sự an lạc, và hạnh phúc của con người. Nụ cười héo hắt khi buồn phiền chiếm ngự. Thiếu nụ cười là thiếu tất cả, vắng nụ cười là vắng sự sống hiện hữu. Nụ cười vô giá trong cuộc sống của chúng ta. Nụ cười không mất tiền mua, nụ cười nên cho đi không nên giữ lại. Nụ cười đã đem đến thanh bình cho trái đất, đã dập tắt được hận thù. Nụ cười là niềm tin yêu của nhân loại.

"Cái giận làm tôi xấu! Biết vậy tôi mỉm cười." (Thiền Sư NH)

Người ta không gọi cái cười hay sự cười mà người ta dùng ái ngữ nụ cười để ca tụng vẻ đẹp để vui tươi của khuôn mặt. Nụ cười được ví như một bông hoa nở toả hương thơm. Nhìn nụ cười nở trên môi con trẻ, bậc sinh thành thấy lòng lâng lâng tràn đầy mơ ước. Nhìn nụ cười móm mém của mẹ già, lòng con cái dâng trào một niềm kính yêu tin tưởng. Vũ trụ là thiên đàng, trần gian là niết bàn cực lạc khi khắp nơi nơi đều có nụ cười.

Nhìn bông hoa hé nở, người người đều cảm thấy một sự êm dịu thoải mái nơi tâm hồn. Bông hoa là ẩn dấu một nụ cười của người mình yêu, một cảm xúc sâu đậm của

trái tim! Các chàng trai yêu đời, gửi gắm tâm tình nồng nàn, cháy bỏng của mình tới người yêu qua những cánh hoa, như thầm nhủ: "Em ơi! Em đẹp như đoá hồng sớm mai, lung linh dưới nắng Xuân rực rỡ. Nụ cười của em là muôn ngàn cánh hoa kết tụ, thoang thoảng hương nồng. Vắng nụ cười của em ta cảm thấy như mất mát thực nhiều ... như trăng kia vắng sao, như trái đất thiếu ánh sáng mặt trời..."

Nụ cười là đầu giấy mỗi nhợ đưa con người tới hạnh phúc tuyệt vời...

...Vắng em ta buồn...Vắng em là vắng nụ cười, vắng mùi hương thơm của suối tóc, vắng nét thanh tao của làn da mát dịu. Vắng em là vắng tất cả, là thiếu tất cả! Chỉ có em, chỉ có nụ cười của em mới sưởi ấm hồn Xuân. Ôi! Nụ cười Xuân! Ta vẫn ao ước thấy lại mùa Xuân, để thấy nụ cười óng ánh như trăng sao muôn thuở. Em ở đâu hỡi Nụ Cười Xuân!



Ý Nguyễn

Maryland, Dec. 2017

- Hãy mỉm cười! Đó là cách trị bệnh miễn phí. (Doug Horton)

- Ánh mặt trời cần cho bông hoa thế nào, nụ cười cũng cần cho hân loại như thế. (*Joseph Addison*)
- Nụ cười là ngôn ngữ của tình yêu. (*David Hare*)
- Có hàng trăm ngôn ngữ trên thế giới, nhưng nụ cười thì nói lên tất cả các ngôn ngữ ấy. (*Vô Danh*)
- Một nụ cười đáng giá hơn ngàn lời nói. (*Vô Danh*)
- Một nụ cười chiến thắng làm cho tất cả chúng ta thành người chiến thắng. (*Vô Danh*)

- Thế giới quanh ta như một tấm gương. Bạn nhìn mặt với nó, nó nhìn mặt với bạn. Bạn mỉm cười với nó, nó cũng mỉm cười lại với bạn. (*Herbert Samuels*)
- Đa số các nụ cười đã bắt đầu nhờ một nụ cười khác. (*Frank A. Clark*)
- Nếu bạn không dùng nụ cười của bạn. Bạn giống như một người có một triệu đô la trong ngân hàng mà lại không có ngân phiếu. (*Les Giblin*).

Ý Nguyên sưu tầm

"Xế Sài Gòn" năm 2017

Bài viết & Hình ảnh: **PHẠM BÁ**

Sau hơn ba năm, chúng tôi lại trở về Hạ Long để tham dự đám giỗ lớn của dòng họ, rồi nhân đó, chúng tôi quyết định đi thăm thú vài nơi ở Hà Nội và Sài Gòn mà những lần về trước chúng tôi chưa tiện đi.

Tuy vậy bài viết này không nhắc nhiều đến chuyến đi dài ngày của chúng tôi mà chỉ ghi nhận những phương tiện di chuyển hiện thời ở VN nhất là ở thành phố Sài Gòn nơi đã có đến hơn mười triệu cư dân.

UBERCar & GRABCar

Khi còn ở Mỹ, chúng tôi vẫn thường sử dụng Blue Van (Blue Shuttle) lúc đi ra phi trường. Giá rẻ thật! Hai người đi chỉ phải trả khoảng \$45us cộng thêm \$5 tiền tip cho tài xế. Nhưng mất rất nhiều thời gian vì xe phải đón khách nhiều nơi rồi mới tới đón mình. Giả như muốn di chuyển ra phi

trường Dulles DC cho chuyến bay 8:00 am, chúng tôi phải thức dậy từ lúc 3:00 am. Sửa soạn sẵn sàng để xe đến đón lúc 4:00am. Lòng vòng, chúng tôi sẽ có mặt ở phi trường khoảng 6:00 am. Mệt quá! Sau này, chúng tôi thay đổi phương tiện chuyên chở và đã có đôi lần sử dụng UBERCar. Rẻ hơn và dịch vụ cung ứng rất mau, như các bạn đã biết. Mình muốn đi giờ nào thì xe tư nhân sẽ đến đón tại nhà sau khoảng 5 phút gọi. Khách biết tên, hình ảnh, số xe, số ĐT của tài xế. Đơn giản sài Uber là thế.

Ở VN hiện nay, tại Hà Nội hay Sài Gòn, người dân đã không mấy thích đi "Taxi truyền thống" Vinasun hay Mai Linh nữa mà thích sử dụng UberCar hay GrabCar (người VN thường nói là Ráp) mà ở Mỹ tôi chưa từng được nghe tới.

Do đó, khi chúng tôi về đến VN, nhất định phải tìm hiểu cho rõ ngọn ngành hai phương tiện Uber và Grab rất thông dụng này tại những thành phố lớn như Hà Nội, Sài

Gòn và Đà Nẵng để đưa tin đến những bạn muốn tìm hiểu về hai phương tiện di chuyển này khi về thăm VN. UBER là một công ty kinh doanh mạng lưới giao thông vận tải dựa trên ứng dụng di động, có trụ sở đặt tại San Francisco Mỹ Quốc. Chữ UBER có nguồn gốc từ tiếng Đức, có nghĩa là "siêu", là "cao nhất", là "ở trên" (theo Zing).

GRAB cũng là ứng dụng cài đặt và điều phối xe hơi qua mạng như UBER. GRABCar (GrabTaxi) là công ty công nghệ cung cấp dịch vụ di chuyển, được cài đặt tại Malaysia, Singapore và các nước Đông Nam Á trong đó có VN. Về sau có cả xe Honda Ôm gọi là GRABBike, qua điện thoại di động Smart Phone

GRABCar – UBERCar hoạt động theo mô hình "kinh tế chia sẻ". Khi một khách hàng muốn gọi xe, chỉ cần gọi số của tổng đài xe liên hệ, tức thì tổng đài sẽ điều động xe tới điểm gọi, ví dụ ở REX Hotel, trên màn hình định vị của trung tâm (GPS) sẽ hiện ra các xe Uber hoặc Grab đã đăng ký đang hiện diện trong khu vực đó. Tổng đài sẽ liên lạc ngay tức khắc với xe nào gần điểm gọi nhất để điều động tới điểm đến đã được khách hàng cho biết trước. Quãng đường đi đã được GPS tính ra là mấy cây số và định ra chi phí khách phải trả là bao nhiêu.

Tò mò tôi hỏi nhiều tài xế là nếu lúc đó có nhiều xe đang quanh quẩn gần điểm gọi thì tổng đài biết chọn xe nào. Tài xế cho biết thông thường thì tài xế nào đã mang nhiều thương vụ đến cho hãng hoặc đã có rất ít các cuộc lỡ hẹn hay hủy bỏ chuyến đi với khách hàng; tóm lại là "chăm chỉ - good

credit" thì được chỉ định đến đón khách liền. Do đó chỉ sau vài phút, trên màn hình Smart Phone của khách hàng, các dữ kiện về tài xế, số xe, chi phí... được xác định. Tuy vậy cũng có đôi khi, xe có sẵn ở khu vực đó không được chỉ định tới đón khách mà trung tâm lại gọi một xe "nồi" nào đó từ xa đến đón.

Lúc chúng tôi còn lang thang ở Hà Nội, tôi thường đi GRABCar. Tôi không mang theo SmartPhone, thế mà chỉ sau 2, 3 phút, cũng có xe đến đón. Số là, một hôm sau buổi đến thăm Đền Quán Thánh, chúng tôi muốn trở về khách sạn ở bờ hồ, liền nhờ một em sinh viên đang đứng đó gọi hộ một GRAB. Em sốt sắng giúp chúng tôi. Thế là hai phút sau, có xe đến đón. Đơn giản chỉ có thế!

Sau phương tiện UBER hay GRAB, thành phố lại có thêm một phương tiện chuyên chở của hai hãng này qua hệ thống xe Honda Ôm, gọi là UBERBike và GRABBike. Phương thức gọi xe, y như gọi UBERCar hay



GRABCar.

Kiểu áp dụng "kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa" (?) có cạnh tranh như hiện nay khiến các hãng xe taxi truyền thống như Vinasun hay Mai Linh và ngay Honda Ôm cũng đều rơi vào tình trạng "chơi với" như họ than thở. Từ khi GRAB/UBER được tung ra thị trường thì hầu như người dân không mấy ai thích đi taxi truyền thống nữa. Mấy "ổng" đã tung hoành, chặt chém, "hét giá" khách hàng mấy chục năm nay, khiến người dân đâm ra ghét mấy "ổng". Mấy "ổng" khiêu nại là

GRAB và UBER “cạnh tranh bất chành”, không cần vốn nhiều để khai thác dịch vụ vì xe là xe của tư nhân, họ chỉ cần “áp dụng thủ tục đầu tiên” để sao cho có một mạng lưới hoạt động mạnh là OK rồi. Các hãng xe truyền thống liền tung ra nhiều chiêu khuyến mãi như hạ giá km, cho khách hàng biết trước chi phí di chuyển. Trong khi đó, UBER/GRAB lại tung ra nhiều chiêu tiếp thị khác là khách nào có tần số di chuyển cao sẽ được giảm giá 50%, 75%... và ngay cả Free Ride. Dĩ nhiên hãng phải chịu những khoản giảm giá này. Không đụng chạm gì tới quyền lợi của tài xế cả. Và để khuyến dụ tài xế rời các hãng xe truyền thống để chuyển qua hãng mình, UBER/GRAB chỉ hưởng một khoản chiết khấu thấp từ 20% đến 25% trên thương vụ tài xế mang lại bằng cách trừ vào tài khoản của tài xế (khách trả tiền mặt khi đi Grab) đã đóng trước khi hoạt động với hãng. Riêng với UBER, trung tâm lấy phí từ tài khoản của khách hàng khi khách gọi xe. Ở GRAB, khi tài khoản của tài xế cạn, tài xế được thông báo phải đóng thêm.

Sau khi Vinasun tung ra chiến dịch cạnh tranh như trên thì Mai Linh Taxi lại tung ra phương thức mới là chiết khấu có 15% để níu giữ tài xế cũ của mình. Đồng thời Mai Linh cũng đưa Mai Linh Bike vào hoạt động ngày 20-11-2017, khiến tại các trung tâm thương mại, tài xế UBERBike, GRABBike, Mai Linh Bike và Honda Ôm truyền thống, đứng đón khách chật ních cả hè phố. Tài xế phải mặc đồng phục với cặp mũ bảo hiểm - một dành cho khách, có logo tên của hãng. Cạnh tranh ghê gớm quá!



(Sẵn được tẩm hình MaiLinh Bike này, tôi đã phải đi dạo khắp khu Bến Thành - Chợ Cũ chừng một tuần lễ mới tìm ra được một. Vì MaiLinh Bike đang dò dẫm thử nghiệm nên mới chỉ tung ra thị trường Sài Gòn chừng hơn trăm chiếc)

Cuộc chiến cước phí ra vào sân bay Nội Bài –TSN của taxi truyền thống với GRAB/UBER cũng khá ác liệt! Taxi cũ cưa khách khoảng 400.000\$vn, nay UBER/GRAB

chỉ “hét” với giá “thần hữu” khoảng 150.000\$vn. Chính chúng tôi đã bị taxi truyền thống cho ăn “quả lừa” này rồi, nay mới sang mắt ra! Nhờ GRAB tung ra giá cước mới là 160.000\$vn kéo dài một tháng với đoạn đường dài 30km, khách chỉ phải trả 7000\$vn/km tính ra phải chi 210.000\$/chuyến. Vui ghê!

Một hôm chúng tôi từ Chợ Bến Thành đi thăm Chùa Hoằng Pháp Hóc Môn bằng xe buýt, giá vé 7000\$, thời gian di chuyển mất 1:15 phút. Khi trở về Sài Gòn, nếu muốn đi xe buýt thì phải đi bộ ra trạm trong cái nắng oi bức của miền quê Hóc Môn, chúng tôi ra sân chùa hỏi một xe Vinasun đang chờ khách cho quá giang với khách, bác tài “hết giá” là 500.000\$ (\$25us). Thôi đành phải nói lời cảm ơn bác tài và chúng tôi cuốc bộ tắt trên một quãng ngắn ra trạm xe buýt trên quốc lộ để trở về Sài Gòn. Một lần khác chúng tôi đi GRAB từ KS đến Phố Đi Bộ Bùi Viện, giá 25,000\$vn, khi về khuya chúng tôi gọi taxi VinaSun, đồng hồ chạy ra số tiền là 205,000\$vn. Thật sự là có sai biệt khá cao do tài xế “vận số” (?).

XE BUÝT Thành Phố.

Xe cộ di chuyển tại hai thành phố lớn Hà Nội và Sài Gòn xét ra khủng khiếp thật, nhất là tại Sài Gòn. Ra đường là phải đối phó với nạn kẹt xe nhất là vào giờ cao điểm hay gặp lúc trời mưa. Do đó chúng tôi đã chọn phương tiện đi xe buýt.

Để làm các bạn ạ! Muốn biết đi từ đâu đến đâu thì chỉ cần gọi điện thoại đến tổng đài hệ thống xe buýt thành phố là biết mình phải đi tuyến nào và xe số mấy. Rồi cứ theo đó mà đi. Chẳng hạn khi chúng tôi còn ở Hà Nội, muốn đi đến Đền Quán Thánh, vì KS ở gần bờ hồ, chúng tôi ra trạm bờ hồ hỏi, họ cho biết ngay là đi xe số 14 và khi trở về cũng cùng xe số đó. Đến khi trở vào Sài Gòn, muốn đi đến Chùa Hoằng Pháp Hóc Môn, tổng đài cho biết là đi xe 04 và đón xe ở Công Viên 23-9, muốn đi Da Kao thì đón xe 18 ở Hàm Nghi. Vậy cứ theo thể mà leo lên. Giá mỗi cuộc là 7000\$ (khoảng chừng \$.30us). Đi xe buýt có nhiều cái tiện lợi: an toàn, sạch sẽ, có máy lạnh, không phải hít bụi khói xe... Chúng tôi nghĩ thế và cũng vì không có cái mặc cảm là mình nghèo nên phải đi xe buýt. Đặc biệt là hành khách cao niên lại được miễn vé. Nhưng chúng tôi vẫn mua vé.

Xe Xích Lô đạp

Loại xe xích lô đạp tư nhân truyền thống trước đây hầu như đã biến dạng tại hai thành phố lớn. Thay vào đó, các chủ nhân loại xe này, phải vào đoàn thể, bác tài mặc đồng phục và chỉ được phục vụ trong các dịch vụ du lịch. Chúng tôi đã từng gặp nhiều đoàn du khách ngoại quốc ngồi xe đi diễu phố ở Hà



Nội, Đà Nẵng, Sài Gòn... hay có nhóm xe còn đạp thuê cho đám hỏi, đám cưới. Bác tài được trả công theo mức ăn chia nào đó đã được đoàn thể định trước giá biểu.

Trạm (Bến) xe Buýt.

Đây quả thực là một cách giải quyết tình trạng kẹt bến khá tài tình...

Trước đây bến xe Buýt Đô Thành Sài Gòn vẫn chiếm cứ khu công trường Quách Thị Trang trước chợ Bến Thành và đường Hàm Nghi. Quá chật chội! và nhất là nay Công Trường QTT đã bị phá đi để xây nhà ga Metro, bến xe buýt được chuyển về dọc theo đường Hàm Nghi.

Cứ khoảng vài mét là có bảng ghi tuyến đường và lộ trình xe chạy. Chúng tôi cũng ra đây chờ xe. Bạn hãy tưởng tượng hàng trăm xe buýt thành phố, nay không còn bãi thì đậu đón khách ở đâu. Thế mà ban điều hợp lượng xe buýt lớn thế không hề bị kẹt

xe mới lạ. Ai muốn đi đâu, xin đến ngay trạm xe buýt đó đứng chờ. Khi một xe buýt về đến bến Hàm Nghi là đã bỏ hết khách cũ xuống dọc đường, nên khi tới bến, xe đã trống, các hành khách đứng chờ trước, cứ việc bước lên và xe lại tiếp tục chạy. Xe chạy dọc theo đường Hàm Nghi như những con thoi. Tài xế không có giờ nghỉ khi tới bến Hàm Nghi như trước đây. Chạy chuyển theo giờ đã định. Họ phải ăn uống trên xe! Phần lái xe phần ăn! Tôi nói chuyện với một bác tài,

bác cho biết là không có dụ làm theo giờ hay ăn lương giờ như trước mà là ăn lương theo "chuyến". Hiện nay mỗi chuyến, tài xế được trả 46,000\$. Người bán vé (kiếm lờ

xe) được trả 30,000\$/chuyến. Chạy nhiều ăn nhiều, chạy ít ăn ít. Đó đó họ phải làm hơn 2 ca một ngày. Tôi hỏi một chú bán vé là làm việc như thế thì ăn ngủ nghỉ ngơi ra sao. Chú bán vé thản nhiên nhìn ông già râu tóc bạc phơ, trả lời, "Thưa Cụ, Cụ hỏi thì cháu trả lời: Cháu chả bao giờ thấy được bình minh hay hoàng hôn... Sáng 4 giờ cháu đã phải rời nhà. Đêm 10 giờ mới mò mẫm về đến nhà, ăn vội ăn vàng rồi đi ngủ. Riêng tối nay, 11 giờ đêm cháu mới có thể về đến nhà... giờ đó hy vọng mẹ cháu vẫn còn đợi cơm... Mỗi đêm cháu chỉ được ngủ nhiều nhất là năm tiếng..."

Trạm (Bến) xe đồ tư nhân.

Nói tới loại bến xe này, quả là một chuyện lạ! Phục tãi các chủ hãng xe đồ tư nhân đã khéo kết nối sinh hoạt, giờ giấc và phương tiện bến đậu!

Ngoại trừ một vài bến đò miền Đông và miền Tây có từ trước, các hãng xe đồ tư nhân dưới 20 chỗ ngồi được lập ngay tại trung tâm các phố thương mại đông đúc hừng hực tại Sài Gòn. Thế nghĩa là sao? Tài tình lắm các bạn ạ!

Nói về xe đò Hoà Mã chạy đường Sài Gòn/Bà Rịa, xe đò Phương Trang chạy đường Sài Gòn/Phan Thiết, hay xe đò Toàn Thắng chạy đường Sài Gòn/Vũng Tàu... Khi khách muốn đi xe, hẹn giờ đến mua vé, lấy số ghế, trả tiền, lên xe... Chỉ cần đến trước 15 phút. Xe có 5 phút chất hành lý lên xe. Đúng giờ là xe chạy. Đơn giản quá! Do đó không có nạn kẹt bến kẹt xe. Nhớ lần đầu tiên đi ra Mũi Né Phan Thiết, chúng tôi được hẹn đến bến xe Phương Trang trên đường Đề Thám (Lê Lai). Tôi ngạc nhiên quá! Nhìn mãi chẳng thấy bến xe đâu? Hoá ra đó chỉ là địa chỉ của văn phòng. Mười phút trước giờ khởi hành, một xe đò lớn từ đâu chạy tới, hành khách đang ngồi trong

phòng đợi tuá lên xe. Năm phút sau xe chạy. Bến xe trước văn phòng lại trống trơn. Lúc đó tôi mới biết, bến xe thời a-công @ tân tiến là thế!

Hôm 12-12 vừa qua, chúng tôi và một cặp bạn Việt Kiều muốn ra Vũng Tàu thư giãn để tránh cái ngột ngạt ở Sài Gòn vài ngày, chúng tôi gọi cho hãng TT có bến văn phòng đặt tại khu chợ Cũ để đặt vé. Họ không nhận tiền đặt vé trước. Khi hiện diện nhận số ghế khách mới phải trả tiền. Hãng này có hai loại xe, VIP Limousine 9 chỗ ngồi, nệm rộng lớn, êm hơn ghế máy bay. Giá 140.000\$vn/lượt. Loại xe thứ hai cũng là Limousine 16 chỗ. Giá vé là 90.000\$vn/lượt. Loại VIP xe sẽ đưa khách đến tận nơi. Khi đến VT, xe đưa chúng tôi đến tận KS và ngày ra về, đúng giờ hẹn, xe đến đón chúng tôi tại KS. Tiện lợi quá! Loại xe 16 chỗ không được phép đón khách ở bến văn phòng, mà đậu ở đâu không biết. Nhưng khách vẫn được hẹn đến bến văn phòng, sau đó được xe Innova chuyển tới khu có xe 16 chỗ đậu. Cái hay của loại xe đò này là rất đúng giờ dù có khi không đủ khách. Xe VIP của chúng tôi 9 chỗ mà lúc rời Sài Gòn chỉ có 5 người. Xe vẫn chạy. Lý do là không thể trễ hẹn với khách ở VT. Khi đi VT hoặc lúc trở lại Sài Gòn, xe không đón khách dọc đường nhưng có dừng lại tại Long Thành 15 phút cho hành khách đi "xả xui" và mua quà lưu niệm. Có thể thôi!

Những độc chiêu đối kháng của tài xế

Được trao đổi nhiều với nhiều bác tài UBER/GRAB, xem ra họ đều có vẻ miễn nguyện với công việc đưa đón khách kiểu này. Chưa thấy ai than thở. Một ngày trung bình cũng kiếm được 4, 5 trăm ngàn. Nhưng không phải vì thế mà họ không tung ra những chiêu mới đối với các chủ đầu tư ngoại quốc đang "đầu tư bất chánh không

cần có vốn” tại VN (?). Các hãng xe truyền thống tổ nhau thế!. Các tài xế đều là chủ xe hơi mới tinh của mình. Chủ đầu tư biết rõ tình trạng này để đưa vào thị trường một dịch vụ chuyên chở mới, trong khi đó tài xế cũng chẳng vừa, không để ai lợi dụng mình nên đã tung ra một đôi chiêu xem ra khá “mánh mung”. Trước tiên là làm việc đứng đắn để build cho mình một tên tuổi, hy vọng khách sẽ giới thiệu mình với người họ người kia. Dần dà, tài xế đã có một số khách hàng riêng tư mà không cần qua trung tâm. Cần thì khách gọi trực tiếp xế đến đón. Đã có rất nhiều công nhân viên văn phòng đi làm, thay vì lái xe riêng, nay gọi UBER/GRAB đưa đón. Bất kể đoạn đường ngắn dài, 10 ngàn, 15 ngàn... xe cũng đi. Có nhiều bà nội trợ đi chợ mỗi ngày, đều sử dụng GRABCar hoặc GRABBike. Nhiều bác tài còn chơi cả hai Smart Phone để làm việc cùng lúc cho hai hãng này. Khi đang chở khách của hãng này thì bác tài tắt máy phone của hãng kia đi để hãng không biết mình đang ở đâu. Sau khi đổ khách xuống, cả hai Smart Phone đều được mở lại để đón nhận chỉ định của trung tâm nếu có. Do đó, tài xế coi như khá bận rộn. Dĩ nhiên, doanh thu cũng khá ổn. Lúc ra Hà Nội hoặc vào Sài Gòn, chúng tôi đều “tuyển” một chú tài đã gặp buổi đầu tiên. Chúng tôi đi đâu cũng đều gọi chú đến đưa đón. Đúng giờ. Không sợ bị chặt chém hay hét giá. Một dịch vụ quá ư là tiện lợi cho người tiêu thụ. Ngoài ra cũng xin nói thêm là hầu hết những tài xế trẻ tuổi đều là người hiểu biết, biết mình biết ta. Một hôm tôi đi cắt tóc xuống phố tìm xe GRABBike, gặp được một thanh niên đến đưa đón. Khi trao đổi, mới biết anh ta có hai bằng đại học: Tốt nghiệp tin học và kinh tế, có công ăn việc làm ban ngày, nhưng ngoài giờ, anh lại chạy xe ôm để có

thêm thu nhập cho gia đình. Thật đáng khâm phục!

Đến đây có lẽ “kỳ sự đường dài” cũng đã khá đầy đủ với một sinh hoạt lý thú trong một “xã hội với một nền kinh tế thị trường được định hướng theo xã hội chủ nghĩa” (?) rất xô bồ, hỗn độn, bát nháo... người người phải vật lộn với cơm áo gạo tiền, rất hy vọng có thể góp vui với bạn đọc biết thêm về các phương tiện chuyên chở tại các thành phố lớn ở VN hiện nay. Tại phi trường TSN năm 2014, chúng tôi về chơi còn trông thấy bến xe Taxi truyền thống đậu hàng dài chờ khách. Vì chuyện tranh dành khách, taxi phải lần lượt vào đón khách theo sự chỉ định của nhân viên phi trường. Nay bến đỗ đã bị dẹp thay vào là các trung tâm giao dịch. Xe vào đón khách lại là các xe tư nhân – UBER hay GRAB nối đuôi nhau đi vào hành lang đón khách tại điểm đã hẹn với khách hàng một cách ngang nhiên. Tóm lại chúng tôi tương đối được thoải mái với lối điều hợp các dịch vụ di chuyển qua UBER và GRAB trong thời gian hai tháng ở Hà Nội và Sài Gòn.

Xin chào tạm biệt và hẹn quý bạn đọc trong một kỳ sự khác nhé!

PHẠM BÁ



DẪN... BÊN KIA BỜ NHỚ

Nguyễn Lân

Gặp chàng lần đầu, tôi không ngờ người ấy đa cảm, yêu văn chương, say mê nghệ thuật đến thế. Từ thuở nhỏ, trong đầu tôi những văn nghệ sĩ thường trông mảnh khảnh cao cao như Thạch Lam, Vũ Hoàng Chương, phải có mái tóc bồng bênh như Phạm Duy, Xuân Diệu, gọn sóng như Thẩm Oánh hay có vẻ cương nghị như Hoàng Đạo, sương gió như Nhất Linh (hồi trẻ).

Tác giả **Bên Kia Bờ Nhớ**, nhà văn Phạm Bá không có những nét đó. Dáng vóc mạnh mẽ, vạm vỡ lại còn thêm một chùm râu phơ phất dưới cằm đầy đàn ông tính. Ấy vậy, cách cư xử của chàng lại nhũn nhặn, trò chuyện chừng mực, nhẹ nhàng. Lối phục sức của chàng khi thì trẻ trung, khi thì bắt mắt với một thời trang đặc biệt. Nhìn chàng, tôi nghĩ tới một doanh nhân. Gần chàng, thấy chàng có tâm hồn bình dị, hòa đồng, đáng mến.

Văn là người! **BKBN** đã thể hiện phong cách của chàng. **BKBN** chứa chan cảm xúc, rạo rức ân tình, ngập tràn những kỷ niệm xa xưa khi Phạm Bá nhắc tới đất nước một cách chân thành. Lòng hoài cảm cố quận luôn nung nấu tâm hồn tác giả.

Đọc **BKBN** thấy chàng trân quý đi tìm những nét đẹp Việt Nam ngay trong lòng xã hội nhiều nhượng hiện tại mà nhiều người chúng ta-kể cả người đang viết những dòng này-cổ nhận chìm trong



quên lãng để khỏi phải nghĩ tới, khỏi phải đau lòng vì đất nước giờ đây vẫn trong tay bọn côn đồ Cộng Sản. Dù rời nước cả mấy chục năm trời, dù chấp nhận xứ này là quê hương thứ hai đã

cuu mang gia đình mình, chàng vẫn quần quai với những dấu lưu ký ức, những sở thích đầy tính chất Việt Nam.

Đọc **BKBN** thấy chàng là người thực tế trên xứ cờ Hoa mà vẫn mang lãng mạn tính của giọng giống Lạc Hồng. Hoàn cảnh đổi thay nhưng lòng người không thay đổi. Bên này bờ đại dương, chàng vẫn vọng về cố quốc. Đấy, vì sao **BKBN** ra đời.

Có lúc ý thức hệ chính trị đột hiện trong đầu, hình ảnh phụ thân bị Việt Minh (tiên thân của Việt Cộng) mang đi thủ tiêu, biệt tích, Phạm Bá cố xua đuổi nó trong cuộc hành trình thăm viếng cố hương để tận hưởng những gì đáng yêu còn rơi rớt trong lửa đỏ. Trong **BKBN**, chuyến thăm viếng Việt Nam chỉ để tác giả tìm lại quá khứ êm đẹp xa xưa, không phải để tranh luận màu cờ sắc áo. Tác giả đã chọn thái độ phi chính trị, chỉ nói đến tình hoa nước Việt, nét đẹp trời Nam. Phạm Bá có tâm hồn phóng khoáng.

BKBN dẫn người đọc đến những địa danh mà tác giả đã từng sống, nay trở về tìm lại. Phạm Bá viết từng chi tiết những danh lam thắng cảnh, đưa chúng ta vào những nơi chốn tuyệt vời. Cái đẹp ở miền Bắc từ thượng du xuống tới thung lũng sông Hồng Hà. Cái hấp dẫn của những cảnh quan trong Nam, từ chốn thôn dã tới đồng bằng sông Cửu Long. Từ vỉa hè, từ ngõ ngách của giới bình dân ở Hà Nội, Sài Gòn với những quán cóc nhậu nhẹt, quán ăn nghèo nàn đến những tiệm ăn sang trọng, lộng lẫy cho kẻ giàu tiền lắm bạc có cuộc sống vương giả, những hộp đêm, phòng trà ca vũ nhạc... Chàng tỏ ra sành sỏi, phân tích kỹ lưỡng từ giọng hát của ca sĩ đương thời tới những bước chân của kỹ nữ, và ngay cả dung nhan “mùa hạ” của họ. Chàng có khiếu thẩm âm, có cặp mắt thẩm mỹ đáng tin cậy. Đúng là một hướng dẫn viên du lịch lý tưởng cho khách nào muốn thăm viếng Việt Nam. Nếu không đi du lịch bằng đôi chân thì với cặp mắt lướt trên cuốn **BKBN** vẫn thấy những khung cảnh hấp dẫn qua ống kính thu hình và lối viết chân thành, giản dị, chính xác của tác giả Phạm Bá... Hòn Gai, Bãi Cháy, vịnh Hạ Long, Sầm Sơn, Đồ Sơn, Vũng Tàu... Từ biển lên núi phải kể đến chùa Yên Tử, nơi nghỉ mát Sapa... đẹp! Nếu quý độc giả là người sùng đạo Phật, Phạm Bá sẽ dẫn bạn tới những cổ tự nổi tiếng tại VN thanh tịnh mà lãng mạn không thua gì chùa Long Giáng trong Hòn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng. Nếu khách là người Công Giáo, Phạm Bá dẫn tới những ngôi nhà thờ xa xưa đặc sệt Tây phương tính. Tác

giả còn giới thiệu những đền đài, dinh thự mà trước kia bạn không có cơ hội bước vào.

Mà không phải chỉ ở VN đâu. Bạn có thể đi du lịch với tác giả ngay tại Bolsa, miền nắng ấm Cali. hay trượt tuyết tại Denver (Colorado), tới Albuquerque (New Mexico) để thưởng thức những món ăn kỳ lạ địa phương. Đọc đường cát bụi, Phạm Bá vẫn ghi lại những dấu tích đặc thù trên những trang giấy trắng. Xin để quý bạn thưởng lãm.

BKBN giới thiệu bao món ăn ngon trên khắp nẻo đường đất nước. Tác giả là một người thích ăn và sành ăn... từ những món bình thường dân giã như bánh kê, phở, ghe... đến cao lương mỹ vị như hầm sâm, nhật yến... ngay cả những món lạ lắm chỉ có ở nước nhà như tiết canh, thịt chó tác giả đều đã thưởng thức. Nhưng người hãm tiết canh, người thui thịt chó phải khéo vì Phạm Bá biết thấy, biết ngửi, biết nếm rất điệu nghệ. Và chàng viết ra, vẽ ra khiến người đọc phải nuốt nước miếng.

Qua **BKBN** người đọc nhận ra hướng dẫn viên du lịch này là tay ăn chơi có kỹ thuật. Thật lý tưởng cho những ai “nai vàng ngơ ngác” muốn trở về thăm lại chốn xưa.

Trong **BKBN** có hai truyện Phạm Bá viết chung với hiền thê, nhà văn Ý Nguyễn: Sapa, Gió Núi Mây Ngàn và Non Thiêng Yên Tử. Cả hai truyện đều có những cảnh quan tuyệt kỹ của núi rừng Tây Bắc, khí hậu quá tốt cho sức khỏe con người. Cặp vợ chồng này luôn sát

cánh nhau như “chim liền cánh, như cây liền cành”

Họ yêu nhau từ khi còn trẻ và chung tình mãi tới ngày nay. Họ thật đẹp đôi, xứng lứa từ tâm vóc, hình dáng, cử chỉ đến lối trò chuyện. Chắc hẳn quan niệm sống họ cũng gần gũi nhau từ ý tưởng đến suy tư. Phạm Bá có vẻ trang trọng hơn Ý Nguyên. Mới gặp tưởng chàng nghiêm nghị. Thật sự chàng vui tính, thích đùa dỡn. Ý Nguyên lộ rõ sự nhanh nhẹn, liến thoắng hơn chồng. Nữ lưu mà! Nhưng nàng là một đầu bếp đáng nể, đúng là người vợ cần thiết cho chàng. Chàng thích ăn ngon và nàng nấu ăn ngon. Chàng và nàng đều thích đi du lịch, đều thích trở lại những kỷ niệm thuở họ mới gặp nhau. Đôi uyên ương nào mà chẳng có những khác biệt về chi tiết nhưng chung chung cặp văn sĩ này rất hợp. Lối viết của họ cũng hao hao... cả hai đều trung thực, như bày cảnh quan, tình huống ra trước mắt người đọc. Hai người như viên phấn bẻ làm đôi được chấp lại khấn khít. Họ thật là hạnh phúc. Tôi lại nghĩ tới câu:

“Hai bên ý hợp tâm đầu

Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân”

(Kiều)

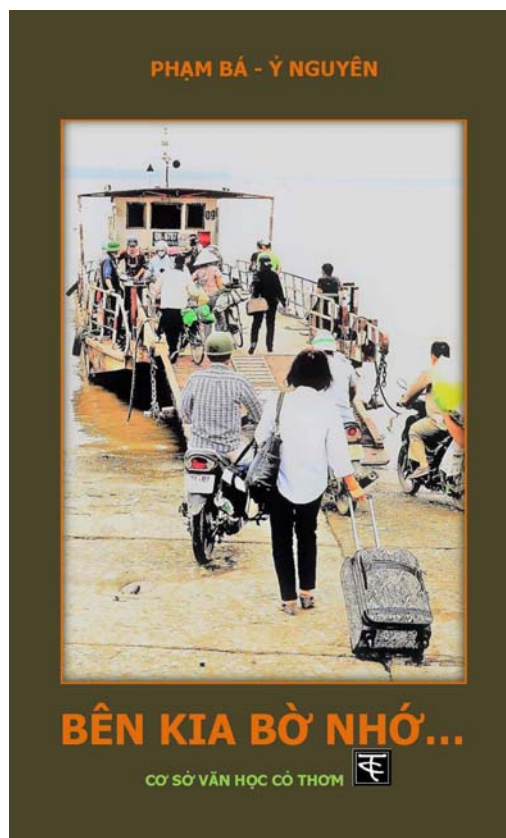
Khiến chúng ta Nhớ Bờ Bên Kia là một việc không dễ. Phải trung thực, phải khách quan, phải có kinh nghiệm trường đời và phải có sức lôi cuốn. **BKBN** hội đủ những điểm vừa nêu ra. Đây là một cuốn sách viết kỹ lưỡng về những gì tác giả đã sống, đã nếm mùi. Đọc để khơi lại cái hay cái đẹp của quê hương, để làm giàu sự

hiểu biết của chính bản thân, để đi du lịch bằng đôi mắt, để thấy chất xám của não bộ, sắc đỏ của dòng máu luân ly trong những tế bào cơ thể nuôi dưỡng tình tự Việt Nam.

Đọc đi! **BKBN** sẽ quyến rũ quý vị, những người mang nặng chất dân tộc Việt Nam.

NGUYỄN LÂN

Tháng 8 Năm 2017



Liên lạc **PHẠM BÁ:**
tuybut@verizon.net

VỀ MỘT TẤM HÌNH

Nguyệt Vy đã chụp bức hình này
Phóng lớn treo tường tự bấy nay.
Tuyển Tập Thơ Văn từng xuất hiện;
Cỏ Thơm Nghệ Thuật sẽ trưng bày.
Giờn đùa "Thủ Phạm" hình vui quá;
Trịnh trọng "Thi Nhân" ảnh đẹp thay.
Đã bảo cháu con mai khuất bóng
Đề thờ trên kệ khói hương bay.



Nguyễn Phú Long.

HÌNH ẢNH LƯU GIỮ

Cám ơn thi sĩ xướng thơ này,
Ta biết nhau hai thế kỷ nay.
Tạp chí Cỏ Thơm còn quý mến
Văn chương sách đẹp vẫn trình bày.
Cười đùa dăm phút tươi thêm nhé;
Bồn cợt đôi câu vui lắm thay.
Hình ảnh trẻ trung lưu giữ lại;
Đời sau thương nhớ khói mây bay.



Nguyễn Thị Ngọc Dung.

GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG

Trong khoảng giữa tháng 8/2017, biên khảo gia Phạm Văn Tuấn thường đưa lên emails những bài thơ của thi sĩ Nguyễn Phú Long với tấm hình trông rất vui vẻ trẻ trung. Đồng thời Ngọc Dung cũng đang trình bày bài viết "Thơ Nhạc Ca Ngâm" của anh NPL cho Cỏ Thơm số 79. ND đã xin anh PVT gửi cho cái hình đó của tác giả NPL để điền vào khoảng trống cuối trang giấy. Khi nhận được hình ND đã trả lời anh PVT: "*Cám ơn anh Tuấn. Chính danh thủ phạm rồi*". Nhà thơ NPL thú vị mấy chữ "*chính danh thủ phạm*" đã viết nên bài thơ "Về Một Tấm Hình". ND cũng vui lây họa lại với bài "Hình Ảnh Lưu Giữ" và kèm theo cái hình ND cũng có phong cảnh vườn cây Richmond mà nhiếp ảnh gia PVT đã chụp cách nay 10 năm. Giải thoại văn chương là thế.

BÁO OÁN

Tạ Quang Khôi

LTS Đây là truyện mới nhất của nhà văn kiêm nhà giáo Tạ Quang Khôi. Ông viết truyện này để ăn mừng sinh nhật thứ 90.

Cương là một thanh niên rất đẹp trai nên được nhiều gái mê, kể cả gái có chồng, trong đó có Tuyết Phương. Trọng, chồng Tuyết Phương, là người hiền lành, chân thật. Chàng rất yêu vợ và không bao giờ nghi vợ ngoại tình. Nhưng một hôm, chàng nhận được một lá thư của người vô danh vì địa chỉ người người gửi bỏ trống. Chàng liền mở ra coi, chỉ thấy một tờ giấy có hình một cặp sừng. Chàng rất ngạc nhiên vì không hiểu ý nghĩa của cặp sừng và cũng không rõ đó là sừng bò hay sừng trâu. Suy nghĩ một lát, chàng cho là người gửi đã làm địa chỉ, chàng ném thư vào sọt rác. Nhưng ba hôm sau, chàng lại nhận được thư người vô danh. Lần này, cũng lại một cặp sừng, nhưng lớn hơn cặp trước. Chàng lại ném vào sọt rác. Rồi, ba hôm nữa, chàng lại nhận được thư người lạ. Chàng định không mở ra đọc, nhưng tò mò nên vẫn cứ mở. Lần này, ngoài cặp sừng, chàng còn thấy chữ NGU màu đỏ và đậm nét. Thoạt tiên, bị mắng là ngu, chàng tức lắm, nhưng sau khi nghĩ kỹ lại, chàng

chợt hiểu ra ý nghĩa của cặp sừng. Phải chăng chàng bị mọc sừng, nghĩa là vợ chàng ngoại tình

Sau một đêm trằn trọc suy nghĩ, chàng quyết định bí mật theo dõi vợ khi nàng ra khỏi nhà. Rồi sau nhiều ngày bí mật theo dõi và chụp hình nàng đi chơi với Cương, Trọng quyết định thuê luật sư để xin ly dị vợ. Chàng hiền lành nên không muốn làm lớn chuyện ồn ào. Ngay cả khi hai người chia tay theo quyết định của toà án, chàng cũng sẵn sàng cho vợ mang theo rất nhiều thứ quý giá, dù không phải của nàng. Chàng thâm nghĩ không phải sống chung với người đàn bà hư hỏng là vui rồi.

Về phần Tuyết Phương, sau khi chia tay với chồng, nàng tìm gặp ngay Cương, đề nghị hai người chính thức kết hôn. Cương trở mặt hỏi :

“Em nói chi kỳ vậy ? Mình chính thức thành vợ chồng ?”

Tuyết Phương nói bằng giọng nũng nịu:

“Bây giờ em được tự do rồi, mình thành vợ chồng, luôn luôn ở bên nhau. Bộ anh không vui sao ?”

Phong giữ im lặng một lúc khá lâu, rồi từ từ nói :

“Không, mình không thể thành vợ chồng được. Em lớn hơn anh những năm tuổi, đáng tuổi chị anh, làm sao thành vợ chồng được.”

Tuyết Phương trở mặt nhìn chàng, rồi chợt hiểu mình chỉ là kẻ bị lợi dụng, Cương không thật lòng yêu nàng. Một mối đau tràn ngập lòng nàng. Thì ra nàng đã bị cái vẻ đẹp trai và tuổi trẻ của

hắn quyền rũ nên mới bị lợi dụng. Bây giờ biết tính sao đây ? Một mối tuyệt vọng dâng cao trong hồn nàng. Vì sự tuyệt vọng đó, nàng uất ức, căm thù Cương. Hắn đã làm cho cuộc đời nàng lỡ dở, bỏ người chồng hiền lành, nhân đức. Mối tuyệt vọng của nàng biến thành mối oán thù. Nàng thầm nghĩ không thể tha thứ hắn được, phải trả thù. Nhưng trả thù thế nào thì nàng chưa nghĩ ra. Đâm chém ? Nàng không đủ can đảm và sức lực.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, Tuyết Phương nghi Cương đã có người yêu khác. Con người đẹp trai ấy không thể không có nhiều tình nhân. Vậy, nàng phải tìm cách theo dõi để khám phá ra người Cương thật sự yêu thương. Điều này không có gì khó khăn, vì Cương và người yêu thường gặp nhau, lúc ở ngay nhà chàng, lúc thì hai người đi ăn tiệm. Người yêu của Cương rất trẻ, nhưng sắc đẹp chỉ vào loại trung bình. Điều đáng đáng để ý nhất là cái bụng hơi lớn của cô ta. Phải chăng cô đang có bầu và tác giả của cái thai chính là Cương ? Nếu đúng như vậy, làm sao Cương có thể bỏ rơi người tình được !

Một ý nghĩ thoáng hiện trong óc Tuyết Phương, phải phá cái thai đó đi ! Đó cũng là một cách trả thù. Nhưng làm thế nào để có thể phá thai của người ta được ? Ngay thai của mình phá đã khó, nói chi thai người khác.

Mối buồn và oán hận mỗi ngày một lớn, làm nàng mất ăn mất ngủ thường

NỤ XUÂN CHƯA NỞ

*Em ngồi hong tóc đón xuân
Long lanh ướt giọt ái ân đêm ngủ
Đôi chim oanh hót. Ngoài xa.
Gót hồng em nhẹ vòng qua tháng ngày.*

*Sao đành hờ hững hương bay
Nụ xuân chưa nở, mắt nai đã chờ
Ngậm ngùi se thắt duyên tơ
Người xa xôi tặng.. bài thơ u buồn..*

*Em ơi, kiếp sống vô thường
Bình minh sương tạnh, hừng dương chói lòa
Đường về cõi tịnh đầy hoa
Đạo tràng khai lối.. nở ra sen hồng*

*Từ hôm vào cõi tịnh không
Nghe trong ánh mắt, tiếng lòng độ tha...*

Đón Xuân Quý Ty, 2013

BÙI THANH TIÊN

xuyên. Người nàng gầy xẹp đi rất nhanh. Rồi, một hôm, nàng đang lái xe thì cảm thấy trong người rất mệt mỏi, chân tay run rẩy. Đến một khúc quanh, nàng lạc tay lái, leo lên lề, đụng mạnh vào một gốc cây, ngực va vào tay lái khiến nàng hộc máu ra miệng, rồi chết luôn.

x

Người yêu của Cương, bây giờ chính thức là vợ chàng, sau mười tháng

có thai đã sinh một con gái. Hai vợ chồng Cương mừng lắm, Đứa bé trông rất xinh, trắng trẻo, bụ bẫm. Rồi, năm tháng qua mau, đứa bé lớn nhanh như thổi. Nhưng càng lớn càng giống Tuyết Phương. Cương rất ngạc nhiên. Vợ chàng đâu có phải là chị em với Tuyết Phương, chính nàng cũng không biết cô ta là ai. Chàng suy nghĩ nhiều ngày, nhiều đêm mà không sao giải thích được sự giống nhau này.

Một điều đặc biệt khác nữa là càng lớn đứa bé càng nhìn chàng bằng đôi mắt thù ghét, trợn trừng đến nỗi chàng không dám đến gần nó nữa. Tất nhiên không dám bế ẵm nó. Chàng không biết hỏi ai để có thể giải thích chuyện kỳ lạ này. Vợ chàng vừa ngạc nhiên vừa tức giận vì chồng không còn thương con nữa.

Còn điều đặc biệt khác là đứa bé đã lên 5 mà không nói được dù vẫn hiểu người khác nói gì. Nàng quyết định đưa con đi bác sĩ. Nhưng khi gặp bác sĩ, nó vẫn có thể trả lời những câu hỏi của bác sĩ. Như vậy, nó không bị câm. Nàng hoàn toàn không hiểu tình trạng con ra sao. Không câm mà không chịu nói, thật kỳ lạ.

Rồi, bỗng một buổi sáng, nàng không thấy chồng dậy uống cà phê như mọi khi. Hai người ngủ riêng phòng từ khi chồng nàng không dám lại gần con. Nàng thấy chồng chum kín chắn, bèn lật chăn ra và nắm lấy bắp tay chàng để đánh thức chàng. Nàng giật mình vì người chàng đã lạnh toát. Nàng hoảng sợ, chạy vội ra khỏi phòng và dùng điện thoại cầm tay để gọi 911. Chỉ 15 phút sau, một xe cứu thương

tới đưa xác Cương vào bệnh viện. Bác sĩ khám nghiệm cho biết chàng bị bóp cổ chết hồi đêm và ông còn cho biết... hai bàn tay bóp cổ là hai bàn tay nhỏ của con nít. Mọi người rất ngạc nhiên về chuyện này. Không lẽ đứa bé, chính con chàng đã bóp cổ cha ? Không thể có đứa bé nào khác từ bên ngoài lén vào giết người. Làm sao giải thích được chuyện này !

Bác sĩ gọi riêng vợ Cương vào phòng mạch để hỏi về đứa con gái chung của hai người. Nàng cho biết đã lâu Cương không lại gần con, mà chàng cũng không cho biết lý do tại sao.

Suy nghĩ một lát, bác sĩ đề nghị vợ Cương cho ông gặp riêng đứa bé. Nhưng lúc nàng trở ra phòng đợi tìm con thì không thấy nó đâu. Nàng hoảng sợ chạy khắp nơi để tìm con, nhưng hòng toàn vô ích. Mặt nàng tái nhợt, chân tay run lẩy bẩy. Có người thấy tội nghiệp nàng, vội gọi cảnh sát tới giúp nàng tìm con. Nhưng rồi, cảnh sát tới cũng không tìm thấy đứa bé. Cảnh sát phải đưa nàng về nha bằng chính xe nàng.

Về đến nhà, viên cảnh sát phải dìu nàng vào thẳng phòng ngủ để nàng có thể lên giường nằm nghỉ.

Khi mở cửa phòng ngủ, hai người đều giật mình thấy đứa bé đang nằm trên giường. Viên cảnh sát định bế nó để lấy chỗ cho mẹ nó cùng nằm. Nhưng ông giật mình vì nó đã lạnh toát. Nó chỉ còn là một cái xác không hồn.

Tạ Quang Khôi

2 12 2017

CỎ THƠM

TÌNH QUÊ TRÊN ĐẤT KHÁCH

*Chiều chiều ra đứng bờ ao
Trông về Quê Mẹ ruột đau chín chiều
(Ca dao Việt Nam)*

VŨ NAM

Đầu tháng chín năm vừa qua, trên đất nước Hoa Kỳ, Tường có dịp đến thăm nhà anh chị Hoàng. Từ nhà người bạn đến nhà anh chị nhờ có Navi và không kẹt xe nên chạy khoảng một giờ đồng hồ, như anh đã nói trước trong điện thoại.

Trên đường chạy xe đến anh, Tường nhớ lại thời gian còn nhỏ ở quê nhà, nhớ lại vùng quê miền biển của hai anh em.

Vùng quê thơ ấu đó có những buổi sáng mùa xuân mát mẻ, với chiếc áo sơ-mi mỏng, chiếc quần đùi mặc trên mình là có thể ra đường "quần" cả ngày với bạn bè, hay với những trò chơi trẻ thơ. Ngay cả trong mùa đông cũng vậy, cũng với chiếc áo chiếc quần mỏng ấy đã đi qua những ngày lạnh, ngày biển động, ngày có gió bắc về khi chuẩn bị đón Tết. Thời đó, chưa bao giờ Tường thấy một chiếc áo ấm cho trẻ con. Ai sợ lạnh không dám ra ngoài thì cứ ngồi co ro trước cửa nhà chờ nắng lên. Nắng sẽ mang đến hơi ấm. Cũng không lâu đâu, buổi trưa trời chắc chắn sẽ nóng, bất luận thời gian nào trong năm.

Nhưng nóng nhất phải kể là trong mùa hè, mùa ba tháng bãi trường, nóng đến nỗi chó còn phải dãi. Để chống nắng, bọn con nít như Tường chỉ còn trưa trưa xuống biển bơi lội cho mát. Biển khi đó dù đầy xuồng

lớn nhỏ đang vào, hay đang neo để mang cá xuống, nhưng nước vẫn trong và vẫn còn đủ chỗ cho bọn con nít vùng vẫy, cũng là dịp để "hôi" những con cá rớt ra từ những tấm lưới dính đầy cá, khi các chú đi biển muốn mang những tấm lưới đầy cá này từ xuồng sang qua những con bò vác lưới bằng cây. Thời ấy xuống đi lưới Hai, lưới Bén trưa mang cá vô nhiều lắm, cá hường, cá mòi, cá đù, cá ngao, cá bạc má, dổi dạ, xanh xương, cá hổ v.v...

Nhưng những ngày hè trống trải ấy nếu không xuống biển tắm, thường Tường sẽ vào đồng để chăn bò, cưỡi bò, bắt dế, bắt cá lia thia cho đá, bắt bọ rày cho bay ... Những trò chơi cho qua mùa hè, cho qua thời tuổi thơ rong chơi của những đứa trẻ miền quê.

Lúc 9, 10 tuổi (năm 63, 64) Tường không biết anh Hoàng. Biết anh là thời gian lớn hơn, khi 13, 14, lúc đang học ở Bà Rịa, lúc đó nghe nói anh là họa sĩ. Thời nhỏ, thỉnh thoảng có dịp vào nhà anh là vì bà nội kêu Tường vào nhà bà nội anh do việc hụi hè. Hai bà là bạn già rất thân với nhau. Nhớ là không lần nào gặp anh khi vào nhà nội anh, có thể anh đang đi chơi, hay đi học, đi làm xa. Mới đây mà cũng 50 năm rồi!

Sau này, ra hải ngoại, khi nhận được Đặc San trường Bán Công Lê Văn Duyệt Phước Hải do anh từ Mỹ gửi qua Đức tặng, hai anh em mới có dịp liên lạc, qua E-mail, qua điện thoại. Thật ra hai anh em chẳng có kỷ niệm tuổi thơ gì với nhau cả, vì tuổi tác cách nhau và nhà thì cũng cách nhau khá xa, dù căn nhà của nội anh nằm chỗ ngã tư

Bà Đạo Nhảy, khoảng đầu đường vô hướng hai ấp Long Phù, Chùa Bà, có thể nói là con đường mà Tường đi vào rất thường, vì đi chơi cũng có mà vì vào nhà bạn Thiện cùng học chung lớp cũng có.

Lúc nhỏ, cứ chủ nhật, không đi học, sáng sớm Tường đã theo xe bò chú tư Hóa để vô ấp Chùa Bà chơi, nơi nhà chú có ruộng vườn khá lớn. Chiếc xe bò sau khi giựt dóc, kéo đánh vòng qua ngã ba Ông Tổng, lên đường xứ đỏ là đến lúc thỉnh thoảng xe bò có thể chạy như... xe... tăng. Vì dù đường xứ đỏ nhưng nền đường được cán, nén rất cứng, còn vòng bánh xe bò thì làm bằng niền sắt, lúc đi xe còn trống, nên mỗi khi muốn cho hai con bò kéo xe chạy, con chú tư, hay chú tư cứ quất mỗi con một roi trên lưng là hai chú bò sẽ kéo xe chạy tung tung, người ngồi trên xe bò thấy cũng khoái vì y như ngồi trên xe tăng (tường tượng thôi, chớ chưa được ngồi trên xe tăng lần nào). Khi xe vòng qua ngã tư chùa Bà Đạo Nhảy để vô hướng Long Phù là xe bò từ từ chậm lại vì đường lộ nhưng lâu ngày đã bị một lớp cát dày phủ lên, thỉnh thoảng có gió, cát tung lên thành bụi cũng mịn mịn, nhất là khoảng trước nhà Thiện (Ông Ba Nhà Lâu). Ở trên đoạn đường này hai chú bò cứ đều đều chậm chậm kéo xe, vì đất cát muốn chạy cũng không nổi dù có bị đánh đòn.

Đến chùa Bửu Long (lúc đó gọi là chùa Sân Banh hay chùa Cây Dương?), ai đi Long Phù cứ đi tiếp, ai đi Chùa Bà thì quẹo mặt để bắt đầu cho xe bò vượt đoạn đường cát. Đường đi vào Long Phù được rải đá, tráng nhựa, nhưng vì đã lâu nên đường cũng loang lổ, dù thế xe bò vẫn còn đi khỏe, nhưng đường đi Chùa Bà, sau khi đi qua chùa Bửu Long bò phải kéo xe giựt dóc. Buổi sáng còn

đỏ, buổi trưa hai con bò kéo xe ngang đây mới mệt, nhất là những lần phải kéo xe có chở đồ nặng. Khi xe bò lên đến đỉnh dốc là Tường có thể nhìn những hàng dừa, đồng ruộng Chùa Bà xa xa phía trước.

Một ngày cuối tuần ở Chùa Bà chỉ có chơi đùa, xuống ao vạt bèo, múc nước vô thùng, khiêng lên, phụ con chú tư tưới vào mấy hàng rau cải. Không việc gì làm thì tụi này cura tre trúc làm ống thụt bắn với trái cò ke, bắt cá lóc nướng rom, đi lên đi xuống qua vườn nhà chú ba Đản, hay vườn nhà ông Biện Lễ v.v... Phụ việc cho chú tư Hóa thì ăn cơm trưa luôn với gia đình chú. Khoảng ba giờ chiều là sửa soạn lên xe bò trở về nhà.

Vô ấp Chùa Bà chơi mà gặp sau mùa gặt là một trong những kỷ niệm „tuyệt vời“ của Tường. Kỷ niệm trẻ thơ vẫn sống mãi với những gốc lúa sau mùa gặt. Màu vàng chân cây lúa sau khi thân đã bị cắt (gặt lúa) nằm tro lại trên những cánh đồng đất tương đối đã khô. Đâu đó vài nhúm lửa, ngọn khói, xa xa trong buổi chiều tà dưới ngọn gió Tết. Bác nông dân đang dọn dẹp lại cánh đồng, hay lũ chăn bò đang gom rom đốt chuột đồng, cá lóc cá trê vừa bắt được. Cúm khói màu tro than xa xa bay lên không trung báo hiệu sự yên ả của làng quê sau vụ mùa, thu hoạch đã xong. Thường sau ngày đem lúa về nhà rồi, chú tư Hóa thế nào cũng đem một nồi xôi chè vào cúng. Cúng để đền ơn đất nước, thần linh đã giúp cho một năm mùa màng được thanh đạt, lúa được đầy bờ. Sau khi cúng tất cả mọi người được thưởng thức món chè xôi do tự tay thím tư nấu. Ngày cúng xôi chè này gọi là cúng ruộng. Tường nhớ là hồi nhỏ, năm nào cũng ăn chè cúng ruộng của nhà chú tư...

Một ngày có việc đi ngang chùa Bửu Long nhưng lại làm việc „chùa“ cho nhà

chú tư, chớ không có làm „công quả“ cho chùa. Ngôi chùa nằm đơn độc dưới những hàng dương cao, bao quanh có vài cái mả và cát trắng, tương đối xa hàng rào Ấp Chiến Lược. Chùa rất xa làng. Ngôi chùa Phật độc nhất của làng Phước Hải thuở ấy, và nghe nói cũng chỉ có một vị ở tu trong chùa. (Làng Phước Hải còn có Dinh Ông Nam Hải, Miếu Bà, Thánh Thất Cao Đài).

Viết đến đây Tường vẫn còn nhớ dáng đơn độc của ngôi chùa Bửu Long thời đó, nằm một mình trống trải giữa vùng cát trắng bao quanh, vài ba cây dương xanh được trồng ở ranh chùa như che gió bão cho ngôi chùa. Buổi trưa đi ngang qua chùa thường nghe tiếng của những cành dương, lúc nhẹ nhàng vì vu khi gió thổi nhẹ, lúc rả rích như có tiếng hú của người xa xa khi ngọn gió từ biển thổi vào hơi mạnh. Những cây dương như những người thân đứng cùng với ngôi chùa để chắn gió và đêm thời gian đi qua, làm nhân chứng cho thế sự thăng trầm của làng chài Phước Hải.

Chuyện quê khi có dịp đi ngang qua hay đi vào căn nhà có vài ba cây nhãn trồng trước ngôi nhà của anh Hoàng là như vậy.

Trở lại chuyện ở nước Mỹ. Khi đến nhà anh Hoàng khoảng 10 giờ 30. Thành phố Salem, tiểu bang Oregon, nơi gia đình anh cư ngụ trời quang mây tạnh, gió không có, nắng hanh, nhưng vì là vùng tây bắc Mỹ nên không khí hơi lạnh lạnh, dù là hè. Thấy anh chị vui khi Tường đến, nên tự mình cũng thấy vui. Từ quê nhà miền biển, giờ mỗi đứa trôi dạt mỗi nơi, kẻ Âu Tây người Mỹ Quốc, hôm nay gặp nhau ở quê người, dù không khí lạnh nhưng lòng vẫn thấy ấm cho tình cảm từ xa xưa dẫn đến ngày hôm nay, gặp nhau trên đất khách.

Đến anh chị vài ba tiếng mà có đến hai bữa ăn. Bữa điểm tâm muộn với Phở do vợ chồng cô con gái anh đãi. Món ăn có ngon nhưng không bằng không khí ấm áp trong nhà của cháu. Nhà cửa ấm, tình đồng hương cũng ấm. Gặp hai vợ chồng cũng thuộc dạng hiếu khách nên cuộc chuyện trò rất vui, dù mọi đề tài, từ Đức sang Mỹ, kinh tế, chính trị, và vấn đề tị nạn đang nóng bỏng ở Âu Châu. Sau đó còn kéo qua việc đi du lịch ở Hạ Uy Di (Hawaii) của đại gia đình anh Hoàng. Qua tài kể chuyện của anh chủ nhà nghe cảnh ở Hạ Uy Di thật là đã. Tường cũng đã từng nghe anh bạn ở Đức từng đi du lịch Hạ Uy Di về kể rồi, nhưng nghe anh chủ nhà hôm nay kể thấy hấp dẫn hơn nhiều. Bởi vậy đâu phải ai kể chuyện cũng hay. Phải có khiếu kể.

Ăn điểm tâm ở nhà con anh chị xong, anh Hoàng rủ Tường đi ra giữa phố chính của thành phố để chụp hình. Biết trả lời sao đây, yes hay no, khi đã gặp họa sĩ kiêm phó nhóm. Nhưng Tường cũng biết rõ đây là ý tốt của anh. Thôi làm „người mầu bất đắc dĩ“ cho anh vậy! Anh kêu đứng chỗ này, cạnh cụm hoa, đứng chỗ kia vì ánh sáng, đến chỗ nọ vì sau lưng có cảnh đẹp, ngừng chỗ này vì cạnh có tòa nhà to lớn của thành phố, lịch sử lâu đời, cả trăm năm. Ngay cả đứng trên các thảm cỏ xanh thường là để các cô người mầu mà anh cũng kêu leo lên đứng dậm chân lên cỏ để „tạo kiểu“. Vừa chụp, vừa đi, anh cũng vừa kể chuyện về những lần đi chụp hình chung với các nhiếp ảnh gia khác. Anh nói thật là vui, thật là thú vị trong những lần đi chụp ảnh chung. Chụp xong, mọi người xem lại tất cả các ảnh vừa chụp một cách thú vị. Tường thật sự mù tịt về chuyện chụp hình, cứ thấy cảnh thấy người

nào đẹp hoặc có ấn tượng mạnh thì chụp, chứ không có chỉnh sửa, bố cục nội dung, màu sắc ánh sáng gì cả. Không có học. Thôi học và biết nhiều quá cũng mệt.

Về chuyện chụp ảnh, nhờ các phó nhóm và Internet mà chúng ta thấy được hình ảnh Việt Nam và thế giới. Nhất là những hình người Việt Nam: người nông dân, người làm biển, dân chài, người làm muối, làm ruộng, những cô gái vùng Sơn Cước, Sapa, sông Tiền sông Hậu với áo bà ba, mái chèo và các màu áo đỏ xanh vàng tím ... và cả thú vật trên trời dưới biển. Thật cảm ơn các nhà nhiếp ảnh! Cảm ơn Internet! Vì họ cho chúng ta thưởng lãm những vẻ đẹp của tạo hóa ban phát cho cuộc đời. Những bản nhạc trong Youtube đã lộng đầy những hình ảnh thật đẹp về cảnh quê, về con người, về tình yêu trai gái, xem thật đã mắt.

Ngay làng chúng ta, làng đáng cá Phước Hải, cũng nhờ các nhiếp ảnh gia, những người chụp hình xa lạ hay người mình, ta mới có được, thấy được, thưởng ngoạn được cảnh đẹp của quê hương làng chài, của đời sống, công ăn việc làm của người dân biển. Hình xuống ra khơi với sóng to. Hình hai vợ chồng ngồi vớ lưới trong buổi chiều tà. Hình chiếc thúng với đầy người bu quanh xem cá. Hình bãi biển rộng dài khi nước biển cạn xa với các em bé gái đang chơi nhảy dây hay đang phụ má ăm bồng đứa em nhỏ v.v...

Hay như cảnh núi Kỳ Vân, núi Châu Viên và các chùa chiền trên núi, cảnh bờ biển với những mòm đá và dòng cát trắng chạy dài từ xóm biển xuống đến đèo Nước Ngọt, mà con dân Phước Hải xem được cũng là nhờ những người chụp ảnh của quê hương.

Chuyện đi "tạo cảnh" chụp hình tương xong, ai dè khi trở lại nhà anh chị Hoàng, Tường lại phải ngồi ăn tiếp bữa cơm. Phở của diêm tâm muộn chưa tiêu xong, giờ đến bữa cơm xế trưa. Từ chối thế nào cũng không được với chị Hoàng. Chị nói chị nấu canh chua Phước Hải, phải ở lại ăn. Thế có chết không! Ai lại có thể từ chối món ngon của quê hương? Chị Hoàng nói cá Mỹ rất ngon, và nấu y theo kiểu nấu ở Phước Hải. Bữa cơm ngon thật! Món cá chua thật „tuyệt cú mèo“ dù nấu trên đất nước người với củi lửa, nước, rau của Mỹ. Ăn xong anh chị chưa cho về, còn chèo kéo cho món tráng miệng với dưa hấu đỏ.

Vừa ăn dưa hấu Tường vừa thấy lo trong bụng vì phải về cho kịp giờ hẹn ở nhà một người bạn ở gần thành phố Portland. Chạy xe thì chỉ một tiếng là đến nhà bạn thôi, nhưng biết sao được khi chiều chủ nhật, chắc gì đường không bị kẹt xe. Lúc sáng lên nhà anh chị Hoàng còn hơi sớm, cuối tuần người Mỹ còn ngủ, ít ai ra đường, vậy mà cũng đã thấy xe chạy đầy đường, giờ 2, 3 giờ chiều ai đoán được chắc là không kẹt xe.

Chia tay anh chị, lên xe chạy một mạch về đến nhà bạn đúng một tiếng đồng hồ như đã dự định vì nhờ không kẹt xe, vậy mà khi đến nơi còn bị một ông bạn có vốn là to tiếng nhất la lên, lẹ lẹ đi Tường vì đến giờ đi rồi, làm mình cũng cuống quýt. Cùng lúc lại cũng nghe được điện thoại từ anh Hoàng. Anh muốn hỏi thăm, về đến nơi an toàn chưa. Thật đúng là tình quê trên đất khách! Xin cảm ơn cho một lần gặp gỡ anh chị Hoàng trên đất nước của Nữ Thần Tự Do.

VŨ NAM (Germany)

XUÂN TÌNH

Xuân sang với nắng chan hòa,
Mưa phùn lất phất nhạt nhòa như mơ.
Đầu Xuân đi lễ dề thơ,
Đôi lời chúc tụng ngu ngô tặng " Người "

Yêu Em Anh nhớ nụ cười,
Đôi mắt lóng lánh gấp mười vì sao.
Em Tôi vẻ đẹp thanh cao,
Miệng cười lúng liếng biết bao Xuân tình.

Vui Xuân lễ Hội linh đình,
Cùng đi Chợ Tết đôi mình nghe Em?
Người đông tấp nập đua chen.
Áo Em lụa thắm thân quen thuở nào .

Để Anh thương nhớ đợt đào,
Đôi môi hồng sắc "hoa Đào" mùa Xuân.
Nhìn Hoa đẹp đến buâng khuâng
Hương Hoa lan tỏa láng láng tuyết vời.

Ngày Xuân tươi đẹp đón mời,
Du xuân ngắm cảnh bên Người yêu thương.
Đưa Em đi lễ "Chùa Hương".
Người đi chẩy Hội khói vương ,sương mờ.

Hàng dài lũ lượt đợi chờ,
Thấp nhang lễ Phật mong nhờ bình an.
Cuộc đời bớt nỗi gian nan.
Dân giàu ,nước mạnh vẻ vang "Tiên Rồng"

SỐ 80

Trời Xanh mây trắng bình bồng,
Đón Xuân Mậu Tuất , tình nồng bên Em.
Mai ,Đào khoe sắc đua chen.
Tình Xuân thắm đượm như men "Đuợc Đào"

Thái Hưng/Pgh

MÙA XUÂN BƠ VƠ

Mưa chi thắm ướt bài thơ
Nghe tim đơn lạnh tình hồ nổi trời
Sao người quay bước xa tôi
Đem về chăn gối bồi hồi hương xưa.

Còn đây tiếng vọng âm thừa
Đóng lòng hoà nhịp gió đưa cung đàn
Tình ca nửa khúc vội tan
Trầm tư ru khúc thời gian muộn màng.

Đành thôi xa cách địa đàng
Bơ vơ nỗi nhớ lỡ làng tịch liêu
Nhạt nhòa chiếc bóng hắt hiu
Tay ôm kỷ niệm đếm chiều lãng du.

Tầm Xuân cánh dắm sương mù
Từng trang thư cũ theo phù vân bay
Mơ tìm nửa cuộc tình say
Vần thơ chấp cánh gió bay phương nào.

Đỗ Thị Minh Giang

139

NĂM TUẤT NÓI CHUYỆN CHÓ

+++++

Tôn Nữ Mặc Giao

Tôi tỉnh giấc khi chợt “smell” được cái mùi lạ đang ve vuốt khắp trên thân thể tôi. Giật mình mở choàng mắt dậy quan sát, họ vẫn không ngừng vuốt ve tôi từ những đôi bàn tay của hai cô gái nhỏ. Hốt hoảng, tôi thụt đầu lại nép sát vào một góc của cái rỗ nằm bé tí xíu. Chuyện gì đây? Tôi biết mình đã bị bắt rời ra khỏi các anh chị em và mẹ để được đưa đến gia đình một người chủ khác vào buổi sáng ngày hôm nay rồi sau khi nghe được mẫu đối thoại giữa đôi vợ chồng bà chủ cũ của tôi:

- Cái đám chó này nếu em không giải quyết được anh sẽ bung cho hết vào “Human society” để họ muốn làm gì chúng thì làm.

Bà chủ cũ của tôi phản đối:

- Sao anh ác thế? Họ sẽ giết chúng đó!

Ông chủ cũ của tôi làu bàu:

- Đã bảo nuôi chó đực thôi, đừng nuôi chó cái nó sinh sôi nảy nở làm sao mà “take care” cho nổi? Nhà đã có một con chó đực rồi, tham làm chi? Ham xin về thêm một con chó cái, năm nào nó đẻ cũng phải khổ sở tìm người đem cho, bộ em tưởng ai cũng thích chó như em vậy hả? Bây giờ em làm sao thì làm, anh nói rồi, đem cho hết cả mẹ lẫn con đi, anh không muốn nuôi nữa! Chỉ giữ lại con chó cha mà thôi.

Bà chủ của tôi xụ mặt:

- Anh nói chuyện, bây giờ thử nghĩ nếu người ta nuôi anh lớn lên, cảm không cho anh lấy vợ, không cho anh yêu đương, anh chịu không? Em chỉ là muốn cưới vợ cho con “Topy” (tên của cha tôi) mà thôi!

Người chồng nạt lớn:

- Không được hỗn, em dám ví anh với chó à?

Bà chủ tôi giải thích:

- Không phải! Nhưng mà em sợ nếu mình nuôi nó không đúng với luật tự nhiên, kiếp sau mình bị như vậy thì sao?

- Nếu vậy thì em phải đem nó đi “kế hoạch” ngay từ đầu, để cho nó đừng có đẻ chứ!

Bà chủ tôi lại giẫy nảy lên:

- Không được! Rủi kiếp sau em bị... không con rồi làm sao? Lấy chồng mà không có con anh chịu không?

Ông chủ cũ của tôi bực mình:

- Thế này không được, thế kia không được, vậy em muốn làm sao thì làm, anh nói rồi, (ông gằn từng tiếng) anh không nuôi nữa! “That’s it”, oke? Rồi ông bỏ đi vào phòng đóng cửa lại tỏ vẻ rất là khó chịu.

Bà chủ cũ của tôi đưa mắt nhìn vào cái ổ lúc nhúc những... chó là chó của chúng tôi quan sát, sau một hồi ngắm nghía, bà nắm cổ tôi xách lên nói:

- Chỉ có mày là có vẻ to con và khỏe mạnh nhất, thôi chịu khó hy sinh đi nhé!

Tao sẽ cho mày đến một chỗ khác sung sướng hơn để không thôi “lão bố già” cần nhân tao chịu không nổi.

Rồi bà đặt tôi vào một cái rổ nhỏ đang cầm trên tay đứng lên, tôi biết có phản đối cũng vô ích, đành chịu an phận nép mình nằm xuống và rên “ừ ừ” lên vài tiếng buồn bã. Mẹ tôi hình như linh cảm được có “problem” gì đó xảy đến cho tôi nên đứng phắt dậy, ngẩng mặt ngó lên, hai lỗ tai dựng thẳng nghe ngóng, cặp mắt nhìn chằm chằm vào cái rổ quan sát. Tôi chồm lên thành rổ đưa mắt nhìn xuống mẹ buồn bã và ừ ừ lên vài tiếng từ giả. Lập tức, mẹ tôi phóng ra khỏi cái ổ chó, chồm lên người bà chủ cũ, đưa mũi hít hít vào cái rổ đựng tôi rít lên những tiếng nghe thật thảm nã. Bà chủ cũ giờ cái rổ đựng tôi lên cao hơn một chút nữa, vỗ vỗ và vuốt nhẹ vào đầu mẹ tôi vài cái an ủi:

- Virginia ngoan nào, nằm xuống, mày còn những bốn con nữa cơ mà! Tao chỉ xin có một con thôi. Vẽ chuyện! Năm nào mày chả đẻ, càng đẻ càng nhiều, tao “take care” mẹ con mày cũng phát mệt nói chi đến lão bố già. Rồi bà chỉ vào cái ổ chó nói tiếp: nhảy vào nằm với con đi, bây giờ mày đã nếm đủ “mùi đời” rồi, có lẽ phải đưa mày đi “kế hoạch” thật! Nếu không lão bố già sẽ “khai tử” mấy mẹ con mày đây!

Thế là tôi được đưa đến một bà chủ mới, nhà bà chủ này sao vắng lặng buồn quá! Bà đón tôi có vẻ không được thiện cảm lắm! Bà chẳng nựng nịu tôi như những người khác mà chỉ xách cái rổ đựng tôi đặt vào một góc “garage” nói với bà chủ cũ:

- Con chó gì xấu hoắc vậy?

Bà chủ cũ tôi giải thích:

- Nó là con “chi oa oa” mà! Nghe anh Hiền nói mấy đứa nhỏ thích con “chi oa

oa” nên anh muốn xin một con đực về nuôi, nay chó em đẻ, em đem đến cho anh chị một con.

Bà chủ mới nhìn tôi kêu lên:

- Ủa vậy hả? Con “chi oa oa” là con này đó hả? Sao giống con chó bình thường vậy? Đâu thấy khác cái gì đâu?

- Thì “chi oa oa” cũng là... chó mà chị, nhưng khác một điều là nó sẽ không lớn thêm được bao nhiêu đâu, nuôi nó thích lắm chị, nhỏ con dễ chăm sóc, nó biết ăn food rồi, nhà mình ăn cái gì thì cho nó ăn cái nấy, nhưng mà thỉnh thoảng chị cũng phải cho nó ăn dặm “dog food” cho nó quen, để nhờ hôm nào mình bận, hoặc đi đâu vắng thì nó ăn tạm đồ ăn của nó. Tụi em nuôi chúng nó ở ngoài mái hiên “backyard” nhà em, nếu chị không thích nuôi trong nhà thì cho nó ra sân sau, mua cho nó một cái chuồng có gắn bóng đèn điện sưởi ấm về mùa Đông là được rồi.

Bà chủ cũ về rồi, bà chủ mới chẳng thêm ngó ngang gì đến tôi, dường như bà không mấy “happy” lắm khi đón nhận tôi vào nhà, bà đem ra cho tôi một tô nước với một ít cơm nguội trộn với thịt chà bông, xia vào trán tôi nói:

- Ăn đi đừng có lộn xộn, ngó ngó cái gì? Cái mặt thấy ghét...

Thấy tôi rụt rè, sợ sệt né né, bà xốc hai nách tôi lên cười:

- Giỡn chơi với mày một chút xíu thôi mà làm gì sợ dữ vậy?

Thế là tôi ngoắc đuôi mừng rỡ và té... đáí để mừng bà. Bà hoảng hốt liệng tôi xuống rổ nằm la lên:

- Ấy da! Ghê quá! Chưa gì đã xịt nước đáí rồi. Bà vừa chạy đi lấy giẻ lau vừa lau bầu tiếp: Đây rồi hôi rình hết cả nhà cho mà xem. Mấy bố con chỉ làm khổ tôi.

Lau xong chỗ nước dãi của tôi bà bỏ đi vào nhà đóng cửa lại cái rầm, còn lại một mình tôi buồn bã, nằm chèo queo một lát rồi cũng ngủ quên luôn. Tôi tỉnh dậy bởi sự vuốt ve của hai cô chủ nhỏ. Thì ra hai cô gái nhỏ này là con của bà chủ mới, họ “bung” tôi vào nhà lúc nào tôi không hay. Chung quanh tôi bây giờ đông người quá, chồng bà chủ mới, cậu con trai lớn và hai cô gái nhỏ, thì ra nhà bà chủ mới này cũng náo nhiệt lắm chứ đâu có vắng lạnh như tôi tưởng lúc ban sáng. Cậu lớn vừa vuốt ve tôi vừa hỏi:

- Sao dì Minh Tâm cho chó gì kỳ vậy mẹ? Cái lông nó không đẹp.

Tôi nghe tiếng bà chủ mới trả lời vọng ra từ bếp:

- Mẹ đâu có biết, dì nói bố thích con “chi oa oa” nên dì đem đến cho.

Bây giờ ông chủ mới của tôi mới lên tiếng:

- Minh Tâm sạo! Con này đâu phải là con “chi oa oa”, nghe bạn anh nói con chó “chi oa oa” còn nhỏ hơn con chó “phốc” nữa kia! Chỉ bằng nửa nắm tay thôi! Nuôi nó không có lớn đâu, dễ thương lắm! Nghe vậy anh mới xin. Nhưng mà thôi lỡ rồi! Con này cũng được, nếu nuôi mà nó không lớn thì cũng chấp nhận được.

Hai cô gái nhỏ cứ vuốt ve, nựng nịu tôi mãi làm tôi cũng bớt tủi thân, một cô lên tiếng hỏi:

- Mình đặt cho nó tên gì bây giờ bố?

Họ đưa ra một lô tên, cuối cùng họ gọi tôi là “Chance”. Cô lớn hỏi:

- Mình cho nó ở đâu bây giờ?

Tôi nghe bà chủ mới lật đặt lên tiếng:

- Đùng nuôi chó trong nhà hôi lắm con ơi! Đi mua cái chuồng để nó vào garage gần nơi cửa sổ cho khỏi ngộp và sáng. Mùa Đông, mình bật đèn sưởi cho nó. Mỗi ngày

tập cho nó đi vệ sinh ra ngoài một lần, tội con có thể cho nó vào nhà chơi một chút nhưng không được để luôn ở trong nhà cực mẹ lắm! Cho dù nó có sạch cách mấy đi chăng nữa nó vẫn có cái mùi chó con à!

Thế là tôi được “định cư” ở garage, bên cạnh một cửa sổ nhỏ ngó ra bên hông nhà. Mỗi đêm đầu tôi buồn lắm! Tôi nhớ mẹ tôi, nhớ các anh chị em khác của tôi, nhớ luôn cả cái mùi... chó nơi cái ổ tôi đã ra đời. Tôi nhớ lắm! Nhớ những lần cắn tai, cắn đuôi nhau, vật lộn ăng ẳng với các anh chị em khác suốt ngày, “giỡn mặt” luôn cả với mẹ, tôi trèo lên đầu lên cổ “người”, nhảy lố tai người kéo dài ra, ngoạm cả vào mũi người đau điếng, thế mà chẳng thấy mẹ “sủa” một tiếng nào, người chỉ nghiêng đầu né tránh nhìn chúng tôi với cặp mắt thật là triu mến. Giờ “move” đến nơi này chỉ một mình tôi, buổi sáng các cậu ảm cô chiêu đi học hết, ông chủ thì đi làm, bà chủ ngủ “chông” căng đến trưa trờ trưa trệt mới chịu dậy. Bà mở cửa bước ra chỗ tôi nằm quan sát chung quanh xem tôi có “phóng uế” bậy bạ không, nếu có thì bà dọn dẹp, bà không đánh tôi nhưng cũng mắng dăm ba câu cho “bõ ghét”:

- Mày hư lắm nghe! Cho ra ngoài mãi không chịu đi, “làm” tùm lum trong nhà như vậy hôi hám ai chịu được? Đùng là đồ chó.

Tôi ngẩn mặt chẳng hiểu bà nói gì, “ừ, ừ” là cái trời cho, ai mà không “ừ” thì... ồm o gầy mòn, tôi đâu có sai? Sao cứ lôi dòng họ “chó” của chúng tôi ra “chưởi” hoài. Hôm nào tôi “táo bón”, chung quanh sạch sẽ, bà ngồi xuống nựng nịu tôi đôi chút rồi lấy thức ăn tiếp tế cho tôi, kể ra bà cũng không đến nỗi lạnh lùng lắm! Sau này bà sắm sửa

cho tôi đầy đủ nhà cửa có thau “restroom” đang hoàng thì bà không còn cần nữa. Tôi không thích ăn “dog food” mà chỉ thích ăn những thức ăn của người mà thôi! Bà chủ làm đồ ăn rất ngon lại chiều chuộng tôi, hôm nào thức ăn hấp khẩu, tôi “đớp” bằng thích. Hôm nào không ngon, tôi hửi hửi vài cái rồi bỏ về chỗ nằm, ghéch mõm lên hai chân trước ngó lên bà chủ. Lúc ấy tôi thấy bà “quạu” lắm! Mặt bà không vui, bà đay nghiến tôi:

- Ăn đi! Ngó cái gì? Đồ ăn như vậy mà chê, mày không ăn tao kệ mày, đói ráng chịu.

Rồi bà bỏ đi vào nhà, tôi cũng lì, nhất quyết không đụng đến. Một chập sau bà đi ra, nếu thấy cơm hết thì bà vui vẻ vuốt đầu tôi khen:

- Ngoan quá! Như vậy phải dễ thương hôn, không được kén ăn, tao thương, biết không?

Hôm nào thấy cơm còn nguyên, bà sĩ và tôi dăm ba câu hần học nhưng rồi cũng lấy “dog food” thế vào cho tôi ăn, không có đồ ăn ngon thì tôi ăn tạm “dog food” cũng được. Chỗ cơm tôi chê bà đem vào chế biến lại cho tôi ăn vào buổi kế. Đến gần giờ hai cô gái nhỏ đi học về, bà lôi tôi vào nhà tắm, xát xà phòng, tắm gội thật sạch sẽ. Xong xuôi bà lấy một cái khăn lông to dành riêng cho tôi, phủ lên người tôi lau cho khô rồi lấy máy sấy tóc sấy cho tôi khỏi lạnh, có hôm bà xịt thêm cái nước gì thơm thơm mà nó làm tôi bị dị ứng hách xì quá trời luôn. Tôi tông người vào cánh cửa lưới đằng sau nhà, bà thấy vậy tưởng tôi muốn đi “restroom” nên lật đật mở cửa cho tôi ra. Tôi lập tức phóng nhanh ra ngoài “backyard”, bắt kê đất cát, tôi lăn mình chùi cho hết cái mùi “khùng khiếp” đó đi. Bà giận quá lôi tôi vào tắm lại nhưng không xịt

cái nước “quái quỷ” đó vào người tôi nữa. Xong, bà đẩy tôi ra garage trở lại, chờ một lát các cô cậu nhỏ đi học về sẽ giỡn chơi với tôi.

Điệp khúc này kéo dài hết ngày này qua ngày nọ được một thời gian, thết rồi tôi cũng quen dần. Bà chủ nuôi tôi rất khéo, ăn ngon tắm mát. Tôi lớn thấy rõ, đẹp như một con nai, ai thấy cũng khen. Giò dài và cao, da thịt rắn chắc, sạch sẽ, lông mượt mà một màu vàng óng. Nhưng hình như bà chủ vẫn chẳng hài lòng tôi, thỉnh thoảng thấy bà nhìn tôi nhiech nho nhỏ:

- Mày xí quá mày ơi! Trông cứ như mấy con chó VN. Tao tưởng chỉ ở VN mới có giống chó như mày, nào ngờ sang Mỹ cũng gặp, chả trách gì tụi “vẹt” nó bắt đầu “xâm nhập” sang bên này. Thật chán quá đi thôi!

Thấy bà lảm bảm nho nhỏ, tôi tưởng bà “thì thảm” tiếng thương yêu nên vẫy đuôi, quẩn quít, mừng rỡ chạy nhảy xung quanh bà, bà đẩy tôi ra, đứng dậy nạt nộ:

- “Chance”! Đứng yên, không được chồm lên người tao, dơ lăm! Tao không có thích, nghe không?

Hằng ngày bà tắm rửa sạch sẽ cho tôi mà dơ cái gì? Gâu! Gâu! Cái mồm của bà chủ tuy không được dịu dàng với tôi nhưng tâm bà không độc ác, tôi thấy bà chiều tôi cũng đâu có thua gì con bà. Có hôm tôi chê cơm bà đem cho tôi ăn, sợ đồ đi mang tội, bà đem vào chiên xào chế biến lại, một lát sau bà bùng ra. Ôi trời! Nó thơm phức một vùng, tôi không hiểu tại sao thức ăn của người nó lại ngon đến như vậy. Tôi đớp sạch nhẵn, bà chủ tuy bực mình vì tạt kén ăn của tôi, nhưng tôi thấy mặt bà tươi tỉnh mắng “yêu” tôi (có lẽ bà vui vì sản phẩm bà làm ra được tôi “chiếu cố” tận tình):

- Gớm! Đồ ăn ngon thì dớp bạo như vậy đó! Lần sau mày không ăn tao để cho mày nhịn đói chứ không hơi đâu mà chiều nữa.

Bà nói thế chứ chưa bao giờ tôi thấy bà bỏ đói tôi cả. Bà chả bao giờ ôm ấp tôi như mấy cô cậu chủ nhỏ, nhưng khi tôi bệnh, chỉ có bà là săn sóc tôi ân cần nhất. Bà cho tôi uống thuốc, đêm khuya bà ra thăm chừng, vuốt ve, đắp mền cho tôi, bà sờ đầu, nắn bụng, nắm hết chân này đến chân kia nói:

- Tội nghiệp quá! “Chance” bệnh hả? Sao “Chance” nóng quá vậy! Uống thuốc ngoan nghe! Cho chóng khỏi bệnh, tao thương.

Đấy! Bà chủ mới của tôi là như thế đấy! Thu qua, Đông tàn rồi Xuân đến, nhìn qua khung cửa sổ, mây trời xanh biếc, từng giãi mây trắng lửng lơ trôi dưới mắt tôi, tiếng chim hót líu lo trên cành, tiếng chó đồng loại sủa đâu đó ngoài đường khiến tôi cứ nóng ran cả cõng lòng. Tôi bỗng dưng cảm thấy chồn chân, thèm khát vô cùng nếu được tung tăng chạy nhảy ngoài vườn. Tôi rít lên, dùng hai chân trước cào loạn xạ vào cánh cửa ăn thông giữa garage và nhà bếp. Bà chủ lấy làm lạ, mở cửa thò đầu ra mắng tôi:

- “Chance”! Làm gì mà ồn ào lên thế?

Tôi thấy bà thì quýnh quáng cả lên, chạy lại bên cửa sổ, chõ mõm ra ngoài cửa sổ sủa om sòm, ý nói cho bà biết tôi muốn được ra ngoài. Bà chủ ơi! Bà là người thích viết văn, luôn luôn ca ngợi sự tự do, và bà cũng biết bỏ xứ ra đi tìm tự do mà sao bà không nghĩ đến tôi? Tuy là loài chó, nhưng tôi cũng có sự tự do của tôi chứ! Bà làm ơn cho tôi ra ngoài đi, tôi không muốn ở trong bốn bức tường nhỏ hẹp này nữa! Hãy thả tôi ra vườn, please! Gấu gấu! Gấu!..

Nhưng bà chủ không hiểu gì cả, bà mắng át tôi đi và bắt tôi nằm im, tôi không chịu, cứ đứng bên cửa sổ mà sủa:

- Gấu! Gấu! Gấu!

Bà tưởng tôi đói bụng hay khát nước, bà bung thức ăn và nước uống đến cho tôi, tôi không ăn cứ chồm lên cửa sổ mà “gâu, gâu!”. Bà nhìn ra ngoài cửa sổ quan sát rồi “nói” với tôi:

- Có cái gì ở ngoài đâu mà mày sủa dữ vậy?

Tôi tức mình vì bà không hiểu ý tôi nên cứ nhảy quanh quẩn dưới chân bà rít lên ừ ừ, bà lại bung ra cho tôi một tô sữa nói:

- Hay mày thèm sữa? Nè uống đi.

Tôi không khách sáo, liếm một cái là sạch nhẵn, vì đã từ lâu tôi đâu có được uống sữa. Nhưng uống thì uống, sự thèm khát tự do của tôi vẫn không dập tắt. Tôi hôm đó tôi ngủ không được, cứ sục sạo hết cái này, đến lục lọi qua cái khác, nhá nát hết một tấm mền nhỏ lót sàn nằm và cũng là để đắp cho tôi, một cái khăn lông tắm dành riêng cho tôi bà chủ phơi gần đấy, tôi cũng giật xuống cắn cho nó... qua thì giờ. Xé tan tành không biết bao nhiêu là cuộn giấy vệ sinh, cắn nát không biết bao nhiêu đôi dép để trước cửa ra vào nhà bếp. Chưa đã! Tôi lần mò trèo từ những đồ vật chất ở dưới thấp để leo lên bàn “ping pong”, chồm lên kệ để đồ khô của bà chủ lôi xuống hết. Làm lũng một bịch bột gì đó tôi cũng không biết, chỉ biết nó đỏ và bay phủ người tôi trắng xoá. Bột trắng làm tôi hách xì cũng chẳng kém gì như lúc người phải cái mùi thơm bà chủ xịt cho tôi, tôi lắc mạnh mình cho bột rơi bớt và lấy hai chân trước phui lia phui lia lên trên mặt. Đến đây thì tôi thấm mệt rồi, trời cũng vừa hùng sáng, các cô cậu nhỏ chắc cũng sắp sửa dậy đi

học. Tôi đưa mắt nhìn quanh bãi “chiến trường” với đầy những chiến lợi phẩm ngổn ngang rồi nằm vật xuống trước cửa chuồng đồ giấc ngủ... “Vút”! Gấu! Cái gì vậy? Đau điếng! Tôi sủa lên một tiếng giật mình mở mắt ra. Chưa khi nào tôi thấy bà chủ tôi giận tới như vậy, tay bà cầm một cây roi mây quất vùn vụt vào không gian như để đe dọa tôi chứ bà không quất vào người tôi nữa, miệng bà hét:

- “Chance”! Tại sao mày phá tới như vậy? Không đánh mày là không được, nuôi mày đã cực khổ muốn chết mày lại còn mua việc cho tao.

Bà định quất thêm một roi nữa vào đít tôi, nhưng tôi đã nhanh nhẹn chui tọt xuống gầm bàn “Ping pong” trốn, bà cũng không vừa, ngồi xuống đưa cây roi mây vào quất lia quạt lia, tôi nép sát vào góc tường nên bà quất không tới, không hiểu sao bà không chui vào đánh tôi, có lẽ bà sợ bị phạt về tội bực đãi súc vật chăng? Bà đứng lên thở hổn hển nói:

- Tao không nuôi mày nữa! Phải kiếm người cho mày đi mới được.

Rồi bà đi vào trong nhà, tôi nghe tiếng bà nói qua điện thoại:

- Minh Tâm à! Chị không nuôi chó nữa! Con chó của Minh Tâm cho nó phá quá chị chịu không có nổi, Minh Tâm lấy lại đi.

Đầu dây bên kia trả lời ra sao tôi không biết, chỉ thấy trước khi cúp điện thoại giọng bà yếu xìu:

- Vậy thì Minh Tâm hỏi đi rồi cho giùm chị, chị chịu hết nổi rồi! Oke! Oke! Thank you! Bái bai.

Bà giận thì nói thế đấy! Chứ bà có cho tôi đâu, sau đó tôi thấy bà vẫn tiếp tục nuôi tôi như thường. Nhưng cũng có một lần, hình như bà chủ xin được việc làm, chuẩn

bị đi làm hằng nên bà gọi người cho tôi đi mà tôi không biết. Khi tôi nghe có tiếng chuông cửa và nhiều bóng người thấp thoáng ngoài đường bên hông nhà, tôi đứng lên sủa om sòm thật dữ tợn. Bà chủ tôi ra mở cửa mời khách vào và dắt ra sân sau (lúc đó tôi đã được “dọn” ra ngoài “backyard”) để “xem mắt” tôi. Thấy họ, tôi ngưng sủa, chạy lại quẩn quít, tung tăng chào mừng, chồm lên người khách vừa “hười” vừa riu rít “ngoáy” tít cái đuôi tỏ tình thân mật. Bà chủ vừa mắng vừa kéo tôi ra, một người trong đám khách của bà chủ nhìn tôi lên tiếng hỏi:

- Đây là con chó mà em tính cho vợ chồng chị đó hả?

Bà chủ tôi gật đầu nói:

- Dạ! Anh chị nuôi giùm em, em sắp đi làm chắc không có thì giờ “take care” nó nữa đâu, lo ba đứa con em còn chưa xong, bây giờ thêm nó, cực quá!

Hai vợ chồng người bạn bà chủ nhà cười nói:

- Vậy chắc em phải kiếm người khác cho rồi, con chó này nó ngu quá đi. Anh chị cần tìm một con chó để giữ nhà, nó thấy anh chị lần đầu tiên chẳng quen biết gì mà nó mừng tới như vậy, mai mốt ăn trộm nhảy được vô nhà, nó cũng mừng như vậy thì chết cha rồi.

Bà chủ tôi thật thà đùa:

- Không có đâu, con chó của em nó “friendly” mà chị, thấy bóng người thấp thoáng ngoài cửa là nó sủa bắt kẻ trộm đấy! Làm như mình dữ tợn lắm vậy! Ăn trộm mà nghe thấy cũng phải hết hồn, biết nhà có nuôi chó đâu dám vô nữa! Nhưng nếu họ vào được trong nhà rồi thì nó mừng như người thân í, với ai nó cũng vậy. Rồi bà

cười: thôi thì tùy anh chị đấy! Nếu biết ai xin thì chỉ giùm em.

Thật là hú hồn! Nếu tôi khôn ngoan như những con chó khác thì chắc rồi đòi rồi, lại phải theo về người chủ khác, biết có được sướng như bà chủ này không? Cuộc đời tôi sao lăm long đong. Trở lại bãi “chiến trường” garage, trưa hôm đó bà giận lăm! Không làm cơm cho tôi ăn mà đổ ra một đồng “dog food” để trước cửa chuồng tôi chẳng nói tiếng nào, bà cũng “nghĩ” tắm cho tôi luôn (mừng hết lớn!). Đền chiều tối, các cậu ấm, cô chiêu và ông chủ về, bà tổ khổ:

- Mấy bố con ra mà xem con chó của các người nó phá tan tành ở ngoài “garage” đó! Không còn một cái gì hết. Xem xong rồi làm ơn “move” giùm con chó ra ngoài sân sau để em dọn dẹp.

Vì bà chủ giận không tắm cho tôi nên người tôi đầy bọt, ông chủ phải lôi tôi vào nhà tắm, đây là lần đầu tiên ông chủ tắm cho tôi, vừa tắm ông vừa “thủ thi” vào lỗ tai tôi nho nhỏ:

- Sao mày phá quá vậy “Chance”? Lần sau phải biết nghe lời bà chủ nghe không? Bã mà không “take care” mày nữa là chỉ “khổ” cho tao thôi.

Và từ đó tôi được ở luôn ngoài sân sau dưới bầu trời rộng thênh thang. Thành công rồi! Gâu! Gâu! Gâu! Thế là tôi thành công rồi! Chưa bao giờ tôi cảm thấy được sung sướng và tự do như bây giờ, tôi tung tăng chạy nhảy hết chỗ này qua đến chỗ nọ, đến gốc cây nào tôi cũng đều... dơ cẳng lên xịt khí “amoniac” để làm dấu (thói quen của loài chó chúng tôi mà). Thế mới biết, TỰ DO đáng quý biết là đường nào. Tôi biết gia đình bà chủ tôi là người Việt Nam, quý

vị đọc báo Cỏ Thơm cũng là người Việt Nam. Và tôi cũng biết quý vị phải khao khát tự do tới cỡ nào mới đành bỏ xứ ra đi làm thân viễn xứ. Xuân đã về trên xứ cờ hoa, hy vọng trong bao nhiêu năm chung sống với gia đình bà chủ thích viết văn, sẽ có nhiều đề tài để bà chủ có thể cống hiến đến quý độc giả những mẩu chuyện vui vui về chó cho năm Mậu Tuất sắp đến. Thân chúc quý vị cũng như quê hương của quý vị sẽ sớm có ngày:

- “Cờ bay, cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu...”

Là cờ vàng ba sọc đỏ chứ không phải cờ đỏ sao vàng. Nói nhỏ cho quý vị nghe: tôi cũng là chó... VN đấy! Mà là chó quốc gia đảng hoàng, cho nên những gì dính đến VN quốc gia (chứ không phải VN cộng sản) là tôi thương lăm! Cũng như quý vị, tôi rất ước mong và khao khát quê hương Việt Nam sẽ có một ngày tự do trở lại. Đồng bào Việt Nam sẽ có một ngày được cơm no áo ấm, thái bình thật sự... Gâu! Gâu! Gâu!...



Tôn Nữ Mặc Giao.



Tịnh Tâm Xóm Vắng Ngõ Gàn

Xóm cũ, người đi nhắc lại
Khơi từng kỷ niệm ngày xưa
Chặng đời im như bóng mát
Trong lành kéo kẹt vống đưa

Ta có một thời để nhớ
Từng khuôn diện của từng người
Luôn ngọn đèn vàng đầu ngõ
Vẫn hoài nỗi nhớ khôn nguôi!

Những gì ngày xa xưa ấy
Gắn theo từng chuyến xe đời
Áo ai một thời lụa bạch
Vàng trắng mơ, đẹp nụ cười!

Xa rồi về thăm vài dạo
Các em ngõ ngõ lớn lên
Che nửa nụ cười mắc cỡ
Nghiêng mặt, liếc mắt, làm duyên

Hàng phượng sân trường vẫn đỏ
Cây nhãn nhà ai trĩu lòng
Ngọn dừa góc vườn cuối ngõ
Chim bay, lá biếc, trời trong!

Nhà kế nhà thân: - thầy Trọ,
Thầy Ký, thầy Quản, thầy Thông
Không ai tường cao ngăn cổng
Người dưng, chơn chất, thật lòng

Lối xưa đi vào thiên cổ
Ai người còn lại lão làng
Xóm cũ mơ về dĩ vãng
Vô vàn nỗi nhớ lan man!

Vàng trắng chẳng già theo tuổi
Tình thân làng xóm xanh hoài
Tịnh Tâm, ngõ gàn đường ngắn
Hỏi - chừ còn mắt là ai!... (?)

Người cũ, tha phương gặp lại
Chợt thấy lòng mình nao nao
Vần thơ dấu chưa tròn ý
Xin gởi... thay lời ới nhau.!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

12/2017.

(Cho xóm Đoàn Thị Điểm / Tịnh Tâm, Huế)

CHÀNG LỰC SĨ BẤT ĐẮC DĨ

Phạm Hữu Bính

Có tiếng Kim gọi từ phòng khách vọng lên:

- Toàn ơi! Tối nay Hollywood Dance có hai cặp Maria - Tony và Lillian - Daniel đến nhảy biểu diễn. Chắc là số người tham dự sẽ đông lắm đó. Minh nên đi sớm để giữ chỗ tốt.

- Toàn sẵn sàng rồi. Lúc nào Kim muốn đi là mình có thể đi được.

Toàn nói vậy mà Toàn biết rằng cũng còn phải ít nhất nửa giờ nữa Kim mới sửa soạn xong. Cứ đến phút chót rồi Kim mới nghĩ ra thêm cái khăn quàng, cái mũ nôi, hay bông hồng cài áo để tặng thêm vẻ sắc sảo hay yêu kiều của người nữ khi tha thướt trên sàn nhảy.

Hai người bước vào vũ trường Hollywood Dance thì đã thấy bốn, năm cặp đến trước. Hai cặp đang tập dượt ở một góc, những cặp kia đang xếp hàng để lấy đồ giải khát. Khách càng đến đông hơn. Chỉ mười lăm phút sau là các bàn đều đã có người ngồi kín.

Đúng giờ, Người Điều Khiển Chương Trình (M.C.) lên sân khấu ngỏ lời chào mừng quan khách và giới thiệu hai cặp tài tử: Maria và Tony sẽ biểu diễn vũ Tango Argentina; sau đó quan khách sẽ được mời ra sàn nhảy cùng khiêu vũ với cặp tài tử này. Sau hai mươi phút giải lao, cặp Lily –

Daniel sẽ biểu diễn vũ Quick Steps và tiếp theo mọi người được mời ra khiêu vũ cho đến hết giờ.

Kim và Toàn theo dõi bằng hai cặp mắt say mê từng bước nhảy của Maria và Tony. Khi mọi người được mời ra khiêu vũ, Kim và Toàn cố ý nhảy gần Maria và Tony để quan sát và học hỏi những bước mới đặc biệt. Có một lúc Maria và Tony tách nhau ra; rồi Tony đỡ lấy Kim mà tiếp tục khiêu vũ trong khi Maria sang khiêu vũ với Toàn. Vài phút sau, Maria và Tony sang nhảy với những người khác, trả Toàn về với Kim.

Cùng mọi người nhẹ nhàng bước đi theo điệu nhạc, Toàn và Kim cảm thấy như mình đang lướt trong mây, lâng lâng tâm hồn, và tràn trề nhựa sống. Từ một hoạt động giải trí cuối tuần, khiêu vũ đã dần dần trở thành cho Toàn và Kim một nếp sống, một trung tâm điểm mà mọi hoạt động khác đều quay theo.

Hai người gặp nhau ở trường dạy khiêu vũ Mây Hồng. Hai người là hai học viên tiên bộ nhanh nhất trong lớp. Toàn và Kim thường thực tập như một cặp nam nữ và chẳng bao lâu hai người đã trở thành một cặp uyên ương. Kim dọn vào ở chung nhà với Toàn trong khi hai người sửa soạn làm đám cưới, dự trù vào Thứ Bảy 12 tháng 11 năm tới, tại Landsdown Country Club.

Kim là luật sư chuyên về luật lao động đang làm với hãng Robb & Steward Law Firm. Toàn là chuyên viên tài chánh đang làm với hãng Franklin Investment.

Sau giờ làm việc, cả hai người cùng dành phần lớn thời gian để tập luyện khiêu vũ: Cứ một vài tháng hai người lại đi dự một Dance Camp kéo dài cả tuần lễ để ôn luyện những bước đã học và học thêm những bước mới. Kim và Toàn cũng không

bỏ qua dịp nào khi có những cuộc tranh tài khiêu vũ mặc dầu những cuộc tranh tài này rất tốn kém. Khiêu vũ như một sợi chỉ hồng càng ngày càng quấn quện, ràng buộc hai người vào nhau.

Ngày Chủ Nhật 31 tháng 10 là Ngày Lễ Halloween. Vũ Trường Hollywood quyết định tổ chức khiêu vũ hoá trang. Mọi người tham dự sẽ ăn mặc quần áo và trang sức giả làm một nhân vật trong lịch sử, văn chương, nghệ thuật, chính trị hay khoa học, kỹ thuật, v.v..Tuy nhiên đó chỉ là một đề nghị, ai muốn làm thì làm, không bắt buộc.

Kim đội vương miện và mặc áo đầm dài trắng, giả làm Công Chúa Diana. Toàn mặc Tuxedo đen đuôi dài và đội mũ phớt cao giả làm Hoàng Tử Charles.

Ban nhạc khai mạc bằng bản *Tennessee Waltz*. Từng cặp, từng cặp ra sàn nhảy, nhịp nhàng khiêu vũ theo điệu nhạc, cuộn cuộn đi ngược chiều kim đồng hồ. Toàn nhìn Kim tình tứ:

- Có nhiều người đang chăm chú nhìn Kim đó. Công Chúa có cảm thấy hãnh diện không?

- Dĩ nhiên rồi. Nhưng Kim hãnh diện không phải vì làm Công Chúa mà vì đang được khiêu vũ với một Hoàng Tử.

Bỗng Toàn chú ý đến một người đàn ông, cỡ tuổi Toàn, đang khiêu vũ với một bà già. Cả hai người cùng nhảy với những bước rất điêu luyện. Toàn nhận ra bà già tên là Elaine, một góa phụ khiêu vũ giỏi nổi tiếng quanh đây. Còn người đàn ông, chừng hơn ba mươi tuổi, thì Toàn không quen biết. Nhưng nhìn thoáng qua, Toàn cũng thấy anh ta là một người đẹp trai, lịch sự, và khéo ăn mặc. Anh ta đã hoá trang thành một người đầu bò rừng, cổ thắt khăn quàng

đỏ, ngang người thắt đai đỏ. Toàn quay sang Kim hỏi:

- Kim có biết anh chàng đang khiêu vũ với bà Elaine kia không?

Nhìn theo hướng tay Toàn, Kim lắc đầu:

- Không. Kim chưa bao giờ gặp anh ta. Nhưng anh ta có vẻ khiêu vũ điêu luyện đấy. Bà Elaine khó tính lắm. Một hôm có một ông đến mời bà ấy nhảy, bà ấy hỏi: "*Ông nhảy giỏi không?*" Ông kia trả lời: "*Cũng được thôi.*" Bà ấy lắc đầu: "*Tôi chỉ nhảy với những người khiêu vũ thật giỏi thôi.*"

Khi ban nhạc ngưng ít phút để giải lao, người đàn ông kia tiến đến chỗ Kim và Toàn đang ngồi, mỉm cười nói:

- Chào anh chị. Anh chị thường đến đây khiêu vũ phải không? Tôi là Bác Sĩ Lê Huấn, vừa từ California sang đây nhận việc ở Nhà Thương Jefferson. Tôi đến đây một mình hôm nay vì cô bạn tôi mời đi khiêu vũ phải ở lại nhà thương cấp cứu cho một bệnh nhân.

Kim và Toàn cùng đứng lên bắt tay Huấn và tự giới thiệu. Vừa lúc đó ban nhạc trở lại sân khấu và chơi một bản nhạc với điệu Pase Doble. Huấn mỉm cười, nhìn Toàn, nói:

- Xin phép anh.

Rồi Huấn đưa tay mời Kim ra sàn nhảy. Cử chỉ của Huấn thân mật và tự nhiên khiến Kim cảm thấy dễ chịu. Huấn dẫn Kim đi những bước điêu luyện và lả lướt. Khi bản nhạc chấm dứt, Huấn dẫn Kim về bàn với Toàn và nghiêng mình chào:

- Cảm ơn anh chị.

Rồi Huấn rời đi, sang nói chuyện với những người khác. Toàn nhận thấy vẻ mặt Kim tươi dỏi hẳn lên. Kim nói:

ĐÓN XUÂN

Nắng vàng như mật ong
Gió xanh màu cỏ biếc
Lòng ta đầy tưởng tiếc
Một thời Xuân xa xưa...

Má phấn hồng hơn hoa
Em, mắt trông ngây phở
Con đường này xuân cũ
Trao nhau tình ngù ngờ.

Xuân về khung cửa mở
Mai vàng lấm tẩm hoa
Nghe lời ru của gió
Nỗi nhớ nào đong đưa...

Nụ hôn thơm tóc rối
Xuân tới mộng la đà
Ngập ngừng anh muốn hỏi
Em nói gì đêm qua ?

Xuân về xanh biếc lá
Cành đông trĩu mắt buồn
Thời gian chùng mệt lả
Tuổi xuân còn dư hương ?

HOÀNG SONG LIÊM

- Hấn khiêu vũ hay thật.
Toàn gật đầu, đồng ý:
- Và hẳn rất có duyên.

Trước khi cuộc khiêu vũ chấm dứt, Huấn trở lại bắt tay từ biệt Toàn và Kim. Huấn lấy ở trong ví ra một danh thiếp cá nhân đưa cho Toàn:

- Gửi anh chị email và điện thoại của tôi. Khi nào đi khiêu vũ, anh chị cho biết để mình cùng đi cho vui.

Những lần đi khiêu vũ kế tiếp, Toàn nhận thấy Kim càng tỏ vẻ quẫn quít, thân mật hơn với Huấn. Toàn khó chịu, nhưng không biết cư xử ra sao cho hợp lý. Toàn không thể tỏ ra ghen tuông vì như thế là tỏ ra kém thế, thiếu lịch sự. Toàn không thể tìm cách ngăn ngừa không cho Kim và Huấn gặp nhau. Họ là những người có tự do, có quyền riêng của họ. Và lại Kim mới chỉ là vị hôn thê của Toàn, chứ chưa phải là vợ Toàn.

Kim thường đi làm về sớm hơn Toàn. Khi bước vào nhà mỗi buổi chiều là Toàn nghe ngay thấy tiếng hát của mấy ca sĩ mà Kim ngưỡng mộ vang lên từ máy hát của Kim. Hôm ấy là ngày Thứ Năm trong tuần. Toàn bước vào nhà mà tất cả đều yên lặng. Toàn đoán chắc là Kim kẹt đường nên về trễ. Toàn cầm điện thoại lên, bấm số của Kim. Chuông điện thoại reo đến mười lần mà Kim không trả lời. Toàn thần thờ, đi vào bếp, định tìm cái gì ăn cho đỡ đói trong khi chờ Kim về. Bỗng Toàn thấy một phong bì bỏ ngổ, bên ngoài có chữ của Kim để trên bàn ăn. Toàn rút thư ra đọc:

"Thư gửi Toàn,

"Toàn ơi, Kim biết nói gì đây để xin lỗi Toàn. Mọi sự xảy ra quá nhanh và mạnh mẽ như cơn giông tố lôi cuốn Kim đi. Kim không còn làm chủ được chính Kim nữa. Kim đã yêu Huấn và Huấn cũng yêu Kim. Kim đành chia tay với Toàn. Viết đến đây Kim dứt từng khúc ruột. Trời đất ơi! Sao số mệnh lại khắt khe như thế này! Nhưng Kim biết Kim không thể lừa dối Toàn và lừa dối chính Kim nữa. Làm sao

Kim có thể ăn cùng mâm, ngủ cùng giường với Toàn trong khi đầu óc Kim chỉ mang hình ảnh Huân? Thôi thì Kim đành nghe theo con tim của Kim. Kim chỉ muốn Toàn nhớ rằng Kim vẫn quý mến Toàn như một người bạn. Kim cầu ơn trên cho Toàn sớm tìm thấy một người bạn đời khác và vui hưởng hạnh phúc lâu dài.”

Kim”

Toàn choáng váng tưởng muốn té nhào. Toàn chạy lại sofa nằm lãn ra, nhắm nghiền mắt lại, định tìm giấc ngủ để cho cái đau đớn này qua đi. Nhưng Toàn nằm đó cả giờ mà giấc ngủ không đến. Toàn thấy đói, ra tủ lạnh, định lấy đồ ăn còn từ hôm trước ra hâm nóng lại ăn. Nhưng Toàn không thể ngồi đây ăn một mình để phải nhớ đến Kim.

Toàn ra xe, lái đến một khu buôn bán gần đó, tìm một tiệm ăn. Một cô bồi bàn xinh đẹp, vồn vã ra tiếp Toàn. Về mặt vui tươi cùng nụ cười hiền hoà của cô gái làm Toàn quên đi trong giây lát cái đau thương đang đè nặng lên tâm hồn. Toàn ăn xong nhưng không muốn về nhà để phải thấy cái cảnh cô đơn, lạnh lẽo của mình. Toàn đi lang thang trong khu buôn bán này cho đến khi các tiệm đóng cửa. Toàn ra xe, cho nổ máy, nhưng vẫn không biết đi đâu. Sau cùng Toàn lái xe đến một tiệm rượu. Toàn ngồi vào quầy, gọi một ly cognac, định uống lai rai cho thật khuya mới về. Người pha rượu là một phụ nữ ngoài bốn mươi tuổi, cố gắng nói những câu pha trò tục tĩu để chọc cười Toàn; nhưng Toàn chỉ cười mỉm, không lên tiếng. Thấy đồng hồ chỉ 1 giờ sáng và người pha rượu thu dọn để đóng cửa quầy rượu, Toàn ưỡn oai đứng lên ra về.

Toàn bước vào nhà, đi đến phòng nào, Toàn cũng bật đèn cho sáng chung. Ánh sáng làm cho Toàn bình tĩnh hơn và đỡ cô đơn hơn. Toàn mệt nhoài, nằm xuống giường, ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Ngày hôm sau, ở sở ra, Toàn không về nhà, mà lái xe đến Casino Good Fortune. Sau một bữa ăn giản dị, Toàn đi lang thang trong Casino cho qua thời giờ. Sau cùng Toàn ngồi vào bàn *Baccara*, rút tiền ra chơi; nhưng Toàn không làm sao mà tập trung tư tưởng vào ván bài được và thua liên tiếp. Chán ngán, Toàn đứng lên ra về.

Cách nhà chừng mười dặm, Toàn thấy một khu đèn sáng loáng, bãi đậu xe đông nghẹt, người ra, người vào tấp nập. Bảng hiệu bằng đèn neon chớp chớp để lôi cuốn sự chú ý của mọi người: *Samson Fitness Center* (Trung Tâm Thể Dục, Thể Thao Samson)

Toàn quyết định lái xe vào, tìm hiểu. Người đàn ông quản trị viên ra tiếp Toàn, và đưa Toàn đi quan sát mọi chỗ trong trung tâm: Toàn chăm chú nhìn từng dãy những máy để hội viên chạy bộ, đi xe đạp, tập cử tạ, tập cho bắp thịt ngực nở nang, tập cho bắp thịt lưng cứng rắn, v... v... Khu kế bên là khu bơi lội. Toàn thấy hai hồ bơi thật lớn, đúng tiêu chuẩn của Thế Vận Hội. Ở đây có hồ nước nóng, có nhà tắm hơi để mọi người nghỉ ngơi, thư giãn. Sau hết là khu giải khát có bán bánh mì thịt nguội, bánh ngọt, trái cây và các thức uống. Người quản trị viên cũng cho Toàn biết trung tâm này mở cửa 24 giờ mỗi ngày và 7 ngày một tuần; chỉ đóng cửa nửa ngày vào những dịp lễ quan trọng như Lễ Tạ Ơn, Tết Dương Lịch, Lễ Độc Lập, v... v.... Toàn tỏ vẻ thích thú với

trung tâm này và theo người quản trị viên ra bàn giấy điền vào đơn xin nhập học và trả ngay lệ phí. Cũng như những hội viên mới khác, Toàn được trung tâm tặng một bộ đồ tập thể thao cùng một sách tay lớn để đựng quần áo và đồ lật vật.

Toàn thay quần áo sang đồ tập thể dục và ngồi lên một xe đạp để đi thử. Toàn đạp thong thả, rồi dần dần tăng tốc độ lên. Chừng 20 phút sau, Toàn bắt đầu ra mồ hôi và cảm thấy dễ chịu, hăng hái. Toàn càng đạp nhanh hơn. Nhịp tim đập lên đến 120 đập mỗi phút; rồi 125, 130, 135. Sau hơn 45 phút, Toàn đạp thong thả lại, rồi ngưng hẳn. Toàn xuống xe, thở hổn hển, mồ hôi nhễ nhại. Toàn định ra hồ bơi, nhưng chợt nhớ ra là hôm nay Toàn không có quần bơi. Toàn ra xe lái về nhà, tâm trí bình thản. Toàn gần như quên hẳn đi là Kim đã bỏ Toàn để đi theo Huấn.

Những ngày kế tiếp, Toàn ở sở ra và lái xe thẳng đến Samson Fitness Center. Toàn tập thể dục ở đây bây giờ cũng hăng hái như đi khiêu vũ lúc trước. Có điều khác là Toàn không cần có bạn gái cùng đi. Sau mấy tháng tập tành, thân thể Toàn nở nang hẳn ra. Những bắp thịt ở đùi, ở bắp chân, hai cánh tay, ngực, lưng và bụng nổi phồng lên. Toàn tràn đầy một niềm tự tin, yêu đời.

Một hôm Toàn sửa soạn nằm ngửa vào máy *bench press* để tập cho ngực nở nang, bỗng có tiếng la “*Stop*”. Toàn nhìn lên và thấy một người đàn ông ở gần đó chạy lại. Người đàn ông vừa chỉ vào máy “*bench press*” vừa la:

- Ông quên chưa gài chốt an toàn. Nếu máy quả tạ kia rơi xuống và đè lên ngực ông thì ông sẽ bị tai nạn lớn.

Toàn nhìn kỹ chỗ người đàn ông vừa chỉ và nhận ra lỗi lầm của mình. Toàn quay sang cảm ơn người đàn ông. Người kia mỉm cười, đưa tay bắt tay Toàn và tự giới thiệu:

- Tôi là Thomas Pence. Tôi thấy anh tập luyện hăng say lắm. Có phải anh đang sửa soạn thi đua gì không?”

Toàn lễ độ trả lời:

- Tôi là Trần Khoa Toàn. Tôi tập ở đây được gần một năm rồi; nhưng chưa nghĩ đến chuyện thi đua gì. Còn anh thi sao?

- Thể dục, thể thao cũng như những lãnh vực khác, có tranh đua, mới có tiến bộ, anh ạ. Tôi đang tập luyện để thi *triathlon*, tức là thi ba môn liền: chạy bộ, đi xe đạp và bơi. Nếu khi nào anh nghĩ đến tranh tài về thể dục, thể thao, thì tôi có thể giới thiệu anh với ông *coach* (huấn luyện viên) của tôi. Ông ấy giỏi lắm, có thể giúp anh nhiều.

Toàn suy nghĩ mấy ngày liên tiếp về những lời của Thomas Pence; rồi quyết định đi gặp ông *coach*, có tên là George Adams. Sau nhiều ngày quan sát Toàn tập tành ở trong phòng thể dục cũng như ở hồ bơi, Ông *coach* George Adams khuyên cáo Toàn nên tập trung mọi nỗ lực vào môn *diving* (nhảy lao đầu từ cầu nhảy trên cao xuống hồ bơi).

Nghe vậy, Toàn mừng lắm. Từ ngày còn học mẫu giáo, Toàn được Bố đưa đi học bơi, Toàn đã thích nhảy lao đầu xuống nước. Toàn được các bạn thân phục và tiếp tục hăng say bơi lội. Ở trung học có lần Toàn thi *diving* và đã được vào vòng chung kết. Nhưng từ sau ngày gặp Kim, Toàn đã chuyển hướng sang khiêu vũ, không nghĩ gì đến *diving* nữa.

Theo lời hướng dẫn của ông Huấn Luyện Viên George Adams, Toàn ra nhập một hội thể thao chuyên chú trọng về môn *diving*, có tên là Danube Diving Club. Ông Adams cũng giới thiệu với Toàn một huấn luyện viên *diving* mà ông ấy rất khen ngợi. Cô ấy người Ukrainian, có tên là Josephine Krakegg đã từng đoạt huy chương bạc Thế Vận Hội về bộ môn *diving*. Cô ấy bị tai nạn xe hơi, trẹo xương vai nên không còn tranh đua được nữa. Di cư sang Hoa Kỳ cùng bố mẹ đã ba năm nay, cô ấy được Danube Diving Club mời làm huấn luyện viên.

Sau khi nghe quá trình bơi lội của Toàn, Josephine mỉm cười nói:

- Những gì anh đã học được về *diving* sẽ giúp anh tiến bộ nhanh, cả những kinh nghiệm của anh về khiêu vũ cũng có lợi cho anh nữa.

Josephine cũng cho Toàn một bộ DVD về *diving* do Bộ Thanh Niên Giáo Dục Ukraine sản xuất để giúp Toàn tự học khi có thì giờ. Toàn hăng hái học tập liền bốn tháng, không nghỉ một ngày.

Một buổi chiều Thứ Sáu, Toàn đến hồ bơi, thấy cửa đóng kín mít. Josephine cũng vừa tới nơi. Hai người nhìn nhau ngỡ ngàng, không hiểu có chuyện gì. Josephine mở điện thoại định gọi người thường trực nhưng ngừng lại khi thấy tờ niêm yết dán ngay trên cửa ra vào với dòng chữ:

*Hồ Bơi sẽ đóng cửa từ 8 giờ sáng
Thứ Sáu 22 tháng 9 đến 10 giờ đêm
Thứ Hai 25 tháng 9 để sửa chữa.
Ban Giám Đốc.*

Rõ ràng là tờ niêm yết đã dán trên cửa từ nhiều ngày qua; nhưng cả Toàn và Josephine đều không để ý đến. Bản khoản

một phút không biết làm sao; rồi Toàn nảy ra một ý kiến và nói với Josephine:

- Cô và tôi làm việc liên tiếp mấy tháng rồi, chưa được nghỉ ngơi gì. Nhân dịp hồ bơi đóng cửa này, tôi xin phép mời cô đi ăn bữa tối nay. Tôi biết một tiệm ăn Ý, cách đây không xa lắm. Cô có thể lái xe đi theo tôi; chỉ chừng 10 phút là tới.

Josephine lưỡng lự vài giây rồi trả lời:

- Nhưng anh phải để tôi trả phần ăn của tôi. Anh đã trả học phí cho tôi rồi mà.

Toàn lắc đầu quầy quậy:

- Không được. Hiến pháp Hoa Kỳ đã nói rõ ràng là khi người đàn ông mời một người nữ đi ăn, hoặc đi khiêu vũ thì người đàn ông phải trả mọi lệ phí.

Josephine mỉm cười:

- Anh tham lam quá! Anh vừa nói mời tôi đi ăn sao bây giờ lại có thêm mục khiêu vũ nữa?

- Tôi quên chưa nói chuyện với cô là trước khi gia nhập Hội Danube Diving Club, tôi thường đi khiêu vũ hàng tuần. Hôm nay có cô cùng đi ăn, tự nhiên tôi nhớ đến khiêu vũ và muốn giới thiệu với cô một nơi khiêu vũ rất dễ thương có tên là Nineth Cloud Dance Club, ở ngay bên cạnh nhà hàng mà cô và tôi sẽ đi ăn bây giờ. Cô sẽ không phải lái xe đi theo tôi.

Sau một bữa ăn thịnh soạn với rượu nồng, cả hai người cùng cảm thấy thư giãn và tự nhiên hơn. Josephine kể cho Toàn nghe cuộc sống cực nhọc của gia đình khi còn ở Ukraine. Toàn kể cho Josephine nghe mối tình trắc trở với Kim và kết luận: "*Nhờ đi tập thể dục ở SamSon Fitness Center mà tôi đã tìm lại được bình thân và một con đường đi mới.*"

Josephine tỏ ra cảm động về sự thành thật, thân mật của Toàn.

Cô hầu bàn đem giấy tính tiền ra. Toàn đưa thẻ tín dụng trả tiền; rồi hai người đi bộ thong thả sang Nineth Cloud Dance Club. Đã lâu lắm Toàn mới lại đặt chân tới nơi đây và quang cảnh đã thay đổi nhiều; nhưng người chủ thì nhận ngay ra Toàn và chạy lại bắt tay thân mật.

Bản nhạc mở màn với bản *Dòng Sông Xanh*. Toàn đứng lên mời Josephine ra sàn nhảy. Cùng bước những bước nhịp nhàng theo điệu nhạc Waltz, Toàn và Josephine cùng nhìn nhau, đầy âu yếm và quên không dừng lại khi bản nhạc đã chấm dứt. Josephine nhìn Toàn cười ngất nghễ, chế giễu:

- Nếu anh học diving cũng hăng say như thế này, thì công việc của huấn luyện viên cũng nhẹ nhàng nhiều!

Toàn cười theo:

- Vì Josephine khiêu vũ giỏi đấy thôi.

Bản nhạc nào trỗi lên, Toàn và Josephine cũng dìu nhau ra sàn nhảy. Cả hai người cùng cảm thấy một cảm giác hoà đồng, khăng khít. Có một lúc trong khi nhảy theo nhạc *slow*, Toàn thấy lòng mình tràn ngập một nỗi yêu đương, rồi đôi mắt mơ màng, hai cánh tay ghi sát Josephine hơn, Toàn ghé vào tai Josephine nói nhỏ:

- Tôi yêu Josephine.

Josephine giật mình, bàng hoàng, không dám tin rằng tai mình nghe có đúng không. Không thấy Josephine trả lời, Toàn nhìn thẳng vào mặt Josephine và thấy hai giọt nước mắt long lanh đang chảy xuống má Josephine. Rồi vòng tay Josephine thong thả ghi chặt lấy Toàn và đôi môi Josephine tìm đôi môi Toàn. Hai người đứng đó chìm trong một nụ hôn đắm đuối.

Bản nhạc cũng vừa chấm dứt, Toàn dìu Josephine về bàn, nhìn đồng hồ, nói:

- Cũng khuya rồi. Hay là mình về nhà Toàn uống rượu mừng cho mối tình hai chúng ta.

Josephine nhìn Toàn âu yếm, yên lặng đứng lên, vịn vào cánh tay Toàn cùng đi ra.

Tình yêu đã đem đến cho Toàn một nguồn sinh lực mới. Toàn càng hăng say tập luyện. Josephine nhận thấy rõ điều đó và khuyến khích Toàn ghi danh tranh tài bộ môn diving sẽ được tổ chức vào tháng tới ở ngay Danube Diving Club.

Toàn dễ dàng đạt được điểm số mỹ mãn ở cả hai vòng loại. Sang vòng tứ kết, Toàn được điểm số cao nhất trong nhóm và được chọn vào tranh tài ở vòng bán kết. Ở đây Toàn cũng đạt được điểm rất khả quan và sẽ được đi dự thi vòng chung kết trong tháng tới. Để ăn mừng những thành công này, Josephine mời Toàn đi ăn và khiêu vũ ở Paradise Dinner and Dance Super Club.

Hai người bước vào nhà hàng và được mời vào ngồi một bàn bên cạnh cửa sổ. Nhìn ra ngoài thấy một vườn hoa đầy màu sắc rực rỡ, Toàn nói đùa Josephine:

- Hoa đang nở để chào mừng em đó!

Josephine họa thêm:

- Hoa đang nở để chào mừng hai chúng ta chứ.

Vừa lúc đó Toàn thấy một cặp đang dắt tay nhau tiến lại chỗ Toàn và Josephine ngồi. Toàn nhận ra ngay Kim và Huấn. Toàn mỉm cười đứng lên bắt tay hai người. Hôm nay có Josephine bên cạnh, Toàn cảm thấy hoàn toàn tự nhiên, không một chút mặc cảm. Toàn giới thiệu:

- Đây là Josephine, bạn gái tôi.

Kim đưa tay ra, vừa bắt tay Josephine, vừa nói:

- Tôi rất mừng thấy Toàn đã gặp được người bạn rất tương xứng.

Huấn đề nghị:

- Hay là chúng ta bảo nhà hàng xếp chúng ta cùng ngồi một bàn, nói chuyện cho vui.

Trong khi ăn, Josephine nói chuyện cho Kim và Huấn nghe về những công phu tập luyện của Toàn trong bộ môn *diving* và những thành quả rực rỡ mà Toàn đã được. Josephine kết luận:

- Sáu tháng trước đây, tôi không thể nào nghĩ rằng Toàn có đủ khả năng để qua được hai vòng loại. Nào ngờ đâu, Toàn thắng luôn ở tứ kết rồi bán kết và cuối tháng này sẽ vào chung kết khi ban giám khảo tuyển ba người để đi tranh tài *vô địch toàn quốc*.

Cả Kim và Huấn cùng trở mắt thần phục. Kim hỏi:

- Cuộc thi chung kết sẽ tổ chức ở đâu? Chúng tôi muốn đi coi được không?

Josephine nhanh nhẹn trả lời:

- Chúng tôi sẽ rất hân hạnh nếu anh chị có thể đến dự được và Toàn sẽ thêm phần khởi. Để tôi gửi giấy mời chính thức đến anh chị.

Cuộc thi chung kết được tổ chức ở Trung Tâm Bơi Lội Lawrence. Đã có nhiều người đến ngay từ sáng sớm để chọn chỗ tốt đặt máy ảnh và máy quay video. Kim và Huấn cũng tìm được chỗ khá tốt. Josephine ngồi gần cửa ra vào của thí sinh để chờ người yêu.

Cuộc thi bắt đầu lúc 10 giờ sáng với 12 thí sinh và một ban giám khảo gồm 7 người. Toàn bốc được thăm số 12 tức là Toàn sẽ là thí sinh cuối cùng lên cầu nhảy biểu diễn tài sức.

Đứng trong khu dành cho thí sinh, Toàn không để ý gì tới những thí sinh lên trước

Toàn, những tiếng hoan hô rầm rĩ, hay những điểm số của các giám khảo cho mỗi thí sinh. Toàn cố hết sức tập trung tư tưởng để làm sao cho mọi chi tiết đều hoàn hảo.

Có tiếng gọi qua máy phóng thanh:

- Thí sinh số mười hai: Trần Khoa Toàn.

Toàn điềm tĩnh bước ra và leo thang lên cầu nhảy. Toàn bước nhanh, lấy đà và tung người lên không, thân gấp đôi lại như một con dao bỏ túi. Gần tới mặt nước, hai tay Toàn duỗi thẳng qua đầu, hai chân duỗi thẳng ra sau, Toàn lao thân vào nước hồ, nhẹ nhàng, thẳng đứng như một mũi tên.

Khi vùng vẫy trở lên mặt nước, Toàn còn nghe tiếng hoan hô vang dậy. Rồi mọi người yên lặng lại để nghe kết quả điểm số do mỗi giám khảo cho, đã được sắp xếp lại theo thứ tự từ cao xuống thấp:

$$10 - 10 - 10 - 10 - 09^{1/2} - 9^{1/2} - 9$$

Theo thông lệ, người ta bỏ đi số cao nhất và số thấp nhất. Điểm số tổng cộng của Toàn là :

$$10 + 10 + 10 + 9^{1/2} + 9^{1/2} = 49$$

điểm số cao nhất.

Toàn được tuyên bố là vô địch vùng. Josephine chạy đến, ôm lấy Toàn và đặt một nụ hôn nồng cháy lên môi Toàn. Kim và Huấn cũng chạy lại chúc mừng Toàn.

Toàn đứng đó mà cảm thấy như mình đang bay bổng trên không. Ôi, sao mọi chuyện đã xảy ra kỳ lạ như thế này. Toàn chiêm giải vô địch về *Divining*; Toàn chiêm được trái tim của Josephine và Toàn vẫn còn Kim như một người bạn thân. Đúng như câu phương ngôn Mỹ đã nói: "*Khi Trời đóng cửa này, Trời mở cửa kia*" '*When God closes one door, He opens another*'./.

PHB

Cố hương, Tình Yêu và Hoài Niệm: 101 bài lục bát của Phan Khâm

+++++

G.s. Phạm Trọng Lệ giới thiệu

Hình ảnh quê hương in trong tâm khảm khiến người xa xứ lúc nào cũng khắc khoải nhớ nơi chôn rau cắt rốn, con đê ngoài làng, chiều quê cậu bé chờ mẹ đi chợ về, và khi trưởng thành, hình ảnh người yêu bên bụi tre: đó là những hình ảnh mà nhà thơ Phan Khâm như một nhà đạo diễn quay lại những đoạn phim ngắn hồi tưởng lại kỷ niệm cũ.

Mỗi đoạn phim là một bài lục bát bốn câu mà câu đầu, trừ 18 bài, còn thì toàn bắt đầu bằng:

**Em từ lục bát bước ra
Màu thời gian anh muốn pha thế nào?
Anh đang pha mực tím vào
Nhớ thời cắp sách...ngọt ngào thơm tho**
(bài số 3)

Ai cũng nhớ thời cắp sách ngày xưa, trong giờ viết tập *Écriture*, học sinh dùng ngòi bút sắt giống đầu lá tre, chấm vào lọ mực tím viết trên giấy có dòng kẻ ô đều đặn. Các em lớp năm lớp tư còn được thầy hay cô giáo nắn nót chỉ cho cách viết từng chữ.

Khó mà lựa ra những bài mình ưng ý như khi xem bức họa trăm ngựa, mỗi con có một vẻ đẹp và dáng riêng, hay

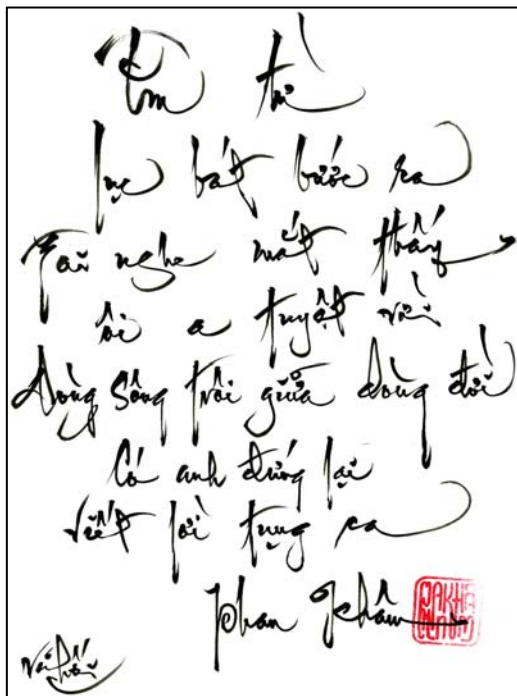
khi bước vào một gia đình đông con, ướm hỏi gia chủ trong những đứa con trong gia đình, ông hay bà thương đứa nào nhất. Người đọc tập thơ của Phan Khâm cũng lưỡng lự, và sự lưỡng lự đó có thể hiểu được.

**Em từ lục bát bước ra
Đầu xuân tươi thắm mùa hoa anh đào
Gặp em chưa mở lời chào
Mà em đã trói anh vào hôn mê**
(bài 7)

Đây là “tiếng sét ái tình”: yêu mà “mê” tức là không còn lý luận, mà có thể không cần lý trí; chữ “trói” cho tình yêu một sức mạnh vô hình ràng buộc kẻ yêu nhau.

**Em từ lục bát bước ra
Hoàng hôn nhạt nắng chiều tà đó em
Khoảng không gian thật êm đềm
Xin gieo hạt giống cho đêm nảy mầm**
(bài 23)

Hễ đã đọc xong một bài là sức thơ lôi cuốn khiến tự nhiên muốn đọc bài tiếp, như người uống ngụm rượu ngon lại muốn hớp thêm ngụm nữa. Tôi cũng thích những bài số 22, 38 và 61.



Một nhà ngữ học Mỹ là Benjamin Lee Whorf (1897-1941) có đưa ra một thuyết về ngôn ngữ và văn hoá gọi là Nguyên tắc Tương đối Ngôn ngữ (linguistic relativity principle), theo đó, một cách tóm tắt, mỗi con người trong một nền văn hoá từ bé đến khi khôn lớn, đã thấm nhuần những nét đặc thù về ngôn ngữ và văn hoá và những nét đặc thù này ảnh hưởng đến thế giới quan và nhận thức của người đó. Tỉ như khi ở xa miền đất mình sinh trưởng thì có lòng nhớ thương. Quốc văn Giáo Khoa Thư lớp Dự Bị, trang 171, kể câu chuyện một người du lịch nhiều nơi khi trở về quê, họ hàng hỏi ông, đi xa thấy nơi nào là đẹp. Ông trả lời chỗ quê hương đẹp hơn cả. Có khi mỗi

ràng buộc trong tâm khảm đó là những hình ảnh hay vật dụng như nhà thi sĩ Pháp Lamartine có viết trong bài Milly ou la terre natale: “Objets inanimés, avez vous donc une âme? Qui s’attache à nôtre âme et la force d’aimer?” Vật vô tri hẳn có hồn /Khiến lòng ta phải yêu thương chẳng rời?

Những hình ảnh hay kỷ vật ta yêu thương ấy có khi là con đường làng dưới chân bờ đê nơi cậu bé ngóng mẹ đi chợ chiều về, có khi là bụi tre la ngà chàng đứng cùng người yêu, có khi là mùi hương áo cũ (như xưa vua Tự Đức nhớ nàng cung nữ: “Đập cổ kính ra tìm lấy bóng/Xếp tàn y lại để dành hơi”), hay giọng nói, tiếng chim sơn ca trên cành, hoàng hôn nhạt nắng lưng đồi chàng níu tay xin người yêu nán lại, hay xin thời gian chậm trôi, có khi là bên ly cà phê người quân nhân ngồi cùng đồng đội trong quán cà phê ở phố núi ở một tỉnh cao nguyên, có khi là quán ăn kẹo mạch nha hay kẹo gừng, có khi là hình ảnh người vợ đang kỳ “đơm bông nở nhụy” với những lời nói triu mến, nũng nịu (“bắt đèn anh đây” –bài 53, hay “Nhìn đi, ruột bỏ ngoài da đây nè”--bài 67). Những hình ảnh đó như những mảnh kính màu tạo nên một tấm khảm hay một thứ kính vạn hoa.

Một mặt khác, một nhà nghiên cứu về huyền thoại (mythology), ông Joseph Campbell (1904-1987, tác giả cuốn the Power of Myth, 1988 và The Hero of a Thousand Faces, 1949), còn đi một bước xa hơn Whorf, nói rằng con người tuy

văn minh mà vẫn còn bị ràng buộc bởi những huyền thoại như những bộ lạc xưa mà khi một dân tộc đều tin vào những huyền thoại chung thì có thể thành một sức mạnh ràng buộc nhau (thí dụ huyền thoại con Rồng cháu Tiên của người Việt, Thái dương Thần nữ của người Nhật).

Giáo sư E. D. Hirsch của trường U-Va, đồng tác giả cuốn sách tên là Dictionary of Cultural Literacy (Houghton Mifflin Co., 1988), nói rằng một dân tộc như Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ phải có một khối văn hoá hay kiến thức chung để cùng chia sẻ (shared common knowledge), nếu họ muốn giao tiếp đàm thoại với nhau; đó là những ngữ vựng chung, ngôn ngữ thể thao, ngôn ngữ của những trường đại học danh tiếng gọi là ivy-league, và ông gọi đó là một “ngôn ngữ” chung, hay hiểu biết văn hoá. Nghĩa là theo ông phải có một vốn liếng tối thiểu về ngôn ngữ, lịch sử gọi là cultural literacy, như địa dư, thể thao, văn chương, truyện thần thoại, các bài dân ca, truyện nhân gian, căn bản luật pháp, âm giọng của một phương ngữ để có thể tương tác với nhau. Nếu giả thuyết của Benjamin Lee Whorf, lý thuyết về mythology của nhà huyền thoại học Joseph Campbell, và lập luận về văn hoá của g.s. Hirsch về kiến thức chung của một dân tộc có điều hợp lý thì chúng ta có thể coi những hình ảnh, ẩn dụ và ngôn ngữ trong thơ của thi sĩ Phan Khâm trong tập thơ 101 Bài Lục Bát cũng nhằm ghi lại cho ta khỏi quên tiếng nói, hình ảnh,

âm thanh, âm nhạc, mùi vị, phương ngữ, một quá khứ xa xưa của một xã hội có trật tự. Nếu như vậy thì thơ ông ngoài mục đích đem lại cho người đọc niềm hân hoan, khoái cảm mỹ học như là một thứ “elixir of love”, còn giúp ta khỏi quên những nét tinh tế của tiếng mẹ, những nét đẹp của quê hương, như cảm giác vui thú khi ta nhìn những mảnh kính màu tạo nên một mô-sa-íc của một bức kính màu trên cửa sổ một nhà thờ cổ. Thi sĩ đã nối những hình ảnh đẹp với người đọc, mỗi bài thơ như một thông điệp tới người đọc rằng họ có một thời trong quá khứ ở một nơi cùng gọi là quê hương và đã có những kỷ niệm chung.

Thi sĩ Phan Khâm cũng là tác giả một số tập thơ, trong đó có bài dường như thuộc phái ấn tượng impressionism, cũng có bài có vẻ thuộc phái tượng trưng symbolism, có bài lan qua cả siêu thực surrealism (Xem: Bên Dòng Thạch Hãn (2002), Dòng Sông Thao Thức (2007) do Cơ Sở Cổ Thơ xuất bản; cuốn thứ 2 do nhà văn Hồ Trường An viết lời giới thiệu rất tỉ mỉ. Ngoài ra thi sĩ Phan Khâm cũng có nhiều CD & DVD thơ phổ nhạc bởi nhiều nhạc sĩ hữu danh).

Cách đây hơn hai tháng thi sĩ Phan Khâm có gửi cho tôi bản thảo của tập thơ gồm 101 bài thơ lục bát và ngỏ ý muốn tôi viết “vài lời giới thiệu”. Tôi rất hân hạnh và đọc nhiều lần những bài thơ trong tập “Em Từ Lục Bát Bước Ra” gồm 101 bài lục bát: lời thơ óng chuốt, mượt

mà và giàu hình ảnh, gợi tình, gợi cảm. Tôi muốn dùng chữ *sensual*. Như khi ta đọc đoạn vịnh Kiều gặp Kim Trọng trong tiết Thanh Minh của Chu Mạnh Trinh: “Dãy hoa nép mặt gương lòng bóng/Ngàn liễu rung cương sóng *gợn tình*”) Tuy nhiên, tập thơ không phải chỉ là những lời thơ tình yêu mà thôi mà còn gửi gắm trong đó những hình ảnh của một quê hương nề nếp, yên bình, có mẹ hiền, có người yêu, có chim sơn ca, có ánh nắng vỗ vào mạn thuyền, có tà áo dài bay như dải bờ biển cong hình chữ S, có chén trà mạn sen cùng người yêu ngồi uống trên chiếu cạp điều ...

Tóm lại, đây là những kỷ niệm của một quá khứ trong một xã hội -- có thể thiếu thốn về vật chất -- nhưng có trật tự của một nếp sống văn minh. Đây là những nuối tiếc của những người phải bỏ xứ ra đi tìm tự do và đất sống, lúc rảnh rỗi ngồi nghe những dòng nhạc của một thời được những ca sĩ hay nhạc sĩ nổi danh trình bày mà mình ưa thích. Như hình ảnh màu xanh chen lẫn màu vàng trên những ống tre la ngà trong bài lục bát số 6 làm tôi nhớ đến bài Nắng chiều của Lê Trọng Nguyễn qua lời ca của ca sĩ Hà Thanh, giọng Huế khó quên. Thấp thoáng đâu đó, người đọc thơ thấy những vần lục bát của Kiều, nhưng đây là những vần lục bát được *làm mới*. Đây là những vần thơ đọc lên, như thi sĩ Trần Mộng Tú đã viết, thấy “thơm tho cả miệng”, lòng thêm trong sáng, óc thêm sáng khoái.

Nếu độc giả đang cầm trong tay tập thơ của thi sĩ Phan Khâm, minh họa bởi nhà thơ họa Vũ Hối, xin hãy nâng tập thơ nhỏ lên, bên ấm trà thơm, và bình hoa xuân, chậm rãi đọc hay ngâm to từng bài cho mình hay người đối ẩm nghe, lâu lâu ngừng lại, hớp một ngụm trà, rồi đọc tiếp. Trong khoảng không gian yên tĩnh giữa ta với thơ, bên cạnh những câu thơ sáu tám giàu hình ảnh, ta cũng thưởng thức những nét tung hoành của nhà thơ họa Vũ Hối. Ta hãy nghe những vần thơ gọi cho ta những hình ảnh xưa của một chỗ gọi là quê nhà. Ta sẽ yêu những vần thơ lục bát vắng vắng như lời ca dao, lời ru của mẹ hiền, hay lời thủ thi của người yêu. Ta sẽ có cảm giác lâng lâng như được nâng bổng lên từng cao của mỹ cảm. Đây là quà tặng của tiếng Việt, qua lời thơ lục bát thuần Việt, cho người Việt đau đầu trong tìm những hình ảnh dịu hiền của một quê hương xa xưa. Mà vì ở xa cố hương, cuộc sống vội vã của một xứ tiện nghi càng làm ta nghĩ tới những hình ảnh của một quá khứ mà ta không thể níu lại, kể cả những nét của một thời thanh xuân, nhưng tiếng nói của thơ, ngôn ngữ thơ với khả năng kỳ diệu của nó, hình như đã làm sống lại những kỷ niệm và hình ảnh của thời gian đã mất, xoa dịu nỗi khắc khoải và tăng thêm nguồn hứng khởi trong tim ta.

Cám ơn thi sĩ **Phan Khâm** và nhà thơ họa **Vũ Hối** và hân hạnh giới thiệu **Em Từ Lục Bát Bước Ra.**

--Virginia, 3/22/2016.-- PTLệ

CHỈ LÀ PHÙ DU THÔI

Tiểu Thu

Ngồi trước ly cà phê mới pha thơm phức, Thơ còn đang lan man nghĩ ngợi mình sẽ làm gì cho hết ngày thứ bảy thì chuông điện thoại reo. Tiếng chị Hạ bên kia đầu giây:

- Chị Hạ đây. Bữa nay Thơ có rảnh không vậy?

Thơ mừng rỡ reo lên:

-Chị Hạ! Chị đi du lịch về rồi hả? Em đang thất nghiệp chưa biết làm gì cho hết ngày thứ bảy đây nè. Ông Thanh đi công tác ở Boston tuần sau mới về. Mấy đứa nhỏ rủ nhau đi chơi hết trơn. Em đang buồn nẫu ruột!

-Chị Hạ về cả tuần rồi cưng ơi và đang nẫu một nồi bún bò đây này. Khoảng gần mười hai giờ Thơ qua chị. Ngoài món bún bò, chị Hạ còn chuyện này rất... rất hấp dẫn sẽ kể cho Thơ nghe.

Thơ không nén được sự tò mò:

-Chuyện gì nói đại em nghe đi mà.

-Không được. Không thể kể qua điện thoại.

-Trời! Gì mà bí mật dữ vậy? Chị biết tính em sẽ không chịu nổi từ đây tới 12 giờ trưa đâu đó.

-Thôi được. Mí mí thôi nha. Kỳ đi chơi này chị Hạ đã gặp lại anh Sinh.

- OK. Em sửa soạn qua chị liền đây. Thơ hấp tấp nói.

Từ ngày quen biết chị Hạ ở party Noel nhà một cô bạn, Thơ rất thích chị. Tuy ở tuổi gần sáu mươi mà trông chị trẻ và đẹp như chưa tới năm mươi. Tính tình lại xởi lởi, vui vẻ, dễ thương rất hợp với Thơ. Ngược lại trong những cô bạn trạc tuổi

Thơ, chị Hạ cũng thương Thơ như em gái ruột. Có gì cũng kể, duy chỉ có mối tình đơn phương với một người đàn ông tên Sinh là không bao giờ. Có lần tò mò, Thơ hỏi về người đó thì chị đánh trống lảng và đôi mắt thoáng buồn. Thơ đoán phải có gì ghê lắm nên chị Hạ mới không muốn nhắc tới. Cũng từ đó Thơ thôi không hỏi gì về người đàn ông này. Nếu bữa nay chị Hạ muốn kể thì Thơ sẽ sẵn sàng nghe và cũng sẵn sàng chia vui (hoặc xé buồn...) với chị.

Từ nhà Thơ đến nhà chị Hạ khoảng 30 phút. Nhà chị ở trong khu sang trọng của thành phố Montréal. Anh Bảo, chồng chị Hạ, là dân du học trước Bảy Lăm. Anh tốt nghiệp Kỹ sư điện và làm việc cho Hydro Québec. Anh có chí nên vừa làm vừa học thêm. Nhờ có bằng cấp cao nên anh từ từ leo lên chức vị quan trọng trong tập đoàn điện lực lớn nhất tỉnh bang. Sau khi mất nước, chị Hạ theo gia đình chạy sang định cư tại Montréal từ năm 75. Năm đó chị mới suýt soát hai mươi. Chị Hạ đẹp lắm. Da trắng bóc, mi thanh mục tú và tướng rất đài các. Sang Québec được một năm thì chị gặp anh Bảo. Chỉ với ánh mắt đầu tiên là anh đã yêu chị say đắm. Anh theo chị miệt mài, nhẫn nại đến cả năm chị mới xiêu lòng. Anh hơn vợ bảy tuổi nên cưng chiều chị vô cùng. Lúc đó giá bất động sản còn rẻ nên sau đám cưới, anh chị mua ngay một căn nhà rất đẹp và ở luôn cho tới bây giờ. Ông Trời ban cho anh chị hai đứa con, một trai một gái thông minh đĩnh ngộ. Anh đưa chị đi du lịch khắp nơi. Hạnh phúc của hai người khiến ai nhìn vào cũng phải ước ao và ganh tị. Nhưng khi ông Trời cũng góp

phần vào... thì thật là đáng sợ. Ở tuổi 60 anh Bảo bị ung thư phổi ác tính. Mà anh không hề hút thuốc lá mới là oan ức! Cảm cụ được gần 2 năm thì anh từ giã vợ con để về bên kia thế giới. May mà các con đã trưởng thành và đều có gia đình êm ấm.

Góa phụ ở tuổi 55, chị vẫn còn rất xuân sắc. Nếu không muốn nói bây giờ chị lại còn đẹp mặn mà hơn thời con gái. Ngoài cái nhan sắc kiều sa, chị Hạ còn được hưởng cái gia tài không nhỏ của anh Bảo để lại. Thôi thì ông bướm dập diu. Trong số đó có anh Tâm yêu chị rất chân thành. Anh này li dị vợ đã lâu, điều kiện cũng không kém anh Bảo là mấy và cũng không vướng bận con cái chi cả. Đã nhiều lần anh Tâm tỏ ý muốn tiến tới nhưng chị Hạ đều từ chối, lấy cớ ở một mình tự do quen rồi. Thỉnh thoảng hai người hẹn nhau đi ăn hoặc đi du lịch với nhóm bạn thân. Anh Tâm đành chịu theo ý chị, nhưng trong thâm tâm anh vẫn hy vọng một ngày nào đó chị Hạ sẽ đổi ý và chịu lấy anh. Thơ tội nghiệp anh Tâm, có lần hỏi chị Hạ vì sao cứ từ chối tấm chân tình của anh Tâm, thì chị Hạ trả lời giọng xa vắng:

-Thôi em ơi, đời chị lấy chồng một lần là đủ rồi. Chị Hạ thật may mắn lấy được anh Bảo là người chồng hoàn hảo. Thú thật với Thơ, lúc chị Hạ lấy anh ấy là vì cảm động trước tấm chân tình của anh ấy mà thôi. Thật ra con tim chị hình như đã chết từ lúc bắt đầu biết thế nào là tình yêu!

Thơ tròn mắt kinh ngạc:

-Chị không đùa với em chứ hả? Đẹp như chị mà... mà... mà...

Thấy Thơ cà lăm cà lạp vì quá bất ngờ, chị Hạ cười cười cướp lời:

-Mà thất tình phải không? Ai khẳng định với Thơ rằng người đẹp thì không thất tình?

Thơ vẫn một mực không tin:

-Em nghĩ là hồi đó, chắc chắn có cả đồng cây si chạy theo chị.

Chị Hạ cười buồn:

-Ừ, cả đồng cây si trồng trước nhà, trồng trước trường và cả trong trường, trong lớp... nhưng chị vẫn thất tình mới là... khùng! Thôi, hôm nào có dịp chị Hạ kể cho mà nghe.

Và hôm nay dịp đó đã tới. Thơ rất háo hức gặp chị Hạ để nghe kể về mối tình... khùng của chị. Lần nào tới đây Thơ cũng bỏ ra ít phút, đứng ngắm căn nhà đất tiền của chị Hạ, trong lòng không khỏi cảm thấy ước ao. Nhưng rồi lại tự an ủi " Mỗi người mỗi số. Ao ước, thêm muốn làm chi cho khổ thân!" và với nụ cười trên môi, Thơ bấm chuông. Chị Hạ lúc nào cũng tươm tất. Bên trên chiếc quần vải lin trắng là cái áo tay cánh bướm màu san hô. Mái tóc được búi lên cao, lộ chiếc cổ thiên nga trắng ngần. Vài cọng tóc lòa xòa trước trán khiến chị trẻ ra đến... 20 tuổi và chị đẹp, sang như một bà hoàng. Thơ nói điều đó và chị Hạ mắng yêu "Chỉ được cái nịnh chị!" Nhưng đôi mắt lại ánh lên niềm hạnh phúc.

Mùi bún bò Huế tỏa ra ngào ngạt khiến Thơ chợt nhớ từ sáng giờ nàng mới uống một ly cà phê. Thơ hăng hái phụ chị Hạ dọn bàn. Nhìn đĩa rau gồm có rau muống chẻ, rau quế và bắp chuối xắt mỏng, cùng với những cọng giá trắng nõn nà, Thơ hít hà:

-Chưa ăn mà em đã chảy nước miếng rồi nè chị Hạ. Chắc em phải xin 2 tô. Sáng giờ chưa ăn gì ngoài ly cà phê nên cái bao tử em đang réo âm âm đây nè!

-Lớn đầu mà vẫn tham ăn. Có ngày lăn như cái thùng chớ không đi nổi nha cô. Chị Hạ mắng yêu.

Thơ cười hì hì:

-Em không lo. Ông Thanh tuyên bố chỉ yêu đàn bà mát da mát thịt!

Chị Hạ bung tô bún bò bốc khói đặt trước mặt Thơ và một tô cho chị, rồi tuyên bố:

-Nào cầm đũa. Không hiểu sao tự nhiên hôm qua chị Hạ thèm bún bò nên đi chợ mua thịt bò bắp và chân giò heo về nấu. May nhà còn một hũ mắm ruốc. Chị Hạ mua cả chục hũ dự trữ từ hồi có tin Formosa xả chất độc ra biển làm ô nhiễm môi trường.

Thơ cười:

-Em cũng mua 5 thùng nước mắm về trữ, ăn mãi vẫn chưa hết.

Hai chị em vừa ăn bún bò vừa nói chuyện lan man một lúc, Thơ chịu không nổi bèn mở lời:

-Chị nói sẽ kể cho em nghe chuyện gặp lại ông Sinh. Ông ấy bây giờ ra sao hở chị? Chị gặp ông ấy ở đâu?

Nét mặt chị Hạ đang tươi tắn, nghe đến tên Sinh bỗng trở nên xa vắng. Chị đặt đũa xuống, nhìn Thơ mà cặp mắt không dấu được nét buồn

-Tôi hôm qua nằm nhớ lại khoảng thời gian một tuần đi chơi chung với anh Sinh, chị Hạ thấy lòng nao nao, không biết là buồn hay là vui. Thứ tình cảm này thật mơ hồ, không thể xác định được. Cho nên sáng nay chị Hạ mới gọi cho Thơ. (Chị Hạ có thói quen dễ thương là luôn luôn xưng "chị Hạ" khi nói chuyện với Thơ). Nhất định là trút hết bầu tâm sự một lần cho lòng nhẹ nhõm. Chị cầu mong từ đây về sau thân tâm sẽ được an lạc để sống hết quãng đời còn lại. Thơ biết không, nhìn bề ngoài ai cũng nghĩ chị Hạ là một người đàn bà được ông Trời biệt đãi. Sắc đẹp, tiền tài, danh vọng... đều không thiếu. Nhưng nào ai biết được

trong lòng chị Hạ luôn canh cánh một nỗi cô đơn.

Thơ đang chăm chú lắng nghe, đến đây cũng phải buột miệng:

-Trông chị lúc nào cũng rạng rỡ, tươi như hoa, ai mà ngờ...

-Cô em khờ của tôi ơi. Sống trên đời, có biết bao nhiêu người phải mang chiếc mặt nạ mỗi khi ra đường? Vô số em ạ. Nhiều gia đình, nhìn vào thấy thật hạnh phúc. Nhưng có ai biết đâu những đợt sóng ngầm vẫn đang nhấn chìm họ hàng ngày! Chỉ là họ khéo che đậy đó cung ơi.

Thơ tò mò:

-Còn chị với anh Bảo thì sao? Em thấy anh chị hạnh phúc tràn đầy. Tại em đũa nào cũng ước ao được một phần của chị là mãi nguyện.

Chị Hạ nhìn Thơ một giây, rồi nhìn xa xa ra ngoài cửa sổ, giọng mơ màng:

-Nếu nói rằng chị Hạ không hạnh phúc thì không đúng. Anh Bảo rất thương yêu chị. Anh không để chị thiếu thốn bất kỳ thứ gì. Anh đúng là một người chồng, người cha tuyệt vời. Thơ biết không, nếu không có hình bóng anh Sinh trong trái tim, thì quả thật chị Hạ là người đàn bà hạnh phúc nhất thế gian. Nhưng... trong cuộc sống vẫn thường có những chuyện thật trớ trêu. Thơ có nhớ nhạc sĩ Vũ Thành An đã từng viết: "Đời một người con gái ước mơ đã nhiều, trời cho không được mấy, đến khi lấy chồng chỉ còn mỗi tình mang theo!" (Bài Không Tên Số 2). Đó là tâm trạng của rất nhiều người con gái, mà trong số đó có cả chị Hạ. Chỉ buồn một điều, mỗi tình của chị Hạ là tình một chiều...

Thơ ngắt lời chị:

-Biết đâu anh Sinh có yêu chị mà chị không biết? Em không tưởng tượng được

đứng trước một người đẹp như chị mà anh ấy không rung động!

Chị Hạ cười buồn:

-Khờ ơi là khờ. Trong mắt người yêu có Tây Thi. Sắc đẹp không phải là tất cả nơi người con gái đâu cô nhỏ à. Mỗi người mỗi sở thích. Người thích con gái phải ẻo lả, mềm mại như tơ liễu. Nhưng cũng có kẻ thích những cô mạnh mẽ cả về thể xác lẫn tâm hồn. Thiếu gì cặp chồng thấp vợ cao, hoặc vợ béo tròn như cối xay còn chồng thì tong teo như cây tre miếu. Thế mà họ vẫn hạnh phúc tràn trề, con đàn cháu đống. Chị có ông anh chú bác đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi... lại đi cưới một cô gái sắc đẹp dưới trung bình khiến cả họ phải ngơ ngác. Nhưng bù lại, khi chị ấy mở miệng thì kiến trong lỗ cũng phải bò ra. Giọng nói của chị ngọt ngào, êm ái như nhung như lụa. Lại còn tài gia chánh không ai bì kịp. Bao sao ông anh chị không ngắt ngư, yêu vợ say đắm!

-Thôi, chị kể về anh Sinh của chị đi. Em nóng ruột lắm rồi nè. Kỳ đi chơi vừa rồi gặp lại anh ấy, chị có cảm giác thế nào?

-Ừ, thì kể đây. Tháng bảy vừa rồi chị Hạ theo cô bạn, cũng độc thân như chị, mua vé đi tours một tuần trên con tàu Harmony Of The Sea. Con tàu lớn mênh mông và rộng rãi vô cùng. Ngay hôm đầu, hai đứa chị đi ăn buffet tối. Lấy xong một đĩa thức ăn, chị đi tìm bàn trước để chờ cô bạn. May ghê, có một bàn hai chỗ trống ngay cửa kính nhìn ra biển. Cảnh hoàng hôn trên biển đẹp huy hoàng. Chị Hạ còn đang mê mải ngắm thì nghe sau lưng có tiếng một người đàn bà Việt Nam nói chuyện với ai đó. Chị Hạ không để ý lắm, cho đến khi tiếng một giọng khác nói như reo: "Em đi tìm mãi mới thấy anh Sinh. Chị Ngọc và anh Sinh trốn kỹ quá đấy nhé". Rồi tiếng người đàn

ông tên Sinh, ngồi đầu lưng với chị, đáp lại: "Làm gì có. Cô Hằng tưởng tượng nhiều quá đấy thôi". Tên Sinh và giọng nói của người đàn ông khiến chị Hạ giật mình, suýt nữa là đánh rơi cái nĩa đang cầm. Mặc dù rất muốn quay lại xem có phải "người ấy" không, nhưng không dám. Chị ngồi đó ngẩn ngơ, đến nỗi cô bạn cầm đĩa thức ăn ngồi xuống chiếc ghế trước mặt mà chị Hạ vẫn không để ý. Có lẽ gương mặt chị lúc đó rất khó coi, nên cô bạn hơi lo lắng, hỏi dồn:

-Này, bồ bị sao vậy? Cảm thấy không khỏe à?

Lúc đó chị Hạ mới bừng tỉnh, tìm cách đổi quanh:

-Không, không có gì. Mình chỉ mới chợt nhớ ra một chuyện chưa làm bên nhà trước khi đi. Cũng không có gì quan trọng, bỏ đừng lo.

Sau đó chị cố giữ bình tĩnh vừa ăn vừa nói chuyện tầm phào với cô bạn. Cho đến khi người đàn ông tên Sinh đi lấy đĩa thức ăn mới, chị Hạ cũng đứng lên sau ông ấy vài giây. Chị đi sau lưng ông ta và lúc lấy thức ăn thì cố ý đứng phía bên đối diện để nhìn cho kỹ. Dù bây giờ tóc đã thưa đi và nhiều muối hơn tiêu, đầu da hơn xưa một tí, nhưng chị Hạ vẫn nhận ra người ấy. Đúng là anh Sinh của một thời con gái ngây thơ. Chị Hạ vội vàng trở về bàn trước để tránh mặt. Biết đâu người đàn bà ngồi cùng bàn là vợ của anh ấy thì sao? Khi hai người đó dùng bữa xong, để rời khỏi phòng ăn họ đi ngang qua bàn của chị Hạ. Chị liếc nhìn người đàn bà đi chung với anh Sinh. Cô ấy chắc độ khoảng ngoài 50. Người thon gọn trong chiếc áo đầm màu xanh nước biển. Tóc dài quá vai và đẹp ơi là đẹp. Chị thấy tim mình nhói lên. Chợt nhớ tới ngày nào ở phố núi, hằng tá con gái đẹp mê anh như điều đó.

Ngay cả chị Ly đẹp nổi tiếng trong trường, học cùng lớp nhưng lớn hơn chị Hạ ba tuổi, nhà ở xéo nhà trọ của anh Sinh, cũng yêu anh mê mết... Đêm đó, dù con tàu chạy êm như ru, chị Hạ cũng không tài nào dễ được giấc ngủ. Bên cạnh, cô bạn ngủ ngon lành. Trần trọc mãi mà không dám bật đèn đọc sách vì sợ phá giấc ngủ của cô bạn. Chị Hạ đành nằm trong bóng tối và thả hồn về dĩ vãng. Những ngày thơ ngây đầy mộng mơ trên phố núi thần tiên...

Thấy chị Hạ ngừng hơi lâu, Thơ nóng lòng hỏi:

-Chị quen anh Sinh lúc nào hở chị?

Chị Hạ như giật mình, trở về hiện tại:

-À, chị Hạ biết anh ấy năm mới học Đệ lục, khoảng đầu mười lăm tuổi. Anh Sinh ăn cơm thánng nhà một người nhân viên của anh ấy. Hai nhà cách nhau một khoảng sân nhỏ. Để đến đó anh Sinh phải đi ngang nhà chị. Trong nhà, ngoài chị Hạ và chị Huệ giúp việc, còn có chị Sương là cháu gái của mẹ chị, từ Vĩnh Long lên giúp mẹ chị buôn bán. Chị Sương đẹp lắm. Chị ấy giống hệt bà di họ của chị Hạ nên người nhỏ nhắn, da trắng tóc đen mượt mà. Cặp mắt to tròn với hàng mi dài cong vút. Chẳng vậy mà khi cười, núm đồng tiền trên má lõm sâu khiến chị càng đẹp lộng lẫy. Năm ấy chị Sương đã 23 tuổi. Trước đó mấy năm chị có ý trung nhân là lính tàu bay. Nhưng anh ấy đã tử nạn. Chị Sương buồn quá nhất định khép kín cửa lòng. Nhưng ông trời xui khiến, anh Sinh và chị ấy mới gặp nhau đã nảy sinh tình cảm. Thơ biết không, anh Sinh đẹp trai lắm. Dáng người cao, nhờ chơi tennis nên cơ thể rắn chắc. Mắt, mũi, miệng gì anh ấy cũng đẹp. Cả người anh ấy toát ra một sức quyến rũ lạ kỳ. Hàm răng đều đặn, khi anh cười thì ôi

thôi tim các cô rụng như sung! Anh Sinh là dân Bắc nên miệng mồm rất khéo.

Chị Sương và chị ngủ chung phòng. Bàn học của chị nhìn ra bên hông nhà, mà cũng là con đường mòn cho những ai muốn đi tắt ra dãy nhà đằng lưng nhà chị Hạ. Một hôm đang ngồi học bài thì bỗng nhiên một khuôn mặt hiện ra bên ngoài cửa sổ khiến chị Hạ giật nảy mình! Nhìn lại, hóa ra là anh Sinh. Thấy gương mặt thất thần của chị Hạ, anh cười xin lỗi rồi thò một bức thư qua chấn song nói nhỏ "Nhờ Hạ chuyển bức thư này cho chị Sương dùm anh nhé." Nói xong là anh biến mất, không để chị trả lời là nhận hay không! Khi chị Sương đi tắm vào, chị Hạ nói " Có người gửi thư cho chị nè" Chị Sương hỏi ai? Khi biết là thư của anh Sinh thì cặp mắt chị sáng rỡ, vội vàng chụp bức thư và mở ra xem liền. Nhìn về mặt tràn trề hạnh phúc của chị Sương, chị tò mò hỏi anh Sinh viết gì, chị ấy cười tươi như hoa: "Anh Sinh tỏ tình với chị Hạ ơi. Chị chờ giây phút này lâu lắm rồi. Mà không ngờ được là anh ấy yêu chị. Chị sung sướng quá. Chị là người con gái hạnh phúc nhất trần đời!". Nói xong chị Sương nhắm mắt, tay cầm bức thư áp lên ngực, gương mặt kiêu diễm ngược lên trời như đang thầm cảm ơn Thượng đế đã ban phước lành cho chị ấy. Chị Hạ chỉ là một cô bé ngây thơ, có biết tình yêu là cái chi chi, nên chỉ biết giương mắt nhìn chị Sương một cách tò mò! Chị Hạ hỏi: " Bộ chị yêu anh Sinh lắm hả?" Chị Sương gật đầu: " Ừ, nhiều hơn bất cứ thứ gì trên đời! Nhưng mà Hạ đừng nói cho ai biết nha. Di biết sẽ rầy chị chết. "

Bắt đầu từ đó, con chim xanh là chị Hạ được quà cáp từ hai kẻ yêu nhau. Vì muốn hẹn hò, anh Sinh và chị Sương đều phải nhờ

chị Hạ chuyển thư dùm. Gia đình bên nội chị Sương theo đạo Công giáo nên mỗi sáng chúa nhật chị ấy đều đi lễ. Mà nhà trọ của anh Sinh chỉ cách nhà thờ độ trăm mét, nên sau buổi lễ chị thường ghé qua nhà anh chơi độ nửa giờ. Đi lễ về trễ lâu quá là chị Sương sẽ bị mẹ chị rầy. Bà bảo con gái lớn không được la cà ngoài đường. Hơn nữa Chúa nhật là ngày tiệm rất đông khách. Sau này, chị Hạ cũng thường đi lễ với chị Sương để nghe những bài thánh ca hay tuyệt vời. Giọng các chị trong ca đoàn trong vắt, cao vút, êm ái thoát tục. Nghe các chị hát mà lòng cứ lâng lâng, bay bổng. Những lần ghé nhà anh Sinh vui lắm. Anh ấy đãi hai chị em những loại bánh tây ngon thật ngon. Có lẽ do gia đình anh ấy gửi từ Sài Gòn lên. Nghe nói gia đình anh Sinh giàu lắm. Bố anh ấy làm đồng lý văn phòng trong một bộ gì đó chị Hạ quên mất tên.

Cuộc tình của hai người lớn dần theo thời gian, chắc cũng cả năm chứ không ít. Họ yêu nhau cuồng nhiệt. Có một lần ghé nhà anh Sinh, chị Hạ ra vườn hái mấy trái lý. Phía sau nhà trọ của anh ấy có một cây lý trái vừa ngọt vừa thơm. Lúc chị cầm một chùm đi vào định khoe thì chợt khựng lại, vì trước mắt chị Hạ anh Sinh và chị Sương đang hôn nhau say đắm. Chị Hạ phải thối lui ra vườn, ít phút sau mới trở vào. Vừa đi vừa cố ý nói lớn: "Chị Sương ơi, em hái được nhiều trái lý ngon lắm nè". Lúc này thì anh chị ấy đã "bình tĩnh", làm như không có chuyện gì xảy ra. Đêm hôm ấy, nằm trên giường mà hình ảnh anh Sinh và chị Sương hôn nhau không ngọt ám ảnh. Chị Hạ cảm thấy có cái gì đó lẩn khuất trong lòng nên cứ trăn trở không ngủ được. Cũng từ đó chị Hạ nhìn anh Sinh với cặp mắt khác hơn trước. Cặp mắt của một cô

gái xấp xỉ tuổi mười sáu tròn trăng nhìn một người đàn ông mà sức quyến rũ đã làm tan nát con tim nhiều cô trong cái thành phố nhỏ bé thơ mộng của phố núi. Những lần chứng kiến cảnh hai anh chị trao nhau những lời yêu thương nồng nàn, âu yếm là trái tim chị Hạ lại nhói đau. Nhưng chị vẫn ngây thơ không hề biết đó là tình yêu. Một tình yêu trong trắng, hồn nhiên mà chị Hạ dành cho anh Sinh. Dĩ nhiên dù trong lòng thật buồn, nhưng không bao giờ chị Hạ để lộ ra cho anh chị ấy biết.

Thật đúng với câu "cuộc đời không là mơ", một ngày đẹp trời anh Sinh cho chị Sương biết là anh vừa được công văn dưới Bộ báo tin cho anh đi học chuyên môn ở Mỹ một năm. Thì ra cách đó hai tháng, nhân dịp nghỉ hè, hai cô em gái của anh Sinh lên Phố núi thăm ông anh. Hai cô ở chơi một tuần và họ đã được anh Sinh giới thiệu chị Sương. Sau khi biết gia cảnh chị Sương không mấy khá, hai cô đã nhìn chị bằng cặp mắt khinh thường và không ngại nói những lời bóng gió khiến chị ấy buồn vô hạn. Có lẽ ông bố anh Sinh đã vận động cho anh ấy có cái học bổng đi tu nghiệp tận xứ Mỹ xa xôi để chia rẽ hai người. Nghe tin này chị Sương khóc quá trời. Thơ biết không, chị Hạ cũng buồn không kém. Có nghĩa là từ đây chị Hạ sẽ không còn cơ hội gặp lại anh Sinh. Chỉ nghĩ đến điều đó thôi là chị Hạ đã không ngăn được nước mắt. Chị Sương tưởng chị Hạ khóc vì thương cho số phận hẩm hiu của chị ấy, chứ có biết đâu lòng chị Hạ cũng đang tan nát, toi bời vì viễn ảnh không còn gặp lại anh Sinh! Anh ấy hứa với chị Sương là khi học xong trở về nước, sẽ tìm mọi cách để hai người cưới nhau. Chị Sương cũng đành bó tay mà chấp nhận giải pháp chờ đợi.

Anh Sinh mua vé máy bay về Sài Gòn ngày thứ hai để Chúa Nhật còn có cơ hội gặp lại chị Sương. Và để được gần anh lâu hơn, chị đã bỏ thánh lễ. Dĩ nhiên là chị Hạ ở lại nhà thờ, để chị Sương một mình ghé nhà anh Sinh. Sau buổi lễ, chị Hạ sẽ đến để từ giã anh ấy. Thờ biết không, chưa bao giờ chị Hạ cầu nguyện Chúa và Đức Mẹ một cách thành khẩn như hôm ấy. Chị Hạ cầu cho anh Sinh lên đường sang xứ lạ được bình an và nhất là... cho chị Hạ còn gặp lại anh ấy trong tương lai. Không có một lời nào cho chị Sương. Sau này ngẫm nghĩ lại, chị Hạ mới thấy khi đã yêu, con người ta trở thành ích kỷ biết bao! Lúc đến nhà anh Sinh, chị Hạ thấy cặp mắt chị Sương đỏ hoe và thái độ anh Sinh không được tự nhiên lắm. Mãi đến sau này chị Hạ mới biết lý do... Lúc từ giã, anh Sinh ôm chị Sương thật chặt và không ngại ngừng đặt lên môi chị ấy một nụ hôn thật nồng nàn. Anh cũng ôm chị Hạ, nhưng thái độ như một người anh trai ôm giã từ cô em gái. Tuy nhiên chị Hạ cũng cảm thấy ấm áp và hạnh phúc dạt dào. Anh Sinh về Sài Gòn đúng một tuần thì lên máy bay sang Mỹ. Mỗi tuần anh viết cho chị Sương một lá thư. Lời lẽ nhớ thương thấm thiết vô cùng. May mà mẹ chị Hạ suốt ngày ở ngoài tiệm nên không biết chuyện này. Chị Sương phải hỏi lộ chị người làm để chị ấy nhận thư mà không tiết lộ cho mẹ chị Hạ biết. Nhưng, chuyện đổ bể khi mà chị Sương bắt đầu nôn ọe. Ăn thứ gì chị ấy cũng nôn ra hết. Mẹ chị Hạ đưa chị Sương đi khám bác sĩ mới lòi ra là chị Sương ốm nghén! Thì ra hôm Chúa nhật ấy, chỉ có hai người nên anh Sinh đã không dẫn được lòng mình và chuyện đáng tiếc đã xảy ra. Không ngờ hậu quả thật là trời long đất lở!

Mẹ chị tra gạn mãi, sau cùng chị Sương đành thú thật hết. Mẹ chị Hạ đích thân dẫn chị Sương về Vĩnh Long để tạ tội cùng ba mẹ chị ấy và bà cũng cho chị Sương một món tiền kha khá để làm vốn. Gia đình theo Công giáo nên chị Sương không được phép phá thai dù bào thai chưa đầy hai tháng. Nhưng chỉ một tháng sau chị Hạ nhận được thư chị Sương báo tin... đám cưới! Thì ra có một người bạn trai cùng lớp đã yêu thầm chị Sương từ rất lâu... rất lâu, đã bằng lòng kết hôn khi biết được tình cảnh tiền thoái lương nan của chị và còn rất anh dũng hứa hẹn sẽ yêu thương đùm con của chị và anh Sinh như con ruột của mình. Ban đầu chị Sương không đồng ý, nhưng do áp lực của ba mẹ chị quá lớn, chị ấy đành nhắm mắt đưa chân. Khi nhận được thư anh Sinh từ Mỹ, chị Hạ viết trả lời và kể hết sự thật với anh. Từ đó anh Sinh không gửi thư về nữa. Tuy nhiên hình bóng anh không bao giờ mờ nhạt trong lòng chị. Chị Hạ cũng có "quen" một vài người, nhưng sự so sánh giữa họ với anh Sinh bao giờ cũng làm chị chùn bước. Không ai có thể thay thế anh Sinh trong trái tim chị Hạ được Thờ ơi. Đó là sự thật, cho dù chị Hạ không gặp lại anh ấy từ khi anh rời Phố Núi. Hôm gặp lại anh Sinh trên du thuyền, lòng chị Hạ vẫn còn xao xuyến ghê lắm. Thờ thấy có lạ không?

-Em thấy chị khư khư ôm hình bóng anh Sinh trong tim là bởi vì chị đã không có được tình yêu của anh ấy. Tình buồn bao giờ cũng khắc sâu trong tim mà chị Hạ. Chị thấy không, những cuộc tình nổi tiếng trên thế gian bao giờ cũng là những chuyện tình éo le...

-Ui cha, cô em tui bữa nay triết lý sâu xa dữ nha! Chị Hạ cười, khoe chiếc răng

khẽ duyên dáng. Theo chị kể thì có hàng tá con trai đã chết mê chết mệt vì "Nó".

-Rồi cuối cùng anh Sinh có nhận ra chị không nào? Thơ hỏi dồn.

-Tối đó cô bạn và chị Hạ diện thật đẹp để đi ra ballroom nghe nhạc và xem thiên hạ nhảy đầm. Phòng này chơi nhạc êm dịu nên rất thanh lịch. Hai đứa vừa vào thì có tiếng gọi tên cô bạn của chị từ một cái bàn đã có một nhóm người Việt Nam ngồi. Thì ra có một người trong bọn họ quen với bạn chị. Trong bóng tối lơ mơ, tụi chị tiến đến đó và ngồi xuống hai chiếc ghế trống do ai đó vừa mới kéo thêm vào. Chị Hạ chết sững khi nhìn ra anh Sinh chỉ ngồi cách mình một người và người đó chính là người đàn bà ngồi cùng bàn với anh ấy trong phòng ăn tối hôm qua. Thơ không biết trong lòng chị Hạ đã nhẹ nhõm cỡ nào khi biết rằng người đó chỉ là cô em họ của anh Sinh. Chị Hạ thấy anh Sinh hơi khựng lại và nhìn chị chăm chú hơn khi được cô bạn giới thiệu tên chị với những người ngồi cùng bàn. Tuy nhiên anh không nói gì. Đến khi ban nhạc chơi một bản slow rất mùi mẫn thì anh đứng lên mời chị ra sàn nhảy. Chắc Thơ cũng đoán được tâm trạng chị Hạ căng thẳng đến bực nào. Anh Sinh nhẹ nhàng đưa chị đi theo tiếng nhạc êm dịu. Chị Hạ chỉ cầu trời đừng cho anh ấy nghe tiếng trái tim chị đang nhảy... bebop trong lồng ngực. Một phút trôi qua, anh ấy cúi xuống thì thầm: "Xin tha lỗi sự đường đột của tôi. Không biết ơ..." Thấy anh ngập ngừng, chị Hạ cười cười trả lời: "ạ, anh đoán đúng. Hạ ngày xưa ở Phố Núi đây anh Sinh". Đột nhiên, vòng tay anh siết chặt đến độ chị muốn ngộp thở: "trời ơi, không ngờ anh còn được gặp lại Hạ. Mừng quá Hạ ơi! Bao nhiêu năm rồi nhỉ? Hơn

bốn mươi năm rồi còn gì? Bao nhiêu là đổi thay. Cô bé Hạ ngày xưa bây giờ ra dáng mệnh phụ phu nhân, đẹp lộng lẫy không ngờ! Đáng lý anh phải nhận ra Hạ khi em cười. Chiếc răng khêh đó..." Tuy trong lòng vui như mở hội, nhưng chị cũng khiêm nhường: "Anh Sinh phóng đại quá. Hạ cũng... bình thường như ngày xưa thôi!". Anh không nói gì chỉ cười khê và vẫn ôm chị thật chặt trong vòng tay. Chị Hạ đi theo anh trong tiếng nhạc mà như đi trong mơ, chỉ mong bản nhạc không bao giờ dứt! Trở về chỗ ngồi, anh Sinh vui vẻ giới thiệu chị Hạ với mọi người như là một "cố nhân" vừa tìm lại được. Bắt đầu từ đó, cô bạn và chị Hạ nhập chung vô nhóm của anh em anh Sinh. Mỗi ngày tàu ghé bến, cả nhóm đều đi chơi chung. Chụp chung không biết bao nhiêu là cảnh đẹp để giữ làm kỷ niệm. Chiều trở lên tàu lại cùng nhau đi ăn chung. Chị Hạ muốn sống những giờ phút thật đẹp bên anh Sinh. Biết sau này có còn cơ hội? Anh Sinh kể với chị Hạ là khi anh nhận được thư của chị kể lại những gì đã xảy ra cho chị Sương, anh đã buồn như chết. Ngày trở về Việt Nam, anh có xuống Vĩnh Long tìm chị Sương. Nhưng chị ấy cương quyết không chịu gặp và chỉ viết cho anh vài giòng, xin anh hãy quên chị ấy đi và để chị được sống yên ổn nuôi con. Nếu chồng chị biết được thì gia đình chị chắc sẽ có sóng gió. Cuối cùng anh chịu thua, không dám quấy rầy chị ấy nữa. Xem như một trang sách đã lật qua!

Tháng Tư Bảy Lăm anh Sinh cùng gia đình may mắn thoát khỏi Việt Nam và xin định cư tại Mỹ. Anh có vài mối tình lẻ sau chị Sương, nhưng không đi đến đâu và vẫn ở vậy cho đến giờ. Thấy anh Sinh và chị Hạ quấn quýt nhau, cô em họ anh Sinh vui

lắm, cứ tìm cách vun vào. Cô bạn chị cũng đốc vô. Cô ấy nói: "một người đàn ông "hấp dẫn mọi mặt" như anh Sinh bỏ chạy đây đường hay sao mà bỏ còn ông ẹo em chả... em chả...!" Chị chỉ cười không nói gì, nhưng trong lòng phân vân lắm. Yêu anh Sinh thì chị vẫn yêu, nhưng còn hình ảnh chị Sương vẫn hiện hữu giữa chị và anh ấy. Thơ biết không, ngay chiều hôm mới về đến nhà, chị Hạ đã nhận được email của anh Sinh. Anh ấy viết cho chị: "Hạ ơi, nhớ Hạ thật nhiều. Từ giây phút gặp lại em, biết bao kỷ niệm êm đềm của ngày tháng cũ đã sống lại mãnh liệt trong lòng anh. Nhưng có ích gì khi chúng ta cố níu kéo, nhớ nhung những kỷ niệm buồn Hạ nhỉ? Ở tuổi chúng ta còn được bao nhiêu ngày trước mặt? Thế nên anh ngộ ra rằng phải sống thật vui vẻ, thoải mái cho những tháng ngày còn lại. Xả hết những cay đắng, u uất trong tâm hồn. Nhìn về phía trước và giữ cho tinh thần an lạc. Hạ nghĩ sao nếu chúng mình từ nay giữ liên lạc thường xuyên? Anh rất chân thành thú thật rằng, sau một tuần sống thật vui vẻ bên nhau và khi từ giã cuộc du lịch đầy thú vị trên con tàu Harmony Of The Sea, không giây phút nào là anh quên được Hạ. Hình ảnh Hạ tràn đầy trong tâm trí anh. Hạ ơi, bỗng dưng anh cảm thấy yêu đời hơn và con người mình tràn đầy sức sống. Vì sao? Anh tự hỏi động cơ nào đã thúc đẩy anh thay đổi? Hạ trả lời dùm anh được không?"

-Thơ ơi, chị thấy trong lời nói của anh có những tình ý hơi... khác thường nên chị đã trả lời cầm chừng: "Anh Sinh để Hạ suy nghĩ cho... chín chắn nhé. Những lời tâm tình của anh khiến Hạ cảm động lắm, nhưng cũng quá đột ngột. Hạ cần thời gian để suy nghĩ." Chị đã suy nghĩ thật nhiều,

nhưng vẫn không thể nào quyết định dứt khoát được. Chị Hạ nói, giọng buồn bã.

Thơ chồm tới, nắm hai bàn tay chị Hạ để trên bàn, nhìn thật sâu vào mắt chị rồi chậm rãi nói:

-Hãy làm theo những gì con tim chị đòi hỏi. Đừng cưỡng lại nó vô ích. Năm nay anh Sinh đã ngoài bảy mươi. Phần chị cũng đã sáu mấy. Chị tưởng quãng đường trước anh chị mặt còn dài lắm sao? Chuyện chị Sương đã là chuyện cổ tích. Cuộc đời vốn phù du, hãy nắm bắt cái hạnh phúc khi còn có thể. Đừng quên anh Sinh vẫn luôn hiện diện trong trái tim của chị đó.

Gương mặt đang sâu nảo của chị Hạ bỗng tươi lên như đóa hoa đang héo gặp cơn mưa rào:

-Thơ có lý hoàn toàn. Thơ làm chị Hạ nhớ tối hôm qua lên mạng, tình cờ nghe Lâm Nhật Tiến hát một hát bản nhạc của nhạc sĩ Trúc Hồ, chị yêu quá những câu:

"Chỉ là phù du thôi ngày tôi đến nơi đây- Chỉ là giấc ngủ thôi ngày tôi trở về bên kia.

Nặng về rồi nặng đi và mây theo gió mây bay - Biển đời thật mong manh, đời có như không mà thôi! Có gì ngày hôm qua? Có gì ngày hôm nay? Còn gì cho ngày mai?

Chỉ còn trái tim yêu người!" Trời ơi, thâm thía quá câu" Chi còn trái tim yêu người!"

-Vậy thì giải pháp hay nhất theo em là chị download bản nhạc này rồi gởi thẳng cho anh Sinh ngay. Chắc chắn anh ấy sẽ hiểu. Thơ góp ý và chưa bao giờ nàng bắt gặp gương mặt chị Hạ ngời lên niềm hạnh phúc như lúc này!

TIÊU THU

NHỚ BÀ QUÁ! BÀ ƠI!

Tôi sinh ra dưới một vì sao xấu. Mới lọt lòng đã phải xa mẹ vì người bị băng huyết, nằm liệt giường. Ngoại ấm về nuôi nâng từ lúc ấy. Thuở nhỏ tôi là một đứa bé è oặt lấm bệnh. Chưa bao giờ tôi được một giọt sữa mẹ! Hệ miễn nhiễm đương nhiên không tốt. Nào thiếu máu, nào lở loét kheo chân, nào hen suyễn! Khoảng sáu tuổi mắt đã có vấn đề, ông thông nước mắt xuống xoang mũi tắc nghẽn nơi khóe mắt trái. Phải thông, phải mổ cũng chẳng khá hơn cho mãi tới ngày nay. Mắt kém, cận thị và loạn thị. Tương lai sẽ còn thêm viễn thị nữa. Bao nhiêu khó khăn sẵn socola tôi, ngoại lãnh đủ! Bà vất vả, bà thương cháu nhưng bà không nuông chiều.

Những buổi sớm mùa đông, trời còn chạng vạng tối, mặt trời còn lười biếng chụm mây xám ngái ngủ, tôi đã bị đánh thức dậy. Nếu còn trì hoãn ướn mình trong lớp chăn bông êm ấm, thế nào chăn cũng bị tung ra, một bàn tay phát mạnh vào cái mông bé bỏng teo tóp của tôi kèm theo một giọng sắc lạnh oai nghiêm ra lệnh: “Sáng bánh mắt rồi! Dậy!”

Những ngày xa xưa ấy sao mà khổ sở thế đối với một đứa bé ốm yếu! Tôi có cảm giác bị hành hạ. Nhất là thỉnh thoảng về nhà ba mẹ chơi đôi ba ngày thấy anh Sáng, chị Minh nằm cuộn trong chăn sung sướng thoải mái dù đã thức giấc, lòng tôi nảy sinh ra ghen tị! Bé nhất nhà sao chỉ mình tôi ở với ngoại bị kỷ luật sắt đá thế? Nhưng nếu mẹ tôi giữ lại chơi lâu, nhất định tôi không chịu, tôi nhớ “nhà”, tôi nhớ ngoại, tôi nhớ những buổi sang bị đánh thức dậy, ngồi chồm hổm trên giường chờ u già bê xuống phòng ăn dưới nhà húp cháo trắng với đậu kho, món điểm tâm thường nhật. Bà tôi nói:

“Ăn đi! Bạch trúc bổ hơn nhân sâm”. Tôi không thích cháo, tôi thèm những viên bơ vàng óng thơm bùi ăn với bánh mì tây nóng giòn, những ly sữa tươi béo ngậy vào những ngày về thăm ba mẹ. Nhưng không bao giờ tôi đòi ngoại những món đó. Ngoại ăn sao tôi ăn vậy. Riết rồi cũng quen.

Ngoại dạy tôi cách húp cháo. Bà khó chịu nghe nghe tiếng “soàm soạp” khi tôi há họng nuốt cháo. Bà nói: “Ăn vậy không được lịch sự, con ạ. Và lại, ăn uống ồn ào quá nhớ bị bắt cóc, cướp biết ngay là con nhà có của quen no đủ, đói là thấy thức ăn vợ lấy ngẫu nhiên, nó xèo ta đòi tiền chuộc. Con nhà nghèo húp cháo quen nên ăn uống nhẹ nhàng”. Tôi sợ, đành sửa đổi lại lối ăn cháo. Ngồi vào bàn ăn mà chống tay vào cằm hay tỳ hai khuỷu trên mặt bàn là điều cấm kỵ. Trong khi ăn mà lấy đũa gậy gậy ra cái điều thức ăn không ngon hay thọc đũa lừa lừa chọn miếng mình thích là thế nào cũng bị đét vào tay. Hồi nhỏ tôi ngán đến nỗi chẳng thiết ngồi vào bàn ăn nữa. Tôi ốm nhom như que tăm. Bà tôi lại tìm cách “nhồi”. Tôi phải uống máu bò tươi hàng ngày cho đỡ da thâm thít. Tôi phải nuốt mật rắn để bộ máy tiêu hóa năng hoạt. Mật rắn xanh biếc màu ngọc thạch, to bằng đầu ngón tay cái, vừa chạm vào lưỡi là để lại vị đắng chát, tanh tanh. Tôi được ăn cơm nấu với mỡ cừu cho béo bổ, và cũng để trị bệnh suyễn. Tôi sợ mùi gậy gậy của mỡ cừu nhưng vẫn phải nuốt vì món cơm này chính tay bà ngoại đút cho ăn. Bà nói: “Đàng lẽ cháu phải nuốt trọn nguyên con thạch sùng để trị chứng hen nhưng bà thấy tội cháu quá. Đến khi lớn mà vẫn còn “kéo cò cử” bà sẽ cho cháu nuốt thạch sùng”.

10/21/2017

Chị Ngọc Dung,

Tôi không ngạc nhiên nhưng tâm vẫn cảm thấy mất mát một cái gì mình gìn giữ đã lâu. Dòng đời luôn thay đổi! Chợt nhớ tới câu khi mới bước chân vào Trung Học "Tất cả mọi sự đổi thay dù là những sự đổi thay ta mong đợi nhất cũng khiến ta phải bùi ngùi"!

Tôi không quên một kỷ niệm đẹp với chị khi tôi lên sân khấu bên chị, nói về Nguyễn Thị Ngọc Dung. Hôm ấy, chị vui và tôi cũng vui. Hôm ấy, tôi thành khẩn nói những gì mình nghĩ, không phải "bợ" Chủ Nhiệm đâu. Hành động của mình là song phương, cho người mà cũng là cho mình.

Mừng vì chị vẫn tiếp tục sáng tác cho Cổ Thơm. Phần tôi, chắc gác bút vì sức khỏe mặc dầu bên ngoài không ai nhận ra. Riêng tôi, tôi biết.

Hy vọng thỉnh thoảng còn trò chuyện với nhau.

Chúc chị vui hưởng "nhà"

Chân tình,

Nguyễn Lân (Virginia)

Nhà ngoại to, hai tầng. Bên hông nhà là garage xe hơi để được một ô-tô và một xe kéo tay. Đó là nơi chú tài xế dạy tôi làm quen với máy móc và anh xe chỉ tôi cách kéo xe điệu nghệ. Phòng khách rộng, chưng toàn đồ Tàu cổ từ thời Khang Hy, Càn Long. Những thống men xanh mầu cắm thạch nổi hoa văn to bằng cái chum. Cả ba anh chị em tôi chui vào vẫn còn rộng. Những lọ lộc bình da gà vẽ lan, mai, cúc, trúc màu lam phi yến cao nghệu như muốn

vươn tận đến trần nhà. Có lần tôi leo lên nóc tủ chè rồi gắng sức nhảy tới một lọ lộc bình. Thế là rơi tòm vào bên trong đầu điếng, nằm dưới đáy lọ, la lói um sùm. Chẳng có ai trong phòng khách. Cả gần nửa buổi mới có người khám phá ra. Hai anh người nhà vạm vỡ hè nhau nghiêng lọ xuống mới lợi được tôi ra ngoài. Từ đây bà tôi cảm không cho vào phòng khách một mình nữa.

Tôi chơi trên giường ngủ của ngoại. Chiếc giường gỗ gụ chạm trổ nhiều hình thù kỳ dị ở đầu, dưới chân và hai bên thành giường những sinh vật nửa người nửa thú nhe nanh giơ vuốt như dọa dẫm. Tôi sợ những hình thù đó nhưng tôi thích cái giường nệm Hongkong lò xo êm ái, tha hồ nhún nhảy. Thế là tôi leo lên lò sưởi kế cận, nhảy ùm xuống giường, tưởng tượng đang phóng mình từ ván nhún xuống hồ bơi. Chấn nệm nhún nhủm nhàu nát. Bà tôi khám phá ra cảnh tượng hỗn loạn và cảm không cho tôi chơi trên giường nữa. Nhưng những gì trong phòng ngủ của bà đều là đồ chơi đối với tôi. Một cái tủ đứng to cao bằng gỗ cẩm lai khắc hình những quái vật nhảy múa quanh tám gương hình bầu dục chính giữa. Một cái móc treo áo hình người đầu thú bằng gỗ phương đàn xạm màu. Đồ chơi của tôi đó, một đứa trẻ 5, 6 tuổi. Phòng ngủ của bà cháu tôi chỉ có một cửa sổ dài và hẹp trông ra sân sau um tùm cây lá. Những ngày rực nắng, ánh sáng ủa vào phòng cũng đã khiêm nhường, chỉ lờ mờ thôi đủ để tôi thấy "đồ chơi" và giỡn nghịch những vật này. Những ngày âm u, ánh sáng yếu ớt quá, mơ hồ chẳng thể phân biệt giường, tủ, mắc áo, ghế tựa trong phòng. Nhưng tôi biết chúng ở đâu rồi, cứ mò mà chơi vẫn được.

Khởi đầu, trong khung cảnh âm u kỳ dị của căn phòng, tôi cảm thấy ghê ghê, rờn

ron. Dần dà quen đi. Đã mấy lần tôi lộ vẻ sợ bóng tối, sợ ma, tôi tìm ngoại. Bà nói: “Nhà thờ Phật, ma nào dám đến”. Từ đấy, mỗi lần lui thủi trong nhà, mỗi lần tâm hồn xao động, tôi lên vào phòng thờ Phật, ngắm nhìn pho tượng Di Lạc bằng vàng ròng, mở rộng miệng cười tươi, lòng cảm thấy thanh thản, vững vàng hơn.

Tối đến, bà tôi cho thắp nến (đèn cầy) trong phòng ngủ, ánh sáng leo lét nhưng tôi không còn sợ bóng đêm chập chờn, sợ cô đơn nữa. Phòng khách và phòng ăn sáng chung nhờ đèn “măng xông”. Họa hoằn, tôi tha hồ nghịch trong phòng ăn sau bữa cơm chiều. Đó là những lúc cụ cố tôi (bà cố) thấy khỏe trong mình nán lại trò chuyện với ngoại và âu yếm tôi. Bữa cơm chiều thường có bốn người: cụ cố, bà ngoại, bác Quế, cháu gọi bà tôi là cô ruột và tôi. Anh người làm bung mâm cơm từ bếp lên nhà trên qua một sân rộng trồng những cây bàng sai trái. Tôi khoái lượm những quả bàng chín vàng thơm ngọt và ăn đến no thôi. Vì thế, bữa cơm chiều tôi không muốn ngồi vào bàn ăn, Tôi ưỡ ỏi trông thấy. Ngoại bắt tôi ngồi kế cận. Bà không dứt tôi ăn nữa, bắt tôi phải tự xúc cơm. Nhai cơm mà như nhai rác trong miệng. Tôi phải ăn hết bát cơm này. Nếu không phải đứng úp mặt vào tường cả mấy tiếng đồng hồ. Nhiều bữa, cụ cố phải năn nỉ bà ngoại tha cho. Những lúc ấy, tôi ghét ngoại vô cùng. Thế mà giờ đây, tôi nhớ ơn ngoại đã rèn luyện cho tôi biết thế nào là kỷ luật và biết miếng cơm là đáng quý.

Lang thang ngoài hành lang trên lầu, tôi tò mò quan sát hai căn phòng bác Quế và cụ cố nằm cạnh nhau, chênh chếch nhìn sang phòng ngủ hai bà cháu. Cửa phòng bác năm thì mười họa mới hé mở những lúc bác về nhà, bên trong bừa bộn. Tôi thầm nghĩ nếu ngoại biết được là bác Quế bị la ghê lắm. Đó là lý do bác khóa cửa phòng khi rời nhà.

Phòng cụ cố hấp dẫn hơn với cỗ quan tài (hòm) bằng gỗ hoàng tâm sậm nâu nằm chình ình giữa buồng Trong ánh nến chập chờn vừa đủ soi tỏ, cụ cố mặc áo vóc đỏ, vắn khắn đoạn màu huyết dụ khiến tôi rùng mình. Y phục cụ tượng trưng cho tuổi thọ. Cụ cố thọ đã gần trăm! Tôi hỏi ngoại tại sao lại bày quan tài trong phòng, trông phát sợ! Bà trả lời: “Ai rồi cũng nằm trong đó. Con phải làm quen, không khiếp hãi những cái như thế. Người trọng tuổi, theo tục lệ ta, phải có cỗ hậu sự kể bên để lúc ra đi con cháu chuyển ngay vào khi thân thể còn ấm”. Lâu dần, tôi cũng quen với cảnh vật không thích hợp cho tuổi ngây thơ đó!

Thuở ấu thơ, tôi vui nhất là được u già đưa xuống nhà ngang chơi với mấy người làm. Nhà ngang là căn nhà gạch nhỏ hai tầng cách với nhà gia chủ, bà tôi, bởi cái sân rộng trồng bàng. Tầng trên là phòng bác bếp, chú tài xế và anh xe kéo. Tầng dưới là cái bếp rộng lớn thiết kế theo kiểu cổ xưa. Tôi sung sướng chạy chơi trong bếp này vì với tôi, đó là nơi sáng sủa ấm áp từ những ngày đầu thu cho đến cuối đông. Nhiều nồi niêu, song chảo, bát đĩa tha hồ mà sờ mó lôi kéo không ai la mắng. Vắng mặt bà ngoại, người ăn kẻ ở đâu dám cảm can cậu chủ nhãi ranh. Đã tưởng bà không biết, nhưng có lần ngoại nói: “Bà cho con chơi dưới bếp, con phải gọn ghẽ, bày đến đâu dọn đến đấy, không kiểu công tử bất người làm hậu mình”.

Đến tuổi học, mẹ mướn cô giáo tới kèm dạy cả ba chị em tại nhà bà ngoại. Tên cô là Hoàng Diệp. Tôi thích tên cô vì tôi mê ngắm lá thu. Chị Minh lớn nhất đọc, viết thành thạo. Anh Sáng cũng đã biết cộng, trừ, nhân, chia. Riêng tôi, mới bắt đầu “ê a” i tờ. Tuy vậy, cô giáo ngán tôi nhất, cô gọi là “bé hạt tiêu”. Cô giáo tôi rất hiền thực.

Chỉ một buổi học là tôi biết tính cô. Tôi bắt đầu suy nghĩ những trò trêu chọc.

Một tối ba chị em tôi được bà ngoại dắt đi xem tuồng “Quan Âm Thị Kính”. Sáng hôm sau, khi cô Diệp tới dạy học, tôi hỏi: “Tại sao cô đánh phấn trắng thế? Cô biết Thị Mầu trong tích Quan Âm Thị Kính không? Trông mặt cô bết phấn như y thị vậy”. Cô ngẩn người nhìn tôi, không nói gì. Một bữa chúng tôi được ngoại dẫn đi xem kịch “Bao Công xử án” mặt sắt đen xì. Khi gặp cô, tôi hỏi một cách rất ngây thơ: “Mặt cô trắng bốp thế kia phải lấy Bao Công mặt đen thùi lui thì mới hòa hợp sinh con bình thường được”. Cô không nói, đôi mắt long lanh ngẩn lệ. Lại một lần, tôi không thuộc bài, sợ quê, làm về suy tư, nói” “Diệp là lá. Hoàng Diệp là lá vàng. Lá vàng là lá rụng. Cô coi chừng mùa thu sắp tới đây, dám cô “ngủm”! Lần này cô bật khóc. Sau buổi học, chị Minh mách bà. Ngoại mua cây roi mây, đưa cô. Ngoại lớn tiếng: “Cô treo roi mây này trên tường. Đứa nào hỗn, cô thẳng tay quát cho tôi”. Và bà nhốt tôi trong phòng tắm tối om suốt buổi chiều hôm ấy. Tối tới, bà mở cửa, dắt tôi ra ăn cơm. Tối bàn ăn, tôi dằng tay ngoại, lon ton chạy chạy vào đứng ngay chỗ cũ trong phòng tắm. Ngoại theo vào, phát mạnh vào đôi mông bé nhỏ khiến tôi bắn tung ra xa vài thước. Nghiêm giọng, bà ra lệnh: “Ra bàn ăn”. Li thể, nhưng sợ đau, đành chịu thua bà thôi!

Từ ngày ấy tôi không còn dám “ăn hiếp” cô giáo Diệp nữa. Sau ngoại, cô là người thứ hai gần gũi tôi. Thịnh thoảng, cô ở lại ngủ đêm tại nhà ngoại. Hết giờ học, ba chị em được cô dẫn đi chơi, dạo quanh ven hồ Hoàn Kiếm ngắm liễu rủ, nghe sự tích thần Tháp Rùa. Ôi! Những hàng liễu tha thướt gợi nhớ tới mái tóc huyền của mẹ buông lơ lửng trước gió. Cô dẫn chúng tôi tới vườn hoa Con Cóc nghe nhạc, thưởng thức những tiếng hát tuyệt diệu của Minh Đỗ,

Thanh Tước, Ngọc Bảo và giọng ngâm ru hồn của Hoàng Giác (những ca sĩ nổi tiếng Hà Thành của những thập niên 50-60) vào những chiều nắng hạ. Tối đến, chúng tôi quây quần bên cô lắng nghe chuyện cổ tích rồi gục ngủ trong lòng cô giáo. Đó là những giây phút thần tiên của tuổi ấu thơ. Cô Diệp đã gieo vào trí óc non nớt của học trò những vị anh hùng mã thượng, đã cấy vào con tim nhỏ bé của tôi tính ham mê trở thành lãng tử với tâm hồn phóng khoáng yêu thích tự do.

Cô Diệp còn kể cho ba chị em tôi về cha của chúng tôi, người mà họa hoàn tôi mới gặp. Cô thán phục cha tôi lắm. Cô cho chúng tôi một cảm giác hãnh diện là con của người, một anh hùng suốt đời hy sinh cho dân Việt, cho đất Việt. Thế nhưng, mỗi khi cha tôi về nhà, tôi quên hẳn người hùng ấy. Ông chỉ là bạn đùa nghịch với ba chị em tôi. Ông bày trò giáp lá cà chiến trận. Một bên là chúng tôi, kẻ địch của tụi này chính là ông. Chúng tôi chiến đấu rất hăng. Đánh ông toi bời. Có lần ông rách tai, máu chảy ròng ròng. Mẹ về phải băng bó cho chồng. Mẹ la và mách bà vì tôi là đứa nhỏ dữ nhất, cầm gậy đập cha tàn nhẫn.

Tối đến, nằm bên ngoại, bà nói: “Con không được chơi ác, gây thương tích cho bất cứ ai. Bà đánh con có bao giờ bật máu không? Con làm không đúng, bà phải dạy, phải lo cho con nên người. Đánh đau, con mới nhớ, không phạm lỗi nữa, chứ không phải làm con khiếp hãi. Gây thương tật cho người khác là làm người ta sợ mình, tránh mình”. Từ ngày ấy, tôi “hiền” với cha tôi hơn. Nhưng cũng chẳng được bao lâu! Năm tôi mười tuổi, ông đã ra người thiên cổ! Ông mất tại một thị trấn hẻo lánh xa xôi bên Trung Quốc. Cũng không còn lưu lại nắm xương tàn!

Ngoại thương quý cha tôi, dù ông chỉ là rể, lại chẳng mấy khi có nhà, có thì giờ lo cho vợ con. “Cha con là người của dân tộc, của xã hội. Dù cha không kề cận bên con, con vẫn phải lấy làm vinh dự có một người cha như vậy”. Mỗi lần cha tôi về nhà, ngoại lại nấu cao Ban Long cho ăn lấy sức.

Tôi lớn dần trong vòng tay ngoại. Nhưng tôi nhớ mẹ, hỏi ngoại về mẹ luôn luôn. Mẹ tôi còn bận săn sóc em bé. Mãi tới năm mười tuổi tôi mới có em. Tôi thích bông ẵm, nâng niu em vì con bé bụ bẫm dễ thương lắm. Nhưng mẹ không cho bế nhiều, sợ làm té em vì tôi cũng còn nhỏ lại ốm yếu. Về ngoại, tôi cứ thắc mắc tại sao tôi không được ở với mẹ, không được chơi em bé lâu. Ngoại nói: “Con lắm bệnh từ thuở lọt lòng. Bà phải thay mẹ nuôi con. Thế, nếu mẹ đòi con, con có bỏ bà đi không nào?” Dĩ nhiên là không. Cạnh bà, tôi mới thấy thoải mái. Cạnh bà, tôi mới thấy mình vô tư, có tính độc lập, tự tin, không hãi sợ vô cớ như nhiều trẻ em cùng trang lứa. Thế thì tại sao tôi lại rời ngoại? Và lại, mẹ tôi cũng không đòi. Có lẽ mẹ sợ ngoại buồn. Có lẽ mẹ nghĩ tôi sống với bà đã quen, mang đi tôi sẽ nhớ ngoại phát bệnh. Nhưng dù tha thiết với ngoại thế mấy, tôi vẫn cảm thấy thiếu tình mẫu tử. Lâu lâu mới gặp mẹ, tôi thèm ngòì lòng mẹ, nhưng mẹ chẳng chịu ẵm bế! Thuở tôi còn bé xíu, mẹ phải chăm sóc anh Sáng. Đến năm tôi lên mười, mẹ lại có em bé. Mẹ không có thời giờ cho tôi. mẹ bận!

Ngày qua... ngày lại qua... Tôi đã 16 tuổi. Cái tuổi ngang ngang, rong ruổi, dờ dờ ấy, cái tuổi dễ nổi loạn ấy... thật sự mạnh nha trong tôi từ lâu nhưng chưa có dịp bộc phát. Bà ngoại đã rèn luyện tôi thuần thục. Tôi là một thiếu niên hiếu học, mê đọc sách, mê văn thơ, luôn luôn đứng đầu lớp. Bà tôi mừng lắm. Bà vui vì đã nuôi

một đứa trẻ è oặt nên người. Bà khuyến khích cháu vào ngành Sư Phạm khi biết cháu có ý định muốn trở thành một chuyên gia giải phẫu. Theo ngoại, nghề giáo thanh bạch nhưng được nhiều phúc đức vì không thể làm chết ai. Xúc động vì ý tưởng hiền hòa của bà, tôi thi vào Đại Học Sư Phạm.

Ra trường tôi được bổ nhiệm tại trường nữ trung học Gia Long, một trường lớn nhất Đô Thành. ngoại mừng lắm. Theo bà, nữ sinh ngoan, nhiều tình nghĩa hơn nam sinh. Chung chung là vậy. Nhưng “năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn”. Những khi gặp chuyện trục trặc với mấy cô học trò, tôi lại than thở với ngoại. Bà nói: “Âu cũng là cái nghiệp của cháu”.

Năm tháng trôi... năm tháng dần trôi... Ngoại còn đó nhưng lưng đã oằn theo dấu thời gian, tóc đã bạc phơ, da đã nhăn nheo theo tuổi đời. Tôi đã ra riêng. Cụ sống với vợ chồng cô em út trong căn nhà của mẹ thuở xưa. Cứ cuối tuần tôi tới thăm bà, mang bánh giò cho ngoại vì cụ thích loại bánh này, vừa thơm vừa mềm, hợp khẩu với người cao tuổi. Lúc ấy cụ đã 86. Ngoại đã già nhưng không lú lẫn, cụ vẫn tinh tường. Ngoại chỉ buồn vì mẹ tôi đã mất. Cụ luôn thở dài: “Con đi trước mẹ là nhà ta không đủ phước!”

Một chiều Chủ Nhật, trở về nhà riêng sau khi thăm cụ, bỗng nhiên lòng tôi dậy lên một niềm lo âu bồn chồn khó tả. Đêm ấy tôi mê thấy mẹ tôi về đón ngoại. Nhưng mẹ tôi là một đứa bé chừng 3 tuổi, cứ nằng nặc đòi ngoại bế đi! Trong giấc mơ hoảng loạn, tôi hét lên vì sợ bà theo mẹ. Tiếng hét kinh hãi của tôi làm người nhà tỉnh giấc. Tôi thao thức trong đêm dần tàn. Sáng sớm hôm sau, người em rể đến, buồn rầu báo tin bà đã qua đời đúng thời khắc bản thân tôi trong cơn mê loạn! Mẹ đón ngoại vĩnh viễn ra đi!

Khi chị Minh và em út Từ sửa soạn khăn áo cho cụ lần cuối, tôi thơ thẩn trong bếp, nơi ngoại vẫn thích ngồi trên một ghế gỗ nhỏ nhặt rau. Tôi nhớ ngoại. Một cánh bướm nâu nhặt chập chờn trước mắt. Bàn thần, tôi gọi khẽ: “Bà ơi!” Bướm bay tới đậu trên vai tôi. Cánh bướm màu nâu nhạt. Vào phòng ngoại, nhìn người lần cuối trên giường. Ngoại đã được lau rửa sạch sẽ. Cụ mặc tấm áo gấm màu beige, màu nâu nhạt – tấm áo ngoại ưa thích!

Hôm nay là ngày giỗ đầu cụ. Cứ tưởng như ngoại vẫn bên cạnh mình khi tôi gặp chuyện khó giải quyết. Lớn rồi, không còn ai khuyên ngăn chí tình nữa. Nhưng những lời ngoại dạy từ thuở nhỏ đã thấm sâu trong tôi – không ngại khó, không nhút nhát, không kiêu ngạo, không ganh tị. Phải có chí khí, phải kiên trì, phải dân thân, phải công bằng. Ngoại thường nhắc nhở: “Làm gì

cũng nên suy tính kỹ để khỏi ân hận về sau”. Ngoại còn nhấn mạnh: “Cha con như vậy... con gắng noi gương người”.

Bà ơi! Cháu vẫn cố theo lời bà dạy, cần cho đời cháu và cũng để nhớ công ơn bà. Tóc cháu giờ đã điểm sương, cháu vẫn cần bà, bà ơi!”

*

Năm nay, vừa đúng 80, tôi cũng chỉ thích ăn bánh giò mềm như ngoại hồi xưa. Giờ đây, đã chuệnh choạng bước vào hoàng hôn của cuộc đời, sẽ phải qua “cây cầu ấy” như bà tôi đã qua. Qua “cây cầu ấy” tôi sẽ gặp lại bà. Tôi chưa “qua” nên tôi vẫn nhớ bà. Ngày tôi “qua” rồi, biết có ai nhớ tôi không?

NGUYỄN LÂN

Hiệu đính lại 12/2017

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

TÔI ĐI LÍNH

Nguyễn Đức Nam

*Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy
swong Thu và gió lạnh, Mẹ tôi khóc lóc kéo
tay tôi không cho đi. Con đường Võ Di Nguy,
Phú Nhuận tôi đã đi lại nhiều lần nhưng
hôm nay, tự dung, tôi thấy lạ vì hôm nay:
TÔI ĐI LÍNH.*

1-VỀ TRƯỜNG QUÂN CỤ

Vì cứ tưởng mình là Sinh Viên thuần-tuý thì sẽ được tiếp tục học hết Đại-Học , không cần phải làm đơn xin hoãn dịch, tôi được gọi nhập ngũ khoá 21 TB Thủ-Đức, vào mùa Hè 1965. Nếu tôi nhớ không lầm thì đó là thời gian tôi đang “trợ học” trong chùa Văn Thánh ở Thị Nghè để học thi năm cuối cùng của Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Sở dĩ tôi xin vào chùa ở vì cần một nơi yên tĩnh để học, để trốn người yêu, trốn bạn bè hay rủ đi chơi và để học thêm chữ Hán với Thầy Tuệ Đăng.

Khi nghe tin tôi “ đi lính”, Thầy Tuệ Đăng rất buồn vì Thầy có một học trò, tên là NGÔ TRAC, trước cũng ở trong chùa, được gọi nhập ngũ vào Thủ Đức, đã tình nguyện vào Trường Võ Bị Quốc Gia Đà-Lạt khóa 19. Thiếu Úy Trạc đã tử trận trong một trận chiến khốc liệt ở Cao Nguyên. Mấy chú Tiểu thì sụt sịt khóc khi biết tin tôi vào Trường Bộ Binh Thủ Đức.

Nhưng gia đình tôi lại vui vì biết là tôi vào nhà binh thì sẽ không còn sống một

cuộc đời làm-văn-nghệ-văn-gìng lang thang, phóng khoáng nữa mà sẽ phải vào khuôn phép, kỷ luật. Tuy nói vậy nhưng các anh chị, các em tôi lần đầu tiên vào thăm tôi ở Trường Bộ Binh, thấy tóc tôi ngắn ngắn, thấy da sạm nắng, thấy thân xác tôi ốm nhom trong bộ quân áo nhà binh rộng thùng thình (vì chưa sửa) thì khóc sụt mướt. Trước mắt gia-đình tôi, Thủy-người yêu Gia Long của tôi- không khóc thành tiếng nhưng nước mắt rung rung, sẵn sàng lăn xuống đôi má hồng.

Nhưng rồi thời gian thụ-huấn trong quân-trường trôi qua rất nhanh và không cực khổ như gia-đình tôi tưởng. Tôi rất vui vì được gặp những người bạn mới từ bốn phương trời về đây. Tôi rất vui vì được quen rất nhiều họa sĩ, văn sĩ, nhạc sĩ, giáo sư ... nổi tiếng của nước Việt Nam.

Giai-đoạn I chấm dứt khi tôi bắt đầu có những bạn thân. Đêm cuối cùng xếp hàng ở Vũ Đình Trường nghe đọc tên những người được chọn đi ngành chuyên môn thật là hồi hộp và cũng thật là buồn vì biết là ngày mai mình sẽ không còn gặp bạn mình và có thể sẽ vĩnh viễn không còn gặp nhau nữa.

Tôi được chọn về ngành Quân Cụ, thật là một may mắn bất ngờ vì tôi tưởng mình sẽ được về ngành Tâm Lý Chiến hoặc Trường Sinh-Ngữ Quân Đội. Lý do: tôi có rất nhiều bạn văn-nghệ đang phục-vụ tại Cục Tâm Lý Chiến, Đài Phát Thanh Quân Đội hứa sẽ xin tôi về phục vụ tại Cục Tâm Lý Chiến và Má của Thủy- người yêu của tôi- đang làm Giảng Viên tại Trường Sinh Ngữ QĐ đã xin cho tôi về Trường, trau dồi ngoại ngữ để có dịp xuất ngoại học hỏi thêm.

Nhà tôi ở Ngã Tư Phú Nhuận, trong cư xá Chu Mạnh Trinh nên đến Trường Quân Cụ ở Hạnh Thông Tây cũng không xa lắm. Ngày đầu tiên về trình-diện Trường Quân Cụ tôi cứ tưởng mình về một nơi khá quen thuộc. Bên kia là Thành Cổ Loa. Bên này là Lục Quân Công Xưởng. Đi vòng vòng phía ngoài Trường và Lục Quân Công Xưởng là những quán giải-khát của chị Tinh, chị Năm... mà dường như thiên hạ vào đó không phải vì khát nước.

Các Sĩ Quan trong Trường đón tiếp chúng tôi thật niềm nở, thân thiện. Ngay sau buổi hướng-dẫn nhập học, tôi đã được Trung Úy Lợi thuộc Phòng CTCT cho một số công-tác văn-nghệ, báo chí, ca nhạc. (Đây là “nghề của chàng” nên tôi rất lấy làm hãnh-diện.)

Khoá chúng tôi gồm có bốn lớp: Quân Xa, Vũ Khí, Đạn Dược, Kế-Toán và Tiếp-Liệu.

Tôi được xếp vào lớp Tiếp Liệu, được học những phiếu Kế Toán, học cách xin tiếp-liệu, cách tồn kho, lưu trữ, phiếu số 7, phương thức “một đôi một”, tên những cơ phận tiếp liệu bằng tiếng Mỹ...

Ngoài ra, tôi cũng được học thêm một số giờ căn-bản về Quân Xa, Vũ Khí, Đạn Dược. Phần lớn phần lý-thuyết được giảng dạy tại trường nhưng phần thực hành thường được học tại Lục Quân Công Xưởng. Ngày ngày xếp hàng ác-ê, đi đi về về, hát vang vang những hành khúc “đường trường xa con chó nó tha con mèo” thấy đời Sinh Viên Sĩ Quan quá là vui.

Nhờ vậy mà thời gian tại Trường Quân Cụ trôi qua còn nhanh hơn giai-đoạn 1 trong Trường Bộ Binh Thủ Đức. Rồi Lễ Mãn Khóa. Rồi chọn đơn-vị phục-vụ. Rồi mỗi người đi một ngả, một vùng Chiến

Thuật, như những con chim rời tổ, bay đi bốn phương trời.

Vùng trời của tôi là vùng trời Đà-Lạt, là thành phố sương mù, là những đồi thông xanh, những hồ hẹn của tuổi trẻ, những đêm vui, những rung động đã làm cho tôi hứng khởi để viết lên ***Những Tình Khúc Một Đời Nhớ Thương***.

Nhưng những năm Đà-Lạt an-bình không còn nữa. Chiến tranh đã tràn đến thành phố sương mù. Chiến tranh thâm khốc đã phá tan nát nên thơ của Đà-Lạt. Cắm trại 24 trên 24. Những trận đánh trong dịp Tết Mậu Thân. Tang thương, đổ nát. Chiến tranh cướp mất một người bạn thân, một người anh đáng kính : Trung Úy Nguyễn Đình Quý, khoá 17 Quân Xa-Quân-Cụ đã hy sinh trong lúc chống cự với địch quân, bảo vệ đơn-vị Đại-Đội 851 YTTT-QC.

Tôi xin thuyên chuyển, không phải vì sợ chết nhưng không muốn nhìn lại hình ảnh anh Quý nằm chết bên ngoài hầm Truyền Tin, trong những đêm đi tuần.

Vì có một thời gian đi dạy học, tôi được thuyên chuyển về Trường Quân Cụ vào năm 1971, làm Huấn Luyện Viên. Từ một SVSQ năm 1965, Chuẩn Úy năm 1966, tôi về trường với cấp bậc Trung Úy, đảm nhiệm chức vụ Trưởng Khoa Kế-Toán & Tiếp Liệu, được làm việc với Chỉ Huy Trường Đại Tá Kiệt, Chỉ Huy Phó Trung Tá Khải, các Sĩ Quan trong Khối Huấn Luyện: Thiếu Tá Quảng, Thiếu Tá Trí, Đại Úy Thanh, Trung Úy Lâm, Trung Úy Phương, Trung Úy Thắng, Trung Úy Kịch, Trung Úy Hiến... Vui nhất là những đêm đi kịch với Trung Úy Lâm, (sau này dường như đổi sang ngành Quân Cụ yểm-trợ Thủy Quân Lục Chiến?).

Về Trường Quân Cụ được khoảng 2 năm, tôi được thăng cấp Đại-Úy và được gửi sang Trường Sinh Ngữ Quân Đội học thêm Anh Văn để đi tu-nghiệp tại Trường Quân Cụ Aberdeen Proving Ground thuộc tiểu-bang Maryland vào năm 1974. Sau tháng 4, 1975 tôi được gửi xuống Fort Chaffee, thuộc tiểu bang Arkansas, làm “Cố Vấn” cho quân đội Hoa-Kỳ trong vấn-đề tiếp đón, định cư người Việt Tị Nạn.

Tôi có thể ở lại, phục-vụ cho quân đội Mỹ, theo lời khuyên của các Sĩ Quan Hoa-Kỳ, nhưng tôi đã xin ra khỏi trại, theo học môn Quản Trị Khách Sạn và làm cho các công-ty Hyatt, Renaissance, Marriott, Hilton cho đến nay.

Việc làm chính-thức đầu tiên của tôi trong khách-sạn là Hotel Manager nhưng sau này, tôi xin chuyển sang công việc Kế-Toán & Tài-Chánh. Công-ty Hyatt đã trả tiền học cho tôi trong nhiều năm để tôi có thể trau dồi thêm, cải-tiến nghề-nghiệp của mình. Hiện thời tôi vẫn còn làm full-time cho công-ty Hilton.

Trong tất cả các trường tôi được theo học, phải nói là Trường Quân Cụ mới là trường cho tôi cái căn-bản nghề-nghiệp – Trường Khoa Kế-Toán & Tiếp-Liệu – nhờ đó mà tôi có một ý-thức, một khái-niệm, một con đường để đi theo, để hướng tới tương-lai và sự thành-công hôm nay.

Xin cảm ơn các Ân Nhân trong ngành Quân Cụ của tôi. Xin cảm ơn các Huấn Luyện Viên của Trường Quân Cụ VNCH và Hoa-Kỳ. Xin đặc-biệt cảm ơn Đại Tá Thông, Cục Phó Cục Quân Cụ và Tổng Cục Phó Tổng Cục Quân Huấn, đã cho tôi những lời khuyên như quý báu trong lần chúng tôi đến Tổng Cục Quân Huấn để chào tạm-biệt trước khi lên đường du học: "Chịu khó học

hỏi những vũ khí, chiến cụ mới để về nước huấn luyện cho các đàn em. Chính phủ Mỹ sẽ cắt viện-trợ nay mai, khóa học này có lẽ là khóa học cuối cùng đây..."



SVSQ Khoá 21: Thực tập bằng súng Garant M1

2- HÁT CHO NGƯỜI TỊ-NẠN

Aberdeen Proving Ground, MD.

3/24/1975:

Tối 23 tháng 3 năm 1975, tôi đang ở nhà một người bạn thuộc quận Arlington, Virginia thì nhận được điện-thoại của Đại-Úy Hick từ Văn-Phòng Trung Tướng Chỉ Huy Trường Trung-Tâm Huấn-Luyện Aberdeen Proving Ground, gọi về trình-diện ngay lập tức.

Tôi về đến trường vào lúc 2 giờ sáng ngày 3/24/1975. Cùng với 5 Sĩ Quan khác, tôi nhận được Sự Vụ Lệnh đi công-tác ở Fort Chaffee, tiểu bang Arkansas và phải lên đường ngay tức khắc. Trong Sự Vụ

Lệnh không ghi rõ công-tác kéo dài bao lâu, chỉ cho biết là các Sĩ-Quan vẫn được trả lương như khi còn đang thụ-huấn.

Xe bus của Bộ Binh Hoa-Kỳ đưa chúng tôi ra phi-trường Baltimore, đáp chuyến bay 455 của hãng Frontier - một hãng máy bay nhỏ, được thuê riêng cho quân-nhân và gia-đình - đến St. Louis, Missouri rồi từ đây, bay đến Fort Chaffee, Arkansas vào lúc 20:36.

Theo lời người Sĩ Quan Hướng Dẫn thì Fort Chaffee là Trung-Tâm Huấn-Luyện Vệ-Binh Quốc-Gia (National Guard) của Hoa-Kỳ, lớn như một thành-phố và có thể cung ứng chỗ ở cho hơn hai chục ngàn người. Hiện nay, trung-tâm này hoàn toàn bỏ trống, để chính-phủ Liên Bang dùng cho một chương-trình đặc biệt nào đó, đang còn được giữ kín.

Vì trời tối, chúng tôi không thấy nhiều, chỉ thấy những doanh-trại ngang dọc, trống trải, như những trại lính đã bỏ hoang từ lâu. Và lại, phải dậy từ sáng sớm nên giờ này, chúng tôi đã thấy mệt, không quan-tâm nhiều đến ngoại cảnh, cũng như những lời người Sĩ Quan Hướng Dẫn vừa nói.



Trong Trường Quân Cù Aberdeen một ngày tuyết rơi với Vũ An Thanh

Chúng tôi được đưa đến một khu nhà xây cất khang-trang, có bảng chữ “BOQ” (Bachelor Officer Quarter: Cư Xá Sĩ Quan Độc Thân). Mỗi người trong chúng tôi có một phòng riêng, có bếp, có phòng tắm, có TV, có tủ lạnh, có telephone, rất tiện-nghi. Tuy nhiên, sau khi tắm rửa, chúng tôi mở TV để xem tin tức bên nhà, mới biết tất cả TV đều không có hình ảnh. Chúng tôi thử telephone và giật mình khi biết đường giây điện-thoại chưa được nối với tổng đài. Tất cả những khu nhà kế cận đều vắng tanh. Người Sĩ Quan Hướng-Dẫn đã đi từ lâu. Chúng tôi quyết-định đi ngủ sớm, sáng mai lên Văn-Phòng trình-diện, sẽ hỏi về vấn-đề TV và Điện-Thoại.

Fort Chaffee, Ark. 3/25/1975:

Việc đầu tiên chúng tôi phải làm ngay sáng nay là lên Văn Phòng Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Đặc-Biệt tại Fort Chaffee để trình-diện. Đại Úy Tân là sĩ quan cao tuổi nhất được chúng tôi đề-cử làm Trưởng Toán đề trình Sự Vụ Lệnh cũng như để liên-lạc với Thiếu-Tá Miller, Trưởng Khối Điều Hành. Sau khi làm đầy đủ thủ-tục, chúng tôi được mời sang phòng họp. Tại đây, chúng tôi được Trung Tâm Huấn-Luyện Quân-Cù Hoa Kỳ Aberdeen Proving Ground biệt phái xuống Arkansas, phục-vụ cho Trung-Đoàn 96 Dân Sự Vụ, trong một công-tác đặc-biệt và tối mật. Vì lý-do đó, chúng tôi sẽ không được liên-lạc với bên ngoài, không có báo đọc, không được dùng điện-thoại, không được xem TV, không được gửi thư cho bất cứ ai.

Chúng tôi có nhiệm-vụ dạy những người đầu bếp của quân-đội Mỹ cách nấu cơm và thức ăn Việt Nam. Chúng tôi có nhiệm-vụ

huấn-luyện một số Sĩ Quan và Hạ Sĩ Quan Hoa-Kỳ viết và đọc tiếng Việt. Dĩ nhiên là những đối-thoại thông thường và đặc-biệt là phải nhấn mạnh đến phong-tục, tập-quán, cách xung-hô phức-tạp của ngôi thứ trong gia-đình, cũng như ngoài xã-hội.

Đại-Úy Lư, Bắc-Kỳ-Di-Cur 54, dân Hồ Nai, là người nấu ăn rất giỏi, thường nấu Phở cho chúng tôi ăn ở Aberdeen, được chúng tôi đề-cử dạy mấy anh Chef Cooks Hoa-Kỳ nấu cơm Ta. Đại-Úy Tân, già nhất, người miền Trung, lúc nào cũng giảng “moral” như ông Giáo Già, cho làm Giảng-Sur Công Dân Giáo-Dục, dạy cho Mỹ những bài học Đạo-Đức thuộc loại “Quốc Văn Giáo Khoa Thư”.

Trung Úy Long, trẻ tuổi yêu đời, “đầu lảo” không biết mệt, được đề-cử dạy Mỹ “đàm thoại tiếng Việt”. Long thích lắm vì luôn luôn dạy Mỹ những “tiếng lóng”, làm chúng tôi cười đứt ruột.

Tôi tưởng mình thoát nợ, có nghĩa là không phải dạy dỗ gì cả, ai dè, có một anh Hạ Sĩ Quan Mỹ, không biết học tiếng Việt từ hồi nào mà đọc tiểu-thuyết Việt Nam rất nhiều, chuyện nào cũng nhớ vanh vách, bây giờ lại muốn học nhạc Việt Nam mới phiên chứ !

Muốn học nhạc thì phải có đàn, tôi bảo anh ta như vậy. Anh Hạ Sĩ tên Tom bèn dẫn tôi đến một Thrift Shop trong căn cứ, mua tặng tôi một cây guitar cũ, giá 20 đồng, tình-trạng cũng khá tốt. Từ đó, sau bữa ăn tối, chúng tôi có màn “văn-nghệ bỏ túi: Mỹ hát nhạc Việt” cũng đỡ buồn trong lúc xa nhà, xa gia-đình, xa quê hương...

Chúng tôi xuống Fort Chaffee đã gần một tuần. Thấy quân nhân Mỹ thuộc ngành Công Binh Kiến-Tạo ngày đêm tu sửa doanh-trại, chúng tôi nghĩ là sắp có khóa huấn-luyện của hàng chục ngàn National

Guards. Nhiều khi chúng tôi cũng thắc mắc không biết tại sao mình lại phải huấn-luyện quân-nhân Mỹ cách nấu cơm, cách trò chuyện, phong-tục, tập-quán của người Việt Nam. Mỗi buổi tối, trước khi đi ngủ, chúng tôi hỏi Niên-Trưởng Phạm Văn Tân thì Niên-Trưởng bảo rằng: “Các cậu đừng có nghĩ tầm-bậy-tầm-bạ. Mỹ sẽ không bỏ mình đâu !”...

Fort Smith, Ark. 4/30/1975:

Chúng tôi được lệnh ra phi-trường Fort Smith từ tờ mờ sáng. Chúng tôi đi hai xe Jeep với khoảng 10 xe Bus của quân-đội Mỹ chạy theo sau. Sau một tuần cắm trại, hôm nay là lần đầu tiên chúng tôi được thấy thành-phố Fort Smith. Khi đoàn xe vừa ngừng, chúng tôi bước ngay đến mấy sạp báo. Hình ảnh đầu tiên mà chúng tôi thấy trên trang nhất là hình Thiết Giáp của VC tràn vào Dinh Độc-Lập, phía trên là một hàng chữ lớn: “Tổng Thống VNCH Dương Văn Minh tuyên-bố đầu hàng”.

Tôi tưởng mình ngủ mê, nhưng cả một xấp báo đều có hình ảnh, có tựa đề như thế. Tôi cảm thấy lạnh run người. Đầu óc tôi choáng váng, nhức nhối. Tôi nhìn các bạn đồng ngũ. Đại Úy Tân, Đại Đội Trưởng Đại-Đội 811 ở Đà Nẵng nhưng vợ con còn ở Huế, thì mắt đỏ hoe. Đại Úy Lư, thuộc Kho Đạn Dục Long Bình, vợ con ở Biên Hòa, đang dán mắt vào tờ báo, khóc thành tiếng.

Trung Úy Long, còn độc-thân hàng ngày nói liếng thoảng, bay giờ im lặng, cúi đầu thờ dài. Trung Úy Linh và Trung Úy Hùng, là hai Sĩ Quan thuộc vùng 4 Chiến-Thuật thì đang thì thầm với nhau: “*d.m, buồng súng sao được! Tao nghĩ là vùng 4 không đầu hàng, vùng 4 sẽ là một chiến*

tuyển mới, sẽ là một chiến-khu để quân ta kéo về cố thủ, chờ ngày phản công... ”.

Một chiếc máy may của hãng Pan Am vừa hạ cánh. Vì Fort Smith Airport là một phi-trường nhỏ, phi-cơ có thể chạy gần đến phòng đợi nên chúng tôi có thể bước thẳng đến phi-cơ để chào đón những hành-khách, những đồng-bào ruột thịt, những người Việt Tị-Nạn đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ.

Bây giờ chúng tôi mới biết rõ mục-dịch của Quân Đội Mỹ khi gửi chúng xuống Fort Chaffee để huấn-luyện quân nhân Mỹ về cách sinh sống của người Việt Nam!

Dù đang choáng váng vì tin “buông súng đầu hàng” kia, nhưng chúng tôi vẫn phải cố gắng làm bồn-phận chào mừng đồng-bào và hướng-dẫn đồng-bào về Trại Tạm Trú Fort Chaffee. Trong khi đang trò chuyện, thăm hỏi đồng-bào, chúng tôi nghe được những lời nói mĩa mai trong đám đông:

“Mẹ kiếp, Tướng Tá còn phải tháo lon, tháo quân-phục bỏ chạy, Đại Úy thì nhằm nhờ gì mà còn đeo lon với lá ...”

Chiều hôm ấy, sau khi đã lo chỗ ở, chỗ ăn và cấp phát một số những vật dụng cần-thiết cho khoảng trên 300 đồng-bào, chúng tôi lên Văn-Phòng Thiếu Tá Miller, xin được tháo bỏ cấp bậc Sĩ Quan VNCH trên quân-phục. Thiếu Tá Miller đồng-ý và làm cho chúng tôi những băng tên bằng tiếng Mỹ để quân-nhân Mỹ xử-sự với chúng tôi cho đúng cách. Thiếu Tá Miller đã từng phục-vụ ở VN, trong dịp Mậu Thân 1968, ông tỏ ý rất thông-cảm với hoàn-cảnh thất-lạc gia-đình, mất nhà, mất nước, mất cả quân-đội của chúng tôi. Trong một Văn Thư gửi cho toàn thể quân-nhân Mỹ trong trại Tị Nạn Fort Chafee, tôi còn nhớ có một đoạn *“The following named Vietnamese Officers is to be accorded all*

military respects and priviledges that are accorded to U.S. Army Officers.”

Ngày lại ngày, chúng tôi ra phi-trường đón đồng-bào, hướng-dẫn, giúp đỡ đồng-bào, nhiều khi xuống khu tạm-trú, ăn cơm với đồng-bào, thay vì ăn ở Câu Lạc Bộ Sĩ Quan. Ngày lại ngày, chúng tôi hy vọng tìm được tin tức gia-đình qua những người quen biết từ các trại tị nạn khác được chuyển đến Fort Chaffee.

Vào khoảng giữa tháng 5, 1975 đồng-bào tị-nạn ở đây có ngày đã lên đến 25 ngàn người. Mỗi khi có gia-đình nào được sponsor ra khỏi trại thì lại có một gia-đình khác được chuyển từ Guam hay từ Mã Lai, Thái Lan đến thay thế. Vì số đồng bào quá đông, chúng tôi được tăng-cường bằng một số Sĩ Quan cùng cảnh-ngộ từ các Trường Hải Quân, Không Quân, Truyền Tin, Công Binh, Pháo Binh, Bộ Binh. Dù vậy, chúng tôi vẫn phải làm việc 24 trên 24 vì có những chuyến bay đến vào lúc nửa đêm về sáng.

Fort Chaffee, Ark. 5/ 1975: Tân Dân, Tờ Báo Việt Đầu Tiên Trên Đất Mỹ.

Để đồng-bào biết tin tức về VN, tin tức thế-giới và nhất là để gửi đến 25 ngàn đồng-bào những thông-cáo quan-trọng, tôi đề-nghị Thiếu Tá Miller làm một tờ nhật báo Việt Ngữ. Tất cả máy móc để ấn-loát, Trung-Đoàn 96 Dân Sự Vụ, thuộc Lực Lượng Đặc-Trách Tị Nạn đã có đầy đủ, chỉ thiếu nhân-sự. Nữ Trung Úy Kathy Newman, một người biết đọc và viết tiếng Việt, được cử làm Chủ-Nhiệm, tôi làm Chủ Bút và Trung Sĩ Tom làm Thư Ký, đặc-trách layout và ấn-loát. Tin tức thì được dịch ra từ báo Mỹ, chép xuống từ TV, Radio. Thông cáo thì Tom và tôi có thể viết được.

Báo được đặt tên là “Tân Dân”, theo ý của Kathy là “New People”. Tôi đề-nghị lấy tên báo là “Người Mới” cho dễ hiểu và gần gũi với đồng-bào nhưng Kathy thích “Tân Dân” vì cô cho rằng nó có vẻ “văn chương” hơn.

Sau số báo đầu tiên, chúng tôi được rất nhiều đồng-bào đến văn-phòng giúp đỡ trong vấn-đề dịch tin, vẽ tranh, viết bài. Văn-Phòng Liên-Lạc của Trại Tị-Nạn bây giờ biến thành Tòa-Soạn của Nhật Báo Tân Dân. Tôi thành Nhà-Báo-Full-Time, không phải ra phi-trường đón đồng-bào, cũng không phải lái xe đi vòng quanh trại kêu gọi trẻ em vào nhà mỗi khi có mưa đá, to bằng trái banh ping-pong.

Một hôm, đang làm tin thì Capt Tân đến cho biết ca sĩ Khánh Ly mới nhập trại. Tôi bỏ tất cả, chạy xuống khu tạm cư, tìm về dãy nhà mà anh Tân đã cho biết số. Khánh Ly ở đó, với em gái Ngọc Anh và người anh là Phạm Ngọc Sơn.

Đã lâu lắm tôi không gặp “Bé Lệ Mai” của báo Ngôn Luận. Cũng đã lâu lắm tôi không gặp Ngọc Anh và Sơn. Những truyện kể, những thăm hỏi, những nhắc nhở về kỷ-niệm ở Chợ Quán, ở Phan Thanh Giản, ở Dalat cứ tiếp nối, theo nhau tràn vào.

Không chỉ riêng tôi ngồi nói chuyện với Khánh Ly mà đồng-bào đứng đầy căn phòng tạm trú để nghe Khánh Ly nói chuyện ...

Nhiều người ao ước được nghe Khánh Ly hát. Khánh Ly chỉ cười buồn cho rằng chuyện ấy khó có thể làm được. Tôi chợt nghĩ đến lời Thiếu Tá Miller nói với chúng

tôi hôm nào “tôi có thể giúp quý bạn bất cứ vấn-đề gì, nếu trong khả-năng và trách-nhiệm của tôi”. Tôi cảm thấy phẫn-khởi lạ lùng. Từ dãy nhà tạm-trú, tôi băng qua một khu đồi đầy hoa tím dại, hướng về văn-phòng của Miller. Tới bên kia chân đồi, tôi thấy một người nằm dài trên cỏ, trong bộ đồ bay màu đen đã bạc phéck, dường như đang ngủ. Tôi đến gần người phi-công đó, nhìn lên phía trên túi áo, thấy hàng chữ Sy Phu.

Tôi lấy chân đá nhẹ vào người ấy và hỏi:

- Này, phải Sĩ Phú đây không?

Người phi-công kia, hé mắt nhìn, giọng mệt mỏi:

- Sĩ Phú đây. Ai đó? Nam đây hả?

- Nam đây. Tại sao lại ra nằm ở chỗ này vậy?

- Moa trốn Sponsor! Moa không muốn rời trại, sợ về chỗ xa lạ, không được gặp người Việt mình nữa!

(Còn tiếp)



Hình căn cước Sĩ Quan.
NGUYỄN ĐỨC NAM.

LỜI TẠ TỪ

Phong Thu

LỜI NGƯỜI VIẾT: Thông thường, người ta hay chờ đợi khi có ai qua đời mới viết lời biệt ly. Tôi đã không viết những lời tri ân với cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích khi ông còn sống. Những vòng hoa tưởng niệm, những lời trân trọng, thương mến chỉ còn đọng lại trong tâm tôi sự tiếc nuối. Còn có ý nghĩa gì khi Giáo Sư đã đi vào lòng đất. Cho nên, tôi đã phá lệ. Tôi muốn ghi lại đây tình cảm của tôi dành cho nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tôi muốn viết những lời này khi người bạn tri kỷ này còn sống. Để mai kia hành trang dành cho bạn tôi mang theo là sự âm áp của tình bạn, là sự chia sẻ ân tình.

Bây giờ là cuối thu. Nhìn những chiếc lá vàng đã chuyển sang màu xám, quắt queo rồi rụng đầy sân cỏ. Gió heo may se lạnh, lòng tôi chùng lại như muốn níu kéo kỷ niệm đã tàn phai. Một năm lại trôi qua, thời gian vô ảnh, không mùi vị cứ lửng thững bỏ tôi lại sau lưng. Năm 2017 sắp chấm dứt.

Thời gian không bao giờ ngoảnh lại nhìn ai. Thời gian cũng là ông thầy nghiêm khắc, tàn nhẫn luôn vung tay buông bỏ cuộc hành trình của quá khứ, và tiếp tục lao về phía trước trong cuộc hành trình vô định. Nơi nào là mốc thời gian cho những cơn bão tuyết, mưa nắng hiền hòa, giông tố và

yên bình? Không nơi nào cả. Vũ trụ vẫn xoay, luân chuyển, thay đổi cả vạn vật. Và con người cứ mãi mãi sống trong định luật bất di, bất dịch của trời đất. Những ngày cuối năm tâm tư tôi lắng đọng để nhìn về những ngày tháng đã qua mau. Bạn bè gọi điện thoại hỏi tôi. Tại sao tôi im lặng và lui vào căn nhà của mình và không màng thế sự bên ngoài? Tại sao? Tại sao? Tôi chỉ cười và đùa “*Mình đang muốn dành thời gian cho gia đình, cho Mẹ mình, cho các con và cho người bạn đời của mình. Nói như vậy không có nghĩa là mình không nghĩ về bạn bè xưa cũ, những người quen, những văn thi hữu mà mấy chục năm qua mình đã gắn bó với họ. Hình ảnh họ vẫn nằm im dấu đỏ trong ký ức của thời gian. Bạn cũng đừng lo mình sẽ quên bạn.*” Và cứ vài ngày, tôi lại nghe tiếng cười của Bích Hồng rộn ràng trong máy điện thoại. Giọng cười người miền Nam có khác “thoải mái, không che giấu, không màu mè hoa lá để che đậy nội tâm và cảm xúc.” Có khi chẳng có gì để nói, cô nàng gọi điện thoại để chỉ hỏi một câu “*Có đi tham dự chương trình ca nhạc với Hồng không?*”. Câu trả lời của tôi làm cho cô nàng thất vọng “*Không. Xin lỗi bạn*”. Tôi lại nhận được một tiếng cười dòn tan như pháo tét.

Tôi đã đến tham dự buổi dự tang lễ của Mẹ nhà thơ Đỗ Tràng Mỹ Hạnh để chia buồn cùng anh chị và gia quyến. Thật buồn. Thật buồn. Vậy là Đỗ Tràng Mỹ Hạnh đã mồ côi Mẹ. Tôi và nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, phóng viên Thanh Trúc và phu quân chị là anh Hà Từ Phúc đã hẹn nhau đến nhà hàng ăn phở. Cuộc hẹn với nhà thơ Phan Khâm đã dở dang vì chúng tôi bị lạc đường. Nhìn những người

bạn hiền thân thiết với tôi bao năm nay trông gầy guộc hơn xưa làm tôi chạnh lòng. Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung cho biết sẽ giao tạp chí Cỏ Thơm cho nhạc sĩ Phan Anh Dũng để nghỉ ngơi sau hơn hai mươi năm lèo lái con thuyền văn học.

Cuối cùng, tôi cũng nhận được email chính thức của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung thông báo sẽ giao tạp chí Cỏ Thơm cho nhạc sĩ Phan Anh Dũng làm Chủ Nhiệm và bà chỉ đóng vai trò cố vấn. Tôi cũng thoáng buồn và cũng tràn đầy niềm vui. Vui vì tạp chí mà tôi yêu mến đã có hậu nhân tiếp nối và nhạc sĩ Phan Anh Dũng là người thích hợp nhất trong vai trò làm người Chủ Nhiệm mới. Anh còn trẻ, lòng tràn đầy nhiệt huyết, yêu mến văn học nghệ thuật và có nhiều công lao gây dựng tạp chí Cỏ Thơm tồn tại cho đến hôm nay. Đặc biệt anh đã xây dựng website cho Cỏ Thơm thật đẹp, thật công phu. Con đường phía trước sẽ còn nhiều thử thách, chông gai, tôi hy vọng anh sẽ làm tròn sứ mệnh của mình.

Nhìn lại hơn hai mươi năm qua, khi tất cả những tạp chí văn học hải ngoại đều biến mất khỏi văn đàn thì tạp chí Cỏ Thơm vẫn tồn tại, phát triển và quy tụ được những khuôn mặt văn thi hữu tiếng tăm có kiến thức, năng lực và có tài. Người mở ra vườn hoa văn học để uơm trồng, chuyên chở chữ nghĩa, duy trì nền văn học Việt Nam lại là một phụ nữ có thân hình nhỏ nhắn, ốm yếu như cây liễu: Nữ Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Cơ duyên để chúng tôi quen nhau cũng rất kỳ lạ. Tạp chí Cỏ Thơm ra đời đã lâu. Nhưng tôi hầu như không quan tâm. Tôi chỉ viết trên các website và một vài tạp chí

quen biết. Nhưng kể từ sau chuyến đi Paris, viết chung một quyển sách nhiều tranh cãi “Món Ăn Theo Bước Chân Di Tản” mà chúng tôi đã quen nhau. Trên con đường tôi đi qua, tôi Có những người quen lâu năm, tưởng rằng tâm giao nhưng sau đó chỉ còn lại một cái chấm nhỏ trong đám sương mù. Nhưng tình cảm tôi dành cho nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung như những giọt mưa lâu dần thấm đất. Tôi yêu mến nhà văn như một người bạn cùng trang lứa. Gần mười năm cộng tác với Cỏ Thơm, tôi mới nhận ra nơi đây là mảnh đất ngọt, lành để tôi có thể chuyển tải tình cảm, kết nối những tâm hồn lạc lõng, xa cách quê hương xích lại gần nhau hơn. Là chỗ dựa tinh thần để chúng tôi còn tin tưởng rằng cội nguồn, hồn của quê hương dân tộc vẫn còn cháy mãi liệt trong huyết quản của chúng tôi. Nhờ văn học, chúng tôi có thể trải rộng tâm tư, tình cảm của mình với tha nhân, với đời, với người. Trong khu vườn Cỏ Thơm, chúng tôi tìm đến nhau như những người được lịch sử trao cho sứ mệnh cao cả là truyền bá tiếng Việt trên quê hương mới và mang ánh sáng văn học để duy trì nền văn hoá Việt trong lòng các thế hệ. Văn học không có bóng dáng của quyền lực, không vai vế, không địa vị... nơi đó phải là chốn bình yên để những tâm hồn thanh tịnh như chúng tôi trú ngụ. Nơi đó là một ngôi nhà vững bền để chúng tôi trú nắng, che mưa. Nơi đó không ai có thể mua và bán được danh xưng mà công chúng trao tặng cho chúng tôi. Cỏ Thơm là vườn hoa như thế. Người Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung đã âm thầm, tận tụy, vun trồng, tưới nước cho hạt mầm Cỏ Thơm vươn dậy, mạnh mẽ suốt hơn hai thập kỷ. Giờ đây nhìn lại tóc

bà đã pha sương. Nét đẹp thanh thoát, nhẹ nhàng của bà đã vẫn còn phảng phất trên vóc dáng, khuôn mặt và nụ cười cho dù thời gian đã tàn phai. Những ngày tháng cuối năm, khi nhìn những chiếc lá vàng màu xám, u buồn bay đầy trời, tôi chợt chạnh lòng nhớ người bạn yêu văn chương đang cô đơn trong căn nhà quạnh hiu, trống vắng người bạn đời yêu dấu.

Từ bao giờ, tôi bỗng thương bà đến như thế? Có lẽ tôi nhận ra tuổi về chiều của niềm cô đơn từ Mẹ tôi với những cơn bệnh nặng kéo dài không dứt. Những ngày đưa Mẹ đến bệnh viện, ở bên giường bệnh từ sáng sớm cho đến nửa đêm. Những ngày đưa Mẹ đi bác sĩ... chăm sóc cho Mẹ. Tôi yêu Mẹ nhiều hơn vào những ngày Mẹ lâm bệnh. Cảm giác yêu Mẹ tôi vô cùng đôi lúc bùng dậy trong lòng tôi nỗi lo âu mất Mẹ. Tôi sợ Mẹ sẽ rời bỏ tôi, rời bỏ thế gian đầy gian truân để rũ sạch nợ trần ai. Và tôi lại bơ vơ... bơ vơ... Tôi thấu hiểu nỗi cô đơn của Mẹ suốt một đời. Rồi khi đi thăm viếng và chôn cất phu quân của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung vào một ngày mưa tầm tã. Nhìn bà khóc khi hài cốt phu quân được đặt vào bức tường đá màu trắng toát trong nghĩa trang Arlington, lòng tôi thật buồn. Tôi và nhà văn Ý Nguyên đã rung rung nước mắt. Kể từ đây, bà sẽ là chú chim lẻ bạn. Mỗi thời khắc đi qua là những kỷ niệm của nhung nhớ và hoài niệm.

Tôi đọc hai quyển hồi Ký “Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội, Sài Gòn Nhớ Nhớ Mưa Thương” mới hiểu hết thế giới ẩn kín trong cuộc đời bà. Bà đã vượt qua thử thách bằng nghị lực, tâm huyết và nước mắt. Bà cũng được Trời ban phúc để gặp một dũng sĩ nâng đỡ cuộc đời bà và đưa bà đến bến

bờ hạnh phúc. Tôi nhận ra sự đôn hậu, có thủy, có chung trong cư xử của bà đối với chồng con, bạn bè. Đối với tôi, bà đã trở thành một người bạn thân thiết, quý giá mà tôi rất yêu mến.

Hạt Nắng Bên Đường

Xin làm hạt nắng bên đường

Gởi vào đôi mắt tình thương cho người

Gieo hoa nhân thế một đời

Hương thơm tỏa bốn phương trời gần xa

Bốn mùa tâm lại nở hoa

Chữ yên, chữ ghét đậm đà thế nhân

Chiều nghiêng tiếng gió lạnh lòng

Mới hay lá rụng ngàn trùng quạnh hiu.

Cuối thu 11/2017

Phong Thu

Tuần vừa qua, khi tôi đến thăm bà cụ Phan Tú Anh, mẹ vợ của cựu chủ nhiệm báo Đại Chúng, ông bà Hoài Thanh. Bà cụ cho tôi xem hình chụp chung với nhà văn Trương Anh Thụy và vài người quen. Bà cũng cho tôi xem quyển sách đang đọc dở dang “Non Nước Đá Vàng” và chữ ký nắn nót của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Bà nói quyển sách này nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đã tặng cho bà và bà rất thích. Bà đã đọc đi, đọc lại nhiều lần nhưng bây giờ muốn xem

trở lại. Có thể nói sự cuốn hút độc giả mới khẳng định tài năng của người cầm bút. Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đã để lại những tác phẩm gây sóng gió và tranh luận một thời. Bà đã tạo cơn địa chấn khiến cho những cây bút lão luyện lao vào cuộc bút chiến đầy sôi nổi. Chắc chưa có một nhà văn Việt Nam nào viết táo bạo và mạnh dạn hơn như thế khi phơi trần sự thật đời mình trên trang giấy. Dũng khí đó tôi không có và tôi vẫn chưa có đủ bản lĩnh để viết hồi ký.

Khi tôi ngồi viết những dòng chữ này là tôi đang nhớ đến bà với những hồi ức thật trong sáng, thật dễ yêu. Một lần tôi nhận được điện thoại của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Bà nói líu lo như chim “*Phong Thu hả? Có khoẻ không? Ngọc Dung đây?*” Tôi cũng rất vui đáp “*Nghe biết liền*”. Cả hai tíu tíu nói chuyện như chim. Tâm hồn bà trẻ trung và gần gũi nên mỗi lần nghe bà tâm sự, tôi cảm thấy rất ấm áp. Tiếng nói bà vang bên tai “*Ồ.. là la... hôm nay mình đi chợ, có mua một cái áo tặng cho Phong Thu. Màu tím đẹp lắm! Có thể bạn sẽ rất thích. Khi nào gặp nhau, mình sẽ trao cho bạn.*” Tôi thật cảm động mỗi lần nghe tiếng “*mình*” quá đỗi thân thiết. Và từ bao giờ chẳng biết, chúng tôi đã trao đổi, nói chuyện với nhau như hai người bạn “*cùng tuổi*”.

Tôi biết bà luôn nhớ đến tôi. Chiếc áo đầm hoa tím rất lịch sự và rất xinh đó đã gói ghém biết bao tình cảm mà nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đã dành cho tôi.

Hai thập kỷ qua, căn nhà văn nghệ ở đường Chapel Cross Way, Reston, VA. vừa là văn phòng của toà soạn, vừa là sân khấu ca nhạc của vườn hoa Cỏ Thơm sẽ mãi mãi

ghi dấu trong ký ức của văn thi hữu bốn phương. Nơi đó tràn ngập tiếng nói, cười, đàn, tiếng hát, niềm vui và những bữa ăn thịnh soạn. Chắc chưa có một tạp chí nào vui như thế để chúng ta ngồi lại với nhau tán dóc và nói chuyện trên trời, dưới đất, nắng mưa, bão tuyết....

Những dòng hồi tưởng này là những kỷ niệm rất nhỏ trong những năm tháng cộng tác chung với Cỏ Thơm. Đó cũng là niềm vui, hạnh phúc mà hơn hai mươi lăm năm tôi cầm bút tại hải ngoại. Ít ra, trên con đường đầy ghềnh thác, con thuyền văn học không bị đắm chìm trong lợi danh, ích kỷ, phân chia, ganh ghét. Khu vườn Cỏ Thơm đã mọc đầy kỳ hương dị thảo. Mỗi một loài hoa mang theo hương vị của riêng mình. Và người chủ nhiệm khả ái, đáng yêu đã lặng lẽ ngắm nhìn nó như một kỳ tích của cuộc đời mình.

Chúng ta đang và sẽ tiếp tục vun bón, tưới nước bảo vệ vườn hoa Cỏ Thơm mãi mãi tồn tại với thời gian. Và mơ ước rằng cuộc hành trình chữ nghĩa này có thể vượt đại dương và trở về nở hoa trên đất mẹ Việt Nam.



PHONG THU

Con Đường Cỏ Thơm

Ý ANH

Gia tài tôi được hưởng từ bố tôi là sách. Sách văn thơ của các thân hữu bạn bè của ông tựa cận kề vào nhau trên các kệ sách dưới basement nhà tôi. Có cuốn tôi đọc, có cuốn tôi không. Sách như những hạt mưa, hạt rơi vào ruộng, hạt rơi vào rừng.

Như một hạt nhớ, hạt thương, Cỏ Thơm đã rơi vào lòng tôi.

Cỏ Thơm số một, mùa xuân 1996, phần thơ mở đầu với bài Ngẫu Hứng của bố tôi, Anh Độ Đỗ Cẩm Khê. Cỏ Thơm số hai, mùa Hè, đã mở đầu với bài tưởng nhớ bố tôi trong Lá Thư Chủ Nhiệm của chủ nhiệm Lưu Nguyễn Đạt. Sau đó là phần kỷ niệm viết về bố tôi của các nhà văn, nhà báo, nhà thơ Hà Bình Trung, Lưu Nguyễn Đạt, Phạm Trần, Ngô Tăng Giao, Đỗ Quý Bái, và Lê Thị Ý. Khi đọc lại, tôi vẫn cảm nhất bài thơ *Như Ngọn Đèn Về Sáng* của nhà thơ Lê Thị Ý. Đoạn mở đầu, *Tiếng mõ vang xa, tiếng nhạc kinh, Người đi còn lại suối Hương Tinh, Ngàn sau sông núi còn nhân dáng, Người sẽ đi về, sẽ hiển linh....*

Và tôi góp mặt vào Cỏ Thơm số ba, mùa Thu 1996, với bài thơ Đà Lạt Yêu. Tôi phụ giúp Cỏ Thơm trong việc đánh máy bài vở từ năm 1997. Tưởng là một việc đơn giản, nhưng không. Dần dần đó là việc tôi “ngán” nhất. Thời xa xưa cách đây 20 năm đó, phần nhiều bài vở nhận

được viết bằng tay hay đánh máy. Khi Cỏ Thơm nhận được phải đánh lại rồi save vào computer để layout. Mỗi kỳ chuẩn bị báo, tôi nhận được một phân bài vở từ chú Chủ Nhiệm gửi qua đường bưu điện. Không nhiều thì giờ, mỗi khi sắp đến hạn in báo, tôi phải thức khuya thức hôm ngồi đánh cho kịp. Ông xã tôi thấy tội nghiệp, ngồi đánh dùm đôi khi. Nhà lúc đó chỉ có một cái computer thôi, nên hai chúng tôi thay phiên nhau đánh. Tôi ngại nhất là đánh bài của nhà văn Hồ Trường An, chữ ông nghiêng nghiêng nhỏ sát vào nhau, câu xóa bỏ, chữ thêm vào. Bài viết nào của ông cũng dài, đánh hoài sao chưa thấy trang cuối! Và sợ nhất là đánh máy thơ! Tôi làm thơ nên rất sợ phải đánh thơ của người khác. Không biết nói sao, điều đó làm tôi không thoải mái tí nào. Có thể chỉ giải thích là vì những vần thơ đó không phải là ngôn ngữ thơ tôi, tôi không quen. May có ông xã để nhờ đánh thơ dùm. Tôi vờ nói, “*ồ anh ơi, có mấy bài thơ này ngắn này, anh đánh dùm nhé. Để mấy bài văn dài em đánh cho!*” Đánh xong rồi còn phải đọc tới đọc lui để xem có bị sai sót không. Sau đó còn thêm chuyện phải đi ra bưu điện nữa chứ, mua bao thư đặc biệt để cái disk không bị hư gãy, rồi gửi qua cho chú Chủ Nhiệm. Thời đó, chưa dùng email thông dụng như bây giờ. Đôi khi không kịp nữa, vừa đánh xong tối nay thì ngày mai chạy qua “toà soạn” bên VA để đưa disk cho chú Chủ Nhiệm load bài vào.

Nhưng may quá, các nhà văn nhà thơ của Cỏ Thơm cũng tiến bộ theo thời đại computer. Tôi cũng nhờ theo đó mà từ từ chấm dứt hẳn chuyện đánh máy bài vở, không nhớ từ năm nào.

Từ khi chị đứng ra gánh vác Cỏ Thơm thì tôi hoàn toàn rảnh rỗi chuyện toà soạn. Như một người chị cả trong gia đình, chị lo hết mọi chuyện toà soạn, từ trong đến ngoài. Một lần duy nhất tôi chạy qua “toà soạn” cùng chị đọc lại bản thảo Cỏ Thơm trước khi đem đi in. Lần đó, các quý anh trong ban Chủ Biên bận việc nhà nên không đến giúp chị được như mọi khi. Buổi trưa hôm đó, chị lái xe chở tôi đi ăn phở, vừa nói chuyện tâm tình, ở một khu phố gần nhà chị. Và cũng một lần duy nhất nào đó, tôi giúp chị layout một số Cỏ Thơm. Trước đó, chị cũng cẩn thận đưa software VNI chị có cho tôi để install vào máy mà layout báo. Công việc duy nhất tôi vẫn còn làm cho tới bây giờ là gửi báo cho các quý độc giả đặt mua báo dài hạn.

Trên đôi vai nhỏ nhắn của chị, Cỏ Thơm vũng vàng lên hẳn. Chuyện gì cũng được chị lo chu đáo. Từ chuyện layout, liên lạc nhà in, chuyện tài chánh, danh sách độc giả gần xa, kết tình thân hữu với quý văn thi hoạ nhạc sĩ khắp nơi để bài vở luôn phong phú, cho đến tiệc tùng Cỏ Thơm hàng năm hay mỗi khi ra báo. Tôi chỉ đi theo sau chị, trong lòng không lo lắng một tí gì. Mọi việc đã có chị lo!

Thế đấy, đó là chị, là nhà văn, nhà thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung, vị Chủ Nhiệm thứ hai của Cỏ Thơm. Hơn 20

năm qua, chị em sinh hoạt bên nhau từ mùa Xuân 1997, từ lúc Cỏ Thơm đang ở tuổi vừa chập chững đi, tôi rất quý chị. Chị trực tính và làm việc trách nhiệm. Chị từng là phụ tá Chủ Bút, rồi Chủ Bút, trước khi chính thức làm Chủ Nhiệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ số 25, cuối năm 2003.

Dưới sự chăm sóc của chị, Cỏ Thơm đẹp lên từng số một như một cô gái xanh non đương độ dậy thì, mắt xanh thêm, má nhẹ ửng hồng. Sự tin tưởng và ủng hộ của độc giả bốn phương dành cho Cỏ Thơm được tăng thêm nhiều do bài vở giá trị của quý văn thi hữu gần xa ưu ái đóng góp. Và một điều không thể không nhắc đến, đó là từ uy tín của chị. Độc giả ở xa mong chờ Cỏ Thơm từng số một. Có vị email hỏi thăm mỗi khi đến kỳ mà chưa nhận được báo. Chị cẩn thận nhắc nhở tôi xem lại trong danh sách chị làm có tên vị ấy không. Có lúc tôi phải gửi báo thêm một lần nữa và theo dõi đường bưu điện để yên tâm là vị độc giả đó sẽ nhận được số báo mới.

Gáy bìa của 79 cuốn Cỏ Thơm khoe sắc khoe màu lần lượt nằm ngay ngắn trong tủ sách của tôi. 20 năm, một con đường dài chứ, phải không? Nhưng sao qua nhanh đến như thế. Giật mình nhìn lại, quả thật 20 năm rồi đấy. Xuống basement, thỉnh thoảng tôi lại lấy ra một số, ngắm nghía, lật trang, lòng dấy lên một tình cảm triu mến nhẹ nhàng. Cỏ Thơm kế tiếp, số 80 sẽ góp màu vào tủ sách của tôi thêm rực rỡ, sẽ đánh dấu thêm một mùa Xuân nữa trên đất nước lưu vong này của chúng ta.

Đôi vai của chị như gầy nhỏ lại theo thời gian. Chăm lo vun xén Cỏ Thơm bao năm rồi, mỗi mệt chứ! Đã đến lúc phải để chị đặt gánh Cỏ Thơm xuống qua một bên. Đã đến lúc nên để chị nghỉ ngơi, an nhàn, sống vui bên gia đình con cháu anh chị em, để chị thong dong hưởng thú đi du lịch đây đó, tiện thăm bà con, gặp gỡ bạn bè.

Sau số 80 tròn trịa đặc biệt này, Cỏ Thơm xin trân trọng lưu luyến chia tay với chức vụ Chủ Nhiệm của chị và rất vui mừng vì vẫn có chị tiếp tục đi với Cỏ Thơm trên con đường phát triển văn học Việt Nam ở hải ngoại, con đường trách nhiệm mà chúng ta đã cùng đi trên 20 năm qua với lòng tự trọng và nhân ái.

Tôi muốn đặt tên con đường này là **CỎ THƠM**.

Xin gửi đến chị lời cảm ơn chân thành quý mến của một người em gái trong gia đình Cỏ Thơm.

Thương chúc chị luôn an vui và thật nhiều sức khoẻ.

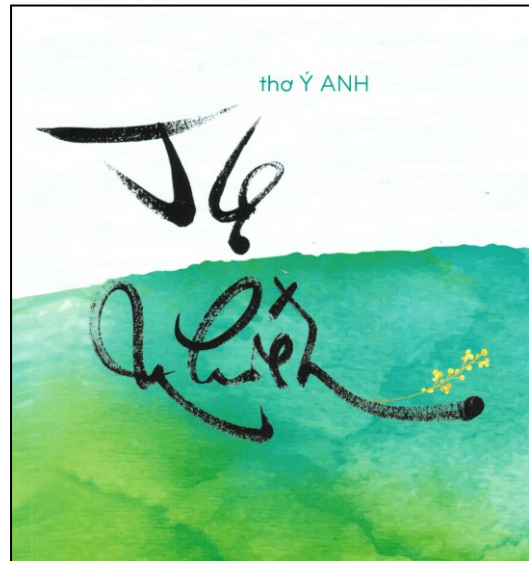


Ý ANH - Dec. 07, 2017

GIỚI THIỆU

Thi Phẩm

TỰ NHIÊN của Ý ANH



Đây là thi Phẩm thứ hai của nhà thơ Ý Anh, Tổng thư ký Tạp Chí Cỏ Thơm từ hơn 20 năm qua. Thi phẩm đầu tay của Ý Anh có tiêu đề "*Mong Manh*". Cả hai đều có hình thức vuông vắn, giản dị, thoáng mắt với thư pháp Trữ Vũ. Nội dung là những bài thơ và tùy bút. Thơ như văn xuôi và tùy bút văn điệu như thơ, nhẹ nhàng, nhưng mang đầy ẩn dụ thâm kín, thiên môn thanh tao. Một tập thơ khác lạ, không ước lệ trần gian.

Xin trân trọng giới thiệu cùng văn thi hữu độc giả bốn phương và cảm tạ nhà thơ Ý Anh đã thân tặng.

TẠP CHÍ CỎ THƠM

Một Bông Hồng Cho Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung

Người viết lấy tựa bài này như vậy vì thấy khi thư viết xin bài của Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung gửi quý văn thi hữu nhân dịp Chị sẽ từ giã chức Chủ Nhiệm báo Cỏ Thơm sau số báo 80, ra tháng 2, 1018, liền trong mail hỏi âm ngay sau đó có một Nụ Hồng tặng Chị từ chị Tiểu Thu từ Canada, mà ai đó đã nói là nơi đất lạnh tình nồng. "Các văn hữu nam kể cả tôi chậm hơn chị Tiểu Thu rồi!". Tại sao tự dưng tôi muốn nói một câu đùa như vậy.

Kể ra thì thời gian cộng tác của tôi với Chị Ngọc Dung trong vai trò chủ bút chủ nhiệm của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm cũng khá lâu nên cũng có nhiều kỷ niệm buồn vui với Chị và Cỏ Thơm. Chủ quan tôi nghĩ suốt thời gian làm cho báo Cỏ Thơm, với trách nhiệm như vậy ắt hẳn Chị cũng có nhiều nỗi buồn niềm vui và thích... thú.

Tôi quen biết Chị và báo Cỏ Thơm qua nhà văn Hồ Trường An. Và sau đó cũng qua anh Hồ Trường An tôi quen biết thêm với nhà văn Trương Anh Thụy, tác giả quyển trường thiên tiểu thuyết *Chuyến Mùa*, trong đó có ít cảnh về ngôi chùa và vài người Việt tị nạn ở miền nam nước Đức do tác giả tưởng tượng với sự gợi ý về cảnh vật của tôi. Bốn báo Cỏ Thơm và hai nhà văn định cư ở Hoa Thịnh Đốn, Virginia, miền đông Hoa Kỳ, vùng có khí hậu lành lạnh không khác gì nơi tôi đang ở, miền nam nước Đức, tiếp giáp với đất nước sông hồ Thụy Sĩ.

Nhờ quen biết các chị mà tôi mới có dịp đến đây, và khi về lại nhà đã viết lên được những dòng còn đọng lại trong ký ức:

"... Tôi có dịp đến Thủ đô Hoa Thịnh Đốn-Virginia trùng dịp vào những ngày thu. Trời thu heo hắt. Gió thu bay. Lá vàng rơi rải trên những con đường, góc sân, cuối phố. Những câu văn lời thơ đoạn nhạc ước lệ viết về mùa thu, nắng thu, gió thu, người... thu mỗi năm vẫn đều đặn xuất hiện trên báo chí, truyền thanh nơi đây vẫn không làm độc giả, thính giả nhàm chán. Trái lại nữa là khác. Đó là mùa thu ở Virginia, Hoa Thịnh Đốn.

Còn ở đây, trước nhà tôi, bên kia đường, cứ mỗi năm khi trời vào thu tôi nhìn được những cây phong, khi vào giữa thu lá đã vàng rực đồng màu. Cũng có thể đến cả ngàn lá. Tôi không tìm ra một chiếc lá nào màu hơi khác. Tương tự như thế, có những cây có lá toàn màu đỏ vàng. Hỏi sao mùa thu nơi đây không đẹp. Cái đẹp không nhàm chán.

Vì thế, trước khi đến Virginia dù đã nghe mùa thu nơi đây rất đẹp, nhưng tôi đã tưởng tượng ra được nó đẹp như thế nào rồi. Chắc cũng giống như nơi tôi đang ở. Có những khác biệt chút nào đó chắc cũng không làm tôi ngạc nhiên lắm...

Điều làm tôi ngạc nhiên là những con đường. Những con đường rải lá vàng trong mùa thu. Những con đường uốn lượn như những dấu ngã dưới trời thu ẩm ướt của miền Đông Hoa Kỳ. Chiếc xe người bạn chở tôi đi như đánh võng trên làn xe chạy... Điều làm tôi ngạc nhiên là những cô gái Việt Nam nơi đây, những nàng ca sĩ nơi đây, những cựu nữ sinh của những ngôi trường nữ lớn ở Sài Gòn dạo nào... Có cái gì đó gợi

lại cung cách Sài Gòn, dáng dấp Sài Gòn, trang phục Sài Gòn từ các cô, các nàng mà thú thật ở nơi tôi định cư tôi rất ít gặp trong những buổi văn nghệ, tiệc cưới ... ,

Cho đến tận giờ phút này, chắc cũng đã hơn 15 năm cộng tác với Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung tôi phải thú thật rằng Chị là người chịu trách nhiệm cho một tờ báo mà tôi thấy thoải mái nhất khi cộng tác. Có lẽ đóa hoa hồng từ chị Tiểu Thu đã làm chứng cho cảm nhận của tôi. Nhưng Chị không phải là người dễ dãi. Chị cũng cứng rắn, đầu ra đó. Chị cũng là người tế nhị và nhiều nét dịu dàng của người con gái Hà Nội.

Cũng có bài tôi gửi Chị không đăng, Chị nói tôi gửi bài về một tờ báo khác thích hợp hơn vì nội dung bài viết. Đọc đầu đó có bài tôi viết, Chị nói gửi tiếp về cho Cỏ Thơm để Chị đăng.

Ngày Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung và các bạn đến Paris để ra mắt cuốn sách *Món Ăn Theo Bước Di Tản* của nhiều văn thi hữu viết chung, trong đó có Chị, tôi, Phong Thu, Tiểu Thu, Tôn Nữ Mặc Giao, Duy An Đông... Sách do anh Hồ Trường An và nhà văn Dư Thị Diễm Buồn biên tập, in ấn. Trong buổi chiều Thu Tao Ngô do anh Đỗ Bình và các văn thi hữu ở Paris tổ chức này Chị là người khá nổi bật. Buổi chiều hôm đó ngoài việc ra mắt cuốn sách vừa kể, trong chương trình Chị được mời lên trước quan khách với chiếc áo dài cổ truyền màu sắc trang nhã để phát biểu, giới thiệu Tam cá nguyệt san Cỏ Thơm ở Virginia do Chị đang làm chủ bút, đó là chưa kể Chị đã được các văn nhân thi sĩ của vùng đất kinh đô ánh sáng đưa đón, hướng dẫn du ngoạn trong một ngày trước đó. Tôi nghĩ kỳ đi xa đó là niềm vui thật lớn trong thời gian Chị "gánh vác" tờ báo Cỏ Thơm.

Ngoài ra tôi còn được hân hạnh đứng chung với Chị trong cuốn Bút Đàm có tựa

là *Giai Thoại Văn Chương* do anh Hồ Trường An chủ biên và Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xuất bản, phát hành 2006. Trong sách anh HTA viết cho các tác giả Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Trần Bích San, Tiêu Thu và Vũ Nam.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung có 6 tác phẩm: *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* (PVNBTHN) và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* (SGNNMT), *Một Thoáng Mây Bay, Non Nước Đá Vàng, Bước Lạ Quê Hương* và tập thơ *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*. Riêng 2 tập Hồi Ký tiểu thuyết PVNBTHN và SGNNMT có lẽ Chị là tập hợp phong cách sống của các cô gái vừa là Hà Nội, thủ đô ngàn năm văn vật, đầy tao nhân mặc khách, cốt cách thanh cao, lãng mạn trữ tình nhưng kín đáo như những nhân vật nữ trong truyện của Tự Lực Văn Đoàn; vừa là Sài Gòn, hào hoa, tươi tắn, tâm hồn phơi phới hân hoan trong một thủ đô miền Nam quanh năm vui nhộn với nắng ấm, mưa rào, với những nhân vật nữ trong truyện của Dung Sài Gòn, hay thơ của Nguyên Sa...

Hai tập Hồi Ký này của Chị các anh bạn tôi ở đây đọc đều nói hay. Và nghe nói đã được tái bản đôi lần.

Đất nước của chúng ta đi từ cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác. Nỗi buồn triền miên, bất tận, chạy suốt dọc chiều dài của đất nước Việt Nam, nhưng văn thơ không phải chỉ có buồn, chỉ có những nỗi đau của dân tộc, mà vẫn có những áng thơ vui, những chuyện tình có hậu, hạnh phúc. Tình bạn trong đời thường, trong văn thơ cũng không phải lúc nào cũng buồn, cũng đầy đau thương, mà cũng có những lúc thật tươi vui, sống động.

Nhưng những ngày tháng cộng tác với Cỏ Thơm ở mảng văn học tôi chỉ có nhận

những niềm vui chớ ít có nỗi buồn, vậy cũng là duyên tốt lành. Sau thời gian cộng tác tôi được được các anh chị trong ban biên tập, chủ nhiệm chủ bút Cỏ Thơm khuyến khích và tạo điều kiện tốt để xuất bản và tổ chức ra mắt sách cuốn truyện ngắn, bút ký *Quê Người Nhớ Quê Nhà* với hình bìa thật đẹp do họa sĩ Nguyễn Sơn, Đức Quốc thân tặng. Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung layout sách. Các anh chị Trần Bích San, Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, những người chịu trách nhiệm báo Cỏ Thơm đã có những lời ưu ái với quyển sách đã dành, các anh chị nhà văn nhà thơ khác như nhà văn Hồ Trường An, giáo sư nhà văn Nguyễn Lân, nhà văn luật sư Ngô tăng Giao, nhà văn Trương Anh Thụy, Phong Thu... , cũng có những lời khích lệ làm tôi thật cảm động. Và buổi Ra mắt sách vào những ngày cuối tháng 9, 2016 tương đối đã thành công đó là nhờ hầu hết công sức và nhiệt tình của các văn thi hữu tôi vừa kể tên ra phía trên còn là công sức và lòng yêu mến của các nhà văn nhà thơ và các độc giả, thân hào nhân sĩ cùng các bạn Không Quân của tôi đang cư ngụ vùng Hoa Thịnh Đốn, Virginia. Trong ngày này chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, anh Phan anh Dũng, Phong Thu và Đỗ Tràng Mỹ Hạnh có những lo lắng rất nhiều cho việc ra mắt sách, thật tình cảm ấy tôi không thể nào quên được. Nhà văn Phong Thu đã đọc bài giới thiệu sách do Phong Thu viết. Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung tặng tôi một đóa hoa hồng.

Sức làm việc của chị Nguyễn Thị Ngọc Dung rất khỏe, và giỏi, đó là lời khen của anh Nguyễn Văn Nhiệm, tác giả của cuốn sách *Ca Dao-Con Đường Văn Hóa Việt*, khi biết chính Chị đã tự layout báo Cỏ Thơm suốt thời gian 20 năm qua, từ khi là Chủ Nhiệm, cũng chính chị đã layout cho hai

cuốn *Giai Thoại Văn Chương* của tác giả Hồ Trường An và sách *Quê Người Nhớ Quê Nhà* và chắc là còn nhiều sách khác nữa cũng do tự tay Chị layout.

Bài viết khá dài, tôi muốn khép lại nơi đây, khép lại một đoạn đường vui trong những ngày cộng tác với báo Cỏ Thơm. Cảm ơn tất cả các Văn thi hữu, những thành viên cũ và mới của báo Cỏ Thơm, những sáng lập viên cũ và mới của Cỏ Thơm, những độc giả, ân nhân, vì ngoài những bài viết tôi cộng tác, tôi còn đọc được từ các vị những bài viết trên Cỏ Thơm để tôi mở mang thêm kiến thức về văn hóa, xã hội, nhân văn; được thưởng thức những bài thơ với những câu thơ trau chuốt, làm xúc động lòng người, và những áng văn xuôi thật hay, những chuyện tình đẹp. Và một điều không thể nào không nói đến là xem được đầy hình ảnh sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của các anh chị, bằng hữu vùng Hoa Thịnh Đốn, Virginia, ở mỗi kỳ báo Cỏ Thơm.

Cầu chúc chị Nguyễn Thị Ngọc Dung sức khỏe, bình an, có nhiều thì giờ hơn để vui các con các cháu. Chúc báo Cỏ Thơm và website Cỏ Thơm tiến mãi dù sau số này chị Nguyễn Thị Ngọc Dung tạm lui, không còn lo cho Cỏ Thơm nữa, người mới thay Chị để tiếp tục lo cho Cỏ Thơm là anh Phan Anh Dũng, người có rất nhiều khả năng trong nhiều lãnh vực.

Đời sống thay đổi là bình thường, như trước nhà tôi cũng đã thay đổi, thu qua, đông hiện tại đang về, nhưng trẻ thơ vẫn cười đùa với tuyết lạnh với giá đông, và không bao lâu nữa nắng ấm lại đến, xuân lại về, với đầy tiếng chim hót trong những buổi sáng bình minh.

Vũ Nam (Germany)

THÊM MỘT LẦN TỪ GIÃ

Diệm Trân

Tôi quay đầu lại nhìn. Khuôn mặt người đàn ông ấy có vẻ quen thuộc. Tôi nhíu mày suy nghĩ. Tim tôi đập hồi hộp. Phải chăng...? Tôi bước đi cách xa một quãng để bình phục tâm thần. Những ký ức tưởng đã bị chôn vùi sâu lắng đang vội vàng thi nhau trở lại trực giác tôi. Một mùi hoa lài thơm ngát thoảng qua tôi. Tôi nhìn chung quanh, chỉ thấy những chùm hoa hồng đỏ thắm nằm trong những lọ pha lê trong suốt, thật sang trọng, đang chiêm cứ một cách ngạo nghệ, vinh quang trên những bàn tiệc. Tuy thế, chân tôi yếu đi. Một góc trái tim tôi như đang bị thất lại. Tôi có một cảm giác mơ hồ đang bị thôi miên và người tôi như đang lảng lảng nơi đâu.

“Bà chạy đi đâu vậy? Lên sàn nhảy với tôi không?”

Tôi giật mình như tỉnh cơn mê. Thiên hạ với y phục hấp dẫn đủ màu, tóc chải điệu bộ, nữ trang lóng lánh, đang lần lượt lên sàn nhảy để nhảy kiểu “line dancing.” Tôi định lắc đầu thì Thanh Hằng, người bạn cùng đi dự tiệc cưới với tôi, đã kéo tay tôi đi. Tôi như là cái máy múa may theo nhịp điệu những người chung quanh, thần kinh vẫn còn căng thẳng, trong khi Thanh Hằng cười rộn rã. Tôi ngó lại nơi người đàn ông đó ngồi thì chỉ thấy cái ghế trống. Có một cái gì tiếc nuối hiện lên trong tiềm thức của tôi. Tôi ráng nhớ lại khuôn mặt ngày nào, cặp mắt lẳng mạn đã chiêm trợn vẹn tâm

hồn tôi, nụ cười nửa như chế riều nửa như thách thức đã chinh phục nguyên trái tim tôi, đôi tay đậm màu đã diu tôi vào một thế giới thần tiên, nơi mùi hoa lài còn thoang thoảng. Tôi nhìn những người chung quanh xem có khuôn mặt nào quen thuộc không, nửa ước mong, nửa sợ hãi.

Có vài người làm cùng sở muốn nhảy chung trong đám. Tôi để họ và Thanh Hằng tiếp tục nhảy những vũ điệu khác và trở về chỗ ngồi. Đầu óc tôi bắt đầu tỉnh táo trở lại. Mùi hoa lài đã biến đi. Ghế kia vẫn còn trống. Tim tôi vẫn còn hơi đập nhanh. Tôi dự định sẽ về sớm nhưng cần nói chuyện với Thanh Hằng vì hai đứa cùng đi một xe.

“Phải Ngọc Hạnh đây không?” Một giọng ám áp từ đằng sau vang lên.

Có phải tim tôi run hay tôi cảm được tâm hồn người đặt câu hỏi? Tôi quay lại, chỉ thoáng ngạc nhiên. “Không ngờ mình còn gặp lại nhau...”

Người đàn ông đã đứng tuổi kéo ghế của Thanh Hằng tới gần ghế tôi hơn. Anh ngồi xuống cạnh tôi. Ánh mắt nâu vẫn có phần lẳng mạn. Nụ cười vẫn có thể chinh phục phái nữ. Tuy tóc anh đã điểm sương, thân hình anh vẫn gọn gàng, thân hình của một cầu thủ biết phải giữ gìn để đạt được mức cao siêu trong trò chơi thể thao nào đó. Tim tôi quay một vòng tròn. Tôi tự nhủ phải bình tĩnh.

“Anh... Tôi... Dững... ở tiểu bang khác đến dự đám cưới con người bạn. Ngọc Hạnh thì sao?”

“Ngọc Hạnh ở thành phố này từ lâu rồi. Đã lập gia đình và có ba con.” Tôi quyết định là cần phải nói thẳng từ đầu là tôi đã có chồng. Trái tim tôi đã thuộc về một thế giới khác.

Dũng không có vẻ ngạc nhiên hay quá động lòng. Anh và tôi trao đổi những biến cố và những sự việc chính đã xảy ra trong đời từ ngày chúng tôi gặp nhau lần cuối, đã hơn bốn mươi năm trời. Tôi theo gia đình ra đi một ngày trước khi mất nước. Anh vượt biên chỉ trong vòng vài tháng sau đó và đã sống ở Nhật và trở thành công dân Nhật. Hiện thời công ty anh làm bỏ anh qua Hoa Kỳ vài năm. Khi Thanh Hằng trở lại, tôi giới thiệu bạn tôi với Dũng. Thanh Hằng không biết về Dũng nên cũng không có phản ứng gì. Thanh Hằng ngồi xuống nói chuyện tự nhiên với Dũng và tôi. Hóa ra Dũng đã ly dị hơn hai mươi năm rồi, và anh không có con. Bố mẹ anh đã mất. Anh có một anh trai ở bên Úc. Anh có vẻ thoải mái với đời sống độc thân của anh. Anh nghĩ anh có thể ở lại Hoa Kỳ nếu anh muốn. Công ty anh sẽ sẵn sàng làm thủ tục cho anh ở lại. Ngồi một lúc thì Thanh Hằng trở lại sần nháy, để Dũng và tôi tiếp tục chuyện trò.

Chúng tôi không dám nói nhiều về chuyện quá khứ. Tôi không dám kể về nỗi buồn tuyệt vọng của tôi những năm đầu qua Mỹ khi không tìm lại được Dũng. Tôi không tin được con tìm tôi. Tôi sợ bị xúc động hay còn tệ hơn nữa, bị tổn thương, nếu người kia không cùng một ý nguyện. Và lại, đây là chỗ đông người, nói lại chuyện quá khứ hẳn là không tiện. Tôi cho Dũng biết về ba đứa con của tôi, một cháu đã đi làm, một cháu học đại học, và cháu út còn học trung học. Tôi nói chuyện về

Thanh Hằng, người bạn cùng làm một sở với tôi. Tụi tôi bắt đầu thân với nhau hơn từ khi chồng Thanh Hằng bị ung thư và tôi đã giúp Thanh Hằng nhiều việc khi Thanh Hằng bận bịu chăm sóc người bệnh, cả hoàn tất vài nhiệm vụ trong sở vì Thanh Hằng phải lấy nhiều ngày nghỉ hay đến sở trễ. Sau khi chồng Thanh Hằng qua đời thì tụi tôi càng khấn khít với nhau hơn và hay đi chơi chung với nhau. Lộc, chồng tôi, hôm nay bận phải đưa Lisa, con út của chúng tôi, đi thực tập văn nghệ trong trường nên anh không đi dự đám cưới. Nhưng thật ra chắc anh cũng thờ dài nhẹ nhõm vì anh đâu biết gia đình cô dâu. Cô dâu là con một người làm cùng sở với Thanh Hằng và tôi. Lộc thường thích ở nhà hơn là đi những chỗ ồn ào náo nhiệt. Anh thường chỉ thích ngồi nhà đọc sách hay vặn nhạc nghe sau khi làm vườn, cái thú vui của anh. Anh mừng là tôi có Thanh Hằng để đi chơi chung. Mà tôi cũng quen tính anh nên chẳng màng là anh không thích đi đây đi đó.

Trước khi rời dạ tiệc và kiếu từ nhau, Dũng và tôi trao đổi điện thoại. Trước đó tôi cũng đã suy nghĩ và phân vân không biết có nên trao đổi số điện thoại không. Nhưng rồi tôi đã bình tĩnh đưa cho Dũng số điện thoại cầm tay của tôi lúc anh trao tôi chi tiết liên lạc của anh. Thanh Hằng và tôi ra về trước Dũng. Trên đường về, Thanh Hằng hỏi tôi về Dũng nhưng tôi đang rối rắm tinh thần nên cũng chỉ nói với Thanh Hằng là Dũng và tôi quen nhau từ trước 1975, và rồi không gặp lại nhau cho đến ngày hôm nay. Tôi không muốn nói nhiều, sợ Thanh Hằng chứng kiến được sự xúc động tâm thần của tôi. Nhưng tôi cũng chẳng biết tại sao tôi sợ. Tôi nghĩ tình đã

xưa lắm rồi, thiếu gì người có người yêu khác trước khi lập gia đình, thế thì tại sao mình lại phải dối trá? Nhưng tôi cũng tự trả lời là tôi đâu có dối trá điều gì, tôi chỉ không kể hết chuyện mà thôi. Không nói hết sự thật đâu có nghĩa là dối trá, và đâu có phải là một tội phạm. Tôi không hiểu sao tôi lại cảm thấy nóng nảy và lo lắng, bồn chồn, muốn Thanh Hằng tăng tốc độ lái xe, nhưng tôi ngồi yên. Cũng may Thanh Hằng vắn nhạc và hát theo đĩa, không gặng hỏi tôi nhiều. Tôi cũng giả vờ lắc lư người theo điệu nhạc, trong khi lòng tôi mới là cái lắc lư.

Ngày hôm sau khi tôi cầm cái thiệp business card của Dũng trên tay, tôi càng phân vân hơn. Thoang thoang mùi hoa lài trở lại trong tôi. Tôi nhắm mắt ôn lại kỷ niệm xưa. Vâng, tôi muốn. Tôi muốn gặp lại Dũng. Tôi tự nhủ tôi đâu cần phải cắn rứt lương tâm nếu tôi chỉ muốn gặp Dũng để chúng tôi kể nhau chuyện trên trời dưới bể. Chúng tôi từng là bạn, nay hội ngộ nên muốn gặp nhau để hàn huyên là lẽ thường tình. Nhưng tôi cảm thấy tội lỗi. Tôi phải tự bào chữa với một mục đích chính đáng. Tôi có thể tự giải thích là tôi cần hiểu biết nguyên do nào đã đưa đẩy chúng tôi đến ly tan. Dũng có tìm tôi không? Tâm thần Dũng có bị xáo trộn không? Trong bao lâu? Tại sao chúng tôi đã không được tin tức của nhau? Nhưng sau hơn bốn mươi năm tôi có cần biết nữa không? Biết để làm gì? Để nuối tiếc những ngày tháng đã qua? Để... nói lại tình xưa? Tôi rùng mình. Có một chút khát khao nào bao phủ thân thể tôi. Tôi dơ tay quẹt dòng nước mắt đã chảy xuống từ lúc nào.

Tôi chưa biết nên quyết định gì thì Dũng gọi tôi. Dũng muốn gặp lại tôi ở công viên bên kia khách sạn nơi Dũng mượn phòng. Tôi còn trần trụi thì Dũng bảo Dũng còn một ngày ở đây thôi. Tôi bằng lòng gặp Dũng, thay vì ghé thăm bố mẹ tôi, công việc tôi vẫn làm mỗi cuối tuần vào buổi trưa. Tôi tự nhủ sẽ đi thăm bố mẹ sau bữa ăn tối. Lộc đã đưa Lisa đi thực tập văn nghệ nên tôi không cần phải kiếm có giải thích ngay cho anh biết việc tôi đi một nơi khác chứ không phải đến thăm bố mẹ. Tôi khoác lên người cái áo ấm và cái khăn quàng có hình hoa lài. Tôi trang điểm bình thường, nhớ lại Dũng thuở xưa thường hay nói tôi không cần son phấn, nhưng tôi cũng phớt một chút màu hồng lên má lên môi, vì nếu không chắc trông tôi xanh xao lắm. Tôi nhìn người đàn bà trong gương, nửa thương hại, nửa trách móc. Tôi canh đồng hồ để không đến nơi quá sớm, hay quá muộn.

Tôi nhìn thấy Dũng khi tôi đậu xe. Anh đang đứng trên thảm cỏ xanh nơi bờ hồ thơ mộng dưới hàng liễu phủ lá dài gần xuống đất. Vần hình dáng của Dũng ngày xưa, người gầy gầy cao cao. Kỷ niệm xưa trở lại trong tâm trí. Tôi cảm thấy yếu đuối. Tôi định ngồi trên xe một lúc để tự trấn an, nhưng Dũng đã nhìn thấy tôi và bắt đầu bước về phía xe tôi. Tôi đợi anh tới gần mới mở cửa xe đi ra. Tim tôi đã bót lao đao cho đến khi anh trao tôi bó hoa lan trắng, nói anh tặng bó hoa này cho người đàn bà vẫn đẹp như thuở nào. Ánh mắt và nụ cười của anh có động lực làm nhip tim tôi nhảy loạn xạ. Tôi cảm động vì anh vẫn biết ngoài hoa lài, tôi cũng yêu hoa lan. Những chậu sứ hoa lan trong phòng khách ông bà ngoại tôi và

những chùm hoa lài trong vườn ông bà đã chúng kiến những giao thiệp, hẹn hò, nhớ nhung, giận hờn, thương yêu của Dũng và tôi. Tôi mãi nguyện anh còn nhớ kỷ niệm xưa. Chúng tôi cùng đi về phía bờ hồ, nơi có một ghé trông dưới một cây to. Chúng tôi ngồi yên nhìn mặt hồ lăn tăn nước, những cái thuyền giấy một cậu bé bỏ trôi lênh tênh trên mặt nước, những chiếc xe đẩy em bé của những cặp vợ chồng trẻ trên đường nhựa chung quanh hồ, những con chó đi theo chủ nhưng chạy lên cỏ để hít thở những mùi vị chỉ chúng biết mà thôi. Tôi chẳng biết nói gì ngay, chỉ cảm ơn Dũng đã tặng hoa, và nói tôi vẫn yêu và trồng nhiều loại lan trong nhà. Tôi ngần ngại, chưa biết tôi nên chất vấn anh hay nên nói chuyện thời tiết. Nhưng rồi tôi không cần hỏi, anh đã kể. Tôi ngồi lắng nghe chuyện anh vượt biển tháng bảy năm mất nước. Anh đã ráng tìm tôi trong nhiều năm dài. Nhưng lúc đó anh đâu biết tôi đi Mỹ. Tôi cũng tưởng sẽ đi Pháp vì bố mẹ tôi muốn qua Pháp. Mà tôi cũng đâu biết anh đã vượt biên lúc nào và đã qua Nhật thay vì qua Mỹ. Mười năm sau anh lấy vợ, nhưng rồi nỗi buồn không có con đã làm tan vỡ hạnh phúc vợ chồng và hai người dần dần xa cách nhau. Sau mười năm sống chung, anh chị ly dị. Anh không lấy vợ lần thứ hai.

“Anh vẫn nghĩ về em,” anh thì thầm bên tai tôi.

Tim tôi thổn thức. Lòng tôi trùng xuống khi anh gọi tôi bằng “em.” Hơi thở anh quá gần. Mùi hoa lan và hoa lài quyện vào nhau. Tôi chỉ biết nói “Em không ngờ...” Anh choàng tay lên vai tôi. Tôi bật khóc. Anh kéo tôi để tôi ngả đầu lên vai anh. Tôi muốn thời gian ngừng trôi. Tôi muốn sống lại ngày xưa. Tôi nhắm mắt lại.

Tôi gần như bị thôi miên theo những lời trong bài hát The Music of the Night của nhạc kịch The Phantom of the Opera.

... Let your fantasies unwind

In this darkness which you know you cannot fight...

“Em đi ăn tối với anh nhé. Minh còn nhiều chuyện để nói.”

Có phải anh mới nói,

Xin em đừng ngăn trở con tim

Mà cứ thả hồn vào thế giới phiêu lưu diệu kỳ

Hình như thế. Tôi nghe lời anh. Hồn tôi đang lâng lâng trong thế giới phiêu lưu diệu kỳ thì có tiếng chó sủa vang lên, nhắc tôi là tôi đang ở trong một công viên thành phố chứ không phải trong vườn có hoa lài của ký ức. Tôi chợt tỉnh, hình ảnh gia đình êm ấm của tôi hiện lên trí óc. Tôi bật ngồi thẳng dậy. Chỉ còn vài ngày nữa là tôi sẽ cùng Lộc và bố mẹ tôi đi tham dự bữa văn nghệ của trường trung học mà cô con út tôi có một vai trò quan trọng trong đó. Tôi không thể nào phá hoại hạnh phúc tôi đang có. Tôi yêu Lộc. Tôi đã có ba con với Lộc. Sau cuộc hẹn hò này, tôi cần về chăm sóc bữa ăn cho chồng con, đi thăm bố mẹ tôi, lo việc nhà, lo việc sở, lo những việc linh tinh trong gia đình... và tôi ý thức được là đời sống hiện tại của tôi không thể có Dũng. Tôi lắc đầu, nhìn anh một cách trấn tĩnh, “Không được anh à. Nếu anh muốn thì sau này mình có thể tiếp tục làm bạn, viết thư, và gửi thiệp Noel cho nhau. Nhưng Ngọc Hạnh không muốn thả hồn vào thế giới phiêu lưu, tuy một phần của trái tim Ngọc Hạnh rất muốn được phiêu lưu trở về những kỷ niệm xưa. Ngọc Hạnh cảm ơn anh đã gặp và giải tỏa nhiều thắc mắc cho Ngọc Hạnh. Khi qua Mỹ, Ngọc Hạnh cũng nhắn tin tìm anh mãi. Những năm đầu Ngọc Hạnh bị chơi với vì phải đương đầu với đời sống mới

trong khi không biết anh ở đâu hay còn nhớ tới người yêu cũ hay không. Ngọc Hạnh phải đi bác sĩ tâm thần một thời gian dài. Thời gian đó như một ác mộng nhưng nay đã qua. Hiện tại đời sống Ngọc Hạnh đã ổn định. Ngọc Hạnh có hạnh phúc gia đình với Lộc và ba con. Ngọc Hạnh không muốn làm gì bông bột để phá tan cái hạnh phúc Ngọc Hạnh đang có. Nếu anh gặp Lộc, Ngọc Hạnh nghĩ anh sẽ mến Lộc. Nhưng bây giờ còn sớm quá cho Ngọc Hạnh. Trái tim của Ngọc Hạnh như mới bị sét đánh. Ngọc Hạnh cần có thêm thời gian để ổn định. Nếu sau này mình tiếp tục là bạn thì Ngọc Hạnh sẽ thu xếp mời anh tới nhà.”

Dũng không trả lời, nhưng anh có vẻ hiểu và chắc anh phải đồng ý. Tôi âm thầm cảm ơn anh đã không thách thức tôi. Anh xiết vai tôi. Tôi ngồi yên. Anh và tôi yên lặng bên cạnh nhau, mỗi người hẩn u tư ý tưởng của riêng mình. Tôi nghĩ chúng tôi không cần nói nhiều thêm với nhau vì chúng tôi hiểu nhau. Con tim chúng tôi phải từ già cuộc tình xưa thêm một lần nữa. Tuy Dũng vẫn có thể làm rung động con tim tôi, tôi cảm thấy nó không bị rạn nứt như những năm tháng đầu nơi đất lạ quê người. Tôi cảm thấy như cái vết thương trong tim năm nào mới được hàn gắn lại. Lòng tôi trở nên thanh thản. Tôi không tiếc nuối đã đến gặp Dũng. Tôi cảm ơn định mệnh đã cho tôi gặp lại Dũng. Tôi hiểu rõ là hạnh phúc đang nằm trong tâm tay của tôi, chứ không phải trong duyên kiếp hay ước mong.

Lần này khi chúng tôi nói lời từ già, tôi đã tìm lại được bình an trong tâm hồn. Tôi mong Dũng cũng vậy. Tôi biết, cho Lộc và cho lương tâm tôi, tôi sẽ không cần phải suy ra một giải thích nào khác ngoài việc tôi đi tiễn một người bạn tôi mới gặp lại sau hơn bốn mươi năm xa cách. **D.T.**

DUYÊN VỚI CỎ THƠM – VÀI LỜI TIỄN CHỊ NGỌC DUNG

Nếu có ai hỏi tôi về chuyện lần đầu tôi gặp chị chủ nhiệm Cỏ Thơm thì tôi phải trả lời tôi chỉ biết đã gặp chị vào cuối năm 2011, chứ không nhớ chi tiết và không nhớ gặp ở đâu. Tuy nhiên tôi nhớ trước khi chia tay nhau thì chị và tôi có đứng đằng sau cái xe hơi của chị. Chị mở cái thùng xe ra, trong đó có nhiều sách báo. Chị hỏi tôi có đọc báo Cỏ Thơm không. Tôi trả lời là không. Chị bảo trời ơi như vậy là có một sự thiếu sót lớn lao trong cuộc đời. Tôi cười gượng gạo. Chị này ăn nói lạ nhỉ. Chị kéo trong thùng xe ra một báo Cỏ Thơm đưa cho tôi. Chị tặng tôi quyển báo này để tôi phụ bổ thêm cho cuộc đời thiếu sót của tôi. Tôi nghĩ thầm trong bụng là tôi sẽ đọc cho vui, nhưng chắc tôi sẽ không mua báo. Tôi đã chẳng sống không có Cỏ Thơm từ trước đến nay hay sao. Sau đó chị lại cho tôi thêm quyển Sài Gòn Nhớ Mưa Thương, một tác phẩm nổi tiếng của chị. Tên sách nghe lãng mạn thật. Nhưng phải nói ngay lúc ấy, tôi vẫn chưa thấy có gì thúc đẩy tôi đi con đường Cỏ Thơm.

Đó là lần đầu tôi biết chị Ngọc Dung. Tôi biết chị là chủ nhiệm Cỏ Thơm trước khi tôi biết chị là cựu nữ sinh Trưng Vương. Tôi hỏi một đứa bạn Trưng Vương, tao chẳng biết cái chị tên là Ngọc Dung ra sao, chị ấy có dễ thương không mà. Nó nói chị ấy không chơi với tụi mình đâu. Nhưng tôi thấy chị Ngọc Dung cũng chịu chơi, nghĩa là chị cũng chịu chơi với tôi. Chị ủng hộ sách tôi dịch từ *Những Tấm Lòng Nhân Ái* của Cung Thị Lan, một hồi ký mang tên tiếng Anh là *Unforgettable Kindness*, lần đầu tiên xuất bản cuối năm 2011. Chị quảng cáo sách và mua sách cho

tôi không một chút e dè. Rồi chị khuyến khích tôi tiếp tục con đường văn chương, cống hiến cho xã hội Việt Nam Hải Ngoại.

Thế là tôi bắt đầu đi vào thế giới Cỏ Thơm. Tôi bắt đầu viết cho Cỏ Thơm. Đầu đến nỗi nào, cách ba tháng tôi mới phải lo một bài. Chị phần khơi tâm thần tôi và khuyến khích tôi. Tôi tiếp tục viết cho Cỏ Thơm và đọc Cỏ Thơm quanh năm, ngoài những sách được tôi mua hay có người tặng. Đúng như chị nói, Cỏ Thơm và những cuốn sách của những tác giả Việt Nam đã làm cuộc đời tôi phong phú thêm. Xưa tôi vẫn thích thơ, nhưng rồi bận bịu chuyện gia đình, tôi quên thơ. Nay tôi trở lại thơ. Tôi thường đọc thơ trước khi đọc chuyện trong Cỏ Thơm. Có đêm vào giường nằm, lời thơ từ đâu bay tới. Sáng dậy tôi có thể nhớ lời thơ, có thể quên. Một lần tôi nhận lời dịch bài *Quà Tặng* của văn thi sĩ Trần Mộng Tú, viết cho cháu ngoại Oliver Tam Thế. Trong bài có câu "Bà biết đây là một bài thơ do một thiên thần nào đó thương, gửi xuống từ trời tặng riêng cho bà, không phải do bà sáng tác." Nhiều khi tôi cũng có cảm tưởng giống vậy, cảm thấy như có thiên thần gửi lời thơ đến cho tôi. Tôi không còn ý nghĩ xa lìa Cỏ Thơm nữa.

Khi chị chủ nhiệm Cỏ Thơm nói báo sẽ ra ba lần thay vì bốn lần một năm, tôi cũng hơi buồn nhưng tự nhủ là mỗi bốn tháng mới phải lo một bài, có thể cũng tốt vì có nhiều khi tôi chẳng có ý viết, chắc tiếng Mỹ gọi là "writer's block." Rồi mới đây chị từ chức chủ nhiệm. Tôi cũng hơi buồn. Nhưng tôi biết chị sẽ không từ chức nếu không có người tiếp tục phục vụ Cỏ Thơm một cách hoàn hảo tốt đẹp. Tôi biết vậy vì có lần tôi đến nhà chị, chị cho tôi coi những tấm bìa Cỏ Thơm chị đã phải loại vì màu sắc không hoàn hảo. Chị phải lái xe từ Virginia qua Maryland để xem

xét và chấp nhận những tấm bìa in thử, nhưng không vì vậy mà chị chấp nhận bìa không hoàn toàn về màu sắc đối với con mắt mỹ thuật của chị. Ôi chu chóa, đó chỉ là một phần nhỏ của những công việc của một người chủ nhiệm Cỏ Thơm. Chỉ việc layout không thôi chắc hẳn là choán rất nhiều thì giờ, nhất là cho một người có kiểu "perfectionist" như chị Ngọc Dung.

Tôi hiểu chị cần nghỉ ngơi. Chị đã phục vụ Cỏ Thơm một cách tận tình trong hai mươi năm trời. Chị đã tốn nhiều công sức. Chị đã có công với con đường văn bút không những bằng sáng tác của riêng chị, mà còn bằng những khích lệ chị dành cho những người đi sau như tôi. Tôi mừng cho chị. Chị biết khi nào phải làm, khi nào phải nghỉ, như người đánh bạc biết "when to hold 'em" và "when to fold 'em." Chị đánh đúng giá trị những gì cần thiết cho cuộc đời. Cỏ Thơm đã làm phong phú thêm nhiều cuộc đời, không phải chỉ riêng cuộc đời của chị, hay của tôi, mà cũng của tất cả những người cầm bút, của những độc giả đã cổ vũ và ủng hộ Cỏ Thơm từ bao năm qua. Nhưng rồi thời gian tiếp tục trôi và có một lúc nào đó, giá trị của sức khỏe và thời gian cần dành với con cháu sẽ cao lên và đến lúc đó, ngọn đuốc soi đường phải cần được đưa trao cho thế hệ tới.

Chị Ngọc Dung mến, mong chị mãi "chịu chơi." Cầu mong Cỏ Thơm sẽ tiếp tục ngát hương trong bốn mùa và tiếp tục là nguồn phong phú cho văn chương Việt Nam, là khích lệ cho những người đi sau, là nguồn vui cho độc giả. Chúc chị những ngày tháng an bình, vui thú cùng con cháu, có dịp du ngoạn thêm, và hưởng thụ những vẻ đẹp của thế gian.

DIỆM TRẦN
(Tháng 12 năm 2017)

CHÚC MỪNG NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG VỀ HƯU CỎ THƠM

Tác Lòng

* Kính tặng
Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung

*Hai mươi năm góp với đời
Tám mươi số báo tuyệt vời : Cỏ Thơm
Tác lòng gắn bó keo sơn
Để bao kỷ niệm mãi còn nơi đây!*

Nguyễn Kinh Bắc
(8-11-17)

+++++

10/23/2017

Chi Ngọc Dung thương,
Chị là Chủ Nhiệm tài đức vẹn toàn. Chị đã lèo lái Cỏ Thơm thành công vượt bực và đã cống hiến cho nền Văn Học Hải Ngoại nhiều thơ văn rất giá trị. Cảm ơn chị đã hy sinh và lo cho Cỏ Thơm cả 20 năm qua.

Em thương chúc chị luôn vui mạnh và hạnh phúc thật nhiều với con cháu.

Thương mến,
Em, **Uyên Phương Minh Nguyệt**

+++++

Chị Ngọc Dung yêu quý,

... Em viết truyện ngắn này đặc biệt riêng tặng cho chị Ngọc Dung. Đánh dấu quãng thời gian rất dài chị em chúng mình hợp tác với gia đình Cỏ Thơm thân yêu.

Em không biết nói gì hơn là chân thành cảm ơn sự quan tâm của chị Ngọc Dung đối với em trong suốt những năm tháng qua. Đã cổ vũ, khuyến khích những khi em "lười" viết quá! ☺

Được cộng tác với Cỏ Thơm là một niềm vui, niềm vinh hạnh lớn cho em. Thương chúc chị Ngọc Dung nhiều sức khỏe và không thiếu niềm vui cũng như hạnh phúc trong những ngày "về hưu non." "hihihi".

Em, **Tiểu Thu**

+++++

10/20/2017

Ngọc Dung thân mến,
Nhận được " Thông Báo " của Ngọc Dung mình bàng hoàng trong giây lát! Mới đây thôi mà đã 20 năm qua rồi sao? Chẳng trách đời người cũng chỉ bằng thời gian " nấu một nồi kê " !

Tú Nhật sẽ tiếp tục ủng hộ Cỏ Thơm, chỉ mong sao sau lần " facelift " này Cỏ sẽ Thơm hơn và tươi đẹp hơn nữa.

Chúc Ngọc Dung an hưởng những ngày tháng rong chơi cùng con cháu, ráng giữ gìn sức khỏe, chúng mình sẽ lại gặp nhau.

Tú Nhật
(Maryland)

+++++

10/20/2017

Chào quý anh chị em trong gia đình Cỏ Thơm,

Hoan nghênh tinh thần phục vụ Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam của Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung qua gần 20 năm . Vừa bảo trì tạp chí Cỏ Thơm, vừa giữ được thân tình văn thi hữu và thân hữu trong đại gia đình Cỏ Thơm. Đối nội và đối ngoại chu toàn tình ưu ái và thân mến với tất cả mọi người.

Tôi rất tâm đắc với sự chuyển giao trách vụ Chủ Nhiệm tạp chí Cỏ Thơm cho anh Phan Anh Dũng. Người mà ai cũng nhận biết tinh thần phục vụ Văn Học Nghệ Thuật nâng giá trị tạp chí Cỏ Thơm từ bình diện hẹp lên không gian rộng . Cỏ Thơm đang được chấp cánh bay vào hành trình mới Nhân Ái và Hy Vọng với tất cả tin yêu bảo tồn Văn Hóa Sử Việt Nam.

Chúc quý anh chị và gia đình luôn an vui và mọi việc đều tốt đẹp.

Quý mến,
Cao Nguyên
(Maryland)

+++++

10/20/2017

Thân Gửi Chị Ngọc Dung,

Kính Thăm Chị, TN đã nhận được Cỏ Thơm số 79 mấy ngày trước, muốn viết thư thăm Chị và Cảm Ôn Chị cho đăng bài Thơ Chúc Thọ 80 Tặng Chị Nhung, Chị Ngọc Dung trình bày cho đẹp quá chưa Cảm Ôn Chị ngay vì mấy Cháu về chơi .

Hôm nay đọc email Chị gửi Thông Báo Chị nghỉ ngơi An Nhàn, TN Xin Chúc Mừng Chị có Nhiều Thời Gian cho riêng mình, Chị có Nhiều Niềm Vui Bên Con Cháu và dịch Những Lá Thư Viết Cho Người Tình Của Chị Thật Nồng Ấm Chân Thành Dễ Thương ... Xin Cảm Ôn Tác Giả Nhiều đã Chia Sẻ cùng Thân Hữu chuyện đời mình thật cảm động ...

TN Rất Ngưỡng Mộ Chị Ngọc Dung Nhà Thơ Nhà Văn Chủ Bút Cỏ Thơm Một Người Chân Thành Tài Hoa...

Miệt Mai Làm Văn Hóa Phát Huy Tinh Thần Văn Học Nghệ Thuật, Những Tác Phẩm Của Chị Là Những Đóa Hoa Ngát Thơm Tư Tưởng tràn đầy An Tĩnh ...

TN cũng như Các Thi Hữu Xin Chúc Chị Sức Khỏe Hạnh Phúc ... Chị Ngược

Dòng Thời Gian Dịch Lại Những Lá Thư Tình Chị Vui, Bâng Khuâng Nhưng Đùng Buồn Chị nhé .

Trăm năm Mộng trắng tơ trời
Chút Duyên đồng điệu gửi Người Tri Âm ..

Thân Chúc Chị Ngọc Dung Sức Khỏe Hạnh Phúc ... Nhân Du Thiên Hạ, Thêm Tác Phẩm Mới ...

Thân Quý,
Tuệ Nga
(Seattle)

MỘT ĐÓA HỒNG

Thân Tặng Chị Ngọc Dung

Chị Dung, Mừng Chị thành thoi
Tuổi Vàng, Hoa Nắng ... Gió trời lảng lảng
Một Khoảng Trời Riêng, bâng khuâng
Thư Tình Ai Viết bên ghềnh Suối Mơ
Chị Viết Văn, Chị Làm Thơ,
Hai Mươi Năm, Đã Có Thờai Phúc Duyên
Nhớ Người với Nụ Cười Hiền
Chúc Người sớm Dịch trọn Thiên Sử Tình
Ngoài vườn sương sớm lung linh
Trong Thơ ảnh hiện bóng hình Ngọc Dung,
Tặng Người Một Đóa Hoa Hồng
Vẽ Trong Thơ Cả Tấm Lòng Mến Yêu ...

Tuệ Nga

+++++

Vài Hàng về Văn Thi Sĩ Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tôi dọn đến Maryland tháng June, 2002 và ít lâu sau đó thì gặp Chị Ngọc Dung trong bữa tiệc Hội Cựu Học Sinh Trung Học Phan Thanh Giản. Chúng tôi ngồi cùng bàn với Chị Ngọc Dung và Anh Đỗ Ngọc Phú đã giới thiệu tôi với chị Ngọc Dung. Truyện ngắn đầu tiên tôi gửi đến Chị Ngọc Dung là truyện Xung Tội. Tôi gặp lại Chị Ngọc Dung trong buổi họp mặt ngày phát hành Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm ở tư

gia Anh Nguyễn Quốc Khải. Ngay buổi chiều hôm đó Chị Ngọc Dung đã gọi điện thoại cho tôi với những lời khuyến khích và nhân mạnh nhiều lần là mọi người trong Cỏ Thơm sinh hoạt với nhau như trong một gia đình. Những cử chỉ này cho tôi thấy Chị Ngọc Dung quan tâm đến mọi người. Chị Ngọc Dung là một nhà văn, một thi sĩ với nhiều tác phẩm. Tôi đặc biệt thích cuốn *Phượng Vần Nở Trên Trời Hà-Nội* và bài thơ *Em Vũ Trụ*

Tôi hân hạnh được quen biết Chị Ngọc Dung và được sinh hoạt trong gia đình Cỏ Thơm.

Thành thật chúc Chị vui hưởng những ngày về hưu êm đẹp và hạnh phúc bên con cháu cùng bạn bè.

Phạm Hữu Bình
(12/05/2017)

+++++

10/20/2017

Diễm Châu cảm ơn chị Ngọc Dung đã thông báo.

Mến chúc tất cả các anh chị luôn có sức khỏe & vẫn góp mặt đều đặn với Cỏ Thơm. Thương chúc chị Ngọc Dung có thêm thời gian thư giãn.

Anh Phan Anh Dũng sẽ bận rộn hơn... nhưng mong rằng anh sẽ có nhiều niềm vui trong công việc bên cạnh vợ hiền & các bạn hữu chung quanh.

Tiếc rằng DC không được ở gần để tiếp tay các anh chị 1 cách thiết thực hơn.

Chúc mừng sự thay đổi nhỏ dù cũng có chút băng khuâng... chị Ngọc Dung.

Diễm Châu
(California)

++++

10/21/2017

Thưa chị Ngọc Dung,

MG rất cảm phục chị Ngọc Dung đã lèo lái Cỏ Thơm trong suốt 20 năm, và một dịp có duyên với Cỏ Thơm, Giang đã được chị nhận thành viên của CT, Chị đã hướng dẫn cách làm thơ cho đúng luật

Giang kính chúc chị được nhiều sức khỏe, an hưởng tuổi vàng, và Cảm ơn NS Phan Anh Dũng, cùng các Anh, Chị, Em tiếp tục điều hành CT trong tương lai.

Kính chúc Quý Anh, Chị, Em mọi sự an lành .

Thân quý,

Đỗ thị Minh Giang
(Louisiana, USA)

+++++

10/21/2017

Kính chào chị Ngọc Dung

Những người còn quan tâm đến Văn Học VN ở Hải Ngoại phải vinh danh chị. Chị đã bỏ nhiều thì giờ nuôi dưỡng Cỏ Thơm suốt một thời gian dài hơn 2 thập niên. Bây giờ chị muốn dành thời gian cho tuổi đời không còn như xưa. Chúng em kính chúc chị dồi dào sức khỏe vui với con cháu và không quên các bạn hữu từng cộng tác với chị.

Kính chào

Đại Hoa Munich

+++++

10/22/2017

Cô Dung,

Tôi đã đọc Cỏ Thơm số 79, số mùa Thu 2017. Tập báo khá phong phú. Tôi có ý nghĩ là Cỏ Thơm càng lúc càng đặc sắc. Quả đáng mừng. Thường cũng giống như con người càng về già, sức sống càng dung nhan có kém đi nhưng Cơ Thơm càng sống lâu lại càng thoát khỏi thông lệ đó. Tuyệt vời, thật đáng khen, đáng ngưỡng mộ.

Qua thông báo của Cô, Cô cho biết nhường quyền Chủ Nhiệm cho anh Phan Anh Dũng vì Cô đã quá nhiều năm hoạt động cho Cỏ Thơm, nay tuổi cao nên nhường cho người trẻ để được an nghỉ trong số tuổi đời còn lại. Cũng là đúng thời nhưng bao người từng hâm mộ Cô cũng thấy tiếc sao ấy. Tôi cùng tâm trạng đó.

Nhưng với vai trò cố vấn, chắc Cô vẫn còn nặng nợ với Cỏ Thơm, với văn học nghệ thuật. Anh Phan Anh Dũng, tôi tin với nhiệt huyết và đam mê nghệ thuật chắc sẽ đưa Cỏ Thơm lên từng bước cao hơn với Tòa Soạn lâu nay đã nhiều tận tâm, tận lực khiến Cỏ Thơm càng ngày càng tiến.

Những "Thư viết cho người tình" của Cô trong Cỏ Thơm 78, 79 dễ thương lắm, giản dị, thực thà, chơn chất. Người yêu R.A.S của Cô hẳn rất vui về mối tình bên bờ, sát son. Lớn tuổi mà tình vẫn trẻ, quả đáng quý. Tôi tin rằng tuổi già của Cô sẽ ãi êm đẹp, ấm cúng vì tình người nơi Cô luôn nồng ấm, đậm tươi.

Nhớ về Cỏ Thơm là nhớ về Cô, nhớ về Cô là nhớ về Cỏ Thơm. Cô và Cỏ Thơm là Một. Gởi Cô và Cỏ Thơm lời thơ ngô nghê, mộc mạc:

Cỏ Thơm lần giờ trước đèn (mượn lời Nguyễn Du: Cỏ Thơm lần giờ trước đèn)
Dù bao xa vắng vẫn mềm...trương tư.

Trao về Cô và Tòa soạn Cỏ Thơm tất cả mọi tình cảm đẹp của người văn nghệ. Tôi tin Cỏ Thơm với anh Phan Anh Dũng và Tòa Soạn lâu nay sẽ tiếp tục phát huy nền Văn hóa dân tộc càng lúc càng lên độ cao để góp phần cùng bao cơ quan văn hóa khác ở hải ngoại hầu mai đây tất cả người Việt cùng thấy Hồn Văn Hóa Việt Nam nở hoa 'để dựng lại giữa cảnh đời tan tác, Bản thanh âm vang động tiếng Em cười' (em là Việt Nam).

Nguyễn Thùy
(France)

+++++

TƯỜNG NHƯ VẤN NGÀY NÀO

Tin chị Ngọc Dung chủ nhiệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm làm số báo chốt rồi nghỉ hưu, nhường lại trách nhiệm của chị cho Nhạc sĩ Phan Anh Dũng làm tôi hơi ngạc nhiên. Tôi nghĩ, chị còn khoẻ mà sao đã nghỉ hưu, và lại tờ báo Cỏ Thơm là niềm đam mê của chị và là công việc quá quen thuộc. Bao năm qua, với chị dường như quá dễ dàng, không có vẻ mệt nhọc gì cho lắm mà sao chị lại ngừng ngang như vậy.

Tôi bèn có một màn phỏng vấn chị.

-Màn rằng mà chị lại ngưng làm Cỏ Thơm để muốn nghỉ hưu vậy?

Chị than thở

-Mệt rồi Hồng Thủy ơi! Lớn tuổi rồi, tới lúc phải nghỉ thôi.

-Với chị chuyện làm báo Cỏ Thơm quen quá rồi, em nghĩ có vất vả gì đâu?

-Trời ơi, vất vả lắm chứ, phải đọc bài, layout, lo đủ thứ. Mình lớn tuổi rồi.

Nghe chị cứ nhắc tới hai chữ lớn tuổi, tôi giật mình, ừ nhỉ, chị hơn tôi 2 tuổi, như vậy tôi cũng lớn tuổi rồi chứ bộ. Trên 7 bó là già rồi, đảng này lại còn càng ngày càng xích gần cái anh chàng tám bó, nghe ớn bỏ xừ. Nghỉ hưu là phải. Tôi quên mất chúng tôi cũng thành lão bà hết rồi.

Lý do đáng trí về vấn đề tuổi tác vì tôi quen chị từ lâu lắm. Nhớ lại cái thuở ban đầu của chúng tôi khoảng hơn 30 năm về trước. Tôi gặp chị ở nhà anh chị Hoàng Quý Nam-Minh Trân. Minh Trân giới thiệu chị với tôi nguyên văn như sau.

- Đây là vợ cũ của ông ...

Tôi tròn mắt ngạc nhiên nhìn người đàn bà nhỏ nhắn xinh xắn. Ông ... là một nhà văn nổi tiếng ai cũng biết, ông viết văn hay mà lại rất hào hoa bay bướm.

Minh Trân nói thêm:

-Chị Ngọc Dung cũng học Trung Vương đấy.

Tôi ‘vô’ lấy chị ngay.

-Chị học TV hả, vậy mà chả bao giờ thấy chị đi họp mặt TV.

Chị cười rồi tâm sự

-Tại ông xã sau của mình là người Mỹ, nên mình ngại ra ngoài gặp gỡ sinh hoạt với người Việt.

Tôi bèn thuyết phục chị đi sinh hoạt với chị em TV chúng tôi. Tôi xin chị số phone và sau đó rủ rê chị gia nhập gia đình TV vùng HTĐ. Những năm sau đó, không những chị chỉ tham dự những buổi họp mặt TV mà còn trở thành một trong những người năng nổ hoạt động của gia đình TV vùng HTĐ nữa. Mỗi lần gia đình TV tổ chức họp mặt, tôi đều bị các bạn giao phó cho nhiệm vụ lo tờ Đặc San. Nhắc tới tờ Đặc San, tôi có một kỷ niệm thật vui với Chị Ngọc Dung. Bài tùy bút đầu tiên chị gửi cho tôi, có đoạn tả tấm ảnh kỷ niệm của gia đình chị. Khi viết về mọi người trong tấm ảnh, chị viết một câu tả chân về cậu em nhỏ thật vui, ‘Em tôi ngồi để hở cả chim ra’. Chắc lúc đó chú em baby của chị còn mặc quần có cửa sổ. Thời gian đó tôi còn bảo thủ và cổ lỗ sĩ lắm, khi đọc câu đó tôi hơi hẫ nên thương lượng với chị nên bỏ câu đó đi. Lâu ngày quá, bây giờ cả hai chị em tôi đều không nhớ kết quả chị có chịu bỏ câu đó đi không.

Mấy năm sau, phu quân của một người bạn thân của tôi, Tiến sĩ Lưu Nguyễn Đạt làm tờ Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom, anh mời tôi cộng tác. Tôi viết bài ngay cho số đầu tiên của |Cỏ Thom. Sau đó tôi rủ Chị Ngọc Dung viết bài và giới thiệu chị với anh Lưu Nguyễn Đạt. Chị cộng tác với Cỏ Thom từ ngày ấy cho tới bây giờ. Chị đã

dành rất nhiều thì giờ để o bế, nâng niu tờ Cỏ Thom cho Cỏ Thom xứng đáng là một tờ báo Văn Học có giá trị .

Vì cùng sinh hoạt với nhau trong gia đình TV vùng HTĐ và cùng có duyên nợ với tờ Cỏ Thom nên chúng tôi gặp nhau rất thường xuyên. Gặp nhau hoài, nên không để ý đến sự đổi thay trên nét mặt của nhau từ tuổi thanh xuân cho đến tuổi già. Lại thêm cái tinh thần hồn nhiên vui nhộn của thuở học trò TV lúc nào cũng đầy ắp trong những buổi họp mặt thường xuyên hàng tháng của chúng tôi. Do đó tôi cứ tưởng chúng tôi mãi trẻ trung như cái thuở ban đầu của ngày hai chị em gặp gỡ nhau. Khi chị Ngọc Dung tuyên bố muốn nghỉ hưu, tôi mới chợt nhận ra sự thật phũ phàng, tuổi già đến từ lúc nào mình cũng không hay .

Chúng tôi cùng già rồi, cùng đến lúc phải nghỉ ngơi. Bất dưng Chị Ngọc Dung đó, bỗng dưng chị làm em chợt thấy mình già. Ừ nhỉ, em cũng phải nghĩ đến chuyện hưu thôi. Em sẽ phải từ từ cắt bớt những ràng buộc, những vướng mắc duyên nợ với sinh hoạt quanh mình. Em phải tập bỏ đi cái tính ‘cả nể’ mới được. Bắt đầu từ ngày mai, em sẽ tập đánh vần chữ ‘không’ cho thật nhuyễn, để có thì giờ rảnh rỗi vui hưởng quãng thời gian quý giá còn lại của mình.

Cám ơn Chị Ngọc Dung, xin chúc chị vui khoẻ mãi mãi để những ngày tháng tới là những ngày tháng đẹp của cuộc đời.

HỒNG THỦY

(12/14/2017)

THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Đề tưởng nhớ người yêu tuyệt vời, R.A.S. của tôi.)

Nguyễn Thị Ngọc Dung

(Dịch từ những lá thư Anh ngữ cũ.)

Sài Gòn, thứ bảy 18-04-1970

Anh yêu,

Em quên không hỏi anh về truyện anh viết. Anh viết những gì? Truyện ngắn hay truyện dài vậy?

"Nhà văn dễ thương của em, anh nghĩ gì về chiến tranh trên quê hương em với hòa tiến VC nổ và bao nhiêu người bị chết ngày, đêm? Pháo lực cơ gầm rống hoai trên bầu trời? B52 thả bom rung chuyển mặt đất mỗi ngày? Anh nghĩ gì về sự đổ nát tại làng xóm miền quê mà đồng bào em ở đó rất nghèo đến nỗi không cả cái nhà cầu. Anh nghĩ thế nào về các di tích và phong cảnh Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế, Vũng Tàu, Cần Thơ và nhiều địa danh khác anh đã từng đặt chân tới? Nếu anh muốn viết về Việt Nam, anh sẽ có nhiều đề tài lắm. Truyện của anh sẽ có nhiều loại nhân vật và nhiều địa danh như em nhắc nhở anh ở trên chăng? Em sẽ hân hạnh được đọc truyện của anh đăng trên nhật báo hay tuần báo nào đó lắm... Em tin rằng nhà văn em yêu và yêu em sẽ nổi tiếng. Nếu anh muốn là nhà văn nổi tiếng anh phải cưới em sớm mới thành công."

Ồ, anh yêu, em nói giỡn thế thôi, em đã là vợ anh từ lâu rồi mà!

Yêu anh rất nhiều.

D. -----

19-04-1970

Anh yêu,

Hôm nay là đúng 3 tháng anh rời Sài Gòn. Anh có biết em buồn và cô đơn đến thế nào không? Em đang một mình trong phòng với bao kỷ vật của anh để lại. Em có cảm tưởng như anh mới rời đây đi Đà Nẵng hôm qua và sẽ trở lại thăm em cuối tuần sau. Cái máy thu nhạc đang phát ra những bài hát Việt Nam thấm thía buồn. Cái máy chữ bị khóa từ lâu, chẳng ai sờ đến nó ngoài em. Cái TV và radio yên lặng trên bàn em đang viết thư cho anh. Em sẽ xem chương trình ca nhạc Việt Nam trên TV trong nửa giờ nữa. Có thể em sẽ thu vài bài hát hay mà em thích.

Em vui mừng anh dọn tới nhà ba mẹ anh và kiên nhẫn chờ đợi công vụ mới. Em sẽ trung thành với anh và không bao giờ bỏ anh.

Tối qua em đi party với Cúc và cô bạn hàng xóm. Phần lớn những người đàn ông Mỹ ở đó đều là những "ông bự" làm ở sở Cúc. Họ đều đứng tuổi và không ai có vẻ thanh nhã như anh. Em nói chuyện và khiêu vũ nhiều. Em yêu cầu họ để nhạc kích động nhộn nhịp để không ai ôm được em. Vài ông khen em lịch sự và nói rằng rất tiếc em không làm ở sở của họ, JUSPAO (Joint United States Public

Affairs Office). Em luôn luôn giữ ý tứ để mọi người nghĩ anh có bạn gái lịch sự. Anh không xấu hổ về em.

Em vừa thay băng nhạc mới thu được từ TV...

Hôm nay em sang chơi nhà mẹ em cả ngày. Các con em ở nhà với bà nội chúng. Bà về chơi với chúng hai ngày cuối tuần. Em cho phép Thủy và Sơn đi bơi ở hồ tắm Chi Lăng gần nhà với bạn. Chúng đã biết bơi từ nhiều tháng nay.

Em trai của em vừa đi du học Mỹ hôm thứ năm. Em gái của em sẽ lấy chồng cuối năm nay.

Anh yêu, em xin lỗi đã thúc giục anh làm đủ mọi chuyện mà chuyện gì cũng phải cần thời gian. Nhưng hãy hiểu rằng em nhớ anh và yêu anh đầy thôi. Em mong anh vẫn có việc làm hải ngoại với Bộ Ngoại Giao.

Em yêu anh và chúc anh một đêm có mộng đẹp.

D.

Sài Gòn, 21-04-1970

Anh yêu,

Em rất tiếc, anh không cảm thấy thoải mái ở nhà ba mẹ anh và anh đã gặp nhiều phiền hà. Khi chúng ta chung sống với nhau, em sẽ săn sóc anh kỹ lưỡng và anh sẽ hài lòng, để đền bù anh vất vả vì em. Nếu anh phải đi nước ngoài vài tháng em có thể hỏi bà ngoại trông Hân và Phong với người làm của em. Thủy và Sơn sẽ ở với ba chúng. Ông ấy không thể giữ bốn đứa được. Chúng ta sẽ gửi tiền về lo cho chúng.

Anh không cờ bạc, rượu chè, đi *night club*, anh có việc làm tốt, chúng ta sẽ không

giàu, nhưng không nghèo. Thầy bói nói rằng (đừng cười em nhé) người chồng của em sẽ là một người tốt, hấp dẫn lắm. (Thế nên em mới yêu chứ.) Em sẽ có tiền khi em 32 tuổi. Bây giờ em 31 rồi. Một năm nữa tương lai chúng ta sẽ sáng sủa hơn. Chúng ta là người tốt. Thượng Đế sẽ cho chúng ta những gì chúng ta đã mất. Anh có nghĩ thế không?

Tối hôm kia, em đếm những thư anh đã viết cho em, tất cả 40 cái, kể cả cái em vừa mới nhận được cách đây hai giờ. Thư anh viết có thể đóng thành một quyển sách đấy. Em đọc đi đọc lại hoài. Thư anh an ủi em rất nhiều những lúc cô đơn và nhớ anh.

Em quên không nói thêm với anh vài điều về cuộc đình công tại RMK. Em không biết về những công nhân làm việc ở công trường, nhưng những nhân viên ở sở trung ương thì rất là vui vì được tăng lương 10% tuy nhiên họ than phiền rằng bị trừ một tuần lễ lương vì đình công, không đi làm. Những nhân viên Việt Nam làm việc tại các sở Mỹ khác cũng được tăng lương 10%, nhưng họ không mất một tuần lễ lương vì họ không đình công.

Em không có bản đồ USA. Anh gửi cho em một cái nhỏ, để em theo dõi những chuyến đi công tác của anh. Khi sang Mỹ, em sẽ học lịch sử và địa dư Mỹ để hiểu biết về nước Mỹ nhiều hơn. Em sẽ nấu món ăn Việt Nam nếu em có thể tìm thấy đủ vật liệu và gia vị. Nhưng em nói trước, em không đơn thuần là bà bếp của anh đâu nhé. Em muốn là người tình của anh suốt đời nữa. Anh sợ em không?

Hẹn gặp anh thư sau. Yêu anh.

D.

Sài Gòn, Thứ hai 27-04-1970,

Anh yêu,

Tối qua không hiểu sao em bỗng cảm thấy nôn nao lạ thường. Em đoán có thể anh đang nghĩ tới em hay là anh sắp tới Sài Gòn, ngày mai hay một tuần nữa. Có thể em có cảm tưởng vậy vì 5 ngày nay em không nhận được thư anh. Em nhớ anh, em cũng nói vậy với Cúc khi cô nàng đến nhà rủ em đi một vòng quanh Sài Gòn. Em cứ mang quần áo mặc nhà và nhảy lên xe Cúc lái vào Chợ Lớn. Cúc ngừng lại một góc đường. Mỗi đứa ăn một tô mì. Em cảm thấy khỏe người lại. Cúc đưa em trở lại và vào nhà, chuyện gẫu với em đến 11 giờ khuya mới ra về...

Một cô gái trẻ vừa đem tới cho em hai cái thư. Em chờ thư của anh mỗi ngày dù thư đó không đem tới tin vui. Đừng viết cho em nhiều mỗi cái, nhưng vài ngày nhận được một thư của anh là em vui rồi. Em hứa rằng sẽ không hỏi anh bao giờ trở lại Sài Gòn nữa, vì anh không thể rời công việc hay bỏ việc được. Hãy đợi có công vụ thì hãy về Sài Gòn cho đỡ tốn kém. Em sẽ kiên nhẫn đợi anh. Mong anh cũng không buồn khi em đi chơi hoài cho khuây khỏa. Em không bao giờ đi đâu riêng với một người đàn ông nào. Em thường đi với hai ba bạn gái và vui cả đám. Cúc luôn luôn nói rằng chẳng bao giờ Cúc gặp một người lịch sự, đàng hoàng như anh và G. Cúc cũng luôn luôn nói với mọi người em là người bạn tốt và lịch sự của cô ta. Anh tin như thế chứ?

Janie mời em tối nay đến nhà cô ấy ăn cơm. Ông Đ. bạn anh sẽ đến đón em ở VAA và đưa em đến Janie. Ông ta là người đàng hoàng và đáng tin cậy. Đ. gửi lời thăm anh.

Sài Gòn mấy hôm nay êm lặng, không nghe rockets của VC. Em ngủ dưới nhà cả tuần, tối nay em lên lầu ngủ lại. Nhưng em không để Thủy lên lầu ngủ với mẹ vì nếu rockets rớt em không bẽ kịp cạy cả xuống nhà. Tối qua Phong đau cũng đòi lên ngủ với mẹ. Em giải thích, Phong cũng chịu nghe ngay.

Vâng, em đã nhận hai thư của anh từ Cincinnati. Câu tiếng Việt của anh rất đúng. Nhưng nếu anh muốn nói với em, anh phải thay chữ "EM" bằng chữ "ANH" như thế này: ANH nhớ mình lắm. ANH muốn mình hôn ANH.

Vợ chồng Việt thương yêu nhau gọi nhau là "MÌNH". Mình có nghĩa như dear, love, honey, chéri, chérie... Bạn bè thân nhau cũng tự xưng là "mình".

Đừng cười em, khi thấy em viết nhiều lỗi trong thư như thường lệ nhé.

Je t'aime, mon chéri.

D.

Sài Gòn 29-04-1970

Anh yêu,

Em nghĩ rằng anh không nên về Sài Gòn tháng 6 này nếu anh phải bỏ việc, hay chỉ thăm em vài tuần. Hãy đợi đến khi anh được phép cưới em thì hãy về đây và đem em đi theo bất cứ nơi nào anh có việc. Đừng bỏ việc làm của anh ở Bộ Ngoại Giao. Em hãnh diện sẽ là vợ một nhà ngoại giao.

Em biết rằng sau vụ ly dị anh cũng chẳng có nhiều tiền gì. Nhưng em không ngại đâu. Chúng ta sẽ sống theo hoàn cảnh, không ăn tiêu hoang phí thì sẽ không bao giờ thiếu thốn cả. Chúng ta chỉ cần có cái xe. Em sẽ sung sướng lắm với người

yêu của em lái xe và em ngồi bên cạnh. Em luôn luôn nghĩ tới đời sống của chúng ta trong tương lai. Em sẽ làm bữa sáng, bữa trưa và bữa tối với món Việt Nam cho anh. Anh thích thế không?

Sài Gòn đang nóng lắm. Vài tuần nay không có mưa. Tối qua Thu và Huyền, hai người bạn trong xóm sang chơi. Ba người không lên lầu mà đem ghế ra ngồi ngoài hiên nói chuyện. Ngồi đèn gần nhà ồn ào cúng lễ. 11 giờ đêm em mới đi ngủ. Sáng 5 giờ em đã thức dậy và đến sở sớm, 7:15.

Em mừng cho anh vui ở với ba mẹ và ông bà vẫn thương anh. Em đồng ý, anh không nên nói với ông bà về chuyện chúng ta. Đợi khi nào có việc chỉ định và dọn ra anh hãy nói với ông bà, cả việc anh sẽ cưới em nữa. Đừng làm cho ông bà lo lắng khi mọi chuyện chưa đi tới đâu.

Em rất thích thú anh có cảm hứng viết truyện về em. Đúng thế, lâu không viết anh thấy hơi khó viết nhất là tiểu thuyết, nhưng nếu tiếp tục viết trong một hai tuần anh sẽ thấy dễ hơn. Chuyện của chúng ta chưa kết thúc, thì tiểu thuyết của anh cũng hãy để dở dang cho có vẻ lãng mạn, độc giả ngâm ngùi. Chúng ta sẽ kết thúc nó đẹp trong đời thực của chúng ta. Việc làm của anh là quan trọng. Anh hãy để tâm vào đó.

Em yêu anh. Hẹn gặp anh thư sau.

D.

Sài Gòn 02 tháng 05, 1970

Anh yêu,

Em nghĩ rằng anh đã từ Washington trở về Chicago.

Hôm qua là ngày Lao Động Quốc Tế, em không phải đi làm. Dĩ nhiên là anh

cũng được nghỉ? Em ở nhà cả ngày. Buổi sáng em sửa quần áo cho Hân và Phong. Chúng đến nhà bà nội ở chơi đến Chủ nhật mới về. Buổi chiều em mua hai tập tuần báo và đọc giải trí những lúc không có thư anh. Buổi tối em tập đánh máy hai giờ. Anh biết đấy, nếu muốn có việc thư ký lương cao hơn em phải đánh máy 50 chữ một phút mà nhiều lắm 1 hay 2 lỗi thôi. Em chỉ mong cái tốc độ 45 chữ khi thi thì đã mừng lắm rồi.

Sau cơm tối, Thu và Huyền sang nhà em nói chuyện và họ ra về lúc 10 giờ. Chị của Kim (Indonesia) cũng ghé thăm em và hỏi về tương lai của em và anh. Em nói rằng chúng ta sẽ cưới nhau. Nhưng em không biết bao giờ và sẽ tại đâu.

Em quên không nói, tối qua em xem TV, thấy Ông K. bạn anh ở Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam. Ông ta nói về tình hình công nhân tại Việt Nam. Nếu anh còn là Tùy Viên Lao Động ở đây hôm qua anh sẽ bận lắm nhì. Sài Gòn yên tĩnh trong ngày Lao Động Quốc Tế, không có công nhân biểu tình trên đường phố...

Tại sao anh lại nghĩ anh không giúp người được. Anh là một phóng viên, một viên chức tốt. Anh đóng thuế cho chính phủ. Đó là anh đã làm việc cho người rồi và ít nhất là anh đã giúp em và các con em vui. Em yêu anh và anh yêu em.

Hôm nọ em và Cúc đi xem bói. Bà thầy bói nói rằng "em sẽ xuất ngoại tháng 9 này. Anh sẽ cưới em, chúng ta sẽ có hạnh phúc, sống với nhau mãi mãi. Bây giờ anh chưa hài lòng với công việc, nhưng sau 15 tháng 5 này anh sẽ được tin có việc ở Á Đông như anh muốn." Em nghĩ là Cúc quen bà thầy bói, đã nói với mà bà ta trước

về em để bà ta nói cho em vui. Nhưng em vẫn mong đó là sự thật.

Sáng nay em nhận được thư anh nói anh đang bị cảm cúm. Em lo cho anh. Em chợt nhớ ra bà thầy bói cũng nói rằng "anh đang đau, nhưng không có gì trầm trọng cả, có thể anh ốm tương tự, ốm vì tình yêu đó thôi." Em bớt lo.

Mong rằng thư em đến sẽ làm anh khỏe lại.

Yêu anh.

D.

Sài Gòn 05 tháng 05, 1970

Anh yêu,

Em vui mừng nhận được thư anh viết cho em từ Pittsburgh, PA. Em yêu anh và muốn được gặp anh ngay lúc này.

Em không muốn anh phải chi tiêu nhiều khi về Sài Gòn nghỉ phép. Nhưng anh nói không thành vấn đề với anh thì em rất mong được gặp anh vào tháng sáu này. Cũng không thành vấn đề đối với em nếu khi về Mỹ chúng ta sẽ ở biệt thự hay apartment. Nhưng hứa với em là không bỏ em một mình ở nhà hay tại các nước xa lạ sau này.

Tối qua em và Cúc đi xem một phim Tàu hay và em rất thích. Hai đứa mua bánh mì giò chả ngoài đường và đem vào rạp ăn. Cúc từ Hội Việt Pháp tới. Em thì từ Hội Việt Mỹ tới, không kịp thời giờ đi ăn tiệm. Sau movie, hai đứa lại đi ăn phở gà Hiền Vương. Cúc về nhà em và cho em xem thư của ông bố. G. cũng hỏi cưới Cúc. G. tưởng anh vẫn còn ở Đà Nẵng. Nếu thế thì em đã vui rồi. G. gửi lời thăm anh...

8:30 - Mẹ em vừa tới và đã về rồi. Mẹ em cho biết em gái em đính hôn sáng mai. Hôn phu của cô tốt nghiệp Đại Học Khoa Học. Mẹ em rất vui mừng và muốn đám cưới em gái em càng sớm càng tốt. Việt Nam có câu "Con gái trong nhà như bom nổ chậm", ý rằng con gái gặp gỡ bạn trai hoài có thể có bầu thì không khác bom nổ trong nhà? Đám cưới dự trừ trước khi chú rể phải nhập ngũ.

Anh yêu, khi anh có hứng viết truyện, anh nên viết ngay. Đừng phải đợi viết thư cho em xong mới viết thì mất cảm hứng đi. Em muốn anh viết thư cho em hoài, nhưng hãy lo công việc của anh trước.

Em đi ngủ đây. Yêu anh.

D.

Sài Gòn 06 tháng 05, 1970

Anh yêu,

Em mới đi bỏ một thư cho anh thì nhận được thư anh viết trước khi anh đi Washington.

Hôm nay em không viết cho anh ở sở được vì em bận phải làm công việc của một cô nghỉ một tháng...

Bây giờ là 9:30 tối. Các con em đang chạy chơi quanh em. Máy tape recorder đang phát Nhạc Việt Nam mà em mới mượn được chiều nay. Phần lớn các bản nhạc tiền chiến nghĩa là đều ra đời trước hay sau em một hai năm thôi, nhưng đều hay và em rất thích. Bài có tiêu đề "Biệt Ly" về truyện hai người trai gái yêu nhau phải giã biệt và nhớ nhau da diết buồn.

Em viết cho anh sau khi đọc một chương truyện thực mà tác giả thuật lại vụ vượt ngục cách đây 40 năm. Em

thích truyện này vì các chi tiết có thực và cảnh lạ. Đầu đề của quyển truyện là "Papillon", nguyên tác chữ Pháp, được dịch ra nhiều ngoại ngữ trong đó có Anh ngữ, chắc anh cũng đã đọc truyện này. Em đọc say mê bản dịch tiếng Việt. Bản nhạc "Lime-Light" tiếng Việt vừa bắt đầu. Em nhớ rằng anh thích bản nhạc này. Em cũng vậy.

Tình hình Sài Gòn rất xấu. Sinh viên biểu tình mỗi ngày. Họ tấn công Tòa Thượng Viện, Dinh Gia Long... Phật Giáo chia làm hai phe. Có vài xung đột tại mấy chùa lớn tại Sài Gòn, Chợ Lớn. 6 người chết. 60 người bị thương. Nhiều người bị bỏ tù.

Các trường tiểu, trung, đại học đều đóng cửa. Trẻ con em đều ở nhà. Em cũng không có lớp Hội Việt Mỹ. Giới nghiêm từ 11 giờ đêm đến 5:30 sáng.

Cái máy nhạc đã ngừng. Em buồn ngủ rồi, sẽ viết cho anh ngày mai. Hôn anh và chúc anh ngủ ngon.

D.

Sài Gòn 07 tháng 05, 1970

Anh yêu,

Sáng nay một thư của anh đã đến với em. Em mừng anh nhận được cái tẩu bằng ngà. Anh có vui ở Washington không? Em rất tiếc là anh không thể vừa ngậm tẩu, vừa đánh máy chữ được. Vậy thì anh giữ nó làm kỷ niệm nhé.

Trước đây em định xin nghỉ một tuần vào đầu tháng 5. Nhưng bây giờ em xin đổi lại là đầu tháng 6 khi anh về Sài Gòn. Chẳng có gì thay đổi ở nhà em cả. Mọi vật ở nguyên chỗ cũ đợi anh. Em sẽ hỏi về xe

thuê cho chúng ta. Chúng ta sẽ đi Vũng Tàu với trẻ con. Huyền, Thu, Nga và Ch. vẫn nói khi anh về thì mời chúng ta đi thuyền với họ. Em sẽ làm những món ăn mà anh thích.

Ngày mai là sinh Nhật của Sơn, cậu con trai thứ hai của em. Nhưng hôm nay em có party cho Sơn rồi. Em rời sở sớm đi lấy bánh sinh nhật. Khách của Sơn chỉ là anh em họ và bạn trong xóm của các con em. Tất cả đã 15 cô cậu.

Em ngạc nhiên khi Phong, cậu con trai út của em nhớ tên họ của anh: "Sao lâu Ông Senser không đến nhà mình. Ông ấy ở đâu? Ông ấy là Ông Bob, Mẹ nhớ không?" Em hỏi lại: "Con nhớ tên Ông Senser giỏi quá?" Phong sung sướng cười. Em trả lời: "Ông ta đang ở bên Mỹ. Ông ta sẽ đến nhà mình tháng sau." – "Ông ấy sẽ ở nhà mình mãi mãi không?" – "Mẹ không biết, nhưng Ông Senser sẽ ở nhà mình một tháng." Phong nhảy và reo lên vui mừng. Em nghĩ rằng Phong vui mừng vì anh không ở một tuần mà ở nhà cậu ta những một tháng.

Trẻ con và em chờ đợi anh từ bây giờ. Hẹn em gặp anh.

Yêu anh và nhớ anh.

D.



(Còn tiếp)

XIN ĐÓN ĐỌC



SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

PRINCIPAL BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB
NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn thân mẫu của nhà văn Hồng Thủy
(phu nhân của cựu Đại Tá Bùi Cửu Viên) là:

Cụ quả phụ **NGUYỄN DUY HỰU**

Nhũ danh **Anna Trần Thị An**

Sinh ngày 17 tháng 8 năm 1918
đã tạ thế ngày 8 tháng 1 năm 2018
tại tiểu bang Maryland, Hoa Kỳ

Hưởng đại thọ 100 tuổi

Tạp chí Cỏ Thơm xin thành kính phân ưu với Bà Nguyễn Thị Hồng Thủy,
Ông Bùi Cửu Viên cùng toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn Bà Anna Trần Thị An sớm được an nghỉ
nơi thiên đàng Nước Chúa.

Ban Trị Sự Cơ Sở Cỏ Thơm:

**Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Trần Bích San,
Đỗ Tràng Mỹ Hạnh**

